**Báo cáo**

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng của xã Hưng Thủy, huyện Lệ thủy, tỉnh Quảng Bình**

**MỤC LỤC**

[A. Giới thiệu chung 4](#_Toc519939133)

[1. Vị trí địa lý 4](#_Toc519939134)

[2. Đặc điểm địa hình 4](#_Toc519939135)

[3. Đặc điểm thời tiết khí hậu 5](#_Toc519939136)

[4. Xu hướng thiên tai, khí hậu 5](#_Toc519939137)

[5. Phân bố dân cư, dân số 5](#_Toc519939138)

[6. Hiện trạng sử dụng đất đai 6](#_Toc519939139)

[7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế 7](#_Toc519939140)

[B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã7](#_Toc519939141)

[1. Lịch sử thiên tai 7](#_Toc519939142)

[2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH 10](#_Toc519939143)

[3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH 14](#_Toc519939144)

[4. Đối tượng dễ bị tổn thương 14](#_Toc519939145)

[5. Hạ tầng công cộng 16](#_Toc519939146)

[a) Điện 16](#_Toc519939147)

[b) Đường và cầu cống 16](#_Toc519939148)

[c) Trường 21](#_Toc519939149)

[d) Cơ sở Y tế 21](#_Toc519939150)

[e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa 21](#_Toc519939151)

[f) Chợ 22](#_Toc519939152)

[6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) 22](#_Toc519939153)

[7. Nhà ở 23](#_Toc519939154)

[8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 24](#_Toc519939155)

[9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến 24](#_Toc519939156)

[10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý 25](#_Toc519939157)

[11. Hoạt động sản xuất kinh doanh 29](#_Toc519939158)

[12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 39](#_Toc519939159)

[13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 40](#_Toc519939160)

[14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 41](#_Toc519939161)

[15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) 28](#_Toc519939162)

[C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã29](#_Toc519939163)

[1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng 29](#_Toc519939164)

[2. Hạ tầng công cộng 30](#_Toc519939165)

[3. Công trình thủy lợi 31](#_Toc519939166)

[4. Nhà ở 32](#_Toc519939167)

[5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 32](#_Toc519939168)

[6. Y tế và quản lý dịch bệnh 33](#_Toc519939169)

[7. Giáo dục 34](#_Toc519939170)

[8. Rừng 34](#_Toc519939171)

[9. Trồng trọt 35](#_Toc519939172)

[10. Chăn nuôi 36](#_Toc519939173)

[11. Thủy Sản 37](#_Toc519939174)

[12. Du lịch 37](#_Toc519939175)

[13. Buôn bán và dịch vụ khác 38](#_Toc519939176)

[14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 39](#_Toc519939177)

[15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 40](#_Toc519939178)

[16. Giới trong PCTT và BĐKH 40](#_Toc519939179)

[17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 41](#_Toc519939180)

[D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp 42](#_Toc519939181)

[1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH 42](#_Toc519939182)

[2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH 42](#_Toc519939183)

[3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã 43](#_Toc519939184)

[4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã 44](#_Toc519939185)

[E. Phụ lục 44](#_Toc519939186)

[1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá 44](#_Toc519939187)

[2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn 44](#_Toc519939188)

[3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá 44](#_Toc519939189)

[Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai 45](#_Toc519939190)

# **Giới thiệu chung**

*Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đối khí hậuđang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.*

*Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.*

*Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).*

*Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)*

## **Vị trí địa lý**

Xã Hưng Thuỷ là một xã vùng ven của huyện Lệ Thủy thuộc diện xã nghèo bải ngang có tổng diện tích tự nhiên là 2145,23ha, diện tích đất canh tác trồng trọt, nuôi trồng thủy sản 665,4ha, trong đó đất lúa 220,19, đất màu 397 ha, ao hồ 49 ha, đất rừng sản xuất 410,30. Có tổng số hộ 1701 với 7403 nhân khẩu, được chia thành 13 thôn, trong đó có 1 thôn cách xa trung tâm xã 13km, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, có tổng số 121 hộ nghèo và 162 hộ cận nghèo còn cao so với các xã trong huyện, thu nhập bình quân đầu người đạt thấp Có ranh giới hành chínhđối với các xã.

Phía nam giáp xã Sen Thuỷ

Phía Bắc giáp xã Cam Thuỷ

PhíaĐông giáp xã Ngư Thuỷ Trung và Ngư Thủy Bắc

Phía Tây giáp xã Tân Thuỷ

Xã Hưng Thuỷ có vị trí tương đối thuận lợi về giao thông đường bộ, với trên 7km đường Quốc Lộ 1A chạy ngang qua từđầu xãđến cuối xã. Ngoài ra xã còn có một hệ thông đường liên thôn dài7km nối liền 12 thôn trên toàn xã , có chợ Mai là nơi trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao lưu buôn bán với các xã cụm quốc lộ, cụm miền biển và một số cụm phía trước

## **Đặc điểm địa hình**

Xã Hưng Thuỷ chủ yếu 2 kiểu địa hình chình là vùng đất đồi và vùng đất đồng bằng. Vùng đất đồi phù hợp cho việc trồng và phát triển cây Lâm nghiệp, loài cây lâm nghiệp được trồng chủ yếu là Keo lai và Thông nhựa, vùng đồng bằng phù hợp cho việc trồng lúa nước và một số loại cây màu như; nén, kiệu, mướp,dưa.

## **Đặc điểm thời tiết khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **TT** | **Chỉ số về** thời **tiết khí hậu** | **ĐVT** | **Giá trị** | **Tháng xảy ra** | **Dự báo BĐKH của Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5** |
| *1* | *Nhiệt độ trung bình* | *Độ C* | 24,5 |  | *Tăng 1,9oC* |
| *2* | *Nhiệt độ cao nhất* | *Độ C* | 38-39 | 5-7 | *Tăng thêm khoảng 1,3-2,6oC* |
| *3* | *Nhiệt độ thấp nhất* | *Độ C* | 19-20 | 11-12 | *Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8oC* |
| *4* | *Lượng mưa Trung binh* | *mm* | 1,500-2000 | 10-11 | *Tăng thêm khoảng 14.1 mm* |

## **Xu hướng thiên tai, khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương** | **Giảm** | **Giữ nguyên** | **Tăng lên** | **Dự báo BĐKH của Quảng Bình năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5** |
| *1* | *Xu hướng hạn hán* |  |  | *X* |  |
| *2* | *Xu hướng bão* |  |  | *X* |  |
| *3* | *Xu hướng lũ* |  |  | *X* |  |
| *4* | *Số ngày rét đậm* |  |  | X |  |
| *5* | *Mực nước biển tại các trạm hải văn* |  |  |  |  |
| 6 | *Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão* |  |  | *X* | *Khoảng 2,64%, 2.151,68ha* |

## 

## **Phân bố dân cư, dân số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Số hộ** | **Số hộ phụ nữ làm chủ hộ** | **Số khẩu** | | | **Hộ nghèo** | **Hộ cận nghèo** |
|  | **Tổng** | **Nữ** | **Nam** |  |
| 1 | **Phù Thiết 1** | 144 | 10 | 614 | 311 | 303 | 10 | 11 |
| 2 | **Phù Thiết 2** | 91 | 9 | 383 | 197 | 186 | 6 | 9 |
| 3 | **Phù Lưu** | 120 | 12 | 505 | 253 | 252 | 9 | 10 |
| 4 | **Hòa Đông** | 149 | 11 | 673 | 340 | 333 | 10 | 12 |
| 5 | **Đoàn Kết** | 176 | 13 | 794 | 407 | 387 | 12 | 15 |
| 6 | **Tương Trợ** | 161 | 12 | 689 | 348 | 341 | 11 | 13 |
| 7 | **Thắng Lợi** | 138 | 11 | 550 | 281 | 269 | 10 | 11 |
| 8 | **Đấu Tranh** | 158 | 12 | 680 | 348 | 332 | 11 | 13 |
| 9 | **Nội Mai** | 114 | 9 | 629 | 317 | 312 | 9 | 12 |
| 10 | **Phù thị** | 127 | 12 | 537 | 272 | 265 | 9 | 11 |
| 11 | **Xóm Mới** | 102 | 8 | 431 | 222 | 209 | 7 | 9 |
| 12 | **Tấy Giáp** | 166 | 13 | 779 | 397 | 382 | 11 | 13 |
| 13 | **Làng Mới** | 29 | 4 | 139 | 73 | 66 | 6 | 23 |
| **Tổng số** | | **1.701** | **136** | **7403** | **3766** | **3637** | **121** | **162** |

## **Hiện trạng sử dụng đất đai**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất (ha)** | **Số lượng (ha)** |
| **I** | **Tổng diện tích đất tựnhiên** | **2.1145,23** |
| **1** | **Nhóm đất Nông nghiệp** | **1.797,9** |
| **1.1** | **Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp** | **624,01** |
| *1.1.1* | *Đất lúa nước* | 220,19 |
| *1.1.2* | *Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)* | 48 |
| *1.1.3* | *Đất trồng cây hàng năm khác* | 364,88 |
| *1.1.4* | *Đất trồng cây lâu năm* | 35,61 |
| **1.2** | **Diện tích Đất lâm nghiệp** | **1151,69** |
| *1.2.1* | *Đất rừng sản xuất* | 410,30 |
| *1.2.2* | *Đất rừng phòng hộ* | 741,31 |
| *1.2.3* | *Đất rừng đặc dụng* |  |
| **1.3** | **Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản** | **49,325** |
| **1.3.1** | *Diện tích thủy sản nước ngọt* | 49,325 |
| **1.3.2** | *Diện tích thủy sản nước mặn/lợ* |  |
| **1.4** | **Đất làm muối** |  |
| **1.5** | **Diện tích Đất nông nghiệp khác**  *(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)* | **630** |
| **2** | **Nhóm đất phi nông nghiệp** | **250** |
| **3** | **Diện tích Đất chưa Sửdụng** | **94** |
|  | **Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng**   * Đất nông nghiệp * Đất ở | 35%  40% |

## **Đặc điểm và cơ cấu kinh tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình sản xuất** | **Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương %** | **Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)** | **Năng suất lao động bình quân/hộ** | **Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính** |
| *1* | *Trồng trọt* | 40 | 1,285 | *4 (triệu VND/năm)* | *30%* |
| *2* | *Chăn nuôi* | 25 | 950 | *15 (triệu VND/năm)* |  |
| *3* | *Nuôi trồng thủy sản* | 5 | 900 | *10 (triệu VND/năm)* | *25%* |
| *4* | *Đánh bắt hải sản* | 0 | 0 |  |  |
| *5* | *Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)* | 10 | 64 | *120 (triệu VND/năm)* | *10%* |
| *6* | *Buôn bán* | 10 | 300 | *50 (triệu VND/năm)* | *35%* |
| *7* | *Du lịch* | 0 | 0 | *0* | *0* |
| *8* | *Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v* | 10 | 70 | *55(triệu VND/năm)* | *30%* |

# **Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã**

## 

## **Lịch sử thiên tai**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | **Số lượng** | | |
| Tháng 9-tháng 11 hàng năm | **Bão** | 13 | Phù Thiết 1  Phù Thiết 2  Phù Lưu  Hòa Đông  Đoàn Kết  Tương Trợ  Thắng Lợi  Đấu Tranh  Nội Mai  Phù thị  Xóm Mới  Tấy Giáp  Làng Mới | Số người chết/mất tích: | Nam | Nữ |
| Số người bị thương: | 5 | 3 |
| Số nhà bị thiệt hại: | **300** | |
| Số trường học bị thiệt hại: | **4** | |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | 1 | |
| Số km đường bị thiệt hại: | 900m | |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | 102 | |
| Số ha ruộng bị thiệt hại: | 70 | |
| Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 2 | |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 5 | |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 10 | |
| Các thiệt hại khác…: Gia cầm  Gia súc | 6000 con  150 con | |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: | 3 tỷ đồng | |
| Tháng 10 –tháng 12 | **Lũ** |  | Phù Thiết 1  Phù Thiết 2  Phù Lưu  Hòa Đông  Đoàn Kết  Tương Trợ  Thắng Lợi  Đấu Tranh  Nội Mai  Phù thị  Xóm Mới  Tấy Giáp  Làng Mới | * 1. Số người chết/mất tích: |  |  |
| * 1. Số người bị thương: |  |  |
| * 1. Số nhà bị thiệt hại: | 60 | |
| * 1. Số trường học bị thiệt hại: | 3 | |
| * 1. Số trạm y tế bị thiệt hại: |  | |
| * 1. Số km đường bị thiệt hại: | 500 | |
| * 1. Số ha rừng bị thiệt hại: | 2 ha | |
| * 1. Số ha ruộng bị thiệt hại: | 120 | |
| * 1. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 1ha | |
| 10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 30 | |
| 1. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 4 | |
| Các thiệt hại khác…: Gia cầm  Gia súc | 25.000 con  150 con | |
|  |  | 1. Ước tính thiệt hại kinh tế: | 1,5 tỷ đồng | |
| Tháng 4- tháng 9 | **Hạn hán** |  | Phù Thiết 1  Phù Thiết 2  Phù Lưu  Hòa Đông  Đoàn Kết  Tương Trợ  Thắng Lợi  Đấu Tranh  Nội Mai  Phù thị  Xóm Mới  Tấy Giáp  Làng Mới | * 1. Số người chết/mất tích: |  |  |
| * 1. Số người bị thương: |  |  |
| * 1. Số nhà bị thiệt hại: |  | |
| * 1. Số trường học bị thiệt hại: |  | |
| * 1. Số trạm y tế bị thiệt hại: |  | |
| * 1. Số km đường bị thiệt hại: |  | |
| * 1. Số ha rừng bị thiệt hại: | 5ha | |
| * 1. Số ha ruộng bị thiệt hại: |  | |
| * 1. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 1 ha | |
| 1. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 2 ha | |
| 12. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: |  | |
| Các thiệt hại khác: Gia cầm  Gia súc | 5000con | |
| 1. Ước tính thiệt hại kinh tế: | 600 triệu | |
| Tháng 12-tháng 1 | **Rét đậm, rét hại** |  | Phù Thiết 1  Phù Thiết 2  Phù Lưu  Hòa Đông  Đoàn Kết  Tương Trợ  Thắng Lợi  Đấu Tranh  Nội Mai  Phù thị  Xóm Mới  Tấy Giáp  Làng Mới | 1. Số người chết/mất tích: |  |  |
| 2. Số người bị thương: |  |  |
| 3. Số nhà bị thiệt hại: |  |  |
| 4. Số trường học bị thiệt hại: |  |  |
| 5. Số trạm y tế bị thiệt hại: |  |  |
| 6. Số km đường bị thiệt hại: |  |  |
| 7. Số ha rừng bị thiệt hại: |  |  |
| 8. Số ha ruộng bị thiệt hại: |  |  |
| 9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 3 ha | |
| 10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: |  |  |
| 11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: |  |  |
| 12. Các thiệt hại khác: Gia cầm  Gia súc | 2500 con  14 con | |
| 13. Ước tính thiệt hại kinh tế: | 400 triệu đồng | |

## **Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[[1]](#footnote-2)** | **Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai** | **Mức độ thiên tai**  **hiện tai** | **Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050** | **Mức độ thiên tai**  **theo kịch bản** |
| *1* | *Bão* | Phù Thiết 1 | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Thiết 2 | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Lưu | Cao | Tăng | Cao |
| Hòa Đông | Cao | Tăng | Cao |
| Đoàn Kết | Cao | Tăng | Cao |
| Tương Trợ | Cao | Tăng | Cao |
| Thắng Lợi | Cao | Tăng | Cao |
| Đấu Tranh | Cao | Tăng | Cao |
| Nội Mai | Cao | Tăng | Cao |
| Phù thị | Cao | Tăng | Cao |
| Xóm Mới | Cao | Tăng | Cao |
| Tấy Giáp | Cao | Tăng | Cao |
| Làng Mới | Cao | Tăng | Cao |
| *2* | *Ngập lụt* | Phù Thiết 1 | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Phù Thiết 2 | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Phù Lưu | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Hòa Đông | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Đoàn Kết | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Tương Trợ | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Thắng Lợi | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Đấu Tranh | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Nội Mai | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Phù thị | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Xóm Mới | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Tấy Giáp | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| Làng Mới | Trung bình | Tăng | Trung bình |
| *3* | *Hạn Hán* | Phù Thiết 1 | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Thiết 2 | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Lưu | Cao | Tăng | Cao |
| Hòa Đông | Cao | Tăng | Cao |
| Đoàn Kết | Cao | Tăng | Cao |
| Tương Trợ | Cao | Tăng | Cao |
| Thắng Lợi | Cao | Tăng | Cao |
| Đấu Tranh | Cao | Tăng | Cao |
| Nội Mai | Cao | Tăng | Cao |
| Phù thị | Cao | Tăng | Cao |
| Xóm Mới | Cao | Tăng | Cao |
| Tấy Giáp | Cao | Tăng | Cao |
| Làng Mới | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Thiết 1 | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Thiết 2 | Cao | Tăng | Cao |
| Phù Lưu | Cao | Tăng | Cao |
| Hòa Đông | Cao | Tăng | Cao |
| Đoàn Kết | Cao | Tăng | Cao |
| Tương Trợ | Cao | Tăng | Cao |
| Thắng Lợi | Cao | Tăng | Cao |
| Đấu Tranh | Cao | Tăng | Cao |
| Nội Mai | Cao | Tăng | Cao |
| Phù thị | Cao | Tăng | Cao |
| Xóm Mới | Cao | Tăng | Cao |
| Tấy Giáp | Cao | Tăng | Cao |
| Làng Mới | Cao | Tăng | Cao |
| 4 | *Ngập lụt do nước dâng do bão, lũ* | Phù Thiết 1 | Thấp | Tăng | Trung |
| Phù Thiết 2 | Thấp | Tăng | Trung |
| Phù Lưu | Trung | Tăng | Trung |
| Hòa Đông | Thấp | Tăng | Trung |
| Đoàn Kết | Trung | Tăng | Trung |
| Tương Trợ | Trung | Tăng | Trung |
| Thắng Lợi | Trung | Tăng | Trung |
| Đấu Tranh | Trung | Tăng | Trung |
| Nội Mai | Trung | Tăng | Trung |
| Phù thị | Trung | Tăng | Trung |
| Xóm Mới | Trung | Tăng | Trung |
| Tây Giáp | Trung | Tăng | Trung |
| Làng Mới | Trung | Tăng | Trung |
| Phù Lưu | Trung | Tăng | Trung |
| Hòa Đông | Trung | Tăng | Trung |
| Đoàn Kết | Trung | Tăng | Trung |
| Tương Trợ | Trung | Tăng | Trung |
| Thắng Lợi | Trung | Tăng | Trung |
| Đấu Tranh | Trung | Tăng | Trung |
| Nội Mai | Trung | Tăng | Trung |
| Phù thị | Trung | Tăng | Trung |
| Xóm Mới | Trung | Tăng | Trung |
| Tấy Giáp | Trung | Tăng | Trung |
| Làng Mới | Thấp | Tăng | Trung |
| *6* | *Rét đậm, rét hại* | Phù Thiết 1 | Trung | Tăng | Trung |
| Phù Thiết 2 | Trung | Tăng | Trung |
| Phù Lưu | Trung | Tăng | Trung |
| Hòa Đông | Trung | Tăng | Trung |
| Đoàn Kết | Trung | Tăng | Trung |
| Tương Trợ | Trung | Tăng | Trung |
| Thắng Lợi | Trung | Tăng | Trung |
| Đấu Tranh | Trung | Tăng | Trung |
| Nội Mai | Trung | Tăng | Trung |
| Phù thị | Trung | Tăng | Trung |
| Xóm Mới | Trung | Tăng | Trung |
| Tấy Giáp | Trung | Tăng | Trung |
| Làng Mới | Trung | Tăng | Trung |
| Phù Lưu | Trung | Tăng | Trung |
| Hòa Đông | Trung | Tăng | Trung |
| Đoàn Kết | Trung | Tăng | Trung |
| Tương Trợ | Trung | Tăng | Trung |
| Thắng Lợi | Trung | Tăng | Trung |
| Đấu Tranh | Trung | Tăng | Trung |
| Nội Mai | Trung | Tăng | Trung |
| Phù thị | Trung | Tăng | Trung |
|  |  | Xóm Mới | Trung | Tăng | Trung |
|  |  | Tấy Giáp | Trung | Tăng | Trung |
|  |  | Làng Mới | Trung | Tăng | Trung |

## **Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH**

## 

## **D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8730.JPG**

## **Đối tượng dễ bị tổn thương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Đối tượng dễ bị tổn thương** | | | | | | | | | | | | | | |
| **Trẻ em dưới 5 tuổi** | | **Trẻ em từ 5-18 tuổi** | | **Phụ nữ có thai** | **Người cao tuổi** | | **Người khuyết tật** | | **Người bị bệnh hiểm nghèo** | | **Người nghèo** | | **Người dân tộc thiểu số** | |
| **Nữ** | **Tổng** | **Nữ** | **Tổng** | **Nữ** | **Tổng** | **Nữ** | **Tổng** | **Nữ** | **Tổng** | **Nữ** | **Tổng** | **Nữ** | **Tổng** |
| 1 | Phù Thiết 1 | *60* | *150* | *95* | *201* | *25* | *45* | *95* | *2* | *6* | *4* | *6* | *11* | *21* | *0* | *0* |
| 2 | Phù Thiết 2 | *65* | *125* | *85* | *198* | *21* | *48* | *90* | *2* | *6* | *2* | *4* | *7* | *16* | *0* | *0* |
| 3 | Phù Lưu | *63* | *120* | *126* | *230* | *32* | *45* | *86* | *3* | *5* | *3* | *5* | *13* | *10* | *0* | *0* |
| 4 | Hòa Đông | *59* | *122* | *95* | *201* | *21* | *41* | *96* | *2* | *5* | *3* | *5* | *4* | *10* | *0* | *0* |
| 5 | Đoàn Kết | *68* | *137* | *110* | *238* | *29* | *51* | *97* | *3* | *6* | *3* | *5* | *5* | *12* | *0* | *0* |
| 6 | Tương Trợ | *55* | *142* | *125* | *238* | *19* | *48* | *85* | *2* | *5* | *1* | *4* | *5* | *11* | *0* | *0* |
| 7 | Thắng Lợi | *35* | *86* | *98* | *198* | *26* | *39* | *71* | *3* | *5* | *2* | *6* | *6* | *10* | *0* | *0* |
| 8 | Đấu Tranh | *46* | *90* | *86* | *185* | *21* | *46* | *80* | *3* | *6* | *1* | *4* | *4* | *11* | *0* | *0* |
| 9 | Nội Mai | *56* | *109* | *82* | *176* | *36* | *37* | *71* | *2* | *4* | *2* | *3* | *5* | *14* | *0* | *0* |
| 10 | Phù thị | *51* | *110* | *75* | *169* | *24* | *38* | *65* | *2* | *3* | *1* | *2* | *10* | *19* | *0* | *0* |
| 11 | Xóm Mới | *42* | *96* | *65* | *156* | *19* | *32* | *74* | *1* | *3* | *2* | *3* | *5* | *11* | *0* | *0* |
| 12 | Tấy Giáp | *61* | *121* | *50* | *162* | *26* | *45* | *76* | *2* | *3* | *1* | *3* | *11* | *22* | *0* | *0* |
| 13 | Làng Mới | *16* | *35* | *32* | *65* | *8* | *10* | *29* | *1* | *2* | *1* | *2* | *12* | *21* | *0* | *0* |
|  | **Tổng** | ***677*** | ***1443*** | ***1124*** | ***2417*** | ***307*** | ***525*** | ***1015*** | ***28*** | ***59*** | ***26*** | ***52*** | ***98*** | ***188*** | ***0*** | ***0*** |

## **Hạ tầng công cộng**

### **Điện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ thống điện** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị tính** | **Hiện trạng** | |
| **Kiên cố** | **Chưa kiên cố** |
|  | Cột điện | Phù thiết 1 | 1995 | 39 Cột | 35 | 4 |
|  | Dây diện |  | 3,5Km | X |  |
|  | Trạm điện |  | 01 |  |  |
|  | Cột điện | Phù thiết 2 | 1995 | 42Cột | 38 | 4 |
|  | Dây diện |  | 3 Km | X |  |
|  | Trạm điện |  | 0 |  |  |
|  | Cột điện | Hòa Đông | 1995 | 37Cột | 32 | 5 |
|  | Dây diện |  | 3,5Km | X |  |
|  | Trạm điện |  | 0 |  |  |
|  | Cột điện | Phù Lưu | 1995 | 39Cột | 36 | 3 |
|  | Dây diện |  | 3,3Km |  |  |
|  | Trạm điện | 2012 | 01 |  |  |
|  | Cột điện | Đoàn Kết | 1995 | 45Cột | 40 | 5 |
|  | Dây diện |  | 4Km |  |  |
|  | Trạm điện | 2015 | 01 |  |  |
|  | Cột điện | Tương Trợ | 1995 | 42Cột | 36 | 6 |
|  | Dây diện |  | 3,5Km |  |  |
|  | Trạm điện | 1995 | 01 |  |  |
|  | Cột điện | Thắng Lợi | 1995 | 42Cột | 39 | 3 |
|  | Dây diện |  | 3Km |  |  |
|  | Trạm điện |  | 0 |  |  |
|  | Cột điện | Đấu Tranh | 1995 | 46 Cột | 40 | 6 |
|  | Dây diện |  | 3,1Km |  |  |
|  | Trạm điện | 2018 | 01 |  |  |
|  | Cột điện | Nội Mai | 1995 | 42Cột | 37 | 5 |
|  | Dây diện |  | 3Km |  |  |
|  | Trạm điện |  | 0 |  |  |
|  | Cột điện | Xóm Mới | 1995 | 44Cột | 37 | 7 |
|  | Dây diện |  | 3,2Km |  |  |
|  | Trạm điện | 1995, 2010 | 2 |  |  |
|  | Cột điện | Phù Thị | 1995 | 43 Cột | 40 | 3 |
|  | Dây diện |  | 3,5Km |  |  |
|  | Trạm điện |  |  |  |  |
|  | Cột điện | Tây Giáp | 1995 | 47Cột | 39 | 8 |
|  | Dây diện |  | 4Km |  |  |
|  | Trạm điện |  | 01 |  |  |
|  | Cột điện | Làng Mới | 1995 | 35Cột | 29 | 6 |
|  | Dây diện |  | 4Km |  |  |
|  | Trạm điện |  | 01 |  |  |

### **Đường và cầu cống**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đường, Cầu cống** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | | |
| **Nhựa** | **Bê Tông** | **Đất** |
|  | **Đường** |  |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | **Phù thiết 1** | 2012 | Km | 0.6 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2007 | Km |  |  | 0,6 |
|  | Đường thôn | 2014, 1995 | Km |  | 1 | 2 |
|  | Đường nội đồng | 2016 | km |  |  | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 2007 | 7cái | 3 |  | 4 |
|  | **Đường** | **Phù thiết 2** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 0.5 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2007 | Km |  |  | 0,5 |
|  | Đường thôn | 1995 | Km |  |  | 2,5 |
|  | Đường nội đồng | 2014 | km |  |  | 2 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông | 2007 | 01 cái | 1 |  |  |
|  | Cống giao thông | 2007 | 10 cái | 5 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Hòa Đông** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 0.6 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km | 0 |  |  |
|  | Đường xã | 2007 | Km |  |  | 0,8 |
|  | Đường thôn | 1995 | Km |  |  | 2 |
|  | Đường nội đồng | 2010 | km |  |  | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông | 2013 | 01 cái | 1 |  |  |
|  | Cống giao thông | 2007 | 9cái | 4 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Phù Lưu** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1,5 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện | 2014 | Km | 1,5 |  |  |
|  | Đường xã | 2007 | Km |  |  | 0,5 |
|  | Đường thôn | 1995 | Km | 0,3 | 1 | 1 |
|  | Đường nội đồng | 2016 | km |  |  | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 2007 | 8 cái | 3 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Đoàn Kết** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1,5 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2007 | Km |  |  | 1 |
|  | Đường thôn | 1995 | Km |  |  | 1,8 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 2007 | 11 cái | 4 |  | 7 |
|  | **Đường** | **Tương Trợ** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1,2 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,6 |  |  |
|  | Đường thôn | 2010 | Km | 0,6 |  | 1,8 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  |  |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 2007 | 7 cái | 3 |  | 4 |
|  | **Đường** | **Thắng Lợi** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1,3 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,8 |  |  |
|  | Đường thôn | 1995 | Km |  |  | 1 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1,6 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 1995-2017 | 10cái | 4 |  | 6 |
|  | **Đường** | **Đấu Tranh** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,3 |  |  |
|  | Đường thôn | 1995, 2017 | Km | 0,5 |  | 1 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1,6 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 1995-2017 | 10 cái | 5 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Nội Mai** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,6 |  |  |
|  | Đường thôn | 1995 | Km |  |  | 2 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 1995-2017 | 9cái | 4 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Phù Thị** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện | 2013 | Km | 1,3 |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,4 |  |  |
|  | Đường thôn | 1995 | Km |  |  | 1,5 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 1995-2017 | 8cái | 3 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Xóm Mới** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 0,8 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,5 |  |  |
|  | Đường thôn | 1995, 2017 | Km | 0,5 |  | 1,5 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1,2 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 1995-2017 | 9 cái | 4 |  | 5 |
|  | **Đường** | **Tây Giáp** |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 2012 | Km | 1,6 |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2007 | Km |  |  | 0,8 |
|  | Đường thôn | 1995, 2017 | Km |  |  | 3 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 2,5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông |  | 0 cái |  |  |  |
|  | Cống giao thông | 1995-2017 | 7cái | 2 |  | 5 |
|  | **Đường** |  |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ |  | Km |  |  |  |
|  | Đường tỉnh/huyện |  | Km |  |  |  |
|  | Đường xã | 2017 | Km | 0,8 |  |  |
|  | Đường thôn | 1987 | Km |  |  | 3 |
|  | Đường nội đồng | 2015 | km |  |  | 1 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông | 2013 | 2 cái |  |  | 2 |
|  | Cống giao thông | 2013 | 10 | 1 |  | 9 |

### **Trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trường** | **Thôn[[2]](#footnote-3)** | **Năm xây dựng** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Mầm non Hưng Thủy  Cơ sở 2 | Tương trợ,  Phù Thiết 2 | 2011  2017 | 13  3 | 10 | 3  3 |  |
|  | Trường Tiểu học Hưng Thủy  Cơ sở 2  Cơ sở 3 | Tương Trợ  Hòa Đông  Xóm Mơi | 1996-2018  1996-2018  1996-2008 | 22  3  3 | 22 | 3  3 |  |
|  | Trường THCS | Tương Trợ | 1996-2018 | 30 | 17 | 13 |  |
|  | Trương THPT | Phù Thị | 199--2017 | 42 | 36 | 6 |  |

### **Cơ sở Y tế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sởY tế** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số Giường** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | | |
|  | **Kiên cố** | **Bán**  **kiên cố** | **Tạm** |
|  | Bệnh viện[[3]](#footnote-4) |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trạm y tế | Tương Trợ | 2013 | 10 | 8 | 8 |  |  |
|  | Cơ sở khám |  |  |  |  |  |  |  |

### **Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trụ sở** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| **Kiên cố** | **Bán kiên cố** | **Tạm** |
|  | Trụ Sở UBND | Tương Trợ | 2003 | Phòng | 14 |  |  |
|  | Nhà văn hóa xã | Tương Trợ | 2003 | Cái | 1 |  |  |
|  | Nhà văn hóa thôn   * Phù Thiết 1 * Phù Thiết 2 * Phù Lưu * Hòa Đông * Đoàn Kết * Tương Trợ * Thắng Lợi * Đấu Tranh * Nội Mai * Phù thị * Xóm Mới * Tấy Giáp * Làng Mới | - Phù Thiết 1  - Phù Thiết 2  -Phù Lưu  -Hòa Đông  -Đoàn Kết  -Tương Trợ  -Thắng Lợi  -Đấu Tranh  -Nội Mai  -Phù thị  -Xóm Mới  -Tấy Giáp  -Làng Mới | 1998  1999  1999  2002  2013  2004  1999  2004  2005  2003  2004  2004  2012 | 1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1 |  | 1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1  1 |  |

### **Chợ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chợ** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
|  | Chợ huyện/xã | Phù Thị | 2002 | 01 Cái |  | 1 |  |
|  | Chợ tạm/chợ cóc |  |  | Cái |  |  |  |

## **Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | | |
| **Kiên cố** | **Bán**  **kiên cố** | **Chưa kiên cố (không an toàn)** |
|  | Đê | km | Phù thiết 1 | 2013 |  | 1 |  |
| Phù thiết 2 |  | 1 |  |
| Phù Lưu |  | 1 |  |
| Hòa Đông |  | 1 |  |
|  | Kè | Km |  |  |  |  |  |
|  | Kênh mương | Km | Phù thiết 1 | 2013 |  | 0,1 | 2 |
| Phù thiết 2 |  |  | 2 |
| Phù Lưu |  |  | 2 |
| Hòa Đông |  |  | 2 |
| Đoàn Kết |  |  | 2 |
| Tương Trợ |  |  | 2 |
| Thắng Lợi |  |  | 2 |
| Đấu Tranh |  |  | 2 |
|  | Nội Mai |  |  |  | 2 |
|  |  | Phù Thị |  |  |  | 2 |
| Xóm Mới |  |  | 2 |
|  | Tây Giáp |  |  | 2 |
| Làng Mới |  |  | 1 |
|  | Cống thủy lợi | Cái | Hòa Đông |  |  | 2 |  |
|  | Đập thủy lợi | Cái | Phù Thị | 2013 |  | 1 | 1 |
| Xóm Mới |  | 2 | 2 |
| Tây Giáp |  | 2 | 2 |
| Làng Mới |  | 2 | 2 |
|  | Trạm bơm | Cái | Tây Giáp |  |  | 1 | 1 |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tênthôn** | **Sốhộ** | **Nhàkiêncố** | **Nhàbánkiêncố** | **Nhà thiếu kiên cố** | **Nhàđơn sơ** |
| 1 | Phù Thiết 1 | 143 | 12 | 99 | 25 | 5 |
| 2 | Phù Thiết 2 | 91 | 9 | 59 | 18 | 4 |
| 3 | Phù Lưu | 120 | 14 | 78 | 22 | 4 |
| 4 | Hòa Đông | 147 | 13 | 103 | 24 | 5 |
| 5 | Đoàn Kết | 175 | 9 | 126 | 32 | 6 |
| 6 | Tương Trợ | 161 | 15 | 112 | 27 | 5 |
| 7 | Thắng Lợi | 138 | 14 | 92 | 26 | 4 |
| 8 | Đấu Tranh | 158 | 18 | 120 | 28 | 4 |
| 9 | Nội Mai | 144 | 15 | 96 | 26 | 5 |
| 10 | Phù thị | 127 | 18 | 78 | 23 | 5 |
| 11 | Xóm Mới | 102 | 9 | 65 | 22 | 5 |
| 12 | Tấy Giáp | 166 | 15 | 113 | 31 | 5 |
| 13 | Làng Mới | 29 |  | 15 | 12 | 2 |
|  | **Tổng** | ***1701*** | ***161*** | ***1155*** | ***316*** | ***59*** |

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt** | | | | | **Số hộ sử dụng nhà vệ sinh** | | |
| **Giếng**  **Đào, khoan** | **Nước máy** | **Trạm cấp nước công cộng** | **Tự chảy** | **Bể chứa nước** | **Hợp vệ sinh**  **(tự hoại, bán tự hoại)** | **Tạm** | **Không có** |
| **1** | Phù Thiết 1 | 143 | 23 | 0 | 0 | 120 | 0 | 90 | 53 | 0 |
| **2** | Phù Thiết 2 | 91 | 75 | 0 | 0 | 16 | 0 | 70 | 21 | 0 |
| **3** | Phù Lưu | 120 | 35 | 0 | 0 | 85 | 0 | 85 | 35 | 0 |
| **4** | Hòa Đông | 147 | 90 | 0 | 0 | 57 | 0 | 95 | 52 | 0 |
| **5** | Đoàn Kết | 175 | 30 | 0 | 0 | 145 | 0 | 120 | 55 | 0 |
| **6** | Tương Trợ | 161 | 35 | 0 | 0 | 126 | 0 | 126 | 35 | 0 |
| **7** | Thắng Lợi | 138 | 28 | 0 | 0 | 110 | 0 | 112 | 26 | 0 |
| **8** | Đấu Tranh | 158 | 20 | 0 | 0 | 138 | 0 | 128 | 30 | 0 |
| **9** | Nội Mai | 144 | 34 | 0 | 0 | 110 | 0 | 105 | 39 | 0 |
| **10** | Phù thị | 127 | 28 | 0 | 0 | 99 | 0 | 100 | 27 | 0 |
| **11** | Xóm Mới | 102 | 22 | 0 | 0 | 80 | 0 | 85 | 17 | 0 |
| **12** | Tấy Giáp | 166 | 34 | 0 | 0 | 132 | 0 | 122 | 44 | 0 |
| **13** | Làng Mới | 29 | 29 | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 24 | 0 |
|  | ***Tổng*** | ***1701*** | ***463*** | ***0*** | ***0*** | ***1238*** | ***0*** | ***1243*** | ***458*** | ***0*** |

## **Hiện trạng dịch bệnh phổ biến**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch bệnh phổ biến** | **Trẻ em** | **Phụ nữ** | **Nam giới** | **Trong đó Người cao tuổi** | **Trong đó Người khuyết tật** |
| 1 | Đau mắt đỏ | 60 | 25 | 20 | 25 | 10 |
| 2 | Sốt xuất huyết | 45 | 20 | 22 | 27 | 4 |
| 3 | Viêm đường hô hấp | 95 | 30 | 40 | 20 | 9 |
| 4 | Tay chân miệng | 109 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Số ca bệnh phụ khoa | 0 | 129 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Dịch bệnh về tiêu chảy | 105 | 15 | 10 | 26 | 6 |
|  | ***Tổng:*** | ***414*** | ***219*** | ***92*** | ***98*** | ***29*** |

## **Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại rừng** | **Năm trồng rừng** | **Thôn Phù thiết 1** | **Tổng diện tích (ha)** | **Tỷ lệ thành rừng** | **Các loại cây được trồng bản địa** | **Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng** | **Diện tích do dân làm chủ rừng** |
|  | Rừng ngập mặn | 0 |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 75 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 14,5 | 82% | Lầm lòi |  | 14,5 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  | 0 |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 8,8 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 115 | 100% | Rừng Thông nhữ, keo lai |  | 70 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Phù thiết 2**  - |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 59 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 13,5 | 100% | Lầm Lòi |  | 13,5 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 9 |  |  |  | 9 |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 95 |  | Rừng Thông nhữ, keo lai |  | 69 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Hòa Đông** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 70 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 14,5 | 100% | Lầm lòi |  | 14,5 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 8 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 95 | 100% | Rừng Thông nhữ, keo lai |  | 80 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Phù Lưu** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 64 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 15,5 | 100% | Lầm lòi |  | 15,5 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 7 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 96 | 100% | Rừng Thông nhữ, keo lai |  | 80 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Đoàn Kết** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 76 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 17 | 100% | Lầm lòi |  | 17 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 8 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 9 | 100% | keo lai |  | 7 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Tương Trợ** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 67 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 14 | 100% | Lầm lòi |  | 14 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 7 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 6 | 100% | keo lai |  | 6 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Thắng Lợi** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 61 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 15 | 100% | Lầm lòi |  | 15 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 6 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 2 | 100% | keo lai |  | 2 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Đấu Tranh** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 67 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 17 | 100% | Lầm lòi |  | 17 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 8 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 4 | 100% | keo lai |  | 4 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Nội Mai** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 49 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 13 | 100% | Lầm lòi |  | 13 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 8 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 4 | 100% | keo lai |  | 4 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Xóm Mới** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 34 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 10 | 100% | Lầm lòi |  | 10 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 8 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 5 | 100% | keo lai |  | 5 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Phù Thị** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 37 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  | 12 | 100% | Lầm lòi |  | 12 |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 4 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 3 | 100% | keo lai |  | 3 |
|  | Rừng ngập mặn | 0 | **Thôn Tây Giáp** |  |  |  |  |  |
|  | Rừng trên cát | 1945-2017 | 72 | 80% | Dương Liễu | 0 |  |
|  | Rừng tự nhiên |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặnnhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cátnhưng chưa trồng |  | 9 |  |  |  |  |
|  | Rừng sản xuất | 1987- 2017 | 7 | 100% | keo lai |  | 7 |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |

## **Hoạt động sản xuất kinh doanh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônPhù thiết 1** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
|  | **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  21,5  15,5  2,5  3,5  1,5 |  | 131  115  50  55  25 | 35% | Cây hoa màu chủ lực (Cây Hồ Tiêu, rau quả, lúa) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  20  45  260  600  150  20.000  500 |  | 9  18  54  56  38  8  65 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | Ha  4 Ha  Cái |  | 64 | 355% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 13 | 40% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa, ăn uống |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônPhù thiết 2** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
|  | **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  17  8,5  3,7  4  1,5 |  | 68  85  61  71  35 | 45% | Cây hoa màu chủ lực (Cây Hồ Tiêu, rau quả, lúa) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  25  50  210  800  250  25.000  600 |  | 13  28  49  63  35  37  65 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  |  |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   4 Ha   * Cái |  | 36 | 35% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  |  |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 12 | 25% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônHòa Đông** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  21  15  3  3,5  2 |  | 140  35  75  73  56 | 37% | Cây hoa màu chủ lực (Cây Hồ Tiêu, rau quả, lúa) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  24  70  400  900  220  70.000  320 |  | 10  30  39  70  109  30  65 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   4,5 Ha   * Cái |  | 31 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 17 | 20% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa,ăn uống |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônPhù Lưu** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  16  7  3  3,7  1 |  | 95  67  40  72  45 | 30% | Cây hoa màu chủ lực ( rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  16  36  250  900  260  70.000  500 |  | 8  12  35  70  63  19  65 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   4 Ha   * Cái |  | 26 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 17 | 30% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa, ăn uống |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônĐoàm Kết** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  9,75  9,75  2,5  2  1 |  | 155  146  120  112  45 | 42% | Cây hoa màu chủ lực (Nén, Kiệu, Mướp Đắng, rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  35  55  800  1.500  200  230.0000  200 |  | 18  26  19  26  32  35  32 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   4,5 Ha   * Cái |  | 24 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 17 | 45% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa, Ngành nghề |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônTương Trợ** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  21,5  10,25  1,9  2,5  1 |  | 145  125  75  56  28 | 55% | Cây hoa màu chủ lực (Nén, Kiệu, Mướp Đắng, rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  26  65  205  700  210  80.000  100 |  | 13  30  54  28  23  18  25 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   3,5 Ha   * Cái |  | 35 | 35% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 20 | 40% | Ngành nghề: SX am khám, Buôn bán tạp hóa, dịch vụ ăn uống |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn Thắng Lợi** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  16,86  11,25  2  3  1 |  | 120  115  65  34  31 | 40% | Cây hoa màu chủ lực (Nén, Kiệu, Mướp Đắng, rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  31  85  300  3.000  300  20.000  150 |  | 15  40  26  39  28  18  35 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   3,5 Ha   * Cái |  | 37 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 17 | 35% | Ngành nghề: Mộc nề,Dịch vụ ăn uống, buôn bán |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônĐấu Tramh** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  17  11,25  2,7  1,8  1 |  | 135  115  69  29  26 | 40% | Cây hoa màu chủ lực (Nén, Kiệu, Mướp Đắng, rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  40  90  400  900  230  5.000  300 |  | 16  29  39  25  39  62  55 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   3,5 Ha   * Cái |  | 39 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 1 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 19 | 20% | Ngành nghề:SX am khám, mộc nề Buôn bán tạp hóa |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônNội Mai** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  20,45  7  1,9  2,3  1 |  | 125  67  53  69  27 | 35% | Cây hoa màu chủ lực (Nén, Kiệu, Mướp Đắng, rau quả, lúa) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  21  31  400  1.5000  320  30.000  200 |  | 9  10  36  28  29  31  45 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   3 Ha   * Cái |  | 56 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 25 | 20% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa, buôn bán hàng hóa |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônPhù thị** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  6,45  2  1  1,5 |  | 68  38  21  26 | 30% | Cây hoa màu chủ lực ( rau quả, lúa) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  15  25  150  700  140  30.000  200 |  | 6  10  55  50  62  26  33 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   2,5 Ha   * Cái |  | 35 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm | 3 | 3 | 33% |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 99 | 60% | Ngành nghề: Kinh doanh buôn bán, ăn uống |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn Xóm Mới** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  14,1  10,5  2  2,5  1 |  | 85  66  34  39  27 | 40% | Cây hoa màu chủ lực rau quả, lúa | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  16  50  300  800  270  5.000  200 |  | 7  21  51  70  63  69  37 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   3 Ha   * Cái |  | 43 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 27 | 45% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa, ăn uống |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **ThônTây Giáp** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  18,7  7,5  2,5  3  1 |  | 145  91  45  39  32 | 40% | Cây hoa màu chủ lực (Nén, Kiệu, Mướp Đắng, rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  26  95  320  2.500  400  120.000  205 |  | 12  43  54  52  61  37  45 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha   5 Ha   * Cái |  | 36 | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 30 | 45% | Ngành nghề: Buôn bán kinh doanh các mặt hàng như gà, vịt |  |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn Làng Mới** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
| **Tiềm năng phát triển** | **Tỷ lệ (%) thiệt hại** |
|  | Trồng trọt   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | Ha  3  3  4  4  1 |  | 29  29  29  29  29 | 30% | Cây hoa màu chủ lực (Cây Nghệ, hồ tiêu, rau quả) | 70% |
|  | Chăn nuôi   * Gia súc:   Trâu  Bò  Lơn   * Gia cầm   Vit  Ngan  Gà  Bồ Câu | Con  15  35  100  400  210  3.000  200 |  | 6  8  29  29  29  29  24 | 40% | Trâu, Bò, Lơn, Gà là chủ lực | 65% |
|  | Thủy Hải Sản Đánh bắt   * Người dân đi biển * Tàu thuyền gần bờ * Tàu thuyền gần bờ | Hộ  Tàu  Tầu |  | 0 |  |  |  |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng   * Bãi nuôi * Ao, hồ nuôi * Lồng bè | * Ha * Ha * Cái |  |  | 25% |  |  |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm |  | 0 |  |  |  |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  |  | 3 | 20% | Ngành nghề: Buôn bán tạp hóa |  |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Địa bàn Thôn** |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 77,8 | Toàn xã |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 77,8 | Toàn xã |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | Loa | 04 |  |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100% | Toàn xã |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 |  |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Hộ | 0 |  |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 1020 |  |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | ***Loại hình*** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | *Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm* | Thôn | 13/13 | Phù Thiết , Phù Thiết 2, Phù Lưu, Hòa Đông, Đoàn Kết, Tương Trợ, Thắng Lợi, Đấu Tranh, Nội Mai, Phù thị, Xóm Mới, Tây Giáp, Làng Mới |
| 2 | *Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm* | Trường | 4/4 | Trường THPT Trần Hưng Đạo, Trường THCS Hưng Thủy, Trường Tiểu Học Hưng Thủy, Trường Mầm Non Hưng Thủy |
| 3 | *Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã* | Lần | 3 |  |
| 4 | *Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã* | Người | 28 |  |
|  | * *Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì* | Người | 4 Tuyên truyền |  |
|  | * *Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu* | Người | 2 nữ |  |
| 5 | *Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã* | Người | 78 |  |
|  | * *Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì* | Người | 15 | Phụ nữ tham gia làm công tác hậu cần, sơ cấp cứu và làm công tác tuyên truyền vận động sơ tán, di dời, khắc phụ hậu quả sau thiên tia |
| 6 | *Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng* | Người | 18 |  |
|  | * *Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì* | Người | 3 | Phụ nữ tuyên truyền vận động các hộ người già neo đơn, phụ nữ làm chủ hộ chuẩn bị lương thực, nước uống và kê kích các đồ vật lên cao |
| 7 | *Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:* |  |  |  |
|  | * *Ghe, thuyền:* | Chiếc |  |  |
|  | * *Áo phao* | Chiếc |  |  |
|  | * *Loa* | Chiếc | 13 |  |
|  | * *Đèn pin* | Chiếc | 1000 |  |
| 3 | * *Máy phát điện dự phòng* | Chiếc | 40 |  |
|  | * *Lều bạt* | Chiếc |  |  |
|  | * *Xe vận tải* | Chiếc | 95 | 13/13 thôn |
| 8 | *Số lượng vật tư thiết bị dự phòng* |  |  |  |
|  | * *Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ* | Đơn vị |  |  |
| 9 | *Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ* | Đơn vị | 1 |  |
| 10 | *Khác....* |  | 0 |  |

1. **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác :**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt**  **Hạn hán**  **Rét** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Lúa ở vùng ngập lụt trũng thấp 10ha,vụ đông xuân lúa gieo cấy ảnh hưởng của rét đậm 10 ha  - Vụ hè thu bị hạn hán không có nước tưới 03 ha, công cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - Lúa là cây chủ lực chính của địa phương, có đê bao bảo vệ vùng ruộng, sản xuất lúa theo thời vụ, có 01 trạm bơm cấp nước, tiêu úng | - Lúa bị ngập lút, mất trắng  -Thiếu nước sản xuất vào mùa khô | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Chưa có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn để hỗ cho người dân trong sản xuất  - Không có phương tiện ứng cứu khi lũ tiễu mãn ảnh hưởng đến vụ lúa | **\*Tổ chức xã hội:**  - Cán bộ nông nghiệp và khuyến nông giúp đỡ nhân dân trong lịch thời vụ, cung cấp thuốc bảo vệ thực vật diệt chuột  - Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho người dân về hoạt động trồng lúa  - Công tác tuyên truyền về tình hình diễn biến thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động sả xuất trồng lúa của chính quyền thường xuyên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Diện tích lúa còn manh mún không áp dụng khoa học kỹ thuật, máy móc lớn vào sản xuất  - Chưa tìm hiểu về giống lúa chống chịu thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi từ trồng lúa 2 vụ sang 1 vụ và để tái sinh  - Bón tro chống rét cho lúa  - Cơ cấu cây trồng theo từng vùng |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Có 2,5 ha ở vùng thấp trũng, hệ thống kênh mương chưa kiên cố bằng đất sỏi, chưa có trạm bơm nước ở khu vực ruộng cạn, 3 ha bị chết khi gieo gặp rét | **\*Vật chất:**  - Có 15,1 ha ruộng lúa, lúa là cây chủ lực chính của người dân  - Nguồn nhân lực có sẵn trong mỗi gia đình  - Vùng lùng tréo 2,5 ha đã có trạm bơm tiêu nước trong thôn có 02 máy cày | - Nguy cơ 2,5 ha lúa ở vùng thấp trũng ngập úng, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức nào hỗ trợ công cụ sản xuất cho người dân trong việc trồng và thu hoạch  - Chưa có mô hình sản xuất sinh kế trong hoạt động trồng,chăm sóc và quản lý  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí  - Ban nông nghiệp thường xuyên bám sát lịch mùa vụ và bệnh trên lúa  - Hỗ trợ tiền lúa nước cho các thôn đắp đê, hỗ trợ giống lúa mới thử nghiệm 5.000đ/kg cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ chưa có ý thức trong việc trồng và chăm sóc lúa, chưa chủ động nắm tình hình diễn biến thời tiết để chủ động trong việc thu hoạch | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi có bão, ngập lụt người dân chủ động trong việc thu hoạch lúa sớm tránh bị ảnh hưởng của thiên tai |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Có 2ha lúa ở vùng gập úng, hệ thống tiêu nước chưa đáp ứng khi mùa mưa lũ, mùa rét gây chết giống, cơ cấu thời vụ nằm trong mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  - Có phương tiện máy móc chủ dộng trong việc gieo trồng và thu hoạch (máy hút nước)  - Lúa là tiềm năng phát triển chính của địa phương | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Các đoàn thể chưa tích cự giúp đỡ nhân dân trong việc phòng chống thiên tai do lúa  - Chính quyền chưa hỗ trợ người dân thành lập các tổ, nhóm sinh kế, trồng, chăm sóc lúa  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư sản xuất trên diện tích còn manh mún | **\*Tổ chức xã hội:**  - Khuyến nông và đoàn thể thôn được tập huấn và có kinh nghiệm trong việc phòng chóng thiên tai(tập huấn SRI)  - UBND huyện hổ trợ giống chết do rét, tổ chức diệt chuột đồng loạt khi chuột phá hoại, xây dựng lịch thời vụ cơ cấu cây trồng cho từng vùng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tư tưởng một số người dân không muốn canh tác lúa vì hiệu quả kinh tế kém | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trong việc PCTT cho lúa ( khơi thông kênh mương đắp đập) |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Có 15ha lúa bị thiệt hại do tiểu mãn gây ra, không có hệ thống tưới tiêu để chống hạn nên không sản xuất vụ hè thu được, - diện tích đất ruộng nằm trong vùng trũng, thấp | **\*Vật chất:**  - Người dân chủ động sử dụng phương tiện thu hoạch lúa khi bị ngập úng, cây lúa là nguồn thu nhập chính của người dân  - Hỗ trợ các dịch vụ sản xuất như thuốc diệt chuột | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ngân hàng nông nghiệp cho vay 50 triệu/hộ phải thế chấp  - Số hộ sản xuất nhiều, nguồn vốn ít, chỉ tiêu xét chọn có giới hạn  - Người dân đang còn thiếu quan tâm trong sản xuất, còn trong chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có ban nông nghiệp chủ động sản xuất xây dựng lịch thời vụ tránh lũ tiểu mãn phù hợp hàng năm hổ trợ cho bà con thực hiện  - Tổ chức các lớp tập huấn trồng lúa cho 70% hộ dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Bỏ sản xuất trồng lúa vụ hè thu mà để hoang một số diện tích không có nguồn nước tưới | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tận dụng để thu hoạch lúa tái sinh,có máy đập liên hợp ít bị ảnh hưởng của lụt gây ra |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa nằm vùng thấp trũng, nên khó khăn trong việc tiêu nước, hệ thông kênh mương nhỏ, bằng đất dẫn nước kém, 70% diện tích lúa bị ngập lụt, mất trắng | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa khoảng 20,56ha, có cơ sở bán phân bón và thuốc trừ sâu trên địa bàn, có máy tuốt lúa, các tuyến đường nội đồng được mở rộng thuận lợi trong việc chăm sóc và gieo sạ | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Do địa hình vùng miền trung, thời tiết phân biệt rõ 2 mùa mưa nắng nên ảnh hưởng đến sản xuất  - Các xứ đồng không gặp được máy vì các đoạn bờ hẹp, ruộng lầy, máy không vào được  - Thu hoạch lúa bằng thủ công, thuê xe công ngông chở về, đưa máy thổi | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn thu nhập chính của người dân từ cây lúa  - Các tổ chức thôn có nguồn quỹ để cho các hộ sản xuất vay để phát triển sản xuất lãi suất thấp  - UBND xã thăm đồng để đánh giá chất lượng từng thôn/hộ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Triễn khai sản xuất thụ động để tránh dịch bệnh thiên tai |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống kênh mương kiên cố để tưới tiêu  - Nguồn nước tưới tiêu phụ thuộc vào thiên nhiên  - 30% lúa nằm ở vùng thấp trũng  - Dụng cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - ½ diện tích lúa nằm ở vùng cao  - Giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao trong thôn có 01 máy vày  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân | Nguy cơ ngập úng giảm năng suất | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai  - Sản xuất nông nghiệp manh mún,chưa dồn điền đổi thửa nên hiệu quả sản xuất kém, người dân chưa mạnh dạn vay vốn sản xuất, thiên tai xảy ra người dân chưa có biết cách phòng chống | **\*Tổ chức xã hội:**  - 90% phụ nữ tham gia hoạt động trồng lúa, thu nhập chính từ trồng lúa  - Khuyến nông hướng dẫn người dân và phân bổ lịch mùa vụ phù hợp với thời tiết  - Ban nông nghiệp thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở bà con  - Xã nằm trong diện bãi ngang nên huyện hổ trợ một phần kinh phí mua giống thủy lợi phí để sản xuất |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất  - Chưa quan tâm đầu tư cho trồng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi sản xuât vụ hè thu sang lúa tái sinh để tránh hạn hán và ngập lụt  - Triển khai sản xuất thụ động để tránh dịch bệnh thiên tai |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Các xứ đồng phân chia nhỏ lẻ, không tập trung khó khăn trong việc trồng và chăm sóc lúa, không có máy gặt | **\*Vật chất:**  - Diện tích sản xuất trồng lúa khoảng 19ha, có cơ sở bán phân thuốc trừ sâu phân bón trên địa bàn thôn, có máy cày và máy tuốt lúa | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai  - Nguồn phân bón đầu tư cây trồng thiếu, năng suất lúa thấp  - Ngân hàng chính sách cho vay vốn sản xuất nhưng một số người dân không vay lý do sợ không có nguồn để hoàn trả gốc và lãi suất 6,5%/năn cho hộ nghèo, 7%/năm cho người dân, giới hạn về số tiền (20 triệu/hộ) | **\*Tổ chức xã hội:**  - Lúa là tiềm năng phát triển kinh tế của địa phương, tham gia hoạt động trồng lúa phụ nữ chiếm 95%  - Chính quyền xã tổ chức các đợt ra quân diệt chuột, dịch bệnh đồng loạt  - UBND huyện tổ chức tập huấn cho người dân về nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân trồng lúa phụ thuộc vào nước trời  - Thời tiết thất thường, khó dự đoán chính xác để gieo trồng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm theo dõi thời tiết, bám theo lịch, tránh lũ tiểu mãn giảm thiệt hại |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  - Thiếu hệ thống kênh nương thoát nước, khi mùa mưa lũ gây ngập úng, chết lúa, gặt lúa thì lúa lên mộng, các loại cây giống người dân tự mua, lúa ngập lụt tiểu mãn làm mất trắng 100%, cơ sở vật chất sản xuất còn thô sơ, chưa có cơ sở bán phân bón trên địa bàn thô | **\*Vật chất:**  - Các hộ dân trồng lúa ở vùng cao, đất đai màu mở phù hợp cho việc trồng nén,kiệu,mướp, có 4,5 ha trồng hoa màu | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có chính sách hỗ trợ vốn vay cho người dân, chưa tập huấn cho các hộ dân về trồng trọt lúa và hoa màu  - Thôn chưa có hợp tác xã Nông nghiệp, nên chưa có đơn vị, tổ chức đứng ra đảm bảo đầu ra sản phẩm từ nông nghiệp  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền hướng dẫn cho người dân đổi lịch mùa vụ để thu hoạch lúa trước mùa mưa bão, ngập lụt, khi bị ngập lụt nhà nước hỗ trợ 700.000 đồng/ha/hộ, huyện hỗ trợ giống cho các hộ khi bị mất mùa do ngập lụt một phần hạt giống, cơ cấu giống theo vùng miền  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân  - 90% phụ nữ tham gia hoạt động sản xuất trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, thu nhập chính của người dân từ trồng lúa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chủ yếu bằng thủ công, kinh nghiệm hàng năm chưa có  - Thời tiết khắc nghiệt, mưa lớn kéo dài, lượng nước nhiều gây ngập lụt | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm phân bố các loại cây qua thời vụ  - Đất đâi phì nhiêu cây sẽ phát triễn nhanh |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống kênh mương kiên cố để tưới tiêu, nguồn nước tưới tiêu phụ thuộc vào thiên nhiên, 60% lúa nằm ở vùng thấp trũng, dụng cụ sản xuất thô sơ, thời tiết thiên tai khắc nghiệt, dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của người dân | **\*Vật chất:**  - 40% diện tích lúa nằm ở vùng cao  - Giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao trong thôn có 01 máy cày, diện tie1ch lúa trên địa bàn là tiềm năng phát triển kinh tế của thôn | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng hoạc giảm năng suất | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có kế hoạch dồn điền đổi thửa, tham gia hợp tác để đầu tư sản xuất phòng chống thiên tai sản xuất nông nghiệp manh mún nên hiệu quả sản xuất kém  - Khi có thiên tai xảy ra, người dân chưa biết cách phòng ngừa và ứng phó trong hoạt động trồng lúa  - Người dân chưa mạnh dạn vay vốn sản xuất nông nghiệp, khó tiếp cận nguồn vốn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban nông nghiệp thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở bà con, hướng dẫn phân bổ lịch mùa vụ phù hợp với thời tiết  để người dân sản xuất  - Xã nằm trong diện bãi ngang nên huyện hỗ trợ một phần kinh phí mua giống thủy lợi phí để sản xuất  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân  - Công tác tuyên truyền cho người thực hiện theo đúng lịch mùa vụ được của chính quyền thường xuyên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất  - Chưa quan tâm đầu tư cho trồng lúa, thời tiết nắng nóng kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất của người dân | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi sản xuât vụ hè thu sang lúa tái sinh để tránh hạn hán và ngập lụt |
| **Hòa Đông** |  | **\*Vật chất:**  - Có 10 ha diện tích lúa nằm ờ Bầu Đưng, khe Bầu, Đồng Cung, địa bàn vùng trũng, thấp thường ngập lụt 8,5 ha lúa giảm năng suất, 1,5 ha lúa nằm vùng khe Bầu bị hạn hán, 2 ha lúa ở Đồng Cung gieo không lên mầm do rét, có kênh tưới bằng đất 2 m, phục vụ cho 02 đồng Khe Bầu và Đồng Cung, dụng cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - Tổng diện tích 21ha, diện tích lúa chia theo khẩu lúc có mặc ở thời điểm chia  - Trong thôn có 02 máy cày, từng bước đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, nguồn thu nhập chính của người dân từ cây lúa |  |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Số lượng hộ sản xuất nông nghiệp tham tập huấn về nông do UBND huyện tổ chức ít (5 hộ/thôn tham gia, 2-3 tổ chức 01 lần)  - Giống lúa người dân giữ lại để tự làm, không mua giống của Công ty giống cây trồng Quảng Bình, nên giống không đảm bảo chất lượng, phát triển chậm ảnh hưởng đến sâu bệnh  - Công tác tuyên truyền về dịch bệnh trên cây lúa do ảnh hưởng thời tiết đến sản xuất của người dân chưa được chính quyền tuyên tuyền thường xuyên | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND huyện hỗ trợ giống cho hộ có diện tích lúa thiệt hại do (5.000đ/kg lúa giống)  - Nhà nước hỗ trợ thủy lợi phí cho người dân  - Chính quyền hỗ trợ kinh phí để làm kênh mương nội đồng  - UBND xã có lịch thời vụ hướng dẫn cho bà con trước khi gieo cấy, cơ cấu cây trồng theo từng vùng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân ít quan tâm đến trồng lúa do thu nhập lúa thấp, đi làm ăn xa  - Một số hộ không có nguồn vốn để mua lúa giống và phân bón | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trồng lúa lâu năm, chấp hành theo lịch thời vụ của chính và có sự giám sát của chính quyền |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Có 1ha vùng thấp trũng, diện tích này đều bị ảnh hưởng hạn hán, bão, hệ thống kênh mương chưa đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất, dụng cụ sản xuất thôn sơ chưa có máy để gặt lúa | **\*Vật chất:**  - Có 4,56 ha vùng cao, vùng lúa nằm ven đồi trên cao nên khi ngập lụt đến không bị ảnh hưởng  - Trong thôn đa số cắt lúa bằng tay, tận dụng công nhàn rỗi để sản xuất, nguồn thu chính từ trồng lúa | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi được các tổ chức đầu tư hỗ trợ xây dựng các hệ thống kênh mương, đê đập kiên cố trên địa bàn  - Chưa tổ chức các lớp tập huấn trồng trọt, chuyển đổi khoa học kỹ thuật cho người dân còn ít  - Chưa có tổ chức nào đứng ra hỗ trợ để bà con bao tiêu sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND huyện hỗ trợ giống cho hộ dân có diện tích lúa thiệt hại do bị rét, và hỗ trợ thủy lợi phí cho người dân để làm kênh mương nội đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp  - Phụ nữ tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm 90%  - Chính quyền thường xuyên tuyên truyền cho người thực hiện theo đúng lịch mùa vụ, và theo dõi tình hình diễn biến thời tiết để gieo trồng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ dân chưa có ý thức chăm sóc vụ lúa  - Chưa áp dụng giống lúa theo quy hoạch vùng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - UBND xã xây dựng lịch thời vụ, thường xuyên tuyên truyền vận động người dân tổ chức diệt chuột đồng loạt dịch bệnh cho hộ dân |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa 17 ha bị ảnh hưởng do bão, dụng cụ chủ yếu dùng làm ruộng thô sơ, kênh mương chưa đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, toàn bằng đất | **\*Vật chất:**  - Theo mùa vụ mùa bão lũ đã thu hoạch  - Trong thôn có 2 máy cày nhỏ để giúp bà con cày, trồng 17 ha. Lúa là tiềm năng phát triển kinh tế trên địa bàn thôn | Nguy cơ bị thiệt hại về lúa nếu bão xãy ra sớm | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi đầu tư trang thiết bị máy móc cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp  - Chưa có tổ chức nào hỗ trợ bà con sản xuất  - Có hỗ trợ những hộ thiệt hại do bão nhưng không đáng kể  - Chính quyền chưa thường xuyên tuyên truyền cho người dân về tình hình thời tiết khắc nghiệt, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp như các dịch bệnh sâu rầy trên cây lúa | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban nông nghiệp xã bám sát lịch mùa vụ của huyện và chủ động chuyển lịch phù hợp  - Thôn tổ chức hội nghị của thôn thông báo lịch thời vụ  - Số phụ nữ tham gia hoạt động trồng lúa chiếm khoảng 65%  - Ngân hành chính sách hỗ trợ cho người dân vay vốn để sản xuất nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Còn 04 hộ chưa có ý thức gieo trồng theo mùa vụ vì chủ quan  - Chưa áp dụng giống lúa theo quy hoạch vùng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Theo quy luật mưa bão hàng năm các hộ bám sát mùa vụ và chủ động chuyển đổi để đảm bảo sản xuất  - Các hộ áp dụng giống lúa đạt năng suất theo quy hoạch của UBND xã |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Có 3ha diện tích lúa 1 vụ đông xuân bị ảnh hưởng của lúa tiểu mãn làm ngập úng giảm năng suất, 30% diện tích lúa giảm năng suất do rét, hệ thống kênh mương và dụng cụ thô sơ chưa đảm bảo cho hoạt động sản xuất trồng lúa | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa sản xuất trên địa bàn thôn, giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp  - Chưa có tổ chức nào đứng ra đảm bảo dầu ra của nông sản | **\*Tổ chức xã hội:**  - Huyện hỗ trợ giống khi bị mất mùa do lụt, và thuốc diệt chuột cho người dân  - Khuyến nông xã và nông nghiệp xã hướng dẫn người dân cách chóng rét cho lúa  - Ngân hành chính sách hỗ trợ cho người dân vay vốn để sản xuất nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chủ yếu sản xuất bằng thủ công tự phát, chưa nắm bắt kịp thời diễn biến thời tiết ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tự chọn giống cây phù hợp với địa bàn |

**Nhận xét:** Lúa là cây trồng tiềm năng phát triển kinh tế của xã, diện tích lúa nằm vùng thấp trũng, thời tiết khắc nghiệt, sản xuất còn manh mún, lúa chủ yếu một vụ đông xuân do chưa chủ động được nguồn nước, hệ thống kênh nhỏ, hẹp bằng đất cát, giống lúa chưa đồng bộ giữa các cánh đồng, người dân đa phần chưa chủ động chăm sóc và trồng trọt theo đúng lịch thời vụ, dịch bệnh trên lúa thường xuyên xảy ra, người dân chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chưa có tổ chức nào đứng ra bao tiêu đầu ra của sản phẩm từ nông nghiệp

## **Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ** | **Thôn Phù thiết 1** | **Thôn Phù Thiết 2** | **Thôn Hòa Đông** | **ThônPhù Lưu** | **Thôn Đoàn Kết** | **Thôn Tương Trợ** | **Thôn Thắng Lợi** | **Thôn Đấu tranh** | **Thôn Nội Mai** | **Thôn Xóm mới** | **Thôn Phù thị** | **Thôn Tấy Giáp** | **Thôn Làng Mới** | **Khả năng của xã**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| 1 | Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | 93% | 92% | 91% | 93% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 88% | Cao |
| 2 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | * Điện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | Cao |
|  | * Đường và cầu cống | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | Cao |
|  | * Trường | 70% | 0 | 0 | 0 | 0 | 70% | 0 | 0 | 0 | 70% | 0 | 0 | 0 | Cao |
|  | * Trạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 65% | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | Cao |
|  | * Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 80% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | Cao |
|  | * Chợ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 30% | 0 | 0 | Cao |
| 3 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | 30% | Cao |
| 4 | Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | 10% | Cao |
| 5 | Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | 95% | Cao |
| 6 | Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế  Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | 25% | Cao |
| 7 | Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | 70% | Cao |
| 8 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | 40% | Cao |
| 9 | Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | 90% | Cao |
|  | **Khả năng của thôn**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* | Cao: | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao | Cao |

**Nhận xét :** Là xã bãi ngang nghèo, thu nhập chính của người dân là sản xuất nông nghiệp, lúa chỉ làm 01 vụ/năm, hệ thống cơ sở hạ tầng và thủy lợi chưa được kiên cố hóa, nhà đơn sơ, tạm và thiếu kiên cố nhiều, tỷ lệ nhóm đối tượng dễ bị tổn thương cao, người dân thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu nhưng ý thức người dân vẫn còn chủ quan, chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, chỉ dựa vào kinh nghiệm hàng năm khi thiên tai xảy ra trên địa bàn

# **Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã**

## **Rủi ro với dân cư và cộng đồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Địa hình vùng trũng, thấp thường ngập lụt, chưa có nhà tránh trú an toàn cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, ngập lụt giao thông đi lại khó khăn, không có phương tiện thuyền, đò đi lại sơ tán người dân, thiếu các dụng cụ sơ cấp cứu để sơ cứu người dân, Tài sản của người dân hư hỏng, mất mát, dịch bệnh ở người xảy ra | **\*Vật chất:**  - Tận dụng các nhà hộ dân ở vùng đồi cao để di dời, sơ tán người dân  - Địa bàn gần Quốc lộ 1A dễ sơ tán | - Nguy cơ chết người, bị thương  -Thiếu phương tiện để sơ tán người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 283 trẻ em dưới 16 tuổi, 26 phụ nữ mang thai, 76 người cao tuổi, 3 khuyết tật, 3 bệnh hiểm nghèo, 22 người nghèo  - Chính quyền chưa kêu gọi, hỗ trợ phủ sóng hệ thống truyền thanh, phương tiện cứu hộ, cứu nạn trong công tác PCTT (ghe, thuyền, máy cưa, máy nỗ ….)  - Thanh niên đi làm ăn xa, không có lực lượng dân quân, cơ động gúp người dân sơ tán | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có lực lựợng Công an, Quân sự xã, số lượng 02 người, hỗ trợ giúp đỡ người già, bệnh hiểm nghèo di dời, sơ tán  - Chính quyền thông báo tình hình diễn biến trước và sau thiên tai cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có nhận thức nhưng chỉa dựa vào kinh nghiệm, khoảng 70% người dân chưa biết bơi, chưa chấp hành thông báo sơ tán khi bão lũ vì lo bảo vệ tài sản, thiên tai xảy ra bất ngờ, người dân không lường trước được, 100% người dân chưa được tập huấn nghiệp vụ phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân dựa vào kinh nghiệm hàng năm bão lũ xảy ra, có 30% người dân biết bơi |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Người dân sống vùng trũng thấp, thiếu tiếp cận thông tin, thiếu lương thực thực phẩm, chưa có nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương sơ tán, nhà thiếu kiên cố, đơn sơ | **\*Vật chất:**  - Sử dụng trường học kiên cố ở khu vực Bình Minh để sơ tán người dân đến trú ẩn | - Nguy cơ chết, bị thương  - Thiếu nhà tránh trú an toàn | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - chính quyền và người dân chưa được tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng PCTT  - Có 252 trẻ em dưới 16 tuổi, 19 phụ nữ mang thai, 74 người cao tuổi, 3 khuyết tật, 3 bệnh hiểm nghèo, 11 người nghèo lực lượng thanh niên đi làm ăn xa  - Lực lượng thanh niên trên địa bàn nhiều, tuy nhiên vì điều kiện kinh tế nên một số đã đi làm ăn xa, việc huy động để giúp dân sơ tác, di dời gặp nhiều khó khăn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn có thành lập lực lượng tổ An ninh xung kích, lực lượng dân quân tại chổ và các lực lượng khác sẵn sàng ứng phó khi có thiên tai xảy ra  - Chính quyền thường xuyên thông tin về tình hình diễn biến thời tiết để người dân kịp sơ tán, di dời |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa biết kỹ năng bơi, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Có 85% người dân có ý thức di dời, sơ tán khi có thiên tai xảy ra |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Đối tượng dễ bị tổn thương đa số ở vùng trũng thấp, thiếu lương thực khi bão lũ xảy ra  -Chưa có nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương sơ tán, thiếu phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | **\*Vật chất:**  - Sử dụng các trụ sở cơ quan, trường học để tránh trú an toàn cho người dân | **-**  Nguy cơ chết người bị thương thiếu nhà tránh trú an toàn  - Nguy cơ người dân thiếu lương thực | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác PCTT, phát huy phương châm 4 tại chỗ  - Có 279 trẻ em dưới 16 tuổi, 24 phụ nữ mang thai, 65 người cao tuổi, 3 khuyết tật, 2 bệnh hiểm nghèo, 19 người nghèo - Chính quyền kho huy động lực lượng dân quân để hỗ trợ người dân khi có thiên tai xảy ra do lực lượng này đi làm ăn xa | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập đội xung kích giúp sơ tán dân, chính quyền điện thoại và thông báo rộng rãi cho người dân về tình hình diễn biến thời tiết để người dân chuẩn bị ứng phó với bão, ngập lụt |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhóm đối tượng dễ bị tổn thương chưa biết bơi và còn chủ quan không chịu dị dời | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 80 % người dân có ý thức trong việc di dời, sơ tán khi có thiên tai xảy ra |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Đối tượng dễ bị tổn thương chủ yếu sống trong vùng trũng thấp, nhà thiếu kiên cố; thôn chưa có nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương, thiếu lương thực, thực phẩm vào vận dụng sinh hoạt cho đối tượng bị tổn thương khi có thiên tai, biến đổi khí hậu xảy ra | **\*Vật chất:**  **-** Sử dụng các nhà kiên cố như trường học, trụ sở UBND xã để tránh trú cho các đối tượng dễ bị tổn thương | - Nguy cơ thiếu nơi tránh trú an toàn  - Thiếu đói hưởng đến cuộc sống của người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa xây dựng kế hoạch chị đạo cụ thể kiên quyết trong việc di dời người dân  **-** Lực lượng thanh niên dân quân của thôn chủ yếu đi làm ăn xa nên thiếu lực lượng ứng cứu các đối tượng dễ bị tổn thương, có 285 trẻ em dưới 16 tuổi, 36 phụ nữ mang thai, 71 người cao tuổi, 4 khuyết tật, 3 bệnh hiểm nghèo, 14 người nghèo | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thường xuyên thông tin về tình hình diễn biến thời tiết để người dân kịp sơ tán, di dời  - Có tổ xung kích giúp sơ tán các đối tượng dễ bị tổn thương đến các trường học, Ủy ban nhân xã và những nhà kiên cố |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Những đối tượng dễ bị tổn thương không biết bơi và thiếu thông tin, thiếu kiến thức phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chấp hành tốt lệnh di dời của chính quyền khi có thông báo về tình hình diễn biến thời tiết |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Dân cư sống ở vùng trũng thấp, cần di dời khi có thiên tai xảy ra, người dân khó tiếp cận thông tin vì ở xa địa bàn thôn nên không tiếp cận được thông báo, thiếu các công cụ, phương tiện để sơ cứu, cấp cứu cho người dân khi xảy ra thiên tai, chưa có nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương, thiếu thức ăn nước uống cho đối tượng dễ bị tổn thương khi sơ tán di dời | **\*Vật chất:**  - Sử dụng các phương tiện sẵn có của người dân để di dời đối tượng dễ bị tổn thương khi cần thiết | - Nguy cơ thiếu nơi tránh trú an toàn  - Thiếu lương thực, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 275 trẻ em dưới 16 tuổi, 21 phụ nữ mang thai, 80 người cao tuổi, 6 khuyết tật, 4 bệnh hiểm nghèo, 11 người nghèo  - Chính quyền chưa bổ sung cập nhật kế hoạch và xây dựng kịch bản diễn tập PCTT  - Lực lượng xung kích tình nguyện còn mỏng, chưa đáp ứng yêu cầu khi xảy ra thiên tai lớn  - Chưa có tủ của thôn và cá nhân để cấp cứu và sơ cứu khi có thiên tai xảy ra  - Công tác truyền thông cho người dân của chính quyền chưa kịp thời | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền sử dụng điện thoại di động để thông tin liên lạc cho người dân khi bị mất điện để giúp dân sơ tán và nắm tình hình diễn biến thiên tai, sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể trong thôn |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có nhóm đối tượng dễ bị tổn thương không biết bơi, chưa được tập huấn các kỹ năng nghiệp vụ khi thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chấp hành tốt lệnh di dời của chính quyền khi có thông báo về tình hình diễn biến thời tiết |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Dân cư sống ở vùng trũng thấp, cần di dời khi có thiên tai xảy ra, chưa có nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương, 10 % hộ khó tiếp cận thông tin vì ở xa địa bàn thôn nên hệ thống loa thông tin của thôn không tiếp cận được thông báo, thiếu các công cụ, phương tiện để sơ cứu, cấp cứu cho người dân khi xảy ra thiên tai  - Tỷ lệ nhà kiên cố chiếm 10% | **\*Vật chất:**  - Sử dụng các trụ sở của trường học các nhà kiên cố của người dân trong thôn và các vùng đồi cao để di dời, sơ tán, khoảng 90 % hộ dân tiếp cận được thông tin thiên tai | - Thiếu nhà tránh trú an toàn. | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có 284 trẻ em dưới 16 tuổi, 26 phụ nữ mang thai, 71 người cao tuổi, 5 khuyết tật, 6 bệnh hiểm nghèo, 10 người nghèo  - Lực lượng xung kích tình nguyện còn mỏng, chưa đáp ứng yêu cầu khi xảy ra thiên tai lớn  - Chưa có tủ của thôn và cá nhân để cấp cứu và sơ cứu khi có thiên tai xảy ra | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có lực lượng công an, quân sự thanh niên tham gia giúp dân sơ tán  - Chính quyền sử dụng điện thoại di động để thông tin liên lạc cho người dân khi bị mất điện để giúp dân sơ tán và nắm tình hình diễn biến thiên tai, sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể trong thôn  - Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai xã cử cán bộ xã về thôn phụ trách chỉ đạo phòng chống thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có nhóm đối tượng dễ bị tổn thương không biết bơi, chưa được tập huấn các kỹ năng nghiệp vụ khi thiên tai xảy ra, 20 % chủ quan khônng chịu di dời khi có lệnh di dời | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 80% người dân có ý thức việc di dời khi thiên tai xảy ra  - Người dân có nhiều kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai vì thiên tai luôn xảy ra trên địa bàn  - Đào hầm ẩn nấp khi có bão |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  **-** Thôn có đường giao thông đi lại khó khăn, nhân dân trong thôn chưa có nhà tránh bão, lụt; trong thôn nhiều nhà bán, thiếu kiên cố và đơn sơ, hệ thống loa truyền thanh chưa phủ sóng toàn xã | **\*Vật chất:**  - Vận dụng vào các nhà kiên cố trong thôn và trường mầm non kiên cố đóng trên địa bàn để dùng nơi tránh trú an toàn cho người dân | - Nguy cơ thiếu nhà cho người dân sơ tán, tránh trú | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Phạm vi ảnh hưởng thiên tai cục bộ, chỉ đạo chưa sâu sát từng địa bàn  **-** Có 380 trẻ em dưới 16 tuổi, 19 phụ nữ mang thai, 85 người cao tuổi, 5 khuyết tật, 4 bệnh hiểm nghèo, 11 người nghèo - Lực lượng sẵn sàng ứng phó bão, ngập lụt đều vắng mặt ở địa phương, nên không có lực lượng giúp đân sơ tán  - Công tác vận động nhân dân sơ tán đôi lúc thiếu thường xuyên đôn đốc | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có đội xung kích giúp dân sơ tán khi có lệnh, thông tin liên lạc thôn có loa phát thanh và hộ gia đình đều có điện thoại bàn và di động để nằm tình hình diễn biến thời tiết trên địa bàn thôn  - Chính quyền thôn đã chủ động triển khai cho lực lượng cùng với nhân dân di dời đến nơi an toàn trước khi có thiên tai xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Nhân dân ở trong thôn đa số chưa biết bơi, tham gia công tác phòng chống đôi lúc thiếu chủ động | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Nhân dân đã trải qua các đợt bão, ngập lụt vì vậy đã có ý thức phát quang đường xá đi lại. Trong mùa mưa bão có ý thức chằng chéo nhà của khi có thông báo cấp trên |
| **Đoàn Kết** | **176** | **\*Vật chất:**  - Trong thôn có 20 hộ sống trong vùng trũng thấp, ngập lụt, có khoảng 50 hộ người cao tuổi, hiểm nghèo không tiếp cận thông tin, chưa có nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương, thiếu cách dự trữ thức ăn, nước uống và thuốc men khi bão, thiếu tủ thuốc hộ gia đình | **\*Vật chất:**  - Sử dụng các nhà kiên cố cộng đồng như trạm y tế xã, nhà kiên cố, nhà có địa bàn cao để người dân đến trú ẩn | - Nguy cơ thiếu nhà tránh trú an toàn để sơ tán | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác tuyên truyền cho người dân trong việc di dời chưa kịp thời  - Có 375 trẻ em dưới 16 tuổi, 29 phụ nữ mang thai, 97 người cao tuổi, 6 khuyết tật, 5 bệnh hiểm nghèo, 12 người nghèo - Lực lượng Dân quân còn thiếu, yếu chưa giúp đối tượng sơ tán kịp thời khi có thiên tai xảy ra  - Công tác chỉ đạo của Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai còn thiếu kiên quyết | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có đối tượng bị ngập lụt, chính quyền địa phương đến sơ tán kịp thời các nhà đến các nhà kiên cố  - Có đội quân xung kích ở thôn giúp đối tượng sơ tán, di dời  - Có ban phòng chóng lụt bão phân công chỉ đạo về thôn cùng thôn phụ trách |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 10% hộ dân chưa có kinh nghiệm về bơi, cần có người giúp đỡ đến nơi sơ tán, chưa có kinh nghiệm trong phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Có 90% người dân có kinh nghiệm về bơi để phòng chóng cứu hộ thiên tai, di dời sau lụt  - Người dân nghe thông in kịp thời từ thông báo của Ủy ban nhân dân xã do trưởng thôn loa trên loa phát thanh |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Do ngập lụt nên giao thông đi lại còn khó khăn ở vùng trũng thấp, thiếu phương tiện sơ cứu kịp thời cho người dân khi xảy ra bão lụt, chưa có nhà tránh trú an toàn cho cộng đồng dễ bị tổn thương | **\*Vật chất:**  - Tận dụng vùng đồi cao, nhà văn hóa thôn để sơ tán dân khi có bão, ngập lụt xảy ra | - Nguy cơ thiếu nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa xây dựng kế hoạch tập huấn, nâng cao năng lực cho Ban PCTT của xã trình cấp trên  - Ban Phòng chống thiên tai xã chưa được tập huấn và diễn tập PCTT  **-** Có 350 trẻ em dưới 16 tuổi, 32 phụ nữ mang thai, 86 người cao tuổi, 5 khuyết tật, 5 bệnh hiểm nghèo, 10 người nghèo lực lượng thanh niên đi làm ăn xa, không có lực lượng giúp sơ tán  - Lực lượng dân quân cơ động còn yếu, thiếu | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có lực lượng công an, dân quân (2 người) giúp đỡ cho người già, người ngheo sơ tán, di dời  - Có thông báo của chính quyền về tình hình diễn biến của mưa lũ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có khoảng 60% người dân chưa biết bơi, người dân có ý thức chưa cao khi nghe thông báo bão, ngập lụt đến không chịu sơ tán, di dời | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm qua các năm bão, ngập lụt, 40% người dân biết bơi |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Sống vùng trũng thấp, thiếu thông tin khi có bão xảy ra, thiếu lương thực thực phẩm, chưa có nhà tránh trú an toàn cho cộng đồng dễ bị tổn thương | **\*Vật chất:**  - Sử dụng lô cốt Pháp, phòng tránh lụt an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương | - Nguy cơ thiếu nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chủ động phương tiện phải dựa vào sự hỗ trợ cấp trên khi có thiên tai xảy ra, trong chỉ đạo có lúc còn nễ nang, thiếu kiên quyết  **-** Có 323 trẻ em dưới 16 tuổi, 21 phụ nữ mang thai, 96 người cao tuổi, 5 khuyết tật, 5 bệnh hiểm nghèo, 10 người nghèo, lực lượng thanh niên đi làm ăn xa | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có lực lượng Dân quân tự vệ, tổ An ninh giúp dân sơ tán khi có thiên tai xảy ra  - Chính quyền thường xuyên thông bái tình hình diễn biến thời tiết cho người dân chủ đông sơ tán, di dời |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 80% người chưa biết bơi nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, ngườidânchưa được tập huấn về công tác phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Có 70% người dân chủ động có ý thức di dời, sơ tán khi có thiên tai xảy ra |
| **Phù Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Chưa có nhà tránh trú cho đối tượng cộng đồng, chưa có tiếp cận thông tin khi có biến cố xảy ra cho đối tượng dễ bị tổn thương, địa bàn có một số vùng trũng thấp đi lại khó khăn, chưa cung cấp kịp thời lương thực thực phẩm cho đối tượng cộng đồng | **\*Vật chất:**  - Sử dụng nhà kiên cố của những lô cốt, nhà kiên cố của người dân để cho dân tránh bão, sử dụng tuyến đường quốc lộ 1A để di dời, sơ tán dân an toàn | - Nguy cơ thiếu nhà tránh trú an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa hình xã rộng, phân bố dân cư thưa, kinh phí phủ sóng hệ thống truyền thanh lớn, xã không có điều kiện kinh phí thực hiện  - Thiếu các thiết bị y tế để sơ cứu cho người bị thương, thiếu lực lượng dân quân cơ động khi có biến cố, do lực lượng dân quân đi làm ăn xa  - Có 351 trẻ em dưới 16 tuổi, 25 phụ nữ mang thai, 95 người cao tuổi, 6 khuyết tật, 6 bệnh hiểm nghèo, 21 người nghèo | **\*Tổ chức xã hội:**  - Hệ thống loa phát thanh của thôn gồm 05 cái để thông tin cho người dân sơ tán trước khi có thiên tai xảy ra  - Phân công cán bộ cùng về với dân để phòng chóng thiên tai, có lực lượng dân quân giúp dân sơ tán |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có một số hộ dân chưa biết bơi dẫn đến chết chìm, thiếu phương tiện di dời, thiếu kiến thức tuyên truyền tập huấn về thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 70% người dân có ý thức trong việc di dời khi có hiệu lệnh của chính quyền địa phương, các cụm sơ tán đến các hộ dân và lô cốt trên địa bàn để tránh trú khi có thiên tai xảy ra |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Chưa được cấp phát trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, xã có tỷ lệ thôn nằm vùng thấp trũng ít và nhiều thôn nằm đồi cao , không có nhà tránh bão an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương, địa bàn có một số vùng trũng thấp đi lại khó khăn, chưa cung cấp kịp thời lương thực thực phẩm cho đối tượng cộng đồng | **\*Vật chất:**  - Có 04 lô cốt bằng bê tông, cốt thép thời chống Pháp để lại dùng làm nơi trú bão an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương | - Nguy cơ có người bị thương, thiếu nhà tránh an toàn cho đối tượng dễ bị tổn thương | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 323 trẻ em dưới 16 tuổi, 21 phụ nữ mang thai, 90 người cao tuổi, 6 khuyết tật, 4 bệnh hiểm nghèo, 16 người nghèo  - Lực lượng thanh niên toàn thôn có 30 người đều đi làm ăn xa vào mùa mưa bão  - Những hộ nghèo, đơn thân, thiếu nhận lực, vật lực | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có tổ an ninh xung kích thôn cùng đồng chí thôn đội trưởng giúp người dân sơ tán  - Hệ thống loa phát thanh của thôn gồm 05 cái đủ để cho đồng chí trưởng thôn thông tin cho người dân chủ động sơ tán trước khi bão đỗ bộ vào theo kế hoạch của xã |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 20% người dân chủ quan không chịu di dời sơ tán, không chằng chéo nhà cửa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 80% người dân có ý thức trong phòng chống bão vì có kinh nghiệm qua hằng năm |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Xã nghèo, có địa hình một số thôn nằm vùng trũng, thấp, mật độ dân cư thưa  - Có ít nhà kiên cố, chưa có nhà sơ tán cho nhân dân khi bão đổ bộ vào, chưa cung cấp kịp thời lương thực thực phẩm cho đối tượng cộng đồng | **\*Vật chất:**  **-** Sử dụng nhà thôn và một số nhà kiên cố trong thôn để sơ tán dân khi có bão tới | **-** Nguy cơ tổn thương về người chết và bị thương  - Thiếu nhà tránh trú an toàn | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 100 trẻ em dưới 16 tuổi, 8 phụ nữ mang thai, 29 người cao tuổi, 2 khuyết tật, 2 bệnh hiểm nghèo, 21 người nghèo  - Công tác chuẩn bị lương thực, thực phẩm của chính quyền còn thiếu, lực lượng khắc phục hậu quả thiên tai đi làm ăn xa  - Khi có tình huống xảy ra huy động lực lượng thanh niên chưa đáp ứng yêu cầu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có đội xung kích của thôn thường xuyên bám sát kế hoạch triển khai của thôn, sẵn sàng nhận nhiệm vụ giúp đỡ nhân dân khi có thiên tai xảy ra  - Có phân công cán bộ cùng về với dân để phòng chóng thiên tai, có lực lượng dân quân giúp dân sơ tán |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhân dân thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, ngập lụt nhiều năm, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của người dân | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **­-** Nhân dân đã có ý thức khi có thông báo của chính quyền địa phương sẵn sàng sơ tán, di dời |

**Nhận xét:** Địa bàn nằm vùng trũng, thấp, mưa bão thường xuyên, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhiều, lực lượng thanh niên, dân quân đi làm ăn xa , thôn chưa có nhà tránh trú an toàn cho cộng đồng, thiếu phương tiện di dời người và tài sản, đa số người dân chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

## **Hạ tầng công cộng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/**  **BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
|  | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Có 8 cột điện chưa kiên cố, 3,3km đường đất thôn xóm, 0,5km đường đất liên thôn, 01 nhà văn hóa xây dựng 2014 đã xuống cấp, ngập lụt khi có thiên tai xảy ra, đường đi lại lầy lội vào mùa mưa lũ, thôn không có chợ, hệ thống đê ngăn nước chống ngập lụt phục vụ sản xuất chưa kiên cố, 5 cống giao thông tạm xây dựng 2017 | **\*Vật chất:**  - Năm 2014 đã thay và làm mới 39 2014, có 4km dây điện, 01 trạm biến áp xây dựng kiên cố 2014, 1km đường quốc lộ1, 01 cầu quốc lộ 1A kiên cố, 2 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017 | - Nguy cơ mất điện vào mùa mưa bão, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường thôn xóm lầy lội vào mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền huy động nguồn vốn của xã hội hóa còn thấp và hạn chế  - Hệ thống điện của thôn phụ thuộc vào hệ thống điện của xã Cam Thủy, khi thiên tai xảy ra mất điện  - Bố trí cột điện không phù xen lẫn trong khu dân cư  - Một số đoạn đường nhỏ, hẹp người dân chưa tự giác phát quang, hiến đất và hoa màu để mở rộng đường  - Các chi hội, tập thể chưa chủ động tham gia các hoạt động chung của cộng đồng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Dự án RE 2 đầu tư kiên cố hóa cột điện và dây điện đảm bảo an toàn do Chi nhánh Điện lực Lệ Thủy làm chủ đầu tư  - Khả năng khắc phục của điện lực sau sự cố thiên tai nhanh  - Định kỳ đơn vị quản lý điện phát quang đường dây  - Chính quyền huy động người dân tham gia tu sửa đường, phát quang cây cối vào mùa mưa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ có xe vận tải chưa có ý thức bảo vệ đường do chở quả tải hàng hóa, thiên tai làm xói lở đường gây khó khăn cho người dân di lại | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Trước mùa thiên tai người dân tham gia tu sửa đoạn đường từ đường chính vào làng |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Có 7 cột điện chưa kiên cố, bố trí một số cột điện không phù hợp, đập chưa kiên cố, đường giao thông sỏi, đất, cát, 5 cống giao thông tam xây dựng 1997 | **\*Vật chất:**  - Có 37 cột điện và 3,2 km dây diện bộc được xây dựng vào năm 2014, 02 trạm điện xây dựng 2010, 4 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017 | - Nguy cơ mất điện vào mùa mưa bão, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường thôn xóm lầy lội vào mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền và người chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước  - Các cơ quan điện lực thiếu kiểm tra thường xuyên khi có bão đến  - Có 2km đường chưa bê tông hóa nên khó khăn cho việc đi lại của người dân sau bão  - Việc hiến đất để mở rộng các công trình công cộng người dân chưa đồng tình | **\*Tổ chức xã hội:**  - Đã được dự án RE 2 tài trợ xây dựng đầu tư kiên cố 34 cột điện  - Có lực lượng dân quân cơ động, xung kích khắc phục khi có thiên tai xảy ra tại chỗ kịp thời  - Công tác tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến thời tiết để người dân chủ động ứng phó |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhận thức của người dân về duy tu, bảo dưỡng điện, đường, các cơ sở hạ tầng công cộng chưa cao | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 300m đường bê tông kiên cố nên thuận tiện đi lại cho người dân khi có thiên tai xảy ra là tuyến đường để di dời, sơ tán |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Có 3 cột điện chưa kiên cố, không có trạm điện, điện lực bố trí lắp đặt một số cột điện chưa phù hợp, gần cây dẫn đến chập điện khi gió bão,  - Có 2 con đường chưa được bê tông hóa, 5 cống giao thông tạm xây dựng 1997 | **\*Vật chất:**  - Có 40 cột điện, 3,5km dây diện được bộc loại dây chất lượng tốt đã được xây dựng vào năm 2014, đảm bảo cho đời sống sinh hoạt của người dân, 3 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017 | Nguy cơ chập điện, mất điện gây nguy hiểm tính mạng con người | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có quy hoạch đất ở cho người dân, thu nguồn vốn để đầu tư công trình hạ tầng nhưng người dân không đồng tình  - Cơ quan điện lực lượng tổ chức kiểm tra chưa đầy đủ và kịp thời  - Công ty điện lực tổ chức phát quang chưa kịp thời  - Đường chưa bê tông nên khó khăn cho việc đi lại của người dân sau cơn bão | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến của thời tiết kịp thời để người dân sơ tán, di dời đến nơi an toàn  - Đã được dự án RE II đầu tư kiên cố 40 cột điện, 3,5km dây vào năm 2014  - Có lực lượng xung kích bên đoàn thanh niên lực lượng dân quân cơ động tham gia khắc phục khi có bão xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhận thức của người dân còn thiếu về việc bảo quản bảo dưỡng hệ thống điện, đường chưa cao | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân cùng chính quyền thôn hiến đất, tổ chức thực hiện chương trình phát triển nông thôn mới |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Thôn có 5 cột điện chưa kiên cố, bố trí một số cột điện không phù hợp dẫn đến bị gãy đổ, đứt dây diện, có 2,7km đường chưa được bê tông hóa đang sử dụng đường đất, có nhà văn hóa thôn bán kiên cố, kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa, 5 cống giao thông tạm xây dựng năm 1997 | **\*Vật chất:**  - Có 37 cột điện, 3km dây vào năm 2016, có 300m đường giao thông bê tông, 13 công đã được đầu tư kiên cố, 4 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017 | Nguy cơ chập điện, mất điện gây nguy hiểm tính mạng con người | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền sử dụng nguồn vốn của xã để tu bổ nâng cấp cơ sở hạ tầng cho địa phương  - Có 700m đường dây điện chưa đảm bảo an toàn  - Đường chưa bê tông nên khó khăn cho việc đi lại của người dân sau cơn bão  - Chưa có sự hỗ trợ của cấp trên về nguồn vốn để xây dựng các công trình hạ tầng công cộng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Đã được dự án RE II đầu tư xây dựng điện kiên cố  - Có lực lượng xung kích B cơ động, tổ anh ninh thôn sẵn sàng tham gia khắc phục khi có bão, ngập lụt xảy ra, như chặt cây khắc phục cùng với công ty điện lực  - Công tác tuyên truyền bảo dưỡng, duy tu các công trình trước mùa mưa bão được chính quyền triển khai thường xuyên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Do nhận thức của người dân còn hạn chế, mang tính bảo thủ, tính cục bộ; chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân hưởng ứng cùng chính quyền hiến đất, mở rộng đường xây dựng nông thôn mới |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Có 6 cột điện chưa kiên cố, 01 nhà văn hóa thôn bán kiên cố, 2,5km đường liên thôn bằng đất sỏi, kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa, 5 cống giao thông tạm xây dựng lâu năm 1997 | **\*Vật chất:**  - Có 40 cột điện, 3,1km dây điện bộc kiên cố, 01 trạm điện xây dựng 2018, có 03,km đường bê tông liên thôn đi qua, 0,4km đường quốc lộ 1A, 5 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017 | - Nguy cơ mất điện vào mùa mưa bão, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường thôn xóm lầy lội vào mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác tuyên truyền diễn biến tình hình thời tiết cho người dân chưa được thường xuyên và kịp thời  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  - Chính quyền chưa có nguồn kinh phí để xây dựng và nâng cấp đường thôn, lực lượng nhân viên điện lực khắc phục sự cố điện còn chậm  - Chưa có các tổ chức, dự án đầu tư trên địa bàn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Trước mùa thiên tai, chính quyền thường xuyên tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến của thời tiết kịp thời để người dân sơ tán, di dời đến nơi an toàn  - Đã được dự án RE II đầu tư xây dựng điện kiên cố  - Cơ quan điện lực bảo trì hàng tháng, hang quý  - Chính quyền có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng hàng năm  - Lực lượng thanh niên dân quân, các ban ngành đoàn thể, xung kích khắc phục giải tỏa khi có sự cố xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức bảo vệ duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng công cộng của người dân thấp | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thường xuyên quan tâm công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ công trình hạ tấng công cộng của chính quyền |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Có 3 cột điện chưa kiên cố, 1 nhà văn hóa thôn chưa kiên cố, việc bố trí cột điện một số nơi thiếu đồng bộ, còn xen lẫn giữa khu dân cư và cây công nghiệp của người dân, có 2,5km đường liên thôn bằng đất sỏi chưa được kiên cố, 6 cống giao thông tạm xây dựng năm 1995 | **\*Vật chất:**  - 39 cột điện, 3km dây điện đã được kiên cố vào năm 2015, được thay đổi dây trần, 0,5km đường liên thôn kiên cố, 0,4km đường quốc lộ 1A, 4 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017 | - Nguy cơ mất điện vào mùa mưa bão, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường thôn xóm lầy lội vào mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền địa phương chưa có quy hoạch xây dựng các công trình thu hồi đất phải phù hợp không làm ảnh hưởng đến đời sống nhân sinh của nhân dân  - Lực lượng nhân viên Điện lực khắc phục sự cố ít người, nên việc khắc phục điện còn chậm  - Chính quyền chưa có kế hoạch nguồn kinh phí để xây dựng và nâng cấp đường thôn  - Cát đập chứa nước đất cát, thời gian trữ nước ngắn, bị rò rỉ, lợi nhuận thấp không đầu tư | **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến của thời tiết kịp thời để người dân sơ tán, di dời đến nơi an toàn của chính quyền tốt  - Cơ quan điện lực phát quang, bảo trì hàng quý  - Hệ thống chính quyền có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng hàng năm  - Lực lượng thanh niên dân quân, các ban ngành đoàn thể, xung kích khắc phục sau thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức của người dân trong việc bảo vệ duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng công cộng còn thấp | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức cao trong việc bảo vệ công trình hạ tấng công cộng của chính quyền |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Thôn có 6 cột điện chưa kiên cố, kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa, 04 cống giao thông tạm xây dựng lâu năm xuống cấp | **\*Vật chất:**  - Có 36 cột điện, 3,5km dây điện kiên cố, 1 trạm điện, 1 km đường quốc lộ 1A chạy qua, 1,5km trục đường liên thôn kiên cố,1 công thoát nước ở trường cấp II kiên cố, 03 cống giao thông xây dựng kiên cố 2007 | - Nguy cơ mất điện vào mùa mưa bão, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường thôn xóm lầy lội vào mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi và duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng  - Hệ thống đường giao thông quá lớn, nguồn ngân sách ít, chưa có nhà đầu tư  - Chính quyền chưa có kế hoạch nâng cấp tu sửa các cống thoát nước ngập 2 ngày trong 1 đợt mưa bão  - Một số cột điện chưa được kiên cố do các hộ mới tách khẩu làm | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến của thời tiết kịp thời để người dân sơ tán, di dời đến nơi an toàn  - Năm 2014 được dự án RE II được đầu tư lại, hiện nay đã kiên cố, thường xuyên được Tổ điện lực phát quang trước mùa mưa bão, kiểm tra kịp thời thay thế hư hỏng  - Giao thông đi lại thuận lợi trong quá trình di dời, sơ tán của đội cơ động |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Do nhận thức của người dân chưa chấp hành nghiêm việc trồng cây gần đường dây điện dẫn đến khi có gió to cây ngã đổ vào đường dây, đứt dây và nghiên cột điện | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân có ý thức chấp hành tốt trong công tác hành lang đường bộ cũng như đường liên thôn |
| **Đoàn Kết** | **176** | **\*Vật chất:**  - Bố trí cột điện chưa phù hợp ở các cụm khu dân cư có 5 cột điện không kiên cố, nhà văn hóa thôn bán kiên cố, 01cây xăng đóng trên địa bàn thôn, 2km đường đất sỏi liên thôn, 2,5km đường nội đồng chưa kiên cố, chợ ở xa trung tâm, 7 cống tạm xây dựng lâu năm xuống cấp | **\*Vật chất:**  - Có 40 cột điện, 4km dây điện được bọc dây loại tốt đã được đầu tư mới kiên cố năm 2014, 01 trạm điện xậy dựng 2015, 01 cây xăng xây dựng kiên cố trên địa bàn, 4 cống kiên cố xây dựng 2007 | - Nguy cơ mất điện vào mùa mưa bão, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường thôn xóm lầy lội vào mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Các tổ chức huy động lực lượng kiểm tra chưa đồng bộ  - Nhiều tuyến đường giao thông bị ách tắt giao thông đi lại do cây cối ngã đỗ, công tác khắc phục khó khăn  - Chính quyền chưa tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chỉ đạo các ban ngành đoàn thể thể kiểm tra các công trình cơ sở hạ tầng trước mùa thiên tai  - Điện lực đã bố trí thợ điện kịp thời kiểm tra khắc phục hậu quả khi hư hỏng đối với vùng mất điện  - Chính quyền huy động người dân dọn vệ sinh cây cối trên các trục đường đảm bảo giao thông cho người dân đi lại |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức của người dân còn hạn chế, trồng cây hai bên đường giao thông nhiều gây ách tắt giao thông khi có bão xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân chấp hành tốt việc chính quyền huy động tham gia duy tu, bão dưỡng đường nội đồng và đường liên thôn |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Có 3 cột điện xây dựng chưa kiên cố, một số nhánh đường dẫn về các khu dân cư còn thiếu kiên cố, chưa được bê tông hóa, 5 công giao thông tạm xây dựng lâu năm xuống cấp | **\*Vật chất:**  - Có 36 cột điện và 3,3km dây điện bọc dây loại tốt, 01 trạm điện đã được đầu tư mới xây dựng kiên cố 2014, 3 công giao thông kiên cố xây dựng 2007, đảm bảo phục vụ cho người dân sinh hoạt | - Nguy cơ bị mất điện lúc bão to  - Nguy cơ đường nội đồng dễ bị xói mòn vào mùa mưa | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Hệ thống điện lưới bộc nên khắc phục nhanh chóng  - Hộ dân trên địa bàn thôn còn nghèo, chính quyền chưa huy động được nguồn kinh phí để đầu tư nên một số đoạn đường chưa được kiên cố  - Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi và duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng của chính quyền chưa thường xuyên | **\*Tổ chức xã hội:**  - Các dự án xây mới cột điện, dây điện đã được triển khai  - Theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện đến năm 2020 địa bàn thôn được hỗ trợ bê tông hóa đường  - Định kỳ chi nhánh điện lực phát quang thông tuyến các cành cây cao gãy đỗ vào dây điện  - Chính quyền thường xuyên tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến của cơn bão để người dân chủ động ứng phó |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa ý thức về tầm quan trọng của của việc duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân có ý thức tham gia tu sửa, gia cố các công trình cơ sở hạ tầng khi có sự huy động của chính quyền |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Có khoảng 5 cột điện chưa kiên cố, 500m dây điện để cung cấp điện cho người dân, không có trạm điện, một số nhánh đường dẫn về các khu dân cư còn thiếu kiên cố, chưa được bê tông hóa, đường dây điện từ hạ thế vào nhà dân chằng chịt, ảnh hưởng đến tính mạng người dân khi có thiên tai xảy ra, 5 cống giao thông tạm xây dựng 2007 | **\*Vật chất:**  - Có 32 cột điện, 3,5km dây điện bọc dây loại tốt đã được đầu tư mới xây dựng kiên cố 2014 đảm bảo phục vụ cho người dân sinh hoạt, đường trong các ngõ xóm người dân tự bỏ kinh phí ra để khắc phục lầy lội đi lại, 1 cầu giao thông kiên cố xây dựng 2013, 4 cống giao thông kiên cố xây dựng 2007 | - Nguy cơ bị mất điện lúc bão to, người dân khó tiếp cận thông tin | **Cao** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa phương chưa có quy hoạch xây dựng các công trình thu hồi đất phải phù hợp không làm ảnh hưởng đến đời sống nhân sinh của nhân dân  - Điện lực có khắc phục điện nhưng do mất điện toàn tuyến nên khâu khắc phục hơi chậm so với trên toàn xã  - Chính quyền chưa có kế hoạch nguồn kinh phí để xây dựng và nâng cấp đường thôn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thường xuyên tuyên truyền cho người dân về tình hình diễn biến của cơn bão để người dân chủ động ứng phó  - Chính quyền huy động người dân dọn vệ sinh cây cối trên các trục đường đảm bảo giao thông cho người dân đi lại |  |  |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa ý thức về tầm quan trọng của của việc duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Trước mùa mưa bão bà con có kinh nghiệm kiểm tra sửa chữa lại đường dây điện, thay dây mới nếu có hư hỏng trong các hộ gia đình |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Có 04 cột điện chưa kiên cố, một số nhánh đường dây chẻ về hộ dân còn thiếu kiên cố, bố trí các cột điện chạy trên tuyến đường chưa phù hợp dẫn đến bị ngã, đổ, 3 cống giao thông tạm | **\*Vật chất:**  - Có 35 cột điện, 3,5km dây điện, 1 trạm điện xây dựng kiên cố năm 2014, 1km đường thôn được bê tông hóa năm 2016, 3 cống giao thông xây dựng kiên cố năm 2007 | - Nguy cơ bị mất điện, người dân không tiếp cận được thông tin  - Nguy cơ cống giao thông sạt lở | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền và người chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước  - Hộ dân trên địa bàn còn nghèo, kinh phí chưa được đầu tư nên một số đoạn đường chưa được kiên cố  - Cả xã chỉ có 01 chợ ở trung âm thuộc thôn Phù Thị, địa bàn xa trung tâm chợ 3km nên việc mua bán còn gặp nhiều khó khăn cho hộ dân, đặc biệt là sau khi thiên tai người dân khó tiếp cận được lương thục, thực phẩm | **\*Tổ chức xã hội:**  - Dự án RE II đầu tư xây mới các cột điện, dây điện đã được triển khai trên địa bàn thôn  - Hệ thống lưới bọc nên khắc phục nhanh chống  - Theo kế hoạch của UBND huyện đến năm 2020 địa bàn thôn được hỗ trợ bê tông hóa đường giao thông nông thôn |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có ý thức về tầm quan trọng của việc duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông nông thôn | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tham gia cùng với Chi nhánh điện lực định kỳ phát quang thông tuyến các cây cao gãy đổ vào đường dây |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Có 04 cột điện chưa kiên cố, hệ thống cột điện bố trí qua ruộng đồng, khu dân cư cây cối nhiều dễ đổ gãy, có 2,5km đường thôn tạm bợ, chưa kiên cố, 2km đường nội đồng đất, 5 cống giao thông tạm xây dựng 2007 | **\*Vật chất:**  - Có 38 cột điện, 3km dây điện kiên cố, 2km đường quốc lộ 1A , 01 cây cầu giao thông, 5 cống xây dựng kiên cốxây dựng 2007  - Nhà văn hóa thôn được xây dựng kiên cố năm 1999 và tu sửa qua hàng năm | - Nguy cơ bị mất điện lúc bão to, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường giao thông đi lại khó khăn khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi và duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng của chính quyền chưa thường xuyên  - Các chi hội đoàn thể của thôn chưa chủ động tham gia hỗ trợ người dân trước, trong và sau thiên tai  - Trên địa bàn thôn không có chợ nên nhu cầu lương thực, thực phẩm khó khăn cho người dân khắc phục sau thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban quản lý điện lực đã thay đổi mới năm 2015 theo dự án RE II kiên cố hóa cột điện, dây điện  - Năm 2015 quốc lộ 1A mở rộng 2km kiên cố  - Trước thiên tai Điện lực đã kiểm tra và phát quang cây cối |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ dân chưa có ý thức cùng điện lực phát quang cây cối trước thiên tai  - Việc huy động hộ dân khắc phục đường nội đồng còn hạn chế | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Lực lượng nông dân tham gia khắc phục hậu quả sau thiên tai cùng chính quyền hiệu quả cao |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Thôn có 6 cột điện chưa kiên cố, hệ thống cột điện bố trí qua ruộng đồng, khu dân cư cây cối nhiều dễ đổ gãy, có 5 km đường đất chưa kiên cố, 2 cầu giao thông tạm, 9 cống giao thông tạm xây dựng 2013 | **\*Vật chất:**  - Có 29 cột điện, 4km dây điện, 01 trạm điện, 01 nhà văn hóa thôn được xây dựng kiên cố năm 2014, 1 cống giao thông kiên cố xây dựng 2013 | - Nguy cơ bị mất điện lúc bão to, người dân khó tiếp cận thông tin  - Đường giao thông đi lại khó khăn khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch xây dựng các công trình thu hồi đất phải phù hợp không làm ảnh hưởng đến đời sống nhân sinh của nhân dân  - Nguồn điện phụ thuộc tuyến Sen Thủy, khi mất điện cơ quan cấp điện chưa kịp thời, người dân thiếu thông tin về tình hình diễn biến thời tiết  - Địa bàn vùng sâu, vùng xa, chính quyền thôn chưa có nguồn kinh phí để tu sửa các tuyến đường đất | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban quản lý điện lực đã thay đổi mới năm 2015 theo dự án RE II kiên cố hóa cột điện, dây điện  - Chính quyền thông báo cho người dân bảo vệ tài sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ dân chưa có ý thức cùng điện lực phát quang cây cối trước thiên tai  - Việc huy động hộ dân khắc phục đường nội đồng còn hạn chế | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tham gia phát quang tuyến theo định kỳ của Điện Lực |

**Nhận xét:** địa phương sử dụng nguồn vốn của địa phương để tu bổ nâng cấp cơ sở hạ tầng cho địa phương, chưa có các tổ chức, dự án đầu tư, xã nghèo, nguồn kinh phí khó khăn, chưa đầu từ được các công trình thủy lợi, giao thông, đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập, cát đập chứa nước đất cát, thời gian trữ nước ngắn, bị rò rỉ, lợi nhuận thấp không đầu tư, hệ thống đường giao thông quá lớn, nguồn ngân sách ít, chưa có nhà đầu tư, do nhận thức của người dân còn hạn chế, mang tính bảo thủ, tính cục bộ, chưa được tập huấn về kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

## **Công trình thủy lợi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
|  | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Dân cư xen cạnh nhiều thôn khác, địa giới hành chính dài, mương thoát nước hẹp, 2km kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa xây dựng 2013 | **\*Vật chất:**  - Hệ thống kênh mương nhiều dẫn nước phục vụ tưới tiêu, là nơi đầu nguồn nước dễ dẫn ra các cánh đồng | - Nguy cơ kênh, mương sạt lở khi có thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền điều động các tổ chức xã hội khi tham gia lao động phục vụ các công trình thủy lợi khó khăn  - Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai hàng năm chưa được tập huấn phòng chống thiên tai và cách xử lý sạt lở khi có thiên tai xảy ra  - Việc huy động nhân dân phục vụ các công trình thủy lợi chưa huy động được | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có nguồn kinh phí từ cấp bù thủy lợi phí nhà nước cấp để phục vụ cho các công trình kênh mương phục vụ tưới tiêu  - Ban nông nghiệp xã xây dựng thời vụ hợp lý với thời tiết để tận dụng nguồn nước tưới tiêu |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tình trạng người dân còn vứt rác và chất thải xuống kênh mương gây tắt nghẽn và bị lắp mương, người dân lấn chiếm mương còn xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân và các tổ chức tập trung khắc phục sự cố sau thiên tai, cùng nhau giúp đỡ các hộ gia đình |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - 2km kênh mương chủ yếu là mương đất, đập chưa kiên cố dễ bị sạt lở khi mùa mưa bão tới  **-** Cánh đồng lúa bị ngập lụt do hệ thống tiêu nước yếu  - Vùng thấp trũng không có hệ thống tiêu nước | **\*Vật chất:**  **-** Địa hình của thôn tương đối gọn nên dễ thoát nước  - Trong địa bàn thôn hệ thống kênh mương ít, trong mùa mưa lũ ít ngập lụt | - Nguy cơ kênh, mương sạt lở khi có thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền huy động nguồn vốn của xã hội hóa còn thấp và hạn chế  **-**  Tổ chức chính quyền chưa có kinh phí cho việc kiên cố hóa kênh mương  - Chính quyền thôn chưa quản lý tốt tình trạng lấn chiếm lấp mương | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền Thôn chủ động trong việc tiêu nước trong mùa mưa lũ  - Các đoàn thể tích cực trong việc nạo vét kênh mương nhỏ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tình trạng vứt rác, chất thải xuống kênh mương, lấn chiếm mương gây tắc nghẽn và bị lấp mương và hệ thống thoát nước | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm trong việc khắc phục kênh mương bị lấp lổ, hư hỏng khi thiên tai xảy ra |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống đê ngăn nước chống ngập lụt phục vụ sản xuất chưa kiên cố, 2km kênh mương chưa kiên cố xây dựng 2013  - Cánh đồng lúa dễ bị ngập do hệ thống tiêu nước kém hiệu quả, vùng trũng thấp không có hệ thống tiêu nước | **\*Vật chất:**  **-** Địa hình của Thôn tương đối dốc nên dễ thoát nước  - Trong địa bàn Thôn hệ thống kênh mương ít, trong mùa mưa lũ ít ngập lụt | - Nguy cơ kênh, mương sạt lở khi có thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chưa có tổ chức hỗ trợ (Chính quyền, nhà tài trợ) cấp kinh phí cho việc kiên cố hóa kênh mương bằng hệ thống bê tông, tưới và tiêu nước chủ động  - Chính quyền Thôn chưa quản lý tốt tình trạng lấn chiếm lấp mương  - Chính quyền và người dân chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong vào nhà nước | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền Thôn chủ động trong việc tiêu nước trong mùa mưa lũ  - Các đoàn thể tích cực trong việc nạo vét kênh mương nhỏ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc bảo dưỡng, duy tu các công trình thủy lợi khi có thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm trong việc tham gia nạo vét, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống mương thủy lợi còn tạm bợ 2km chủ yếu là bờ đất lòng mương hẹp, rất hạn chế trong việc thoát nước vì dễ gây ngập úng | **\*Vật chất:**  - Địa hình thôn sát đồi cát, nơi dầu nguồn nước thuận lợi cho việc dẫn nước ra các cánh đồng phục vụ tưới tiêu | **-** Không chủ động được nguồn nước dẫn đến năng suất thấp khi có lũ lụt dễ bị ngập úng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Không cóhồ đập và mương máng bê tông hóa để tưới tiêu nguồn nước chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên  - Chưa được đầu tư xây dựng hệ thống mương thủy lợi để phục vụ tiêu úng và tưới tiêu  - Chính quyền và người dân chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho nhân dân để nạo vét kênh mương thủy lợi  - Ban nông nghiệp xã xây dựng kế hoạch mùa vụ phù hợp với thời tiết để tận dụng nguồn nước tự nhiên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân bị động trong công tác tưới tiêu, thiếu nguồn vốn để đầu tư hệ thống giếng hoa màu tưới tiêu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Tập trung làm thủy lợi nạo vét kênh mương để tận dụng nguồn nước phục vụ tưới tiêu  - Có kinh nghiệm đắp bờ giữ nước phục vụ sản xuất gieo cấy lúa và hoa màu |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Chưa có các hồ đập để chủ động trong việc tưới tiêu, thiếu các hệ thống kênh mương dẫn nước từ các hồ đập, 2km kênh mương tạm bợ, diện tích đất trồng lúa và hoa màu năng suất không cao do đất cát pha, bạc màu | **\*Vật chất:**  - Địa hình có thể dẫn nước từ hồ đập BaRa và đập Thanh Sơn về | - Nguy cơ các kênh mương xói lở về mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa phương sử dụng nguồn vốn của xã để tu bổ nâng cấp cơ sở hạ tầng cho địa phương  - Nguồn nước sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên 100%, không chủ động được  - Để chủ động nguồn nước tưới cho sản xuất xây kênh mương nối từ 2 đập về, chi phí đầu tư xây dựng quá lớn, chính quyền chưa có kinh phí  - Chi phí đầu tư các công trình qua lớn, hiệu quả việc đầu mang lại không cao, chưa khuyến khích được sự đầu tư của nhà nước | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có chính sách tuyên truyền hỗ trợ người dân nâng cấp các kênh mương thông qua nguồn thủy lợi phí  - Chính quyền không thu tiền thủy lợi phí từ người dân  - Chính quyền và người dân chủ động trong việc điều tiết lịch thời vụ cho phù hợp với điều kiện thời tiết |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 60% người dân chưa có thức trong việc nâng cấp, sửa chữa các kênh mương thủy lợi  - Người dân chưa chủ động trong công tác tưới tiêu  - Người dân có kinh nghiệm đào giếng để giữ phục vụ sản xuất, tuy nhiên kinh phí quá cao khó thực hiện | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Những hộ có kinh nghiệm đắp đất, be bờ giữ và tiêu nước trong diện tích ruộng của gia đình  - Điều chỉnh lịch gieo sạ, chọn giống lúa ngắn ngày, phù hợp với điều kiện thời tiết của địa phương |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - 2 km kênh mương thoát nước tạm bằng đất cát, có đập Bơ tạm bằng đất trong mùa mưa lũ dễ bị vỡ, công cụ nạo vét kênh mương thô sơ chủ yếu là cuốc xẻng, không có hồ đập chứa nước phục vụ trong mùa hạn hán, nguồn nước phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên | **\*Vật chất:**  **-** Có 1 km kênh mương, đường giao thông liên thôn bằng bê tong | - Nguy cơ thiếu nước tưới tiêu trong mùa khô.  - Nguy cơ ngập úng và sạt lỡ đê điều cuốn trôi hoa màu và các tài sản của người dân khi lũ lụt. | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa phương xã nghèo, nguồn kinh phí khó khăn, chưa đầu từ được các công trình thủy lợi, giao thông  **-** Chưa có tổ chức nào hỗ trợ để xây dựng kênh mương bê tông để thoát nước, cũng như xây dựng đập chắn nước trong mùa mưa lũ  - Chính quyền và Ban chỉ huy phòng chống thiên tai chưa được tập huấn các kỹ năng phòng chống thiên tai và cách xử lý khi đê điều bị vỡ | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Hằng năm UBND xã có kế hoạch chỉ đạo nạo vét kênh mương trước mùa mưa lũ để thoát nước  - UBND huyện hỗ trợ tiền thủy lợi phí hằng năm cho Thôn  - Thôn huy động các đoàn thể bà con trong thôn nạo vét tu sửa, bồi đắp kênh mương trong mùa hạn cũng như trước mùa mưa lũ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa chủ động để nạo vét kênh mương chỉ khi có sự huy động của Thôn thì mới thực hiện | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân biết tận dụng các vỏ bao xi măng xúc cát vào để đắp đê điều, dùng cọc tre, nứa để chống xói lở, vỡ đê trong mùa mưa lũ |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Các cống thoát nước qua đường quốc lộ bị các cáp quang cản trước miệng cống nên khi mữa lũ, nước không thoát kịp, 2km kênh mương thoát nước tạm bằng đất cát, có đập Bơ tạm bằng đất trong mùa mưa lũ dễ bị vỡ | **\*Vật chất:**  **-** Có 40m kênh mương, đường giao thông liên thôn và đường chính vào thôn bằng bê tông | - Nguy cơ thiếu nước tưới tiêu trong mùa khô.  - Nguy cơ ngập úng và sạt lỡ đê điều cuốn trôi hoa màu và các tài sản của người dân khi lũ lụt. | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  **-** Chính quyền chưa có nguồn kinh phí để xây dựng kênh mương bê tông để thoát nước, cũng như xây dựng đập chắn nước trong mùa mưa lũ  - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai chưa được tập huấn các kỹ năng phòng chống thiên tai và cách xử lý khi đê điều bị vỡ | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND huyện hỗ trợ tiền thủy lợi phí hằng năm cho Thôn  - Thôn huy động các đoàn thể bà con trong thôn nạo vét tu sửa, bồi đắp kênh mương trong mùa hạn cũng như trước mùa mưa lũ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa chủ động để nạo vét kênh mương chỉ khi có sự huy động của Thôn thì mới thực hiện | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm vỏ bao xi măng xúc cát vào để đắp đê điều để chống xói lở, vỡ đê trong mùa mưa lũ |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  **-**  2km kênh mương thoát nước bằng đất thô sơ, kênh mương nhỏ, hẹp thoát nước lâu, chưa có hồ đập trong việc tưới tiêu, không có nguồn nước phụ thuộc vào trời mưa | **\*Vật chất:**  **-** Có 01 kênh mương Dương Xá bê tông hóa 300 m | **-** Thiếu nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp  - Kênh mương bị ngập lụt sạt lở, hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn nước dọc tuyến đường BOT thoát về thôn khi có mưa lớn xảy ra dồn nước vào khu dân cư  **-** Người dân phụ thuộc nguồn nước tự nhiên  - Chưa được đầu tư xây dựng hệ thống mương bê tông hóa phục vụ tiêu úng và tưới tiêu  - Cát đập chứa nước đất cát, thời gian trữ nước ngắn, bị rò rỉ, lợi nhuận thấp không đầu tư | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho người dân nâng cao chất lượng mương máng  - Chính quyền xã vận động người dân điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp gieo lúa ngắn ngày thu hoạch sớm |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chưa chủ động trong công tác tưới tiêu, chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chủ động tập trung nạo vét kênh mương phục vụ để lấy nguồn nước phục vụ sản xuất, có kinh nghiệm be bờ giữ nước |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  **-** Địa hình thôn khá phức tạp, ở vùng thấp trũng nên cánh đồng dễ bị ngập lụt, hệ thống thoát nước còn hạn chế trong địa bàn kênh mương ít chủ yếu là mương đất 2km bị lấp, ngập lụt khi mùa mưa lũ đến, 1km đê bán kiên cố xây dựng 2013 | **\*Vật chất:**  - Đường giao thông liên xã nhựa, thuận lợi cho người dân đi lại, sinh hoạt, có đường tránh lũ BOT đi ngang qua địa bàn thôn | **-** Nguy cơ kênh mương ngập lụt, sạt lở ảnh hưởng đến đời sống nhân dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có quy hoạch đất ở cho người dân, thu nguồn vốn để đầu tư công trình hạ tầng nhưng người dân không đồng tình  - Hệ thống đường giao thông quá lớn, nguồn ngân sách ít, chưa có nhà đầu tư  - Người dân sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nguồn nước tự nhiên  - Chính quyền và người dân chưa được đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương nên khó khăn trong việc thoát nước | **\*Tổ chức xã hội:**  - Các đoàn thể thường xuyên tổ chức làm thủy lợi, nạo vét kênh mương  - Chính quyền tích cực kiểm tra tu sửa hệ thống kênh mương qua hằng năm |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân còn chưa chủ động, trong việc tham gia đóng góp tu sửa các công trình thủy lợi ứng phó cho công tác phòng chống thiên tai | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân tập trung làm thủy lợi nạo vét kênh mương để tận dụng nguồn nước tưới tiêu và người dân có kinh nghiệm trong việc đắp bờ, sử dụng ngồn nước hợp lý phục vụ đời sống |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Có 02 kênh mương thủy lợi đã hình thành lâu trước 1945, bằng đất tạm bợ, 1km đê bán kiên cố xây dựng 2013  - Hàng năm khi nước lũ về chảy xiết vỡ đê kênh mương 2km tạm, cát bồi lắp ruộng, lòng mương bị thu hẹp vì trên bờ mương là đường giao thông người dân đi lại cấp phối bằng đất sỏi , kênh mương xói lở khi ngập lụt | **\*Vật chất:**  - Có 02 kênh mương thủy lợi thời Pháp đó là mương Ồ Ồ, Bầu Nổ, 2 cái cống bi được xây dựng kiên cố | **-** Thiếu nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp  - Kênh mương bị ngập lụt sạt lở, hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn vốn đầu tư xây dựng đập Ồ Ồ quá lớn, người dân và chính quyền không có khả năng đầu từ  - Mương đập Ồ Ồ phục vụ sản cho toàn xã nhưng giữ nước được vì những đoạn bị lắp khi lũ tràn về  - Chính quyền chưa tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương | **\*Tổ chức xã hội:**  - Các khối đoàn thể của thể huy động hội viên tham gia dùng xe chở cát để đắp đê lại  - Thôn thuê máy để múc cát bồi lắp ruộng để sản xuất lại  - Thôn dịch vụ phí thủy lợi, mỗi suất ruộng 3kg lúa  - Chính quyền cũng có kế hoạch đầu tư xây dựng đập Ồ Ồ  - Chính quyền có thông báo kịp tình hình thiên tai để người dân chủ động công tác sản xuất nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân không có ý thức tự giác chặt cây cối mọc bên bờ kênh mương làm thu hẹp kênh mương | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 100% người dân tham gia khắc phục hậu quả ngập lụt  - Người dân chủ động dẫn đường nước từ kênh chính vào đồng ruộng của họ |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  **-** Mương thủy lợi Ồ Ồ tạm bợ, chưa kiên cố, không có vốn để bê tông kênh mương, 1km đê, 0,1km kè bán kiên cố, 02km kè chưa kiên cố xây dựng 2013, thiếu an toàn, , 2km kênh mương tạm bợ | **\*Vật chất:**  **-** Có 01 kênh mương Ồ Ồ để phục vụ tưới tiêu sản xuất, đường vào thôn được bê tông 1km, cầu cống, xây dựng kiên cố bền vững | **-** Thiếu nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp  - Kênh mương bị ngập lụt sạt lở, hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi và duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng  - Người dân không có vốn, chính quyền cấp trên chưa đầu tư xây dựng kiên cố kênh mương  - Nguồn nước sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nguồn nước tự nhiên, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của người dân | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Hằng năm thôn huy động ngày công của nhân dân nạo vét để lấy nước tưới tiêu cho các xứ đồng  - Chính quyền có thông báo kịp tình hình thiên tai để người dân chủ động công tác sản xuất nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-**  Dân chưa chủ động vận dụng địa hình kênh mương để lấy nước tưới tiêu phục vụ sản xuất | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tự nạo vét để lấy nước tưới tiêu cho lúa phục vụ sản xuất |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  **-** Có hệ thống mương thoát nước tạm bợn 2km, chủ yếu sử dụng công cụ cuốc xẻng, thô sơ để nạo vét kênh mương, thổ nhưởng chủ yếu đất cát dễ rút nước( tiêu hao nước về mùa khô), không có hồ đập để chủ động về nguồn nước | **\*Vật chất:**  - Có 300 m kênh mương, địa hình thôn gần kênh mương nước chảy quanh năm nhưng không thể dẫn nước về tưới tiêu vì đa số các hộ dân ở trên cao không thể dẫn nước về được | **-** Nguy cơ thiếu nước về mùa khô  - Nguy cơ ngập lụt khi có thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-**  Chính quyền chưa huy động nguồn kinh phí để xây dựng kênh mương bê tông thoát nước mùa Bão  - Chưa có tổ chức hỗ trợ máy móc để hút nước lúc bị ngập úng  - Chính quyền địa phương chưa có quy hoạch xây dựng các công trình thu hồi đất phải phù hợp không làm ảnh hưởng đến đời sống nhân sinh của nhân dân | **\*Tổ chức xã hội:**  **-**  Hằng năm UBND huyện hỗ trợ tiền cho Thôn để nạo vét thông qua thủy lợi phí (nguồn thủy lợi phí), chính quyền không thu tiền thủy lợi của người dân  - Thôn đã chủ động huy động các chi hội để làm công tác nạo vét kênh mương trước mùa mưa bão. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chưa chủ động tự nạo vét kênh mương đi qua khu vực mình quản lý mà chủ yếu phụ thuộc vào việc huy động của các chi hội để nạo vé | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-**  Đa số các hộ dân đều có ý thức đắp bờ và nạo vét để giữ nước và thoát nước |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Địa hình thôn đồi dốc, xa trung tâm khu dân cư xã, thủy lợi đê mương tạm thời bằng đất 1km, mương máng còn yếu chưa kiên cố, thường xuyên bị ngập lụt tiểu mãn tràn qua | **\*Vật chất:**  - Có tuyền đường giao thông được làm bằng nhựa, thuận lợi cho người dân đi lại, sinh hoạt đặc biệt khi có thiên tai xảy ra | **-** Nguy cơ thiếu nước về mùa khô  - Nguy cơ ngập lụt khi có thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi các nhà đầu tư nguồn vốn của trên để xây dựng các hệ thống kênh mương, đê, đường giao thông  **-**  Các tổ chức xã hội chưa có sự giúp đỡ cho nhân dân hằng năm khi có lũ xảy ra, chủ yếu bà con chủ động khai thông kênh mương để phục vụ sản xuất tưới tiêu, thiếu nguồn vốn để xây dựng vì địa hình gò đồi | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền chủ yếu lấy nguồn thu thủy lợi phí để nhân dân tự tu sửa mương thoát nước phục vụ cho vụ đông xuân qua hằng năm khi có lũ tiểu mãn xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Thủy lợi mương tạm chưa có hệ thống mương máng, người dân còn thiếu chủ động, chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khi hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhân dân tự giác khi có lũ tiểu mãn, thường tháng 4, đến tháng 5, người dân chủ động thông mương khi lũ lụt xảy ra |

**Nhận xét:** địa hình xã khá phức tạp, có đồi dốc và vùng trũng thấp, hệ thống kênh mương thủy lợi toàn bằng đất, các cống thoát nước tạm bợ, hẹp, ngành chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp, thường tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn, chính quyền và người dân chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu đặc biệt là kiến thức về việc duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi.

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn thôn nằm sát khe, suối, vùng thấp trũng, thường xuyên ngập lụt  - Có 15 hộ nhà thiếu kiên cố, 116 nhà bán kiên cố, 6 hộ nhà đơn sơ 70 nhà nằm trong vùng thường xuyên ngập lụt, 25 nhà bị tốc mái do bão | **\*Vật chất:**  - Có 30 nhà kiên cố, 12 nhà có tầng 2 và gác lửng đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão  - Có 5 nhà ở vùng cao, giáp quốc đảm bảo an toàn cho các hộ khác tránh trú | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác cập nhật thông tin thiên tai tuyên truyền cho người dân chưa kịp thời đến người dân  - Ngân hàng chính sách cho các hộ nằm vùng thấp lụt vay tiền làm nhà, những hộ nằm vùng cao chưa được vay  - Nguồn vốn vay làm nhà ít không đủ làm nhà kiên cố, chỉ làm một phòng lồi kiên cố  - Thiếu lực lượng hỗ trợ, chằng chống di dời các hộ dễ bị tổn thương | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có chương trình của Chính phủ hỗ trợ nhà ở chính sách cho 03 hộ  - Có 09 nhà được vay vốn từ ngân hàng chính sách (15 triệu đồng/hộ) từ nguồn vốn ưu đãi, lãi 5%/năm |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Mặc dù người dân có kinh nghiệm chằn chống nhà cửa nhưng do điều kiện nhà ở chưa kiên cố nằm vùng trũng thấp nên mức độ thiệt hại vẫn xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Do vùng thường xuyên bão, ngập lụt nên người dân đều có ý thức sửa chữa, chằn chống nhà cửa, chuẩn bị các dụng cụ kê gác các đồ đạt trong mùa lũ  - Người dân có ý thức giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong phòng chống thiên tai |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Có 10 nhà thiếu kiên cố, 02 nhà đơn sơ, 60 nhà bán kiên cố , có 39 hộ dân có nhà bị ngập lụt do nằm ở vị trí trũng, thấp | **\*Vật chất:**  - Khoảng 30 nhà xây dựng kiên cô, nhà đa số có lối thoát hiểm và 01 hộ có nhà cao tầng | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng  - Thiếu lực lượng hỗ trợ người dân sơ tán, di dời | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chỉ đạo công tác PCTT cho người dân chưa kịp thời  - Các hộ dân đa số làm nông nghiệp nên mức thu nhập thấp, khả năng xây dựng nhà kiên cố còn gặp nhiều khó khăn  - Nguồn vốn vay làm nhà thấp không đủ làm nhà kiên cố, gặp khó khăn khi huy thông thêm các nguồn lực từ gia đình, người thân và các nhà từ thiện  - Lực lượng hỗ trợ, chằng chống di dời các hộ dễ bị tổn thương còn thiếu do đi làm ăn xa | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 01 hộ được hỗ trợ làm nhà theo chương trình 18 của Chính phủ  - Ngân hàng chính sách hỗ trợ cho các hộ vay làm nhà 15 triệu đồng/hộ  - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã và thôn tuyên truyền vận động người dân gia cố chằng chống nhà cửa trước thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân vẫn còn chủ quan, chưa chịu chằng chống nhà cửa và sơ tán khi dời khi có lệnh của chính quyền | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ dân chủ động chằng chống nhà cửa trước thiên tai và có tinh thần đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau khắc phục sau thiên tai |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Có 50 nhà thiếu kiên cố, 3 nhà đơn sơ, 10 nhà bán kiên cố , các hộ dân có nhà bị ngập lụt do sống ở vị trí trũng, thấp | **\*Vật chất:**  - Có 60 nhà xây dựng kiên cố và 30 nhà cao tầng dùng để tránh ngập lụt | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tập huấn, nâng cao nhận thức cho người dân ứng phó khi thiên tai xảy ra  - Lực lượng đoàn viên thanh niên ít, không kịp thời hỗ trợ người dân trong việc sơ tán và di dời đến nơi an toàn khi thiên tai xảy ra  - Ngân hàng chính sách có hỗ trợ cho người dân vay vốn làm nhà, nhưng mức kinh phí thấp không đủ làm nhà kiên cố an toàn đối với bão, ngập lụt | **\*Tổ chức xã hội:**  - Được Chính quyền và Ngân hàng chính sách cho vay vốn 15 triệu đồng/hộ để làm nhà  - Chính quyền xã và thôn thường xuyên tuyên truyền vận động người dân gia cố chằng chống nhà cửa trước thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu kinh nghiệm trong việc chằng chéo nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra, thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** 85% người dân có ý thức di dời, sơ tán khi có lệnh của chính quyền, người dân có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau khi có thiên tai xảy ra |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Có 17 nhà thiếu kiên cố, 2 nhà đơn sơ, 94 nhà bán kiên cố; 43 nhà ở trũng thấp thường xuyên bị ngập lụt, 01 hộ nghèo và 03 hộ cận nghèo | **\*Vật chất:**  - Có 32 nhà xây dựng kiên cố, và một vài nhà cao tầng dùng để tránh ngập lụt | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi người dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai  - Ngân hàng chính sách có hỗ trợ cho người dân vay vốn làm nhà, nhưng mức kinh phí thấp không đủ làm nhà kiên cố an toàn đối với bão, ngập lụt  - Lực lượng thanh niên đi làm ăn xa, địa phương thiếu lực lượng ứng cứu khi có bão, ngập lụt xảy ra | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ủy ban nhà dân xã đã hỗ trợ xây 01 nhà cho người khuyết tật  - Có cấp ủy, Ban Công tác Mặt trận Khu dân chính, Tổ An Ninh thôn thường xuyên quan tâm hỗ trợ người dân khắc phục tu sửa nhà ở sau bão  - Có Ban Phòng chống thiên tai từ xã đến thôn trực tiếp chỉ đạo hướng dẫn nhân dân ứng phó khắc phục hậu quả sau bão |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 43 hộ dân ở vùng thường xuyên ngập lụt chưa chủ động sơ tán và chằng chéo nhà cửa khi có thông báo của chính quyền | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa kỹ càng trước khi có bão, ngập lụt xảy ra, khắc phục nhanh khi có thiệt hại gây ra |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Có 123 hộ nhà bán, thiếu kiên cố, 5 hộ nhà đơn sơ, trong đó 25% nhà ở vùng thấp trũng thường xuyên ngập lụt, 30% nhà bị tốc mái | **\*Vật chất:**  - Có 30 nhà kiên cố, một số nhà cao tầng của người dân dùng để làm nơi trú ẩn cho các hộ khác đến tránh trú | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền địa phương chưa có kế hoạch tuyên truyền huy động các nguồn vốn để hỗ trợ cho người làm nhà an toàn với bão, ngập lụt  - Người dân chưa có hỗ trợ kinh phí của nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trong việc giúp họ làm nhà an toàn phòng chống bão và ngập lụt  - Ngân hàng chính sách có hỗ trợ cho người dân vay vốn làm nhà, nhưng mức kinh phí thấp không đủ làm nhà kiên cố an toàn đối với bão, ngập lụt | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai thường xuyên tuyên truyền cho người dân tình hình diễn biến thời tiết  - Các tổ chức đoàn thể phối hợp với Ngân hàng chính sách hỗ trợ cho các hộ dân có nhu cầu vay vốn sửa chữa nhà ở  - Huy động dân quân, toàn dân trong thôn hỗ trợ giúp đỡ các hộ dân trong việc chằng chéo nhà cửa trước thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 15% hộ dân chưa có ý thức chủ động trong việc chằng chống nhà cửa, 30% hộ dân chưa có sự tương trợ giúp đỡ nhau khi thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 85% hộ dân có ý thức chủ động trong việc chằng chống nhà cửa, và các hộ dân có sự tương trợ giúp đỡ nhau khi thiên tai xảy ra |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Có 100 nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố, 5 hộ nhà đơn sơ, trong đó 25% nhà ở vùng thấp trũng thường xuyên ngập lụt, 30% nhà bị tốc mái | **\*Vật chất:**  - Có 30 nhà kiên cố, 70% hộ gia đình ở vùng đất cao hơn; tận dụng 30 nhà luôn có để chỉ đạo và hướng dẫn người dân sơ tán di dời đến ở tạm khi có thiên tai | - Nguy cơ sập nhà, tốc mái khi ngập lụt  - Nguy cơ mất ổn định đời sống nhân dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch, quy hoạch cấp đất cho hộ nghèo để xây dựng nhà  - Chưa có chương trình xây dựng nhà ở, nhà tránh lũ cho người dân bị thiên tai, chế độ vay vốn chỉ dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với số vốn ít nên khó xây dựng nhà, khả năng trả nợ của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khó khăn  - Lực lượng thanh niên xung kích để phục vụ giúp người dân di dời còn ít chưa đáp ứng nhu cầu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội có nhiều chính sách khuyến khích động viên người dân xây dựng nhà cửa kiên cố, an toàn  - Ban phòng chống thiên tai của xã, thôn cũng như người dân kịp thời hỗ trợ cho người dân khắc phục hậu quả và phòng chống thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 20% hộ gia đình chủ quan trong việc chồng chéo di dời khi có thiên tai, thiếu kinh nghiệm trong việc khắc phục sự cố và phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, chưa được tập huấn các kỹ năng về phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 80% hộ gia đình chủ động chồng chéo nhà cửa và di dời khi có thiên tai, đa số bộ phận người dân có kinh nghiệm trong việc phòng chống, khắc phục sửa chữa nhà cửa khi có thiên tai xảy ra |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Có 129 nhà bán kiên cố, 02 thiếu kiên cố, trong đó 20% nhà ở vùng thấp trũng thường xuyên ngập lụt, 25% nhà bị tốc mái (xóm PaRa, Xóm Cồn Cây) | **\*Vật chất:**  - Nhà kiên cố 36 nhà, có các trường học và trạm y tế cũng như trụ sở UBND xã đóng trên địa bàn, nên thuận lợi cho người dân chuyển đến ở sơ tán ban đầu | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Các chương trình của nhà nước hỗ cho kinh phí hộ dân làm nhà còn thấp, không đáp ứng xây nhà kiên cố  - Chính quyền thôn chưa đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho người dân, đặc biệt các hộ có nhà thiếu và bán kiên cố, cũng cố tu sửa làm 01 phòng để tránh trú khi có bão xảy ra | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền tuyên truyền cho người dân luôn luôn theo dõi các thông tin thời tiết và các thông báo của ban phòng chống bão lụt đến kịp thời tới hộ dân  - Thôn đã tập trung chỉ đạo cho các tổ chức chính trị xã hội tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo, gia đình khó khăn vay vốn để tu bổ nhà cửa, cũng như nhà nước quan tâm cấp vốn cho hộ gia đình có công với cách mạnh tu bổ nhà |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhân dân chưa nâng cao phòng tránh bão, ngập lụt chủ quan trong công tác phòng chống trước mùa mưa bão, chưa đẩy mạnh công tác phát quang cây cối sát với nhà ở | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi có lụt, bão nhân dân yêu thương, đoàn kết tương trợ lẫn nhau và khi có thông báo của UBND xã |
| **Đoàn Kết** | **176** | **\*Vật chất:**  - Có 123 nhà bán kiên cố, 15 thiếu kiên cố, 8 nhà đơn sơ, trong đó 20% nhà ở vùng thấp trũng thường xuyên ngập lụt, 30% nhà bị tốc mái | **\*Vật chất:**  - Có 30 nhà kiên cố, 80% nhà có ý thức tốt trong phòng chống bão lụt | - Nguy cơ nhà tốc mái 20%, ngập lụt 30% | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Những hộ khó khăn chưa được hỗ trợ kinh phí làm nhà theo chương trình  - Chính quyền chưa có hỗ trợ kinh phí cho các hộ làm nhà tránh bão, ngập lụt  - Chưa có cống thoát nước kịp thời đối với các vùng ngập lụt ở các khu dân cư trong thôn  - Có khoảng 20% nhà di dời ở đến các nhà kiên cố ở trong thôn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban Phòng chống bão lụt có công văn tuyên truyền các hộ dân về phòng chống nhà để ứng phó bão, ngập lụt qua hệ thống loa truyền thanh  - Chính quyền huy đông dân quân, Ban công tác mặt trận vận động các gia đình bị thiệt hại nhẹ tự xử lý khắc phục sau bão, riêng các hộ năng sẽ được Ban chỉ huy Quân sự xã, công an, các ban ngành đoàn thể giúp các nhà bị thiệt hại nặng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu hiểu biết về phòng chống thiên tai khoảng 10% | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 90% người dân có ý thức chồng chéo nhà cửa để ứng phó khi có thiên tai xảy ra, người dân có tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khắc phục sau bão, ngập lụt |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Có 40 nhà bán kiên cố, 56 thiếu kiên cố, 4 nhà đơn sơ, trong đó 70% nhà ở vùng thấp trũng thường xuyên ngập lụt, 90% nhà không có lối thoát hiểm và gác lửng, có 20 hộ gia đình bị tốc mái | **\*Vật chất:**  - Có 20 nhà kiên cố, 30 hộ gia đình sống ở vùng đất cao hơn, tận dụng nhà văn hóa thôn và 20 nhà kiên cố để sơ tán người dân | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Điều kiện kinh tế địa phương xã nghèo, hộ nghèo, thời tiết khắc nghiệt, chưa có ngành tạo thu nhập  - Chính quyền chưa có chương trình xây nhà ở, tránh lũ cho người dân ờ vùng trũng, thấp  - Chế độ vay vốn dành cho hộ nghèo và cận nghèo còn ít  - Tiêu chí lựa chọn để xét hộ hỗ trợ làm nhà cao, khó thực hiện | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền và các tổ chức xã hội có nhiều khuyến khích cho người dân để xây dựng nhà kiên cố  - Ban phòng chống lụt bão và người dân cùng nhau khắc phục kịp thời sau thiên tai  - Các tổ chức đoàn thể phối hợp với Ngân hàng chính sách hướng dẫn các hộ dân có nhu cầu vay vốn sửa chữa nhà chống bão, ngập lụt, 20 triệu đồng/hộ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 30% người dân chủ quan trong việc sơ tán đến chỗ tránh trú an toàn | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 70% hộ gia đình đã chủ động di dời và chằng chéo nhà cửa khi có thiên tai |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Có 91 nhà bán kiên cố, 21 thiếu kiên cố, 2 nhà đơn sơ, có 5 nhà ở vùng thấp trũng bên cạnh rào Sen nguy cơ bị sạt lở, ngập lụt | **\*Vật chất:**  - Có 26 nhà kiên cố được tổ chức VIGROUP tài trợ xây 02 nhà kiên cố cho hộ nghèo | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban phòng chống thiên tai xã chưa có kế hoạch sơ tán cho 5 hộ ở vùng ngập lụt, chưa có kế hoạch để thực hiện phòng chống thiên tai  - Chế độ vay vốn dành cho hộ nghèo và cận nghèo còn ít  - Các tổ chức xã hội và cộng đồng chưa chung tay hỗ trợ cho những hộ nghèo | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban phòng chống thiên tai từ xã đến thôn kêu gọi người dân khắc phục hậu quả thiên tai  - Huy động dân quân, toàn dân trong thôn hỗ trợ giúp đỡ các hộ dân trong việc chằng chéo nhà cửa trước thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa chủ động sơ tán, di dời khi có lệnh sơ tán của chính quyền địa phương | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân tương trợ, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục và sửa chữa nhanh khi có thiên tai xảy ra |
| **Phù Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Có 60 nhà bán kiên cố, 8 thiếu kiên cố, 2 nhà đơn sơ, người dân trên địa bàn thu nhập thấp, nhiều hộ nghèo, có một số hộ ở sát khe suối và thấp trũng | **\*Vật chất:**  - Có 70 nhà kiên cố, các nhà đa số có lối thoát hiểm và kỹ thuật vững chắc để phòng chống bão | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức hỗ trợ về nhà ở như các nguồn vốn vay của Ngân hàng chính sách  - Kinh phí hỗ trợ làm nhà thấp, kỹ thuật làm nhà yêu cầu cao  - Hệ thống truyền thanh thiếu, người ở thưa thớt | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có các tổ chức chính trị xã hội hỗ trợ xây dựng mái ấm tình thương cho 03 hộ nghèo  - Ban phòng chống bão lụt đã huy động đến các hộ dân bị ảnh hưởng bão để khắc phục và hỗ trợ kịp thời |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân còn chủ quan khi có thiên tai, chưa được tập huấn về kỹ thuật phòng chống bão, chưa có kinh nghiệm trong phòng chống bão lụt | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lần nhau khi có thiên tai xảy ra, một số hộ có ý thức chằng chống nhà cửa kỹ càng trước khi có thông tin bão đổ bộ |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Có 58 nhà bán kiên cố, 12 thiếu kiên cố, 2 nhà đơn sơ, 3 nhà nằm sát kênh mương dễ bị sạt lỡ, 30 nhà bị thiệt hại tốc mái | **\*Vật chất:**  - Có 20 nhà kiên cố, có 15 nhà có lối thoát hiểm, có vùng đồi đất cao là nơi để sơ tán khi có ngập lụt | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Số hộ dân được các Ngân hàng cho vay theo diện hỗ trợ nhà ở của các tổ chức chưa có  - Chính quyền chưa có kế hoạch sơ tán các hộ bị ảnh hưởng đến một địa điểm an toàn cụ thể  - Những hộ nghèo không có đất để làm nhà  - Chế độ chính sách dành cho người nghèo còn hạn chế | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền đã có hỗ trợ 02 nhà hộ nghèo theo Nghị định 22 của Chính phủ  - Đại diện chính quyền thôn báo cho các hộ dân trên loa phát thanh để chủ động sơ tán, di dời đến nơi an toàn |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức khi bão vào của một số hộ còn chủ quan, trồng cây cao sát nhà không chịu phát quang trước mùa mưa bão, chưa được tập huấn về chằng chéo nhà cửa mà chủ yếu là tự phát | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ có ý thức chằng chéo nhà cửa và sửa chữa khắc phục khi bị thiệt hại gây ra, nhưng chủ yếu quá kinh nghiệm những cơn bão xảy ra trước đây |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Có 18 nhà bán kiên cố, 8 thiếu kiên cố, 2 nhà đơn sơ, địa bàn nằm đồi dốc xa trung tâm thường xuyên bị ảnh hưởng bão | **\*Vật chất:**  - Có 01 nhà kiên cố, sơ tán qua địa bàn xã Thái Thủy | - Nguy cơ nhà tốc mái, sập và hư hỏng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có chính sách hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo  - Công tác tuyên truyền cho người dân về phòng chống thiên tai chủ yếu là truyền miệng vì thôn nghèo, cơ sở vật chất thiếu, yếu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban phòng chống thiên tai xã và thôn tuyên truyền kêu gọi bà con gia cố, chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân trên địa bàn thôn cách trung tâm xa, nên trình độ nhận thức còn hạn chế, thiếu thông tin về tình hình thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân chủ động chằng chéo nhà cửa khi bão, lũ vào, sau khi thiên tai xảy ra các hộ hỗ trợ lẫn nhau |

**Nhận xét:** địa bàn xã nghèo, có một số thôn nằm vùng thấp, trũng khi ngập lụt xảy ra một số địa bàn bị cô lập và chia cắt, một số thôn nằm vùng đồi cao thường xuyên bị ảnh hưởng của bão, đa số nhà đơn sơ, bán và thiếu kiên cố, người dân thiếu kỹ thuật chằng chống nhà cửa và chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, điều kiện kinh tế địa phương xã nghèo, hộ nghèo, thời tiết khắc nghiệt, chưa có ngành tạo thu nhập, hệ thống truyền thanh thiếu, người ở thưa thớt, chế độ chính sách dành cho người nghèo còn hạn chế, những hộ nghèo không có đất để làm nhà, kinh phí hỗ trợ làm nhà thấp, kỹ thuật làm nhà yêu cầu cao, các tổ chức xã hội và cộng đồng chưa chung tay hỗ trợ cho những hộ nghèo

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Nguy cơ thiếu nước vào mùa hạn và mưa bão, nguồn nước giếng khoan đào bị nhiễm phèn, mùa lũ nước bị ô nhiễm  - Chăn nuôi trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường, 27 hộ chưa có nhà vệ sinh tự hoại | **\*Vật chất:**  - Sử dụng nước từ đồi chảy từ cát, 95% hộ sử dụng nước tự chảy  - 140 nhà vệ sinh tự hoại đảm bảo vệ sinh  - Có một số hộ chăn nuôi tập trung xa ngoài khu dân cư | - Thiếu nước sạch sinh hoạt  - Ô nhiễm vệ sinh môi trường trong mùa mưa bão | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng  **-** Chính quyền chưa có biện pháp hỗ trợ di dời chăn nuôi ra khỏi khu dân cư  - Chưa có cơ quan tổ chức cấp nước sạch khi thiên tai người dân thiếu nước  - Mùa thiên tai không thể thu gom rác thải thường xuyên  - Việc khử trùng tiêu độc chưa thường xuyên | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có dự án hỗ trợ chương trình Biogas cho 3 hộ trên địa bàn thôn  - Trạm y tế hỗ trợ thuốc khử phèn cho người dân xử lý nguồn nước sau thiên tai xảy ra và có phun thuốc tiêu độc |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân ở vùng ngập lụt chưa có biện pháp dự trữ nước sạch, không có tổ chức cấp phát nước sạch, miễn phí khi mùa mưa bão xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân dự trữ nguồn nước tự chảy tại bể trong hộ gia đình vào mùa mưa lũ để sử dụng |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - 17 hộ chưa có bể đựng nước hoặc bể tạm, 17 hộ có nhà vệ sinh tạm bợ, không có hộ sử dụng nước máy, không có trạm bơm nước, có 22 hộ không có nước để sinh hoạt hoặc nước bị ô nhiễm khi bão, ngập lụt xảy ra | **\*Vật chất:**  **-** Có 22 hộ có giếng khoan, 82 hộ sử dụng nguồn nước tự chảy, 87 hộ có bể chứa nước và nhà vệ sinh tự hoại  - Có 01 hộ sử dụng nước thải chăn nuôi để làm hầm khí đốt biogas | - Nguy cơ ô nhiễm môi trường sau thiên tai  - Thiếu nước sinh hoạt khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của người dân  - Công tác tuyên truyền của chính quyền thôn chưa thường xuyên cho người dân về công tác vệ sinh môi trường  - Chưa có xe vận chuyển rác thải đang sử dụng xe kéo tạm  - Khi có bão, ngập lụt xảy ra thì có 17 hộ bị ô nhiễm nhà vệ sinh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn nước tự chạy đã được Sở tài nguyên Môi trường kiểm nghiệm  - Có đội thu gom rác thải có 40 người nữ, và điểm tập trung rác thải  - Ban phòng chống thiên tai chì đạo các cơ quan Y tế, mặt trận khu dân cư tổ chức đồng loạt vệ sinh môi trường sau thiên tai  - Ngân hàng chính sách cho vay vốn để các hộ làm công trình nước sạch-vệ sinh môi trường 12 triệu đồng/hộ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có ý thức còn vứt xác động vật không đúng nơi quy định, các hộ chăn nuôi thải nước thải ra môi trường xung quanh | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân chủ động dự trữ nguồn nước trước mùa mưa bão, có kinh nghiệm xử lý nguồn nước bị nhiễm bẩn khi thiên tai xảy ra |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  **-** Có 110 hộ dùng nước tự chảy khi hạn hán dễ thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước, hệ thống nước tự chảy đường nước xa dễ bị hư hỏng, chưa có hệ thống nước máy, mùa mưa bão không sử dụng được nước tự chảy phải sử dụng giếng khoan nhưng bị nhiễm phèn | **\*Vật chất:**  **-** Có 17 hộ có giếng khoan chủ động được nguồn nước, 40 hộ có bể chứa nước sạch  - Có địa điểm thu gom rác thải tập trung trên địa bàn thôn | - Nguy cơ ô nhiễm môi trường sau thiên tai  - Thiếu nước sinh hoạt khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch chỉ đạo các tổ chức đòan thể có hỗ trợ người dân kịp thời khi sự cố về nước sạch bị vỡ đường ống khi thiên tai xảy ra  - Việc khử trùng tiêu độc chưa thường xuyên  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất dự trữ nguồn nước, phục vụ đời sống sinh hoạt khi thiên tai xảy ra | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có đội thu gom và vận chuyển rác thải, khi có sự cố thiên tai bão lụt thì rác thải được thu gom  **-** Cán bộ y tế tuyên truyền nhân dân sử dụng nguồn nước sạch để đảm bảo sức khỏe  - Chính quyền tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ phương tiện thu gom rác thải trong khu dân cư khi có thiên tai xảy ra, kịp thời kiến nghị cơ quan cấp trên để vận chuyển rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân thiếu ý thức trong việc giữ gìn vệ sinh chung, vất rác không có quy định | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm trong việc mất nước, dự trữ trước khi mùa bảo đến |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Khoảng90% hộ dân sử dụng nguồn nước tự chảy, nguồn nước không chủ động dễ bị hư hỏng đường ống dẫn đến bị nhiễm bẩn khi ngập lụt, mùa hạn thiếu nước, chưa có hệ thống nước sạch, | **\*Vật chất:**  **-** Có 12 hộ sử dụng giếng khoa  - 131 hộ sử dụng nước giếng khoan tự chảy  100% hộ có bể chứa nước sạch  Có 132 sử dụng nhà về sinh tự hoại | - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh, ảnh hưởng đến cuộc sống người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền địa phương chưa có kế hoạch kêu gọi đầu tư và huy động nguồn vốn trong nhân dân để xây dựng hệ thống cấp thoát nước  **-** Có 17 hộ chăn nuôi trong khu dân cư, 21 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm gây ô nhiễm môi trường  - Chính quyền chưa có kế hoạch chỉ đạo các tổ chức đòan thể có hỗ trợ người dân kịp thời khi sự cố về nước sạch bị vỡ đường ống khi thiên tai xảy ra | **\*Tổ chức xã hội:**  - Cán bộ Y tế tuyên truyền cho người dân kịp thời khử trùng môi trường và xử lý nguồn nước nhiễm bẩn sau thiên tai  - Có chi hội phụ nữ thôn thường xuyên thu gom rác thải đặc biệt sau thiên tai xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Một số ý thức bảo vệ môi trường kém, tình trạng vứt rác thải xuống nước khi ngập lụt xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số các hộ dân có kinh nghiệm sử dụng nước sạch và dự trữ nguồn nước đảm bảo phục vụ đời sống khi thiên tai xảy ra |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Có 13 giếng khoan bị nhiễm phèn, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân, không có hệ nước máy, trạm cấp nước công cộng, đường ống nước tự chảy khi có thiên tai xảy ra, dễ bị hư hỏng; nguồn nước ô nhiễm không hợp vệ sinh khi bị ngập lụt | **\*Vật chất:**  - Có 13 hộ dùng nước giếng khoan và 145 hộ dùng nước tự chảy đã được kiểm định, 158 bể chứa nước từng hộ gia đình, có 138 nhà vệ sinh tự hoại | - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh, ảnh hưởng đến cuộc sống người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ngân hàng cho vay số tiền làm nhà vệ sinh, nước sạch thấp, lãi suất cao, thời hạn trả nhanh  - Khi có sự cố xảy ra hư hỏng đường ống nước, tương trợ lẫn nhau của người dân còn thấp  - Đường BOT chạy ngang trên đường, vứt xác động vật chết trên xe vận chuyển xuống đường gây ô nhiễm  - Chính quyền chưa quy hoạch nguồn cho người dân  - Chính quyền đã quy hoạch nghĩa địa, người dân tự phát làm nguồn nước gần nghĩa địa ảnh hưởng đến nguồn nước | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền đã chủ động đưa nguồn nước tự chảy đi kiểm định tại Sở tài nguyên môi trường  - Ngân hàng chính sách cho các hộ có nhu cầu vay vốn xây bể, đặt đường ống dẫn nước, nhà vệ sinh 12 triệu/hộ với lãi suất 0,78%/năm  - Trung tâm Y tế dự phòng huyện phối hợp trạm y tế xã cùng với y tế thôn bản đến tận địa bàn bị ngập lụt phun thuốc khử trùng tiêu độc cho bà con phòng chống dịch bệnh, nguồn nước hợp vệ sinh, cấp thuốc cho người dân dùng trong mùa mưa lũ (dịch tả, ngoài da) |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức của người dân chưa cao, còn vứt rác thải bừa bão, làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, môi trường | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 95% người dân có ý thức cao trong việc sử dụng nguồn nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  **-** Có 40 hộ sử dụng nguồn nước giếng khoan tự chảy, chưa có hệ thống nước máy sạch, hưa có trạm bơm nước, khi thiên tai xảy ra nguồn nước dễ bị nhiễm phèn, khi nguồn nước bị hỏng không có nước dự trữ để sử dụng vì bể chứa nước nhỏ đáp ứng trong thời gian dài  - Hạn hán thiếu nước do nguồn nước sạch bị cạn kiệt  - 10 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm | **\*Vật chất:**  **-** Có 100 giếng khoan tự chảy, có 140 bể chứa nước, 130 hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh tự hoại và bể tự hoại | - Nguy cơ thiếu nước sinh hoạt khi có thiên tai xảy ra  - Ô nhiễm môi trường xung quanh khu dân cư | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn nước tự phát do các hộ gia đình tự chủ động tìm kiếm nên nguồn nước phụ thuộc vào thiên nhiên, nguy cơ thiếu nguồn nước sử dụng cao khi có thiên tai xảy ra  - Ngân hàng chính sách hỗ trợ vay vốn để xây dựng nước sạch chỉ được 8 triệu đồng không đủ để làm nhà vệ sinh và lắp đặt đường ống nước  - Hệ thống thu gom rác thải chưa kịp thời, thu gom chưa dứt điểm tồn đọng gây mất vệ sinh ô nhiễm môi trường khu dân cư | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Nguồn nước sử dụng đã được Sở tài nguyên Môi trường kiểm nghiệm đảm bảo chất lượng vệ sinh  - Khi có thiên tai cơ quan y tế kịp thời xử lý nguồn bị nhiễm bẩn cho người dân  - Có Chi hội phụ nữ xã tham gia thu gom rác thải, xe chở rác của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện chở rác theo định kỳ hàng tháng, có bể chứa rác thải sinh hoạt trong khu dân cư |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc xử lý nguồn nước khi thiên tai dịch bệnh xảy ra  - Ý thức bảo vệ môi trường của người dân nơi công cộng còn hạn chế | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Các hộ đã có ý thức gom rác thải bảo vệ môi trường xung quanh đặc biệt là khi thiên tai xảy ra |
| **Tương Trợ** | **167** | \***Vật chất:**  - Khi mùa nắng nóng nguồn nước chảy có thể cạn kiệt dẫn đến không có nước, khi có mưa bão dài ngày các ống dẫn nước có thể bị đứt dẫn đến không có nguồn nước chung để sinh hoạt  - Có 20 vệ sinh chưa đảm bảo dẫn đến ảnh hưởng | **\*Vật chất:**  **-** Thôn có 61 hộ giếng khoan và nguồn nước tự chảy, 147 nhà vệ sinh hợp vệ sinh | - Nguy cơ thiếu nước sinh hoạt và dịch bệnh có thể xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân thay đổi tập tục sử dụng nguồn nước truyền thống sang dùng nguồn nước công cộng  **-** Chính quyền địa phương và ngân hàng chính sách chưa tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho hộ dân dễ làm nguồn nước tự chảy  - Công tác kiểm tra chất lượng nước còn có phần hạn chế | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Hàng năm các hộ dân được chính quyền kiểm tra nguồn nước  - Thôn đã tạo điều kiện cho các hộ dân làm đường ống dẫn nước tự chảy  - Chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân nêu cao ý thức bảo vệ môi trường đặc biệt là sau thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân thiếu ý thức trong việc bảo vệ đường ống của nguồn nước tự chảy  - Ý thức công tác vệ sinh chưa được chú trọng đúng mức | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm trong việc mất nước, dự trữ trước khi mùa mưa bão đến, tận dụng các nguồn nước sẵn có và khai thác thêm |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  **-** Có 30 hộ dùng nước giếng khoan, nước nhiễm phèn chưa đảm bảo hợp vệ sinh khi người dân dùng , chưa có bể nước cố định cho người dân sử dụng  - Nhà vệ sinh tạm bợ và bán tự hoại có 76 hộ | **\*Vật chất:**  **-** Có 145 hộ được dùng nước chảy từ lòng đất, 156 hộ có bể chứa nước, sử dụng hàng ngày hợp vệ sinh  - Có 131 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh tự hoại và điểm thu gom rác thải, xử lý rác thải qua hàng tháng | - Ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt  - Nguy cơ dịch bệnh xảy ra trên địa bàn | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi được các nhà đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước công cộng cho người dân sử dụng  **-**  Chính quyền chưa thường xuyên tuyên truyền vận động cho người dân bảo vệ nguồn nước tự chảy, về vệ sinh môi trường xung quanh tránh gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng nguồn nước của người dân dùng sinh hoạt | **\*Tổ chức xã hội:**  - Sở tài nguyên môi trường đã kiểm nghiệm nguồn nước đảm bảo chất lượng và hợp vệ sinh  - Ngân hàng chính sách cho các hộ dân vay có nhu cầu để sử dụng sửa chữa đường ống với số tiền 12 triệu đồng/ hộ  - Trạm y tế xã phối hợp với y tế thôn bản khử trùng tiêu độc cho người dân sau bão |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chưa có kinh nghiệm phân loại rác thải rắn để bảo vệ, vệ sinh môi trường xung quanh khu dân cư | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có ý thức bảo vệ nguồn nước và công tác vệ sinh môi trường nguồn nước chảy tốt |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  **-** Có 1 hộ sử dụng nước máy và trạm cấp nước công cộng, khi bão, ngập lụt xảy ra dễ bị gây ô nhiễm nước  - Khi hạn hán nguồn nước không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của người dân  - Có 35 hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh tạm nên gây ô nhiểm môi trường | **\*Vật chất:**  **-** Có 110 hộ sử dụng nguồn nước tự chảy và 110 hộ dân chủ động xây bể chưa nước để khắc phục hậu quả khi hạn hạn xảy ra  - Có 85 hộ gia đình sử dụng nhà vệ sinh tự hoại | **-**Nguy cơ xảy ra dịch bệnh cao  -Thiếu nước sạch cho người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi được nhà nước hỗ trợ trang thiết bị dự trữ nước sinh hoạt cho người dân  **-** Một số hộ chăn nuôi mang tính trang trại, chưa có hầm xử lý nước thải nên gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư  - Chưa có nhà đầu tư trên địa bàn để đầu tư xây dựng trạm cấp nước cho người dân sử dụng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Phòng tài nguyên môi trường đã kiểm định, nguồn nước sạch được đưa vào cho người dân sử dụng  **-** Khi thiên tai xảy ra người dân đã có ý thức thu gom rác thải (tổ thu gom), chi hội phụ nữ và y tế kịp thời xử lý khử trùng  - Chính quyền ban ngành, đoàn thể tuyên truyền vận động người dân sử dụng nguồn nước sạch |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc bảo vệ nguồn nước tự chảy, chưa có kiến thức về việc duy tu và bảo dưỡng các công trình công cộng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** 90%Người dân có ý thức bảo vệ nguồn nước và công tác vệ sinh môi trường nguồn nước chảy tốt và bể chứa nước sạch |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Có 52 hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm, nhà vệ sinh ngập trong nước gây ô nhiễm môi trường, các hộ chăn nuôi chưa có hầm xử lý nước thải nước thải  - Các dịch bệnh phát sinh như dịch tả, ngoài da, phụ khoa, đau mắt đỏ… | **\*Vật chất:**  - Có 90 giếng đào nước hợp vệ sinh , 47 hộ nước tự chảy, có 95 hộ sử dụng nhà vệ sinh tự hoại  - Có tổ chức thu gom tháng một lần | - Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước gây dịch bệnh cho người dân | **Cao** |
| \***Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có hướng dẫn cho người dân dẫn đường ống nước nước tự chảy đi qua các hộ dân cư  - Địa phương chưa có quy định và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các hộ chăn nuôi gia cầm, trang trại thải nước chăn nuôi ra môi trường  - Chính quyền chưa có kế hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước công cộng | **Tổ chức xã hội:**  - Có tổ thu gom rác thải 05 người (nữ) và có điểm tập kết rác thải, có xe vận chuyển rác thải đến nơi xử lý 2 lần/tuần (hợp đồng với Ban quản lý các công trình cộng cộng huyện), kinh phí người dân tự đóng góp |
| \***Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa tự giác giữ gìn môi trường như trang trại gia cầm, nuôi xen lấn trong khu dân cư ảnh hưởng đến môi trường xung quanh | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ dân sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, tự giác xây bể và có ý thức bảo vệ nguồn nước tự chảy |
| **Phú Thiết 1** | **140** | \***Vật chất:**  - Có 28 hộ nhà vệ sinh tạm, không có hệ thống nước máy và trạm cấp nước công cộng | **\*Vật chất:**  - Có 140 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, và bể chứa nước, 112 hộ nhà tiêu hợp vệ sinh, 01 điểm chứa rác vận chuyển và đội thu gom rác thải | - Nguy cơ thiếu nước sinh hoạt | **Cao** |
| \***Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tổ chức tuyên truyền cho người dân dự trữ nguồn nước và bảo vệ đường ống nước trước mùa mưa bão  - Công tác thu gom rác thải tại một số điểm còn tồn đọng, người dân chưa chủ động bỏ rác đúng nơi quy định  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của người dân | \***Tổ chức xã hội:**  - Có Sở Tài nguyên Môi trường về kiểm nghiệm nguồn nước  - Có điểm trung chuyển và đội thu gom rác, xe vận chuyển hàng tháng có trưởng trạm y tế đi khử trùng khi có thiên tai xảy ra.  - Công tác thu gom rác thải của đội thu gom theo định kỳ thường xuyên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu ý thức trong việc vứt rác bừa bãi ra môi trường, chưa chú trọng đến việc xây nhà tiêu hợp vệ sinh đang còn sơ sài | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân ý thức được việc chăm sóc và bảo vệ nguồn nước giữ gìn vệ sinh tốt  **-** Các hộ đã có ý thức gom rác thải bảo vệ môi trường |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Có 30 hộ dùng giếng đào có nguy cơ nguồn nước nhiễm bẩn khi mùa mưa bão do nước giếng vùng đất sỏi, thiếu hệ thống nước máy  - Có 42 hộ có nhà vệ sinh tạm bợ  - Chưa có hố rác đảm bảo hợp vệ sinh còn phụ thuộc vào hố rác của thôn khác | **\*Vật chất:**  **-**  Có 92 hộ dùng nước giếng khoan và giếng đào, Có 10 hộ dùng nguồn nước tự khoan vào đồi cát chảy về dùng sinh hoạt - Có 50 hộ nhà vệ sinh tự hoại | - Nguy cơ nguồn nước ô nhiễm  - Thiếu nước sinh hoạt | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền chưa huy động được các tổ chức hoặc nhà đầu tư để hỗ trợ xây dựng hệ thống cấp nước sinh tại địa bàn xã  - Địa phương chưa có tổ chức nào cho người dân vay vốn xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh  - Chính quyền chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 10 hộ dùng nguồn nước tự chảy đã được viện khoa học kỷ thuật Trung ương kiêm nghiệm nguồn nước  - Hiện nay chính quyền địa phương đã có quy hoạch xây dựng hố rác đảm bảo xa khu dân cư |
| \***Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân không bỏ pi giếng để bảo vệ giữ nước, đất sỏi dễ bị sạt lở  - Một số hộ chưa có ý thức xây nhà tiêu hợp vệ sinh | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**:  - Đa số các hộ dùng nước giếng khoan đảm bảo hợp vệ sinh  - Đã có nhiều hộ dân có ý thức xây dựng nhà vệ sinh tự hoại và công tác vệ sinh môi trường |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Có29 hộp dùng giếng đào, 24 hộ có nhà tiêu tạm bợ chưa đảm bảo hợp vệ sinh | **\*Vật chất:**  - Khoàng5 hộ có nhà vệ sinh tự hoại, người dân đều dùng nguồn nước giếng đào | Nguy cơ gây ô nhiễm môi trường | **Cao** |
|  | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền chưa quy hoạch bãi rác tập trung cho người dân bỏ rác đúng nơi quy định  - Nguồn nước giếng chưa đảm bảo hợp vệ sinh, người dân cần có kinh phí để mua các máy lọc nước mới đảm bảo nước sinh hoạt cho các hộ dân  - Địa phương chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Khi bão lũ xảy ra môi trường huyện đưa hóa chất về khử trùng cho nhân dân làm sạch nguồn nước  **-** Chính quyền ban ngành luôn truyên truyền vận động người dân sử dụng nguồn nước sạch và vệ sinh môi trường  - Chi đoàn thanh niên thôn hàng tháng luôn thu gom rác thải cùng với người dân |
| \***Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân chưa có ý thức trong việc xử lý xác động vật chết trong khi thiên tai xảy ra để bảo vệ môi trường xung quanh | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**:  - Người dân ý thức được việc chăm sóc và bảo vệ nguồn nước giữ gìn vệ sinh tốt, tự các hộ xây bể lọc nước để chứa nước |

**Nhận xét:** Nguy cơ thiếu nước sạch trong mùa mưa bão, nguồn nước chưa được kiểm định thường xuyên, tình trạng thiếu nước và bị ô nhiễm do mưa bão gây vỡ hệ thống đường ống nước tự chảy, người dân chưa có ý thức cao trong việc bảo vệ nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm môi trường và nguồn nước do rác thải thu gom chưa kịp thời và đảm bảo hợp vệ sinh, hệ thống trang trại, gia trại đang xen trong các khu dân cư ảnh hưởng đến môi trường trong khu dân cư

## **Y tế và quản lý dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Không có quầy thuốc tây, thiếu phương tiện vận chuyển người bệnh đến trạm y tế, bệnh viện, đường giao thông trong nội thôn bị chia cắt, không có trạm y tế xã trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  - Trạm y tế cách thôn 2,5 km, 100% người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế do xã thuộc diện bãi ngang | - Dịch bệnh kéo dài lây lan vì không có biện pháp cách lý | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh  - Không có Bác sỹ khám bệnh trên địa bàn thôn  - Dịch bệnh bùng phát sau bão, ngập lụt như đỏ mắt, viêm da, sốt xuất huyết do trạm y tế cách xa  - Lượng chất thải rắn người dân vứt ra môi trường nhiều, các bãi rác phía đầu nguồn còn nhiều, công tác thu gom rác thải khó khăn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có cán bộ cộng tác viên y tế thôn bản  - Cán bộ y tế xã thường xuyên tuyên truyền cho người dân khi có dịch bệnh xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  Khi có dịch bệnh không tới trạm y tế mà chỉ mua thuốc mà chỉ mua thuốc theo triệu chứng trong người.  - Không khám bệnh định kỳ | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi dịch bệnh người dân người dân sử dụng kinh nghiệm dân gian.  - Dự trữ thuốc cảm, đau đầu trong nhà trước thiên tai xảy ra |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  **-** Không có cơ sở bán thuốc y tế, thiếu phương tiện vận chuyển người bệnh đến trạm y tế, bệnh viện, đường giao thông trong nội thôn bị lầy lội khó đi lại khi thiên tai xảy ra | **\*Vật chất:**  **-** 100% người dân được hưởng BHYT  - Người dân dự phòng bệnh bằng tự mua những loại thuốc thông thường trong gia đình | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Không có bác sỹ, y sỹ mở phòng khám.  - Khi bị dịch bệnh, bị bệnh phải đến trạm y tế xã cách 1,5km  - Công tác tuyên truyền người dân nâng cao nhận thức về công tác chăm sóc sức khỏe của y tế chưa thường xuyên  - Chính quyền chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các điểm tập trung rác thải tạm thời và các trang thiết bị dụng cụ thu gom đảm bảo cho việc thu gom | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có cán bộ cộng tác viên y tế  **-** Khi córủi ro thiên tai xảy ra cán bộ y tế phối hợp với Ban phòng chống thiên tai kịp thời xử lý môi trường |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân ít đi khám định kỳ  **-** Khi bị bệnh không đi khám mà chỉ mua thuốc qua triệu chứng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dâncóý thức trong việc bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân gia đình, đặc biệt khi thiên tai xảy ra |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Không có trạm y tế trên địa bàn  - Đa số người dân chưa có tủ thuốc hộ gia đình  - Các dịch bệnh thường xảy ra khi ngập lụt | **\*Vật chất:**  - Có 100% hộ dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế  - Địa bàn thôn gần trạm y tế, giao thông thuận lợi | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Trong thôn không có bác sĩ  - Cộng tác viên y tế chưa được đào tạo chính quy  - Khâu kiểm soát dịch bệnh đang còn yếu sau thiên tai  - Các đoàn thể hỗ trợ cho người dân khắc phục dịch bệnh còn yếu  - Chính quyền địa phương can thiệp, xử phạt các trường hợp vi phạm chưa dứt khoát | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 03 quầy thuốc tây tư nhân, 01 cộng tác viên y tế thôn bản trên địa bàn  - Khi thiên tai xảy chính quyền huy động lực lượng thanh niên vận chuyển người bệnh đến trạm y tế kịp thời |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 30% người dân có mức thu nhập trung bình, thấp nên không có điều kiện khám chữa bệnh | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 70% người dân có điều kiện kinh tế nên có ý thức cao trong việc khám chữa bệnh |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  **-** Không có quầy thuốc tây ở thôn trạm y tế xa khu dân cnên khi có dịch xảy ra thì xử lý thiếu kịp thời. Đa số các hộ dân không có tủ thuốc gia đình | **\*Vật chất:**  **-** 100 % người dân có thẻ BHYT để khám chữa bệnh | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Ở thôn không có Bác sỹ.  - Người dân tham gia tập huấn phòng ngừa dịch vụ còn ít  - Chưa chủ động khám sức khỏe định kỳ và phòng chống dịch bệnh trên địa bàn | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có 1 cán bộ y tế thôn bản  **-** Có100% trẻ em đều được tiêm vắc xin phòng bệnh  **-**  Cán bộ y tế thôn bản nhiệt tình, chủ động hướng dẫn nhân dân phòng chống dịch bệnh tích cực tham gia tiêm phòng cho trẻ em |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Đa số người dân khi mắc bệnh mới đến cơ sở y tế điều trị, còn chủ quan trong công tác phòng bệnh, thiếu kinh nghiệm sơ cứu tại chỗ | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tỷ lệ dịch bệnh ở người thấp do người dân chủ động phòng bệnh nên bệnh ít lây lan |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  **-** Thôn trạm y tế xa khu dân cư nên khi có dịch xảy ra thì xử lý thiếu kịp thời. Đa số các hộ dân không có tủ thuốc gia đình | **\*Vật chất:**  **-**  Có 100% hộ gia đình được cấp thẻ BHYT, thuận lợi cho việc khám và điều trị bệnh | Nguy cơ các dịch bệnh bùng phát như đỏ mắt, viêm da, sốt xuất huyết | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Không có bác sỹ hay phòng mạch tư trên địa bàn thôn, khó khăn cho nhóm dễ bị tổn thương khi bệnh  - Bệnh viện nằm cách xa nên việc đi khám chửa bệnh cho người dân còn gặp nhiều khó khăn | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có cộng tác viên Y tế thôn bản, nhiệt tình, chủ động hướng dẫn nhân dân phòng chống dịch bệnh tích cực, tham gia tiêm phòng vắc xin cho trẻ em theo địng kỳ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân thường chủ quan, chưa phòng dịch bệnh phát sinh như đỏ mắt, viêm da, sốt xuất huyết sau thiên tai nhiều | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có nhu cầu khám dịch vụ chất lượng cao vì có các bác sỹ, y sỹ tư vấn nhiệt tình để người dân yên tâm điều trị bệnh |
| **Thắng Lợi** | **144** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn nằm cách xa bệnh viện trung tâm huyện 12 km nên khi người dân bị bệnh khó khăn trong công tác cứu, sơ cứu  - Hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình, chưa có quầy thuốc tây trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  **-** 100% người dân được cấp thẻ BHYT, thuận lợi cho việc khám và điều trị bệnh | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Không có bác sỹ, y sỹ mở phòng khám chữa bệnh tại thôn  - Đa số người dân chưa được tập huấn nghiệp vụ và kiến thức về dịch bệnh củng như sơ cứu người bệnh khi thiên tai xảy ra  - Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm ảnh hưởng đến dịch bệnh cho người dân | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có cán bộ cộng tác viên y tế  - UBND xã thường xuyên triển khai các kế hoạch về tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho người dân, đặc biệt lá sau thiên tai  - Công tác tiêm phòng vắc xin cho trẻ em được thực hiện đúng theo kế hoạch phòng y tế |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Đa số bộ phận người dân khi mắc bệnh mới đi khám, chưa chủ động đi khám bệnh định kỳ | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Cán bộ công tác viên y tế thôn làm việc nhiệt tình có trách nhiệm, luôn tuyên truyền vận động và chăm sóc sức khỏe cho người dân |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  **-** Trạm y tế xã xây dựng năm 2013  - Đến nay dân số phát triển nhu cầu người dân đi khám chửa bệnh cao dẫn đến thiếu phòng khi có dịch bệnh xảy ra.  - Cơ sở trang thiết bị y tế chưa đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho người dân.  - Chưa có quầy thuốc tại trạm, người dân phải mua ở các quầy thuốc khác | **\*Vật chất:**  **-** Có trạm y tế xã đóng trên địa bàn xây năm 2013, có 10 giường bện và 8 phòng   * - Trạm y tế có đường quốc lộ 1A đi qua thuận tiện cho việc đi lại * - Là nơi địa hình cao, nhà cửa được kiên cố chắc chắn, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Đội ngũ y tế ở các nơi chuyển đến nhiều nên việc nắm bắt các nguồn dịch tại địa phương khó khăn  - Đội ngũ y tế thôn bản trình độ còn thấp chỉ sơ cấp  - Trạm xá cơ cấu phòng còn ít, quầy thuốc có mà chỉ có dựa vào cung cấp của trên  - Người dân thiếu kiến thức phòng chống dịch bệnh, chưa được tuyên truyền thường xuyên trên địa bàn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có đội ngũ y tế trạm gồm 5 đồng chí, trong đó có 3 bác sỹ, 02 y tá, có 01 y tế thôn bản  - Luôn luôn được lãnh đạo, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo, làm tốt công tác chuẩn bị dụng cụ y tế thuốc men để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Đôi lúc vẫn còn chủ quan triển khai, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong và sau mùa mưa bão | **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chủ động tham gia công tác vệ sinh môi trường khi có cán bộ y tế thôn bản thông báo các đợt vệ sinh sau bão |
| **Đoàn Kết-** | **175** | **\*Vật chất:**  - Hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình, chưa có quầy thuốc tây trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  **-** 100% người dân có BHYT để đi khám chữa bệnh thuận lợi | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Thiếu bác sỹ khám chữa bệnh tại thôn, cơ sở phương tiện kỹ thuật cao để khám chữa bệnh cho người dân chưa đáp ứng với tình hình khám điều trị bệnh hiện nay  - Hộ gia đình chưa có tủ thuốc gia đình  - Chính quyền chưa tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã về phòng chống dịch bệnh ở người, diễn biến thời tiết, biến đổi khí hậu để người dân chủ động phòng bệnh | **\*Tổ chức xã hội:**  **-**  Có 01 cán bộ cộng tác viên y tế thôn bản, khi có dịch bệnh xảy ra được cán bộ y tế thôn bản, các Bác sỹ, y sỹ tư vấn nhiệt tình. Nếu nặng thì chuyển lên tuyến trên kịp thời cho người bệnh |
| **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**   * - Người dân chưa có ý thức về phòng chống bệnh, chủ quan, dùng thuốc theo triệu chứng và theo kinh nghiệm dân gian. Bệnh viện xa cách 10km bị chia cắt vào mùa mưa bão, ngập lụt | **\* Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thường chửa bệnh theo cách dân gian chữa các bệnh như cảm cúm, đau đầa, sổ mũi bằng các cây thuốc nam |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn cách xa bệnh viện trung tâm huyện, nên khi người dân bị bệnh khó khăn trong công tác sơ cấp cứu ban đầu trước khi chuyển viện  - Các hộ gia đình chưa có tủ thuốc và chưa có quầy thuốc tây trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  - 100% người dân cấp thẻ BHYT chủ động trong việc tham gia khám bệnh, bảo vệ sức khỏe | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Đội ngũ y tế ở các nơi chuyển đến nhiều nên việc nắm bắt các nguồn dịch tại địa phương khó khăn.  - Đội ngũ y tế thôn bản trình độ còn thấp chỉ sơ cấp  - Tuyên truyền cho người dân chưa thường xuyền về cách tiêu độc khử trùng, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường chung trên địa bàn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 01 y tế thôn bản  - Thường xuyên tiêm vắc xin theo định kỳ cho trẻ em |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  Ý thức một số người dân không đi khám sức khỏe định kỳ  - Một số người dân còn chủ quan và thiếu điều kiện đi khám bệnh | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi dịch bệnh người dân sử dụng kinh nghiệm dân gian lấy các loại thuốc quanh nhà đến trạm y tế để được tư vấn điều trị |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Không có trạm y tế và thiếu bác sỹ và cơ sở thuốc tây trên địa bàn thôn, dịch bệnh bùng phát xảy ra sau thiên tai | **\*Vật chất:**  - Người dân cấp thẻ BHYT chủ động trong việc tham gia khám bệnh, bảo vệ sức khỏe tỷ lệ cao | - Nguy cơ người chết do không tiếp cận đươc dịch vụ y tế  -Dịch bệnh lây lan sau thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Không có bác sỹ để điều trị cho người dân khi có dịch bệnh xảy ra nhất là trẻ em dưới 5 tuổi  -Trung tâm y tế xa việc điều trị không kịp thời cho người dân khi có những trường hợp bệnh nhân cần phải cấp cứu  - Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng lớn chăn nuôi trong khu dân cư, không có hầm xử lý nước thải, công tác vệ sinh chuồng trại thiếu thường xuyên đã đến mùi hôi gây ảnh hưởng đến cộng đồng sức khỏe, môi trường trong cộng đồng dân cư, phát sinh cách dịch bệnh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 01 cán bộ y tế thôn bản chăm sóc điều trị ban đầu cho người dân, thường xuyên tiêm vắc xin theo định kỳ cho trẻ em |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Khi xảy đau ốm phải chuyển đến trung tâm y tế cách 4 km đường xa cách trở khó khăn trong việc đi lại | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tự giác đến trung tâm y tế xã khám và chữa bệnh |
| **Phú Thiết 1** | **92** | **\*Vật chất:**  - Không có quầy thuốc tây khó khăn khi đến trạm y tế vì ở xa địa bàn  - Chưa chủ động được phòng dịch bệnh | **\*Vật chất:**  - 100% người dân có BHYT thuận lợi có người dân trong việc khám và điều trị bệnh | - Nguy cơ người dân khó tiếp cạn được dịch vụ y tế khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Không có trạm y tế thôn  - Cộng tác viên y tế thôn bản chưa có kỹ năng trong việc kiểm soát dịch bệnh lây lan trên địa bàn thôn đặc biệt là sau thiên tai  - Công tác quản lý của cán bộ y tế chưa thường xuyên, chưa kịp thời đôn đốc các hộ chăn nuôi và cộng đồng dân cư về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có cán bộ cộng tác viên y tế thôn bản  - Có cán bộ y tế thường xuyên tuyên truyền khi có dịch bệnh xảy ra  - Có trạm y tế đặt tại trung tâm xã đủ thuốc khi có dịch bệnh |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức một số người dân không đi khám sức khỏe định kỳ, còn chủ quan và thiếu điều kiện đi khám bệnh | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi dịch bệnh người dân sử dụng kinh nghiệm dân gian lấy các loại thuốc quanh nhà đến trạm y tế để được tư vấn điều trị |
| **Phù Thiết 2** | **140** | **\*Vật chất**  - Không có quầy thuốc tây, dịch bệnh phát sinh trên địa bàn như đau mắt đỏ, tiêu chảy, ngoài da, phụ khoa, đặc biệt là sau thiên tai | **\*Vật chất:**  - 100% người dân được cấp thẻ BHYT để khám và điều trị bệnh | - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh cao  - Nguy cơ thiếu thuốc cung cấp tại cơ sở | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thiếu bác sỹ khám chữa bệnh trên địa bàn thôn  - Cộng tác viên y tế thôn bản chưa đào tạo bài bản chỉ qua sơ cấp  - Chính quyền địa phương chưa có biện pháp xử phạt các trường hợp thải nước thải chăn nuôi ra môi trường xung quanh ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 01 cán bộ y tế thôn bản  - Có trạm y tế đặt tại trung tâm y tế xã  - Có trung tâm y tế cử cán bộ tuyên truyền cho người dân khi có dịch bệnh |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức của một số người dân không đi khám sức khỏe định kỳ, còn chủ quan trong phòng ngừa dịch bệnh | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân cơ bản có kinh nghiệm khi nghe thông tin tình hình diễn biến thời tiết, chuẩn bị mộ số thuốc trị bệnh thông thường |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Không có nơi khám chữa bệnh tại thôn, thiếu quầy thuốc tây, dịch bệnh phát sinh trên địa bàn như đau mắt đỏ, tiêu chảy, ngoài da, phụ khoa, đặc biệt là sau thiên tai | **\*Vật chất:**  - 100% người dân cấp phát thẻ BHYT, đảm bảo cho công tác khám và điều trị bệnh | - Nguy cơ xảy ra dịch bệnh cao  - Nguy cơ thiếu thuốc cung cấp tại cơ sở | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Không có trạm y tế thôn, thiếu Bác sỹ và cơ sở khám bệnh trên địa bàn thôn  - Bệnh viện xa, khi bị ngập lụt thôn bị chia cắt, người dân đi lại khó khăn, khó tiếp cận được các dịch vụ y tế  - Cán bộ y tế trong công tác kiểm tra, kiểm soát các loại dịch bệnh chưa kịp thời trong việc hướng dẫn người dân | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 01 y tế thôn bản trên địa bàn, triển khai các hoạt động tuyên truyền cho người dân trước mùa thiên tai  - Các bác sỹ, y sỹ cơ sở tư nhân tư vấn nhiệt tình cho người dân trong cách khám và điều trị bệnh |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có ý thức về phòng chống bệnh, chủ quan, dùng thuốc theo kinh nghiệm dân gian | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức về phòng chống bệnh, dùng thuốc theo hướng dẫn của Bác sỹ khám và điều trị bệnh |

**Nhận xét:** địa bàn vùng trũng thấp, thường xuyên bị ảnh hưởng bão, ngập lụt, thiếu Bác sỹ và cán bộ ý tế trên địa bàn các thôn, cơ số thuốc dự trữ trước mùa mưa bão thiếu, cộng tác viên y tế thôn chưa có kỹ năng trong việc kiểm soát dịch bệnh, dịch bệnh phát sinh sau thiên tai, người dân chưa có ý thức, kiến thức trong việc phòng bệnh và chữa bệnh, Bệnh viện xa cách 10km bị chia cắt vào mùa mưa bão, ngập lụt.

## **Giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Không có trường Mần non, trường tiểu học trường THCS  - Đường đến trường của học sinh xa (1Km) giao thông đi lại khó khăn do đường đất | **\*Vật chất:**  **-** Có lớptập bơi cho học sinh tiểu học  - Trường học cách thôn gần 1 km  - Trường học ở khu vực cao không bị ngập lụt  - Trường kiên cố phòng chống được mưa bảo. | - Thiếu trường học trên địa bàn thôn  - Nguy cơ tai nạn giao thông khi đi học | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Giáo viên mầm non, trường mần non thiếu, không đủ cho học sinh đến lớp.  - Quỹ xã hội hóa giáo dục còn ít chưa động viên đủ, kịp thời cao cho con em đến trường. | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Học sinh được cấp phát bảo hiểm y tế miến phí.  - Có quỹ khuyến học thôn hỗ trợ cho học sinh nghèo học giỏi.  - Quỹ khuyến học của các dòng họ phát thưởng cho học sinh giỏi |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ huynh phải đưa đón học sinh tới trường, do điểm trường quá xa, còn chủ quan trong việc theo dõi tình hình diễn biến thời tiết | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Học sinh mầm non có cơ sở bán trú cho học sinh ở lại buổi trưa, một số phụ huynh quan tâm cho con em tham gia học bơi bảo vệ tính mạng cho các em |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  **-** Đường giao thông đi lại khó khăn bị ngập lụt khi trời mưa lũ  - Cơ sở trang thiết bị của trường phục vụ cho công tác phòng chống thiến tai thiếu | **\*Vật chất:**  **-** Có 01 dãy nhà trường tiểu học Hưng Thủy  - Trẻ em tiểu học được đi học gần nhà  - Các học sinh thuộc diện học bổng SPELL được cấp xe đạp, sách, vỡ, áo quần | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà trường chưa lồng ghép chương trình phòng chống thiên tai vào giảng dạy cho các em học sinh tiểu học  - Trường mầm non và THCS nằm xa nên việc đi lại khó khăn trong mùa mưa bão  - Giáo viên chưa được tập huấn về kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Tổ chức xã hội:**  - 100% học sinh được đến trường, không có trẻ em bỏ học  **-** Học sinh được học bơi, được dạy các môn kỹ năng sống  - Khi thi đạt các giải học sinh giỏi các chế độ khen thưởng, khuyến khích  - Khi trời mưa bão học sinh được nghĩ học về việc học sẽ được nhà trường thông báo cho phụ huynh học sinh về tình hình diễn biến thời tiết |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân chưa có điều kiện kinh tế để cho con em học bơi | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có ý thức cao trong việc xã hội hóa công tác giáo dục, phụ huynh quan tâm đến việc cho con em học bơi |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Trường không có cơ sở dạy bơi cho học sinh  - Trường thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn như áo pháo, ca nô, thuyền, đò | **\*Vật chất:**  - Trên địa bàn thôn có 01 trường trung học phổ thông (cấp 3), có 3 tầng, 30 phòng học được xây dựng kiên cố năm 2001  - Trường học nằm ngay trung tâm thôn, gần đường quốc lộ  - Cơ sở vật chất dạy và học đảm bảo | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Giáo viên chưa được tập huấn về kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu  - Trường chưa tổ chức các hội thi tuyên truyền về công tác phòng chống thiên tai cho các em học sinh tiểu học và phụ huynh học sinh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Trường trực thuộc Sở GD-ĐT quản lý điều hành thuận lợi, chuyên nghiệp  - Có 80 giáo viên, trình độ đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu dạy và học  - Khi thiên tai xảy ra, trường thông báo cho học sinh nghỉ học  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Học sinh được trang bị lý thuyết về sơ cấp cứu, chưa được thực hành | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Học sinh tiếp cận thông báo thiên tai xảy qua mạng internet tốt  - Học sinh được đào tạo cơ bản về kỹ năng phòng chống thiên tai (PCTT), sơ cấp cứu (SCC) |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Không có trường học đóng trên địa bàn nên các em đi học xa không đảm bảo an toàn  - Điểm trường thiếu sân chơi và bễ bơi cho học sinh học | **\*Vật chất:**  - Phụ huynh tự nguyện đóng góp kinh phí xây dựng các chương trình phục vụ dạy học  - Thôn có quỹ khuyến học khen thưởng động viên các em học tập | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước  -Nguy cơ học sinh nghỉ học nhiều ngày | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Giáo viên các điểm trườngchưa được tập huấn về kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu  - Nhà trường chưa có chương trình phòng chống thiên tai đưa vào chưng trình giảng dạy cho các em học sinh tiểu học | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Có chi hội khuyến học động viên các em thi đua học tập có nhiều em đạt giải cao |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số phụ huynh và học sinh chưa tham gia hoạt động diễn tập phòng chống thiên tai trong trường học | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có ý thức trong việc cho con em tham gia học bơi để bảo vệ tính mạng trong mùa mưa bão |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  **-** Không có trường học học sinh đi lại khó khăn vào mùa mưa bão, điểm trường thiếu trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai | **\*Vật chất:**  **-** Học sinh đi học đầy đủ  - 100% học sinh được đến trường, phụ huynh luôn quan tâm đến tình hình diễn biến thời tiết xảy ra trên địa bàn thôn | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Giáo viên các điểm trườngchưa được tập huấn về kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu  **-** Nguồn quỹ huy động khuyến học còn ít khen thưởng chưa kịp thời  - Trách nhiệm của phụ huynh ngày càng chú trọng trong công tác giáo dục | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  **-** Học sinh được học bơi, được dạy các môn kỹ năng sống  - Khi thi học sinh giỏi được giải có chế độ khuyến khích |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số phụ huynh và học sinh chưa có kỹ năng bơi lội và kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số phụ huynh và học sinh có quan tâm đến tình hình diễn biến thời tiết để thuận lợi cho việc học tập của con em |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Không có trường học tiểu học và THCS đóng trên địa bàn nên việc đi lại của con em đến trường còn gặp nhiều khó khăn khi mùa mưa bão xảy ra  - Chưa có các tủ sách khuyến học tại thôn cho học sinh khó khăn mượn học | **\*Vật chất:**  - Có nhà văn hóa thôn cho trường mầm non mượn để phục vụ dạy học, dùng làm nơi sơ tán, di dời khi có thiên tai xảy ra  - Phụ huynh tự nguyện đóng góp quỹ xã hội hóa giáo dục để xây dựng các công trình phục vụ cho dạy học | - Nguy cơ học sinh đuối nước | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có chương trình phòng chống thiên tai lồng ghép vào chương trình đào tạo cho các em học sinh tiểu học  - Quỹ khuyến học còn ít chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ và khen thưởng cho học sinh giỏi  - Công tác phòng chống thiên tai chưa được tuyên truyền thường xuyên cho phụ huynh và học sinh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Qũy dự án SPELL hổ trợ học sinh quỷ học sinh nghèo vượt khó  - Chính quyền xã đã đầu tư, xây dựng các cơ sở hạ tầng của trường học đạt chuẩn |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Còn 10% phụ huynh và học sinh chưa quan tâm đến công tác phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức của người dân luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, thường xuyên nắm bắt kịp thời tình hình diễn biến thời tiết để đưa đón con em đi học |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  **-** Các trường được xây dựng năm 2016 hiện đã xuống cấp  - Vẫn còn 10 phòng thiếu kiên cố vật chất cơ sở cho việc giảng dạy chưa đáp ứng được còn thiếu.  - Các trường học có khuôn viên, sân chơi cho học sinh còn hẹp vì thiếu đất | **\*Vật chất:**  **-** Gồm có 3 trường học: Trường mầm non xây dựng năm 2011 có 8 phòng, trường tiểu học xây dựng năm 1996-2018, trường THCS xây dựng năm 1996- 2018 gồm 14 phòng | - Nguy cơ học sinh nghĩ học khi bão xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có chương trình phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu được lồng ghép vào chương trình giảng dạy cho học sinh tiểu học  - Giáo viên chưa được tham gia tập huấn phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có hội giáo chức gồm 47 cựu giáo chức, 10 cô giáo trong thôn. Hội khuyến học xã và thôn có 4 dòng họ khuyến học  - Chính quyền xã đã đầu tư, xây dựng các cơ sở hạ tầng của trường học đạt chuẩn đảm bảo kiên cố tận dụng làm nơi trú ẩn để sơ tán các hộ dân đến tránh trú an toàn  - Có Ban phòng chống thiên tai trường học và hoạt động thường xuyên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số phụ huynh và học sinh chưa có kỹ năng bơi lội và kiến thức phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ huynh và học sinh thường xuyên nắm bắt kịp thời tình hình diễn biến thời tiết để đưa đón con em đi học |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  **-** Không có trường học đóng trên địa bàn, học sinh đi lại khó khăn đường giao thông nông thôn lầy lội vào mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  **-** Phụ huynh tự nguyện đóng quỹ xã hội hóa để xây dựng cơ sở vật chất cho học sinh học như đường chạy thể dục, bễ bơi...  - Gần trường Mần non, THCS, Tiểu học thuận tiện cho học sinh đi học | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước  -Đường giao thông đi lại kho khăn trong mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có chương trình phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu được lồng ghép vào chương trình giảng dạy cho học sinh tiểu học  - Giáo viên chưa được tham gia tập huấn phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Quỹ dự án SPELL cấp xe đạp, tiền, sách vỡ cho các em có hoàn cảnh khó khăn học giỏi  - Công tác giáo dục phổ cập cho con em đúng độ tuổi |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số phụ huynh và học sinh chưa quan tâm theo dõi diễn biến thời tiết để có chủ động trong việc đưa con em đến trường | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **­**- Một số phụ huynh và học sinh có quan tâm chủ động tham gia các lớp dạy bơi để bảo vệ tính mạng trước tình hình thiên tai |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Không có trường học tiểu học và THCS đóng trên địa bàn nên việc đi lại của con em đến trường còn gặp nhiều khó khăn.  - Chưa có các tủ sách khuyến học tại thôn cho học sinh khó khăn mượn học | **\*Vật chất:**  - Có nhà văn hóa thôn cho trường mầm non mượn để phục vụ dạy học  - Phụ huynh tự nguyện đóng góp quỹ xã hội hóa giáo dục để xây dựng các công trình phục vụ cho dạy học | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước  -Đường giao thông đi lại kho khăn trong mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà trường chưa tổ chức các chương ngoại khóa về phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu được cho các em học sinh tiểu học tham gia  - Giáo viên chưa được tham gia tập huấn phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Chính quyền xã đã đầu tư, xây dựng các cơ sở hạ tầng của trường học đạt chuẩn đảm bảo cho vệc dạy và học, tận dụng cơ sở trường làm điểm sơ tán cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số học sinh chưa có kỹ năng bơi lội và kiến thức về phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số ít phụ huynh quan tâm, chủ động cho con em tham gia học bơi |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  **-** Trên địa bàn thôn không có trường học cho học sinh mầm non và tiểu học, điểm trường chưa có sân chơi và bễ bơi để học sinh học | **\*Vật chất:**  **-** Trường Tiểu học và Mầm non gần thôn, phụ huynh học sinh quan tâm đến tình hình diễn biến thời tiết để chủ động đưa đón con em | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước  -Đường giao thông đi lại kho khăn trong mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà trường chưa tổ chức công tác tuyên truyền, hội thi về công tác phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu được cho các em học sinh tiểu học tham gia  - Giáo viên chưa được tham gia tập huấn phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Chính quyền xã đã đầu tư, xây dựng các cơ sở hạ tầng của trường học đạt chuẩn đảm bảo cho vệc dạy và học, tận dụng cơ sở trường làm điểm sơ tán cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Học sinh học tại khu vực xã việc đưa đón con gặp nhiều khó khăn cho nhân dân nhất là các cháu mầm non và tiểu học | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân tự giác đưa đón cháu đến trường đúng giờ theo quy định và thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  **-** Không có trường THCS đóng trên địa bàn nên việc đi lại còn gặp nhiều khó khăn khi mùa mưa bão  - Các lớp 3,4,5 ở trong thôn học trường tiểu học phải ra trung tâm học nên ảnh hưởng đến việc đi lại cho con em  - Chưa có các tủ sách khuyến học tại thôn cho học sinh khó khăn | **\*Vật chất:**  **-** Trường THCS có đầy đủ trang thiết bị dạy và học, phụ huynh học sinh quan tâm đến tình hình diễn biến thời tiết để chủ động đưa đón con em | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước  -Đường giao thông đi lại khó khăn trong mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà trường chưa tổ chức công tác tuyên truyền, hội thi về công tác phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu được cho các em học sinh tiểu học tham gia  - Giáo viên chưa được tham gia tập huấn phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu  - Quỹ khuyến học còn ít chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ và khen thưởng cho học sinh giỏi | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Chính quyền xã đã đầu tư, xây dựng các cơ sở hạ tầng của trường học đạt chuẩn đảm bảo cho vệc dạy và học, tận dụng cơ sở trường làm điểm sơ tán cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Đa số phụ huynh và học sinh chưa chủ động cho con em học bơi để bảo vệ tính mạng trong mùa mưa bão | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Một số phụ huynh quan tâm nắm bắt tình hình diễn biến thời tiết kịp thời để cho con nghỉ học |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  **-** Địa bàn thôn không có trường học  - Việc học sinh lớp 1 đến lớp 5 đi học chủ yếu đến trung tâm 5km, khó khăn cho việc đi lại trong mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  **-** Có trường tiểu học và Mầm non gần thôn  - Cơ sở trang thiết bị dạy và học của trường trung tâm đầy đủ đảm bảo cho công tác dạy và học | - Nguy cơ học sinh đến trường không ai đưa đón xảy ra tai nạn cao | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà trường chưa tổ chức công tác tuyên truyền, hội thi về công tác phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu được cho các em học sinh tiểu học tham gia  - Giáo viên chưa được tham gia tập huấn phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu  **-** Các em học sinh chưa được trang bị áo phao và mũ bảo hiểm | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Tại trung tâm xã có 3 trường học, có 3 bậc học đạt chuẩn trường lớp  - Có thành lập Ban phòng chống thiên tai của trường, có phân nhiệm vụ, có xây dựng kế hoạch PCTT  - Chính quyền xã tận dụng cơ sở trường làm điểm sơ tán cho người dân  - Thôn xây dựng được quỹ khuyến học cho học sinh nghèo vượt khó |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Đa số phụ huynh và học sinh chưa chủ động để nắm bắt tình hình thiên tai khi có thông báo | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Một số phụ huynh quan tâm nắm bắt tình hình diễn biến thời tiết kịp thời để cho con nghỉ học |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  -Vật chất không có trường học học sinh phải đi xa trên 7 km học sinh nhỏ phải đi học các trường lân cận các xã khác | **\*Vật chất:**  - Phụ huynh học sinh quan tâm đưa đón con em đến trường học bằng phương tiện xe máy | - Nguy cơ học sinh bị đuối nước  -Đường giao thông đi lại khó khăn trong mùa mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Vận động con em đến trường có lúc còn hạn chế  - Phụ huynh và học sinh chưa được tham gia các hoạt động tập huấn, diễn tập về công tác phòng chống thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền xã vận động phụ huynh học sinh cho con em đến trường, thường xuyên thông tin diễn biến thời tiết để kịp thời cho các em nghỉ học |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Trường xa nhà nên có lúc có một số con định bỏ học, phụ huynh và học sinh chưa chủ động để nắm bắt tình hình thiên tai khi có thông báo | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Một số phụ huynh quan tâm đưa con đến học mặc dù trường xa trung tâm, nắm bắt tình hình diễn biến thời tiết kịp thời |

**Nhận xét:** Địa bàn thường xuyên bị ảnh hưởng bão, ngập lụt, một số thôn không có trường học trên địa bàn, học sinh phải đi học xa khu dân cư, đường giao thông đất lầy lội khó đi vào mùa mưa bão, giáo viên và học sinh chưa được trang bị kỹ năng bơi lội và kiến thức về phòng chống thiên tai, trường thiếu trang thiết bị ứng phó khi có tình huống thiên tai xảy ra

## **Rừng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/**  **BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão,** | **Tây Giáp** | **167** | **Không có rừng** |  |  |  |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Diện tích rừng vùng cao dễ bị ảnh hưởng bão làm cây đổ gãy, mua khô hạn cháy rừng, chưa có các biển cảnh báo cháy rừng | **\*Vật chất:**  - Diện tích rừng nằm ở vùng cao, đất cát, đất thịt, thổ nhưỡng đất phù hợp cho việc trồng rừng | -Nguy cơ cây bị gãy đỗ khi mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có đơn vị đứng ra bảo đảm sản phẩm đầu từ rừng  - Chính quyền chưa có quy hoạch trồng và phát triển rừng người dân chủ yếu trồng rừng tự phát | **\*Tổ chức xã hội:**  - Được nhà nước hỗ trợ cho người dân vay vốn để trồng và phát triển rừng  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tổ chức cho người dân tập huấn phòng chống cháy rừng  - Chính quyền cấp trên có hỗ trợ cây giống cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân có ý thức trong việc phòng chống cháy rừng |
| **Phù Thị** | **127** | **Không có rừng** |  |  |  |
|  |
| **Nội Mai** | **144** | **Không có rừng** |  |  |  |
|  |
| **Đấu Tranh** | **158** |  |  |  |  |
|  |  |
| **Thắng Lợi** | **140** | **Không có rừng** |  |  |  |
|  |
| **Tương Trợ** | **167** | **Không có rừng** |  |  |  |
|  |
| **Đoàn Kết** | **175** | **Không có rừng** |  |  |  |
|  |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Đa số cây trồng trên đồi cao, nên dễ bị gãy, mưa to gây sạt lở, xói mòn đất. Mùa khô hạn hán cháy rừng, chưa có các biển cảnh báo | **\*Vật chất:**  - Có 16 ha rừng, trong đó 2ha rừng đất cát, diện tích rừng nằm ở vùng cao, gần nhà thuận lợi cho việc chăm sóc và bảo vệ | Nguy cơ cây gãy, đổ làm giảm năng suất | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức nào đứng ra bảo đảm đầu ra cho người dân,  - Chính quyền chưa có biện pháp tổ chức tuyên truyền phòng chống cháy rừng cho người dân, chưa có quy hoạch phát triển trồng rừng, đa số là người dân trồng rừng tự phát | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà nước có chương trình hỗ trợ vốn vay cho người dân trồng rừng. Chính quyền có hỗ trợ cho những hộ bị thiệt hại do thiên tai, 5 triệu đồng/ha/hộ  - Phòng nông nghiệp cung cấp giống cây cho người dân  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tập huấn cho người dân phòng chống cháy rừng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm trồng cây, chăm sóc và bảo vệ rừng, thiếu ý thức trong phòng chống cháy rừng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tận dụng trồng cây ở những nơi đất khai hoang, chăm sóc tốt hơn từ khâu trồng đến khâu bảo quản và phân bón |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Trồng rừng bằng thủ công  - 50% diện tích bị ảnh hưởng bão, lốc theo luồng gió  - Một số diện tích rừng nằm ven sông, suối dễ ngập úng  - Mật độ rừng dày 2.500/ha | **\*Vật chất:**  - Có 51 ha, trong đó rừng thông 20,2 ha, rừng kinh tế 15,8, rừng tự nhiên 15 ha  - Diện tích rừng nằm vùng đồi cao, đất sỏi bột, thổ nhưỡng đất phù hợp trồng rừng  - Diện rừng gần nhà, 100% hộ dân quản lý và có giấy chứng nhận | Nguy cơ cây gãy, đổ làm giảm năng suất | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức xã hội nào đảm bảo đầu ra cho sản phẩm gỗ  - Phòng Lâm nghiệp tổ chức tập huấn cho một số đại diện hộ dân, chưa đại trà  - Chưa có tổ phòng chống cháy rừng  - Chưa thành lập các tổ nhóm trồng rừng  - Không có các hoạt động sinh kế trong trồng trừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 90% phụ nữ tham gia trồng rừng, 10% nam chăm sóc, bảo vệ rừng  - Phòng Nông nghiệp hộ hỗ trợ cây giống, phân NPK cho các hộ trồng rừng  - Phòng Lâm nghiệp tổ chức tập huấn cho các cho các hộ trồng rừng và chữa cháy  - Ngân hàng chích sách xã hội cho vay mức tối đa 50 triệu/hộ cho những hộ có nhu cầu vay vốn  - Khi xảy ra thiên tai bị thiệt hại thì nhà trợ tiền 5 triệu đồng/1 ha |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu ý thức trong phòng chống cháy rừng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trồng rừng : đào hố, bỏ cây, phân, lắp cát để thấp so mặt bằng đất 5-10cm để khi mưa xuống đọng nước lại |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Diện tích đất trên đồi cao dễ bị gãy, mưa to gây sạt lở, xói mòn đất dẫn đến cây trồng bị đổ ảnh hưởng 60%, dụng cụ trồng rừng bằng thủ công, mùa khô hạn thường dễ cháy rừng | **\*Vật chất:**  - Có 19 ha rừng trên cát, 37 ha rừng tự nhiên, 23 ha rừng thông nhựa , 70 ha rừng keo kinh tế, Đất sỏi bột diện tích rừng vùng cao, thổ nhưỡng đất phù hợp với việc trồng rừng, rừng gần nhà 100% hộ dân quản lý | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch tổ chức cho người dân thanh lập các nhóm trồng và chăm sóc rừng  - Phòng lâm nghiệp tổ chức tập huấn phòng chống cháy rừng cho một số hộ dân, đa số người dân chưa được tập huấn  - Thiếu các hoạt động sinh kế trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND xã hổ trợ cây giống cho các hộ dân, hộ bị thiệt hại nhà nước hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/hộ  - Phòng lâm nghiệp tổ chức tập huấn phòng chống cháy rừng cho hộ dân  - Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hộ trồng rừng vay vốn  - Trồng rừng có 80% là nử trồng rừng, công chăm sóc bảo vệ chiếm 20%  - Thương lái đến mua trực tiếp tại chỗ trồng rừng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu ý phòng chống cháy rừng, chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trồng rừng, phát cây rừng từ nhiên xen lẫn để dễ dàng khai thác |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Khu vực trồng rừng trên đồi cao dễ bị gãy khi mưa to thiệt hại ảnh hưởng 60% diện tích rừng, dụng cụ trồng rừng bằng thủ công, mùa khô hạn thường dễ cháy rừng | **\*Vật chất:**  - Diện tích rừng tự nhiên có 5 ha, rừng kinh tế, rừng tràm có 100 ha, chủ yếu rừng thông nhựa chiếm diện tích lớn  - Các hộ dân đều có máy phát | Nguy cơ bị gãy, đổ cây rừng khi bão xảy ra | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Người dân chủ yếu trồng rừng tự phá, chưa có sự bthống nhất quy hoạch các loại rừng của chính quyền nhà nước  - Chưa có tổ chức nào đảm bảo việc thu mua các nguyên liệu từ rừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tổ chức tập huấn phòng chống cháy rừng  - Ban quản lý dự án trồng rừng nhựa thông phát quang, tỉa cành đảm bảo khi thiên tai xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhận thức của bà con về trồng rừng chưa được chú trộng, vì thời gian thu hoạch dài | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân đã biết chủ động phát tỉa cành, phát quang và bón phân, về mùa khô hạn đã chủ động phát quang để phòng chống cháy rừng |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Có 20% diện tích đất trồng rừng dễ bị ảnh hưởng của bão, dụng cụ trồng rừng còn thô sơ | **\*Vật chất:**  - Diện tích đất sỏi, phù hợp với việc trồng rừng, rừng gần nhà dân, thuận tiện cho việc chăm sóc | - Nguy cơ rừng bị gãy, đỗ khi bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có hỗ trợ về mặt kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng cho người dân  - Chưa có tổ chức nào đứng ra bảo hộ đầu ra cho sản phẩm rừng  - Chưa có tổ nhóm trồng rừng  - Khi thu hoạch đường vận chuyển gặp nhiều khó khăn do đường đất lầy lội | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai thường xuyên tuyên truyền cho người dân trong việc phòng chống cháy rừng  - Ban quản lý rừng phòng hộ tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho người dân 1 năm/lần  - Ngân hàng chính sách hỗ trợ cho người dân vay vốn sản xuất trồng rừng  - Có 90% phụ nữ thảm gia vào việc trồng và chăm sóc rừng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số trẻ em đi chăn nuôi gia súc thiếu ý thức về phòng chống cháy rừng gây cháy rừng trong mùa khô | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức bảo vệ rừng của mình và chủ động phát quang cây con hoang hóa trong mùa khô để khỏi cháy lây lan |

**Nhận xét:** Một số địa bàn nằm vùng đồi cao, thường xuyên bị ảnh hưởng bão, người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, công tác tuyên truyền cho người dân về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu chưa kịp thời

## **Trồng trọt**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt**  **Hạn hán**  **Rét** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Lúa ở vùng ngập lụt trũng thấp 10ha,vụ đông xuân lúa gieo cấy ảnh hưởng của rét đậm 10 ha  - Vụ hè thu bị hạn hán không có nước tưới 03 ha, công cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - Có đê bao bảo vệ vùng ruộng  - Sản xuất lúa theo thời vụ,có 01 trạm bơm cấp nước, tiêu úng  - Cung cấp thuốc bảo vệ thực vật diệt chuột | - 10 ha lúa bị ngập lụt, 3 ha bị ảnh hưởng hạn hán | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Không có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn để hỗ cho người dân trong sản xuất  - Không có phương tiện ứng cứu khi lũ tiễu mãn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Cán bộ nông nghiệp và khuyến nông giúp đỡ nhân dân trong lịch thời vụ  - Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho người dân về hoạt động trồng lúa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Diện tích lúa còn manh mún không áp dụng khoa học kỹ thuật, máy móc lớn vào sản xuất  - Chưa tìm hiểu về giống lúa chống chịu thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi từ trồng lúa 2 vụ sang 1 vụ và để tái sinh  - Bón tro chống rét cho lúa  - Cơ cấu cây trồng theo từng vùng |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Có 2,5 ha ở vùng thấp trũng, hệ thống kênh mương chưa kiên cố bằng đất sỏi, chưa có trạm bơm nước ở khu vực ruộng cạn, 3 ha bị chết khi gieo gặp rét | **\*Vật chất:**  - Có 15,1 ha ruộng lúa  - Nguồn nhân lực có sẵn  - Vùng lùng tréo 2,5 ha đã có trạm bơm tiêu nước trong thôn có 02 máy cày | - Nguy cơ 2,5 ha lúa ở vùng thấp trũng ngập úng, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức nào hỗ trợ công cụ sản xuất cho người dân trong việc trồng và thu hoạch  - Chưa có mô hình sản xuất sinh kế trong hoạt động trồng,chăm sóc và quản lý  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí  - Ban nông nghiệp thường xuyên bám sát lịch mùa vụ và bệnh trên lúa  - Hỗ trợ tiền lúa nước cho các thôn đắp đê, hỗ trợ giống lúa mới thử nghiệm 5.000đ/kg cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ chưa có ý thức trong việc trồng và chăm sóc lúa, chưa chủ động nắm tình hình diễn biến thời tiết để chủ động trong việc thu hoạch | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi có bão, ngập lụt người dân chủ động trong việc thu hoạch lúa sớm tránh bị ảnh hưởng của thiên tai |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Có 2ha lúa ở vùng gập úng, hệ thống tiêu nước chưa đáp ứng khi mùa mưa lũ, mùa rét gây chết giống, cơ cấu thời vụ nằm trong mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  - Có phương tiện máy móc chủ dộng trong việc gieo trồng và thu hoạch (máy hút nước) | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Các đoàn thể chưa tích cự giúp đỡ nhân dân trong việc phòng chống thiên tai do lúa  - Chính quyền chưa hỗ trợ người dân thành lập các tổ, nhóm sinh kế, trồng, chăm sóc lúa  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư sản xuất trên diện tích còn manh mún | **\*Tổ chức xã hội:**  - Khuyến nông và đoàn thể thôn được tập huấn và có kinh nghiệm trong việc phòng chóng thiên tai(tập huấn SRI)  - UBND huyện hổ trợ giống chết do rét, tổ chức diệt chuột đồng loạt khi chuột phá hoại, xây dựng lịch thời vụ cơ cấu cây trồng cho từng vùng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tư tưởng một số người dân không muốn canh tác lúa vì hiệu quả kinh tế kém | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trong việc PCTT cho lúa ( khơi thông kênh mương đắp đập) |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Có 15ha lúa bị thiệt hại do tiểu mãn gây ra, không có hệ thống tưới tiêu để chống hạn nên không sản xuất vụ hè thu được, - diện tích đất ruộng nằm trong vùng trũng, thấp | **\*Vật chất:**  - Người dân chủ động sử dụng phương tiện thu hoạch lúa khi bị ngập úng  - Hỗ trợ các dịch vụ sản xuất như thuốc diệt chuột | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ngân hàng nông nghiệp cho vay 50 triệu/hộ phải thế chấp  - Số hộ sản xuất nhiều, nguồn vốn ít, chỉ tiêu xét chọn có giới hạn  - Người dân đang còn thiếu quan tâm trong sản xuất, còn trong chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có ban nông nghiệp chủ động sản xuất xây dựng lịch thời vụ tránh lũ tiểu mãn phù hợp hàng năm hổ trợ cho bà con thực hiện  - Tổ chức các lớp tập huấn trồng lúa cho 70% hộ dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Bỏ sản xuất trồng lúa vụ hè thu mà để hoang một số diện tích không có nguồn nước tưới | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tận dụng để thu hoạch lúa tái sinh,có máy đập liên hợp ít bị ảnh hưởng của lụt gây ra |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa nằm vùng thấp trũng, nên khó khăn trong việc tiêu nước, hệ thông kênh mương nhỏ, bằng đất dẫn nước kém | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa khoảng 20,56ha, có cơ sở bán phân bón và thuốc trừ sâu trên địa bàn, có máy tuốt lúa, các tuyến đường nội đồng được mở rộng thuận lợi trong việc chăm sóc và gieo sạ | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Do địa hình vùng miền trung, thời tiết phân biệt rõ 2 mùa mưa nắng nên ảnh hưởng đến sản xuất  - Các xứ đồng không gặp được máy vì các đoạn bờ hẹp, ruộng lầy, máy không vào được  - Thu hoạch lúa bằng thủ công, thuê xe công ngông chở về, đưa máy thổi | **\*Tổ chức xã hội:**  - Các tổ chức thôn có nguồn quỹ để cho các hộ sản xuất vay để phát triển sản xuất lãi suất thấp  - UBND xã thăm đồng để đánh giá chất lượng từng thôn/hộ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Triễn khai sản xuất thụ động để tránh dịch bệnh thiên tai |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống kênh mương kiên cố để tưới tiêu  - Nguồn nước tưới tiêu phụ thuộc vào thiên nhiên  - 30% lúa nằm ở vùng thấp trũng  - Dụng cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - ½ diện tích lúa nằm ở vùng cao  - Giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao trong thôn có 01 máy vày  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân | Nguy cơ ngập úng giảm năng suất | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai  - Sản xuất nông nghiệp manh mún,chưa dồn điền đổi thửa nên hiệu quả sản xuất kém, người dân chưa mạnh dạn vay vốn sản xuất, thiên tai xảy ra người dân chưa có biết cách phòng chống | **\*Tổ chức xã hội:**  - Khuyến nông hướng dẫn người dân và phân bổ lịch mùa vụ phù hợp với thời tiết  - Ban nông nghiệp thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở bà con  - Xã nằm trong diện bãi ngang nên huyện hổ trợ một phần kinh phí mua giống thủy lợi phí để sản xuất |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất  - Chưa quan tâm đầu tư cho trồng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi sản xuât vụ hè thu sang lúa tái sinh để tránh hạn hán và ngập lụt  - Triển khai sản xuất thụ động để tránh dịch bệnh thiên tai |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Các xứ đồng phân chia nhỏ lẻ, không tập trung khó khăn trong việc trồng và chăm sóc lúa, không có máy gặt | **\*Vật chất:**  - Diện tích sản xuất trồng lúa khoảng 19ha, có cơ sở bán phân thuốc trừ sâu phân bón trên địa bàn thôn, có máy cày và máy tuốt lúa | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai  - Nguồn phân bón đầu tư cây trồng thiếu, năng suất lúa thấp  - Ngân hàng chính sách cho vay vốn sản xuất nhưng một số người dân không vay lý do sợ không có nguồn để hoàn trả gốc và lãi suất 6,5%/năn cho hộ nghèo, 7%/năm cho người dân, giới hạn về số tiền (20 triệu/hộ) | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND xã tổ chức các đợt ra quân diệt chuột, dịch bệnh đồng loạt  - UBND huyện tổ chức tập huấn cho người dân về nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân trồng lúa phụ thuộc vào nước trời  - Thời tiết thất thường, khó dự đoán chính xác để gieo trồng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm theo dõi thời tiết, bám theo lịch, tránh lũ tiểu mãn giảm thiệt hại |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  **-** Các loại cây giống tự cung cấp  - Cơ sở vật chất sản xuất còn thô sơ  - Vật liệu sử dụng làm giàn hoa màu thô sơ  - Chưa có cơ sở bán phân bón  - Lúa ngập lụt tiểu mãn làm mất trắng  - Không có kênh nương thoát nước khi mùa mưa lũ gây ngập úng, chết lúa, gặt lúa thì lúa lên mộng | **\*Vật chất:**  **-** Đất đai màu mở phù hợp cho việc trồng nén,kiệu,mướp  - Có 4,5 ha trồng hoa màu  - Khi lũ lụt UBND huyện có hỗ trợ một phần hạt giống  - Các hộ dân trồng úa ở vùng cao  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có chính sách hỗ trợ vốn vay cho người dân, chưa tập huấn cho các hộ dân về trồng trọt lúa và hoa màu  - Thôn chưa có hợp tác xã Nông nghiệp, nên chưa có đơn vị, tổ chức đứng ra đảm bảo đầu ra sản phẩm từ nông nghiệp  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Khi bị lũ lụt nhà nước hỗ trợ 700.000 đồng/ha/hộ, Huyện hỗ trợ giống cho các hộ khi bị mất mùa do lũ  - 90% phụ nữ tham gia hoạt động sản xuất trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa  - Chính quyền hướng dẫn cho người dân đổi lịch mùa vụ để thu hoạch lúa trước mùa mưa bão, ngập lụt  - UBND xã cơ cấu giống theo vùng miền |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chủ yếu bằng thủ công, kinh nghiệm hàng năm chưa có  - Thời tiết khắc nghiệt, mưa lớn kéo dài, lượng nước nhiều gây ngập lụt | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm phân bố các loại cây qua thời vụ  - Đất đâi phì nhiêu cây sẽ phát triễn nhanh |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống kênh mương kiên cố để tưới tiêu  - Nguồn nước tưới tiêu phụ thuộc vào thiên nhiên  - 60% lúa nằm ở vùng thấp trũng  - Dụng cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - 40% diện tích lúa nằm ở vùng cao  - Giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao trong thôn có 01 máy vày  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng hoạc giảm năng suất | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có kế hoạch dồn điền đổi thửa, tham gia hợp tác để đầu tư sản xuất phòng chống thiên tai sản xuất nông nghiệp manh mún nên hiệu quả sản xuất kém  - Khi có thiên tai xảy ra, người dân chưa biết cách phòng ngừa và ứng phó  - Người dân chưa mạnh dạn vay vốn sản xuất nông nghiệp | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban nông nghiệp thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở bà con, hướng dẫn phân bổ lịch mùa vụ phù hợp với thời tiết  để người dân sản xuất  - Xã nằm trong diện bãi ngang nên huyện hỗ trợ một phần kinh phí mua giống thủy lợi phí để sản xuất |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất  - Chưa quan tâm đầu tư cho trồng lúa, thời tiết nắng nóng kéo dài ảnh hưởng đến sản xuất của người dân | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi sản xuât vụ hè thu sang lúa tái sinh để tránh hạn hán và ngập lụt |
| **Hòa Đông** |  | **\*Vật chất:**  - Có 10 ha diện tích lúa nằm ờ Bầu Đưng, khe Bầu, Đồng Cung, địa bàn vùng trũng, thấp thường ngập lụt 8,5 ha lúa giảm năng suất, 1,5 ha lúa nằm vùng khe Bầu bị hạn hán, 2 ha lúa ở Đồng Cung gieo không lên mầm do rét, có kênh tưới bằng đất 2 m, phục vụ cho 02 đồng Khe Bầu và Đồng Cung, dụng cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - Tổng diện tích 21ha, diện tích lúa chia theo khẩu lúc có mặc ở thời điểm chia  - Trong thôn có 02 máy cày, từng bước đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp |  |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Số lượng hộ sản xuất nông nghiệp tham tập huấn về nông do UBND huyện tổ chức ít (5 hộ/thôn tham gia, 2-3 tổ chức 01 lần)  - Giống lúa người dân giữ lại để tự làm, không mua giống của Công ty giống cây trồng Quảng Bình, nên giống không đảm bảo chất lượng, phát triển chậm ảnh hưởng đến sâu bệnh | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND huyện hỗ trợ giống cho hộ có diện tích lúa thiệt hại do (5.000đ/kg lúa giống)  - Nhà nước hỗ trợ thủy lợi phí cho người dân  - Chính quyền hỗ trợ kinh phí để làm kênh mương nội đồng  - UBND xã có lịch thời vụ hướng dẫn cho bà con trước khi gieo cấy, cơ cấu cây trồng theo từng vùng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân ít quan tâm đến trồng lúa do thu nhập lúa thấp, đi làm ăn xa  - Một số hộ không có nguồn vốn để mua lúa giống và phân bón | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trồng lúa lâu năm, chấp hành theo lịch thời vụ của chính và có sự giám sát của chính quyền |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Có 1ha vùng thấp trũng, diện tích này đều bị ảnh hưởng hạn hán, bão, hệ thống kênh mương chưa đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất, dụng cụ sản xuất thôn sơ chưa có máy để gặt lúa | **\*Vật chất:**  - Có 4,56 ha vùng cao, vùng lúa nằm ven đồi trên cao nên khi ngập lụt đến không bị ảnh hưởng  - Trong thôn đa số cắt lúa bằng tay | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi được các tổ chức đầu tư hỗ trợ xây dựng các hệ thống kênh mương, đê đập kiên cố trên địa bàn  - Chưa tổ chức các lớp tập huấn trồng trọt, chuyển đổi khoa học kỹ thuật cho người dân còn ít  - Chưa có tổ chức nào đứng ra hỗ trợ để bà con bao tiêu sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND huyện hỗ trợ giống cho hộ dân có diện tích lúa thiệt hại do bị rét, và hỗ trợ thủy lợi phí cho người dân để làm kênh mương nội đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp  - Phụ nữ tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm 90% |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các hộ dân chưa có ý thức chăm sóc vụ lúa  - Chưa áp dụng giống lúa theo quy hoạch vùng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - UBND xã xây dựng lịch thời vụ, thường xuyên tuyên truyền vận động người dân tổ chức diệt chuột đồng loạt dịch bệnh cho hộ dân |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa 17 ha bị ảnh hưởng do bão, dụng cụ chủ yếu dùng làm ruộng thô sơ, kênh mương chưa đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp, toàn bằng đất | **\*Vật chất:**  - Theo mùa vụ mùa bão lũ đã thu hoạch  - Trong thôn có 2 máy cày nhỏ để giúp bà con cày, trồng 17ha | Nguy cơ bị thiệt hại về lúa nếu bão xãy ra sớm | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi đầu tư trang thiết bị máy móc cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp  - Chưa có tổ chức nào hỗ trợ bà con sản xuất  - Có hỗ trợ những hộ thiệt hại do bão nhưng không đáng kể  - Chính quyền chưa thường xuyên tuyên truyền cho người dân về tình hình thời tiết khắc nghiệt, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp như các dịch bệnh sâu rầy trên cây lúa | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban nông nghiệp xã bám sát lịch mùa vụ của huyện và chủ động chuyển lịch phù hợp  - Thôn tổ chức hội nghị của thôn thông báo lịch thời vụ  - Số phụ nữ tham gia hoạt động trồng lúa chiếm khoảng 65% |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Còn 04 hộ chưa có ý thức gieo trồng theo mùa vụ vì chủ quan  - Chưa áp dụng giống lúa theo quy hoạch vùng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Theo quy luật mưa bão hàng năm các hộ bám sát mùa vụ và chủ động chuyễn đổi để đảm bảo sản xuất  - Các hộ áp dụng giống lúa đạt năng suất theo quy hoạch của UBND xã |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Có 3ha diện tích lúa 1 vụ đông xuân bị ảnh hưởng của lúa tiểu mãn làm ngập úng giảm năng suất, 30% diện tích lúa giảm năng suất do rét, hệ thống kênh mương và dụng cụ thô sơ chưa đảm bảo cho hoạt động sản xuất trồng lúa | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa sản xuất trên địa bàn thôn, giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp  - Chưa có tổ chức nào đứng ra đảm bảo dầu ra của nông sản | **\*Tổ chức xã hội:**  - Huyện hỗ trợ giống khi bị mất mùa do lụt  - Khuyến nông xã và nông nghiệp xã hướng dẫn người dân cách chóng rét cho lúa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chủ yếu sản xuất bằng thủ công tự phát, chưa nắm bắt kịp thời diễn biến thời tiết ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tự chọn giống cây phù hợp với địa bàn |

**Nhận xét:** Diện tích lúa nằm vùng thấp trũng, thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai, sản xuất còn manh mún, lúa chủ yếu một vụ đông xuân do chưa chủ động được nguồn nước, hệ thống kênh nhỏ, hẹp bằng đất cát, giống lúa chưa đồng bộ giữa các cánh đồng, người dân đa phần chưa chủ động chăm sóc và trồng trọt theo đúng lịch thời vụ, dịch bệnh trên lúa thường xuyên xảy ra, người dân chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai, đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập

## **Chăn nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Chuồng chưa đảm bảo.  - Nhà nước không hỗ trợ giống | **\*Vật chất:**  **-** Các trang trại gà vịt heo tự mua gống, làm trang trại kiên cố chăn nuôi | - Nguy cơ gia súc, gia cầm chết | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chuồng trại quy hoạch ở các khu vực chưa hợp lý, chưa đảm khoảng cách khu dân cư, công tác xử lý khử trùng phân chuồng chưa được đảm bảo (các chuồng trại đa phần ở đầu nguồn nước nên dễ bị lây nhiễm dịch bệnh)  - Chưa áp dụng KHKT trong việc chăn nuôi  - Nguồn vốn vay hỗ trợ từ ngân hàng chính sách cho người dân thấp và lãi suất cao, thời hạn trả nhanh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Các trang trại và người dân có ý thức tiêm phòng cho các đàn gia súc ga cầm.  - Các hộ dân vay vốn tại ngân hàng chính sách huyện để phục vụ chăn nuôi.  - Ban thú y, ban nông nghiệp hằng năm xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức tiêm phòng chưa cao.  - Không có cách xử lý về VSMT | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** phát hiện các dịch bệnh chữa kịp thời bằng thuốc. |
| **Xóm Mới** |  | **\*Vật chất:**  - Không có quầy bán thuốc hay thức ăn cho gia cầm, gia súc.  - Chưa có chế độ phụ cấp cho cán bộ thú y xã.  - Chăn nuôi theo hình thức tự phát. | **\*Vật chất:**  - Có cán bộ thú y thôn.  - Hệ thống chuồng trại đã được xây dựng đảm bảo.  - Nguồn nhân lực dồi dào.  - Người dân chủ yếu chằng chéo, che chắn chuồng trại lại bị mưa bão  - Có các mối tiêu thụ sản phẩm. | - Nguy cơ đàn gia cầm bị chết do ngập lụt | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Đầu tư về trang thiết bị như dụng cụ tiêm phòng dịch bệnh, dụng cụ đựng thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học để diệt khuẩn, tiêu độc khử trùng còn hạn chế, thiếu dụng cụ  **-**Nguồn vốn vay còn hạn chế  - Chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ khuyến khích trong chăn nuôi | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Ngân hàng chính sách cho vay để phục vụ chăn nuôi 50 triệu đồng/hộ.  - Các ngân hàng khác cho vay phụ thuộc vào tài sản thế chấp.  - Người dân được tham gia các lớp tập huấn do xã tổ chức.  - Khi có dịch bệnh xảy ra cơ quan thú y xã phối hợp với huyện để dập dịch. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chưa có kinh nghiệm trong chăn nuôi nên vấn đề dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra.  - Đầu tư chuồng trại vẫn chưa đúng quy trình | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân đã nhận thức tốt và chú trọng đến công tác phòng chống dịch bệnh.  - Số lao động nam và nữ lao động trong chăn nuôi cân bằng và có vai trò như nhau |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Một số vùng trũng thấp bị thiệt hại do lụt như gia cầm ( gà, vịt) bị trôi khi lụt.  - Số hộ chăn nuôi nhỏ lẽ trang bị vật chất, máy móc còn thiếu. | **\*Vật chất:**  - Số lượng trang trại trên địa bàn thôn nhiều được xây dựng kiên cố ( 03- 04 trang trại lớn).  - Một số trang trại lớn được trang bị máy móc ( máy hút nước, máy phát điện) phòng chống thiên tai. |  |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Người dân chăn nuôi chủ yếu theo hình thức thả đàn theo truyền thống chưa áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi  - Khi mùa mưa, lụt đa số người dân chưa chủ động trong việc phòng chống thiên tai đưa gia cầm tới nơi an toàn được các đoàn thể giúp đỡ | **\*Tổ chức xã hội:**  - Hằng năm có tập huấn về kỹ năng phòng chống thiên tai cho gia cầm nhưng chủ yếu là các trang trại. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân chưa có kiến thức về phòng trị bệnh cho gia súc trong mùa mưa bão.  - Người dân trị bệnh trong mùa mưa lũ cho gia cầm chưa hiệu quả | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số bộ phận người dân có ý thức phòng bệnh trong mùa mưa bão cho gia cầm |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống chuồng trại của các hộ chăn nuôi thiếu kiên cố dẫn đến khi có bão thường tóc mái. | **\*Vật chất:**  - Người dân chủ động trong việc mua con giống thức ăn, thuốc phòng trừ dịch bệnh. Đầu tư xây dựng chuồng trại hạn chế thiệt hại | - Nguy cơ chuồng trại tốc mái | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Một số hộ dân chưa áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi dẫn đến xảy ra dịch bệnh và gây ô nhiễm môi trường  - Cán bộ y tế cấp các loại thuốc tiêm phòng, khử trùng, tiêu độc khi có dịch bệnh xảy ra còn ít | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Khuyến nông xã tổ chức các tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà, vịt, trâu bò...  **-** Ngân hàng chính sách cho vay vốn phát triển chăn nuôi. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Ý thức tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm còn yếu. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Hằng năm ban thú y xã tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm trên địa bàn thôn. |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống chuồng trại còn thô sơ, chưa có hầm xử lý nước thải trong chăn nuôi, không có cơ sở bán thuốc và thức ăn chăn nuôi gia súc | **\*Vật chất:**  - Có 98 con bò, 30 con trâu, đồng cỏ nhiều thuận lợi dùng làm thức ăn cho đàn gia súc |  |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác quản lý của cán bộ thú y xã còn lỏng lẻo trong việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vứt xác gia cầm bừa bải, đặc biệt là nơi có nguồn nước, khu vực công cộng  - Ngân hàng chính sách hỗ trợ cho người dân vay vốn còn thấp, lãi suất tương đối cao, thời gian hoàn trả nhanh  - Công tác tuyên truyền cho người dân về phòng chống dịch trên đàn gia súc gia cầm chưa thường xuyên | **\*Tổ chức xã hội:**  - Khi bị ngập lụt đàn gia cầm chết đã được xử lý đúng quy định  - Hằng năm UBND xã tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm  - Có cán bộ thú y thôn, thường xuyên chăm sóc và tiêm phòng dịch bệnh đúng định kỳ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, chủ yếu theo kinh nghiệm dân gian | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chủ động chuẩn bị thức ăn, đảm bảo công tác chuồng trại ấm cho gia súc trong mùa mưa bão |
| **Thắng Lợi** | **158** | **\*Vật chất:**  **-** Cơ sở vật chất phục vụ chăn nuôi chưa kiên cố chiểm 50 %.  - Giống vật nuôi người dân tự mua.  - Chưa có cơ quan tổ chức nào hỗ trợ giống cho bà con | **\*Vật chất:**  - 50 % cơ sở vật chất phục vụ chăn nuôi đảm bảo kiên cố.  - Có ban thú y xã và cán bộ thú y của Thôn | - Nguy cơ gia súc, gia cầm chết, dịch bệnh | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Người chăn nuôi giấu dịch bệnh, không thông báo cho cấp trên khi có dịch bệnh xảy ra. Nên việc nắm bắt thông tin để phòng chống dịch bệnh thiếu kịp thời của cán bộ thú y  - Chăn nuôi hộ gia đình, gia trại chiếm tỷ lệ cao nên việc phòng trị bệnh khó khăn  - Người dân chăn nuôi dựa vào kinh nghiệm sẵn có chưa áp dụng các tiến bộ khoa học vào trong sản xuất | **\*Tổ chức xã hội:**  - Huyện tổ chức lớp tập huấn kiến thức chăn nuôi.  - Ban ngành của xã, thôn tuyên truyền công tác phòng chống dịch bệnh.  - Cử cán bộ về phụ trách chỉ đạo tiêm phòng tại Thôn |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có chủ động trong việc tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm định kỳ và đặc biệt trước mùa thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Qua thời gian chăn nuôi lâu năm, bà con rút ra kinh nghiệm để chăn nuôi.  - Bà con dùng tro để chống rét cho gia súc, gia cầm.  - Tận dụng thân lúa phơi khô cách giữ để mùa đông làm lương thực cho trâu bò và chống rét cho lợn gà.... |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  **-** Đầu tư xây dựng trang trại tạm bợ chưa được kiên cố, một số hộ chăn nuôi ở vùng có địa hình thấp | **\*Vật chất:**  **-**  Trong thôn có 05 trang trại, chăn nuôi lớn, một năm trong thôn chăn nuôi gà vịt khoảng 60 ngàn con gà vịt | - Nguy cơ gia súc gia cấm cuốn trôi, chết | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có hỗ trợ về con giống, thức ăn cho những hộ chăn nuôi  **-** Người dân chưa mạnh dạn vay vốn để cũng cố trang trại  - Công tác hỗ trợ vốn vay trong chăn nuôi còn hạn chế | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền luôn quan tâm tạo điều kiện cho các hộ dân tiếp cận được các nguồn vốn vay cho hộ dân chăn nuôi với lãi suất ưu đãi |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm còn yếu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Thời gian chăn nuôi lâu năm các hộ trang trại đã chuẩn bị thuốc men trước bão lụt và sau lụt |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  **-** Cơ sở vật chất chuồng trại chưa đảm bảo khoảng 50 %  - Giống gà người dân tự mua  - Nhà nước không hỗ trợ con giống | **\*Vật chất:**  - Cơ sở vật chất chuồng trại kiên cố khoảng 50 %.  - Người dân chủ động trong việc mua giống, các cơ sở vật chất để phục vụ trong việc chăn nuôi | - Nguy cơ gia súc gia cấm cuốn trôi, chết  - Nguy cơ chuồng trại tốc mái | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm  **-** Chưa áp dụng khoa học kỹ thuậ vào trong chăn nuôi  - Thị trường giá cả bấp bênh, các thương lái ép giá, việc nhập gia súc gia cầm bên ngoài ảnh hưởng đến giá cả và chất lượng sản phẩm | **\*Tổ chức xã hội:**  **-**Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để phục vụ chăn nuôi gà vịt heo trong sản xuất  - Các trang trại chủ động tiêm phòng cho các đàn gia súc.  - UBND xã phối hợp với phòng nông nghiệp tập huấn khoa học kỹ thuật cho các trang trại nuôi gà tập trung |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức tiêm phòng chưa cao còn chủ quan như tiêm phòng lở mồm long móng trâu bò | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Qua từng đợt nuôi và thu hoạch nguời dân rút ra kinh nghiệm cách phòng và chữa bệnh cho việc nuôi gà, vịt, heo... |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  **-** Đầu tư xây dựng trang trại tạm bợ chưa được kiên cố, một số hộ chăn nuôi ở vùng có địa hình thấp | **\*Vật chất:**  **-**  Trong thôn có 05 trang trại, chăn nuôi lớn, một năm trong thôn chăn nuôi gà vịt khoảng 60 ngàn con gà vịt. | - Nguy cơ gia súc gia cấm cuốn trôi, chết | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nền kinh tế của địa phương còn khó khăn nên người dân ít đầu tư trang thiết bị chăn nuôi do chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, chưa đầu tư mô hình tập trung  **-** Người dân chưa mạnh dạn vay vốn để cũng cố trang trại | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Luôn quan tâm các nguồn vốn quỹ cho hộ dân chăn nuôi |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm còn yếu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Thời gian chăn nuôi lâu năm các hộ trang trại đã chuẩn bị thuốc men trước bão lụt và sau lụt |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  **-** Số lượng giống mua chết nhiều lúc nhỏ, cơ sở vật chất chuồng trại chưa đảm bảo khoảng 50 %  - Giống gà người dân tự mua  - Nhà nước không hỗ trợ con giống | **Vật chất:**  - Trong thôn có 06 trang trại, chăn nuôi lớn, một năm trong thôn chăn nuôi gà vịt khoảng 70 ngàn con | - Nguy cơ gia súc gia cấm cuốn trôi, chết | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - 100% hộ chăn nuôi đều vay vốn ngân hàng, thế chấp giấy chứng nhận  - Giá cả thị trường mất ổn định, không có đầu ra, bị thương lái ép giá dẫn đến lỗ, thiệt hại kinh tế cho người dân  - Dịch bện xảy ra trên đàn gia súc gia cầm  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi | **\*Tổ chức xã hội:**  - Giống và thức ăn do đại lý Hiến Lựu cung cấp tận nhà, giống đã được tiêm phòng  - Đại lý đầu từ nguồn vốn, giống và thức ăn đến khi xuất bán mới trả tiền  - UBND xã phối hợp phòng Nông nông nghiệp tập huấn khoa học kỹ thuật cho các trang trại nuôi gà tập trung và nhỏ lẻ  - Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để phục vụ chăn nuôi  - Ban thú y, Ban nông nghiệp hàng năm xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm 2 đợt/năm |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Ý thức người dân chưa cao trong việc tiêm phòng cho đàn trâu, bò gây lở mồm long móng  - Có 10% hộ dân chưa có cách xử lý vệ sinh môi trường, chuồng trại gây ảnh hưởng đến dịch kịnh bệnh | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số dân có hầm biogas trong việc xử lý nguồn phân heo  - Người dân có kinh nghiệm trong cách phòng bệnh cho gà, vịt, heo  - Nâng cấp chuồng trại kiên cố, có che kín mùa rét  - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có trong gia đình như sắn, ngô, khoai |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Không có quầy bán thuốc kịp thời cho gia súc gia cầm.  - Truồng trại chủ yếu tự làm không có quy mô hay kỹ thuật của trang trại | **\*Vật chất:**  - Có 80 con gia súc, 15 con trâu, 65 con bò, một số chuồng trại xây dựng kiên cố và có hầm xử lý nước thải | - Nguy cơ gia súc gia cầm chết, cuốn trôi - Nguy cơ thiếu thức ăn cho gia súc gia cầm | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi đầu tư và hỗ trợ vốn để xây dựng chuồng trại kiên cố và các mô hình chăn nuôi tập trung đảm bảo theo quy định trong chăn nuôi  - Không có tổ chức nào hỗ trợ giống cho các hộ dân, và tổ chức tập huấn và hướng dẫn xây dựng truồng trại  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc chăn nôi khi thời tiết thay đổi, gia súc gia cầm hay bệnh thương hàn và tiêu chảy | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** UBND xã chỉ đạo ban thú y xã tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc mỗi năm 02 lần.  - UBND xã có thông báo về tận khu dân cư về việc phòng chống che chắn cho đàn gia súc khi xảy ra bão |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chưa có kinh nghiệm về chăn nuôi theo hình thức trang trại.  - Việc đầu tư chuồng trại chưa được quan tâm | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ chăn nuôi tuy có ý thức che chắn truồng trại nhưng chưa đúng kỹ thuật |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  **-** Nhân dân chăn nuôi chủ yếu gia súc, gia cầm khoảng 5000 con nhưng bằng hình thức gia trại.  - Chủ yếu là tự lập không được đào tạo kỹ thuật về chăn nuôi.  - Truồng trại chủ yếu đơn sơ không có trang trại | **\*Vật chất:**  **-** Có 80 con gia súc, 5 con trâu, 25 con bò, một số chuồng trại xây dựng kiên cố và có hầm xử lý nước thải | - Nguy cơ gia súc gia cầm chết, cuốn trôi - Nguy cơ thiếu thức ăn cho gia súc gia cầm | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nghiệp vụ thú y cho các hộ chăn nuôi, tiêu độc khử trùng, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường chung  - Chưa có tổ chức xã hội nào tổ chức tập huấn và hướng dẫn người dân xây dựng truồng trại, hỗ trợ giống cho các hộ dân. | **\*Tổ chức xã hội**  - UBND xã chỉ đạo ban thú y xã tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc mỗi năm 02 lần.  - UBND xã có thông báo về tận khu dân cư về việc phòng chống che chắn cho đàn gia súc khi xảy ra bão |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chưa có kinh nghiệm về chăn nuôi theo hình thức trang trại.  - Việc đầu tư chuồng trại chưa được quan tâm | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ chăn nuôi tuy có ý thức che chắn truồng trại nhưng chưa đúng kỹ thuật |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  **-** Chuồng trại tạm bợ dễ bị ảnh hưởng của bão, rét | **\*Vật chất:**  **-**  Có 15 con gia súc, 5 con trâu, 15 con bò, một số ít chuồng trại xây dựng kiên cố | - Nguy cơ gia súc gia cầm chết, cuốn trôi - Nguy cơ thiếu thức ăn cho gia súc gia cầm | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã về phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng, diễn biến thời tiết, biến đổi khí hậu để có kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm  **-** Người dân chưa được tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ về chăn nuôi | **\*Tổ chức xã hội:**  - Thú y, nông nghiệp, khuyến nông của xã có tuyên tryền kỹ năng phòng chống thiên tai trong việc chăn nuôi |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Có một số người dân chưa chủ động đưa gia súc đến nơi an toàn khi có bão.  - Người dân chưa chủ động chống rét cho gia súc. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tích cực chủ động tích trữ thức ăn cho gia súc. |

**Nhận xét:** Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm , nền kinh tế của địa phương còn khó khăn nên người dân ít đầu tư trang thiết bị chăn nuôi do chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, chưa đầu tư mô hình tập trung, người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi, chưa có kinh nghiệm trong việc chăn nôi khi thời tiết thay đổi, gia súc gia cầm hay bệnh thương hàn và tiêu chảy

## **Thủy Sản**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn dân cư vùng thấp, trũng, chưa có hệ thống tiêu úng, ao hồ tạm dễ bị sạt lở khi mưa lớn xảy ra  - Dịch bệnh xảy ra trên thủy sản chưa có hướng xử lý, khắc phục | **\*Vật chất:**  - Có 4,5 ha ao hồ, tận dụng việc kết hợp mô hình cá lúa khoảng 15 ha, có máy bơm hút nước khi thu hoạch, có một số mô hình kết hợp giữa gà-vịt-cá | -Nguy cơ vỡ ao, hồ cá trôi, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền chưa đứng ra tổ chức bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân  - Chưa được hỗ trợ kỹ thuật trong chăn nuôi cho người dân  - Người dân khó tiếp cận được nguồn vốn vay nuôi trồng thủy sản do không có tài sản thế chấp | **\*Tổ chức xã hội:**  - Được ngân hàng nông nghiệp tùy thuộc vào tài sản thế chấp  - 70 % lao động nữ tham gia vào nuôi trồng thủy sản  - Chính quyền hỗ trợ tiền cấp bù thủy lợi phí cho các hộ sản xuất nuôi trồng thủy sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chủ yếu chăn nuôi theo hình thức thủ công chưa áp dụng các biện pháp KHKT trong chăn nuôi | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân xử lý ao hồ để hạn chế dịch bệnh như tiêu độc khử trùng nguồn nước |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  **-** Không có hệ thống tiêu úng.  - Hệ thống ao hồ đơn giản dễ bị sạt lở khi mưa lớn.  - Dịch bệnh xảy ra chưa có hướng xử lý | **\*Vật chất:**  - Có 03 ha ao hồ.  - Có máy bơm hút nước khi thu hoạch,  - Hệ thống bờ ao được đắp. | -Nguy cơ vỡ ao, hồ cá trôi, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chưa có tổ chức nào đứng ra đảm bảo cho đầu ra.  - Chưa được hỗ trợ kỹ thuật trong chăn nuôi.  - Chưa được vay vốn. | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Được tập huấn các lớp nuôi trồng thủy sản do UBND xã huyện tổ chức.  - Được ngân hàng nông nghiệp tùy thuộc vào tài sản thế chấp  - 70 % lao động nữ tham gia vào nuôi trồng thủy sản. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chủ yếu chăn nuôi theo hình thức thủ công chưa áp dụng các biện pháp KHKT trong chăn nuôi**.** | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân lựa chọn thời vụ để cố gắng thu hoạch trước mùa mưa bão. |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  **-** Diện tích ao hồ ít chủ yếu là các ao hồ nhỏ lẻ xen canh trong các hộ gia đình ( 02 ha).  - Các ao hồ chưa được kiên cố và hiện đại  - Ao hồ dễ bị ngập lụt trong mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  - Số lượng ao hồ được phân bố nhỏ lẽ trong dân xa các khu vực sông suối lớn ít bị ngập úng trong mùa mưa lũ.  - Do số lượng thủy sản ít nên khi mùa mưa bão tới người dân chủ động thu hoạch trước mua mưa bão. | -Nguy cơ vỡ ao, hồ cá trôi, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Các đoàn thể chưa có kế hoạch kiến thưc PCTT cho thủy sản.  - Khi xảy ra sự cố thiên tai thất thoát thủy sản ( Cá đi theo lũ). Hỗ trợ đoàn thể chưa có | **\*Tổ chức xã hội:**  - Một số tổ chức thu mua ( thương lái) có kỹ thuật kiến thức về khắc phục thu mua thủy sản trong mùa mưa lũ.  - Hằng năm khuyến nông có tổ chức tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm gia cố ao, hồ nuôi trồng thủy sản | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức phòng chống thiên tai, bảo vệ thủy sản trong mùa mưa lũ |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  **-** 04 ha ao hồ chủ yếu đắp bằng bờ đất bị sạt lở khi ngập lụt, cá tràn ra không thu hoạch được | **\*Vật chất:**  **-** Có 04 ha ao hồ trong đó có sử dụng máy hút nước trước khi thu hoạch và chống ngập lụt |  |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Không có tổ chức thu mua sản phẩm khi thu hoạch dẫn đến giá cả không ổn định.  - Chưa có kế hoạch quy hoạch nuôi trồng thủy sản | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Cán bộ được tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản để hướng dẫn nhân dân nuôi trồng thủy sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 40 % hộ gia đình còn thiếu kinh nghiệm trong nuôi trồng thủy sản | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 60 % hộ gia đình có king nghiệm áp dụng KHKT trong việc nuôi trồng thủy sản |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  **-**  Các ao hồ chủ yếu nhỏ lẻ, xen canh trong các hộ gia đình ( 02 ha)  - Các ao hồ chưa được kiên cố và hiện đại  - Ao hồ dễ bị ngập lụt trong mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  **-** Có 02 ha ao hồ trong đó có sử dụng máy hút nước trước khi thu hoạch và chống ngập lụt | -Nguy cơ vỡ ao, hồ cá trôi, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch tuyên truyền cho các hộ nuôi trồng thủy sản về công tác phòng chống thiên tai  - Khi xảy ra sự cố thiên tai thất thoát thủy sản, cuốn trôi, sự hỗ trợ của đoàn thể chưa kịp thời | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Được tập huấn các lớp nuôi trồng thủy sản do UBND xã huyện tổ chức.  - Được ngân hàng nông nghiệp tùy thuộc vào tài sản thế chấp  - 70 % lao động nữ tham gia vào nuôi trồng thủy sản. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Thiếu kinh nghiệm trong việc nuôi trồng thủy sản | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tận dụng các vật liệu sẳn có để làm thức ăn cho thủy sản |
| **Thắng Lợi** | **158** | **\*Vật chất:**  **-** Chưa có hệ thống nguồn nước cung cấp cho ao hồ.  - Đê điều bao quanh cho ao hồ còn tạm bợ chưa được kiên cố dễ bị xé vỡ khi mưa lũ.  - Ao hồ nhỏ lẻ chủ yếu là nuôi hồ gia đình. | **\*Vật chất:**  **-** Có nguồn nước tự nhiên quanh năm  - Ao hồ gần nhà dễ quản lý và chăm sóc  - Có 03 ha diện tích ao hồ | -Nguy cơ bị vỡ ao hồ, thủy sản bị cuốn trôi | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức xã hội nào đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.  - 80 % hộ dân chưa được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi thủy sản.  - Chưa được hỗ trợ về con giống và kỹ thuật nuôi trồng | **\*Tổ chức xã hội:**  - 20 % hộ dân được phòng nông nghiệp tập huấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản.  - Chính quyền thôn luôn khuyến khích tuyên truyền vận động bà con tham gia nuôi trồng thủy sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 20 % hộ gia đình chủ quan trong việc chăm sóc bảo vệ ao hồ thủy sản, chưa chịu thu hoạch thủy sản khi thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** 80 % hộ gia đình áp dụng nuôi trồng thủy sản phù hợp để tránh thiên tai. |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống nguồn nước cung cấp cho ao, hồ, đê bao quanh hồ tạm bợ dễ bị sạt lở khi mưa lớn, ao hồ nhỏ lẻ chủ yếu là nuôi hồ gia đình | **\*Vật chất:**  - Có 7 ha ao hồ nuôi cá, hệ thống ao hồ gần nhà dễ quản lý, có máy bơm hút nước khi thu hoạch cá | -Nguy cơ bị vỡ ao hồ, thủy sản bị cuốn trôi | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để nuôi trồng thủy sản cho hộ dân thấp, lãi suất cao, thời hạn trả ngắn  - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong nuôi trồng thủy sản | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để nuôi trồng thủy sản cho hộ dân  - Chính quyền thôn tuyên truyền vận động người dân phát triển ngành nghề thủy sản để tăng thu nhập |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân thiếu kinh nghiệm trong việc nuôi trồng thủy sản, nuôi theo hình thức tự phát chưa theo quy hoạch của chính quyền | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sử dụng các thức ăn có tại gia đình như chuối, sắn, ngô... |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  **-** Không có hệ thống tiêu úng.  - Hệ thống ao hồ đơn giản dễ bị sạt lở khi mưa lớn.  - Hệ thống ao hồ thấp gây ngập lụt, cá ra.  - Ao hồ nhỏ lẽ chủ yếu là trong vườn nhà diện tích nhỏ. | **\*Vật chất:**  - Có 8 ha ao hồ.  - Có máy bơm hút nước khi thu hoạch cá.  - Hệ thống ao hồ được xây kè bảo vệ có một địa điểm cung cấp con giống tại địa bàn đó là hộ ông Đinh Đăng Tuân | -Nguy cơ bị vỡ ao hồ, thủy sản bị cuốn trôi | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có thương lái mua cho người dân | **\*Tổ chức xã hội:**  - Được tập huấn khoa học kỹ thuật do UBND xã phối hợp với phòng Nông nghiệp huyện tổ chức cho các hộ dân.  - Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để nuôi trồng thủy sản cho hộ dân.  - Chính quyền thôn tuyên truyền vận động người dân phát triển ngành nghề thủy sản để tăng thu nhập |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chưa áp dụng KHKT vào nuôi trồng thủy sản khoảng 20 %. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 80 % người dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản.  - Sử dụng các thức ăn có tại gia đình như chuối, sắn, ngô... |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  **-** Chưa có hệ thống nguồn nước cung cấp cho ao hồ  - Đê điều bao quanh cho ao hồ còn tạm bợ chưa được kiên cố dễ bị xé vỡ khi mưa lũ.  - Ao hồ nhỏ lẻ chủ yếu là nuôi hồ gia đình. | **\*Vật chất:**  **-** Có nguồn nước tự nhiên quanh năm.  - Ao hồ gần nhà dễ quản lý và chăm sóc.  - Có 03 ha diện tích ao hồ. | **-**Nguy cơ ao, hồ vỡ nước tràn bờ ao, cá trôi | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức xã hội nào đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.  - 80 % hộ dân chưa được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi thủy sản.  - Chưa được hỗ trợ về con giống và kỹ thuật nuôi trồng. | **\*Tổ chức xã hội:**  - 20 % hộ dân được phòng nông nghiệp tập huấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản.  - Chính quyền thôn luôn khuyến khích tuyên truyền vận động bà con tham gia nuôi trồng thủy sản. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Thiếu kinh nghiệm trong việc nuôi trồng thủy sản.  - 20 % hộ gia đình chủ quan trong việc chăm sóc bảo vệ ao hồ thủy sản, chưa chịu thu hoạch thủy sản khi thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** 80 % hộ gia đình áp dụng nuôi trồng thủy sản phù hợp để tránh thiên tai.  - Tận dụng các vật liệu sẳn có để làm thức ăn cho thủy sản. |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Hồ cải tạo, bờ hồ bằng cát có đỗ sỏi trên mặt để xe đi lại, không kiên cố  - Ngập lụt cá trôi ra khỏi hồ, mất trắng | **\*Vật chất:**  - Có 15 hộ nuôi trồng thủy sản diện tích 15 ha  - 100% hộ vừa chăn nuôi gia súc gia cầm vừa nuôi trồng thủy sản | **-**Nguy cơ ao, hồ vỡ nước tràn bờ ao, cá trôi | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thu hoạch hàng loạt do sợ ngập lụt, nên giá xuống thấp, bán không được, có một số hộ nợ ngân hàng từ 200-300 triệu đồng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ủy ban Mặt trận hỗ trợ tiền cho 01 trang trại, gia trại 3 triệu bị thiệt hại  - Nhà nước hỗ trợ cho 01 ha 4, 9 triệu  - Phòng Nông nghiệp tổ chức tập huấn cho các hộ về nuôi trồng thủy sản 1 năm/lần, phát tài liệu để các hộ nghiên cứu  - Trang trại giống Tuân Loan cung cấp nguồn giống  - Ngân hàng cho vay vốn lãi suất theo quy định của nhà nước |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân biết thời tiết xảy ra ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản nhưng không cách phòng tránh thiệt hại do địa bàn vùng trũng, nước thoát không được các tuyến do nước các nơi đỗ về, kênh mương nhỏ không đảm bảo thoát | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Trại gà xây bên cạnh hồ, phân gà dùng làm thức ăn cho cá  - Tận dụng nguồn thức ăn trong gia đình, công lao động nhàn rỗi |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống nguồn nước cung cấp cho ao hồ, đê điều bao quanh ao hồ tạm bợ chưa được kiên cố, các hộ nuôi nhỏ lẻ | **\*Vật chất:**  - Diện tích ao hồ nuôi trồng khoảng 4,5ha, đa số ao hồ được nuôi gần nhà thuận lợi cho việc chăm sóc | - Nguy cơ, ao hồ ngập tràn, vỡ | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa tổ chức thường xuyên các lớp tập huấn về nuôi trồng thủy sản cho người dân  - Chính quyền chưa có chế độ hỗ trợ về con giống cho người dân sản xuất | **\*Tổ chức xã hội:**  - Phòng Nông nghiệp tập huấn cho người dân khoảng 20%  - Chính quyền thôn thường xuyên tuyên truyền khuyến khích nhiều hộ dân tham gia nuôi trồng thủy sản để tăng thu nhập |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu kinh nghiệm trong việc nuôi trồng thủy sản và còn chủ quan trong việc bảo vệ ao hồ | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 70% hộ gia đình áp dụng nuôi trồng thủy sản theo từng điểm phù hợp để tránh thiên tai, tận dụng các vật liệu sãn có để làm thức ăn cho nuôi trồng thủy sản |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống nguồn nước cung cấp cho ao hồ chưa đảm bảo, bờ hồ bao quanh ao hồ tạm bợ chưa được kiên cố, các hộ nuôi trồng thủy sản chưa tập trung, còn nhỏ lẻ | **\*Vật chất:**  - Khoảng 3ha diện tích nuôi trồng thủy sản, đa số ao hồ được nuôi gần nhà thuận lợi cho việc chăm sóc, có máy bơm nước khi thu hoạch | - Nguy cơ, ao hồ ngập tràn, vỡ | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có chính sách hỗ trợ về con giống và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản cho người dân  - Việc thu hoạch nhỏ lẻ do không có nơi tiêu thụ sản phẩm cùng lúc thu hoạch nhiều ao hồ | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có chế độ hỗ trợ cấp bù thủy lợi phí trong nuôi trồng thủy sản cho người dân  - Tận dụng nguồn lực nữ tham gia vào hoạt động nuôi trồng thủy sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa dự đoán được thời tiết để nuôi trồng thủy sản, thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Thu hoạch sớm trước 1tháng, hộ chăn nuôi chọn giống cá to để kịp nuôi thu hoạch sớm tránh lũ |
| **Làng Mới** | **29** | **Không có** |  |  |  |
|  |

**Nhận xét:** - Địa bàn dân cư vùng thấp, trũng, chưa có hệ thống tiêu úng, ao hồ tạm bợ dễ bị sạt lở khi mưa lớn xảy ra, dịch bệnh xảy ra trên thủy sản chưa có hướng xử lý, khắc phục, người dân chưa dự đoán được thời tiết để nuôi trồng thủy sản, thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

## **Du lịch: Không có**

## **Buôn bán và dịch vụ khác**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/**  **BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **Không có** |  |  | |
| **Xóm Mới** | **104** | **Không có** |  |  | |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Chợ Mai đã xuống cấp, điểm kinh doanh tạm bợ dễ bị hư hỏng khi xảy ra bão lũ  - Khi bão tới ảnh hưởng tới các hộ kinh doanh tại Chợ mai, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh | **\*Vật chất:**  - Có chợ Mai là chợ duy nhất của xã  - Có 2 nhà nghĩ, 3 công ty, 8 cửa hàng kinh doanh tạp hóa  - Có tuyến đường liên xã | - Nguy cơ sập chợ, gián đoạn hoạt động kinh doanh của người dân | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Một số hộ kinh doanh buôn bán thiếu vốn trong việc xây dựng cơ sở kinh doanh kiên cố  - Chính quyền chưa có kế hoạch nâng cấp chợ để người dân tập trung kinh doanh, cung cấp kịp thời các mặt hàng hóa cho người dân trước và sau thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  - Các đoàn thể, thôn chủ động trong việc phòng chống thiên tai, giúp đỡ các hộ kinh doanh buôn bán khắc phục khi thiên tai xảy ra  - Ngân hàng chính sách có hỗ trợ nguồn vốn vay cho các hộ sản xuất kinh doanh, giúp các hộ kinh doanh phát triển |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khi xây dựng cơ sở kinh doanh người dân còn xây dựng sơ sài, chưa chủ động trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo ứng phó với thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trong việc phòng chống thiên tai |
| **Nội Mai** | **144** | **Không có** |  |  |  |
| **Đấu Tranh** | **158** | **Không có** |  |  |  |
| **Thắng Lợi** | **140** | **Không có** |  |  |  |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống các quán tạm bợ chưa được kiên cố, sắp xếp bố trí chưa được khoa học nằm trên địa bàn vùng trũng, thấp | **\*Vật chất:**  - Có 2 hộ kinh doanh ăn uống, 15 hộ kinh doanh tạp hóa, 03 hộ kinh doanh giải khát | - Nguy cơ, các lều quán sập, tốc mái khi mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền địa phương thiếu thường xuyên đôn đốc cho các quán xá kinh doanh chấp hành nội quy, quy định  - Nguồn thu nhập giảm khi có thiên tai xảy ra do hoạt động kinh doanh ngừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền luôn có thông báo cho các hộ kinh doanh chuẩn bị sửa chữa, gia cố trước mùa mưa bão  - Ngân hàng chính sách khuyến khích và có hỗ trợ nguồn vốn vay cho các hộ sản xuất kinh doanh, giúp các hộ kinh doanh phát triển |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa mạnh dạn đầu tư xây dựng kiên cố quán, chưa có kiến thức về chằng chống nhà quán và công tác phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân đã hủ động chuẩn bị chằng chống quán và nghe thông tyi2nh tình hình diễn biến thời tiết thường xuyên khi có mưa bão |
| **Đoàn Kết** | **176** | **Không có** |  |  | |
| **Phù Lưu** | **120** | **Không có** |  |  | |
| **Hòa Đông** | **147** | **Không có** |  |  | |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **Không có** |  |  | |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **Không có** |  |  | |
| **Làng Mới** | **29** | **Không có** |  |  | |

**Nhận xét:** Địa bàn xã vùng trũng, thấp, thường xuyên ảnh hưởng bão, ngập lụt, chợ đã xuống cấp và các quán kinh doanh đa số còn tạm bợ, chính quyền chưa có kế hoạch nâng cấp sửa chữa chợ, người dân chưa chủ động trong công tác chằng chống lều, quán, vệ sinh môi trường xung quanh chợ, chủ động nghe tình hình diễn biến thời tiết còn hạn chế và thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/**  **BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Khu vực trũng thấp, sau bão thường bị ngập lụt, không có phương tiện đi lại thông tin cho người dân gặp nhiều khó khăn  - Không có các biển báo, cột mốc vùng nguy hiểm  - Hệ thống truyền thanh của xã chưa phủ kín hộ xa khu dân cư | **\*Vật chất:**  - Có 03 cụm loa truyền thanh của thôn, hệ thống truyền thanh của xã phủ kín khu dân cư  - Có 01 cái loa cầm tay đang sử dụng, khoàng 95% hộ dân có ti vi | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Hệ thống truyền thanh thường xuyên hư hỏng do sấm sét, thường xuyên cúp điện, không thông báo qua hệ thống loa được, chỉ thông báo trực tiếp hộ dân  - Người dân sống xa khu vực dân cư, thưa thớt khó tiếp cận thông tin | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thông báo trực tiếp đến từng hộ dân, liên hệ qua điện thoại với lực lượng xung kích, trực tiếp thông báo cho người dân trên cơ sở các văn bản chỉ đạo cấp trên |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 20% hộ dân chưa tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Có 80% hộ dân chủ động tiếp cận các kênh thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống loa truyền thanh công cộng của xã, số lượng loa còn thiếu, trong mùa mưa bão dễ bị hư hỏng, chưa kịp thời sửa chữa để người dân tiếp cận được thông tin | **\*Vật chất:**  - Thôn có hệ thống loa di động để thông báo cho người dân khi cần thiế, Có 02 cái loa cầm tay đang sử dụng, khoảng 90% hộ dân có ti vi. | - Hệ thống truyền thanh hư hỏng, nhiễu song  - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Hệ thống truyền thanh của thôn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, đặc biệt các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khó tiếp cận thông tin | **\*Tổ chức xã hội:**  - Thôn trưởng và lực lượng xung kích sử dụng ghe và cầm tay để thông báo thông tin cho người  - Chính quyền chỉ đạo cho người dân thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ; chuẩn bị nhu yếu cầu, thuốc, nước uống |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số những người dân lớn tuổi khó tiếp cận được các dịch vụ internet để cập nhật tình hình thiên tai khi mất điện | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  Một số hộ dân sử dụng các dịch vụ Internet, điện thoại di động để cập nhật tình hình diễn biến của thời tiết |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn thôn chưa có các biển báo, cột mốc vùng nguy hiểm, khu vực trũng thấp, thường xuyên bị ngập lụt, thiếu các phương tiện liên lạc để kịp thời thông tin cho người dân xa khu vực dân cư | **\*Vật chất:**  - Có 02 cụm loa truyền thanh của thôn, hệ thống truyền thanh của xã chưa phủ kín hộ dân xa dân cư, có 02 cái lao cầm tay đang sử dụng , hộ dân có ti vi chiếm 80% | - Hệ thống truyền thanh hư hỏng, nhiễu só ng  - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thông tin về phòng chống thiên tai còn ít, nội dung chưa được đầu tư một cách khoa học nên khi có thiên tai xảy ra một số người dân chưa nắm bắt thông tin kịp thời | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 01 cán bộ làm công tác truyền thanh  - Ủy ban nhân dân xã thường xuyên phát thanh tuyên truyền, ngày 2-3 lần khi về tình hình diễn biến thời tiết trên địa bàn để người dân kịp thời chuẩn bị sơ tán, di dời |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số nguời dân còn chủ quan trong việc nắm bắt thông và 1 số hộ khó khăn trong việc nắm bắt thông tin đặc biệt là những hộ già cả, neo đơn, khuyết tật | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  Đa số người dân có ý thức nắm bắt thông tin để chủ động phòng chống, ứng phó khi thiên tai xảy ra |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống loa có dây nên dễ bị đứt khi có bão, khu dân cư xa chưa tiếp cận được thông tin  - Không có hệ thống cảnh báo sớm trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  - Có 03 cụm loa truyền thanh của thôn, hệ thống truyền thanh của xã phủ kín hộ dân cư, khoảng 90% hộ dân có ti vi | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Trình độ cán bộ truyền thông chưa được đào tạo bài bản, chủ yếu là kiêm nhiệm  - Nhà nước chưa hỗ trợ, đào tạo cho cán bộ truyền thanh  - Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ truyền thanh còn thấp  - Cán bộ thôn và tổ an ninh chưa có nghiệp vụ vế ứng cứu khi có thiên tai xảy ra | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Có cán bộ truyền thanh thường xuyên tuyên truyền các thông tin đến người dân đặc biệt là tình hình diễn biến thời tiết  - Chính quyền thường xuyên nâng cấp, sữa chữa hệ thống truyền thanh trên địa bàn xã |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân ở xa trung tâm chủ quan không tiếp cận được các thông tin dẫn đến các thông tin không nắm bắt được kịp thời ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng đặc biệt là các thông tin khẩn về phòng chống thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số các hộ trung tâm khu dân cư tiếp cận được các thông tin tình hình diễn biến của thời tiết để ứng phó kịp thời |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn dân cư của thôn rộng, dân cư ở phân tán, thông tin thiếu kịp thời  - Các điểm nhà văn hóa thôn chưa có hệ thống tiếp âm của xã dẫn đến công tác tiếp cận thông tin còn hạn chế | **\*Vật chất:**  - Các hộ dân cư đều có ti vi để xem tình hình thời sự tin về diễn biến thời tiết vào mùa mưa bão | -Nguy cơ mất điện    - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Hệ thống loa truyền thanh lắp đặt ngoài trời, mưa bão làm hư hỏng nên việc thông tin tuyên truyền thường bị gián đoạn nên người dân không tiếp cận các thông tin kịp thời | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền đến tận các hộ dân xa khu dân cư đảm bảo cho người dân xa dân cư được tiếp cận các thông tin của xã đặc biệt là công tác phòng chống thiên tai và các chính sách khác của địa phương |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số hộ dân còn chủ quan, ở xa khu dân cư lo việc đồng áng, gia súc gia cầm, ít xem tình hình dự báo thời tiết khi có thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  Đa số các hộ dân xem ti vi vừa kết hợp các chương trình phim và thời sự thông tin về diễn biến của thời tiết để chủ động kịp thời |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Không có hệ thống cảnh báo sớm trên địa bàn thôn  - Hệ thống loa có dây nên dễ bị đứt khi có bão, khu dân cư xa chưa tiếp cận được thông tin | **\*Vật chất:**  **-** Người dân đa số có điện thoại di động nên dễ liên lạc với nhau khi thiên tai xảy ra.  - Giao thông đi lại giữa các hộ dân thuận lợi dễ bị chia cắt. | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Cán bộ làm công tác thông tin tuyên truyền chưa được nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và bảo quản hệ thống loa truyền thanh xã | **\*Tổ chức xã hội:**  Chính quyền thôn vận động các đoàn thể đến trực tiếp các hộ dân để thông báo cho người dân chuẩn bị nhu yếu cầu, thuốc, nước uống và kê kích các đồ đạt lên nơi cao ráo |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số người dân chủ quan không tiếp cận được các thông tin đặc biệt là các thông tin khẩn về phòng chống thiên tai dẫn đến ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Khoảng 75% hộ dân tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn dân cư của thôn rộng, dân cư ở phân tán, thông tin thiếu kịp thời, nhà văn hóa thôn có hệ thống loa chưa đảm bảo dẫn đến công tác tiếp cận thông tin của người dân còn hạn chế | **\*Vật chất:**  - Hệ thống truyền thanh của xã phủ kín hộ dân cư, có 01 cái lao cầm tay đang sử dụng hiệu quả | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  Nhà nước chưa hỗ trợ tập huấn công tác thông tin cho cán bộ phát thanh  - Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ phát thanh còn thấp, chất lượng thông tin tuyên truyền chưa cao  - Chính quyền chưa có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa loa phát thanh | **\*Tổ chức xã hội:**  Chính quyền thường xuyên tuyên truyền đến tận các hộ dân đảm bảo cho người dân được tiếp cận các thông tin của xã đặc biệt là công tác phòng chống thiên tai và các chính sách khác của địa phương |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Các đối tượng khuyết tật khó tiếp cận nguồn thông tin từ cụm loa truyền thanh của xã | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phần lớn người dân chủ động cập nhật thông tin thiên tai, diễn biến thời tiết thông qua hệ thống loa truyền thanh xã |
| **Đoàn Kết** | **176** | **\*Vật chất:**  - Khu vực trũng thấp, sau bão thường bị ngập sâu không có phương tiện đi lại thông tin cho người dân gặp nhiều khó khăn | **\*Vật chất:**  - Hệ thống truyền thanh của xã phủ kín hộ dân cư, có 02 cái lao cầm tay đang sử dụng hiệu quả | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Cán bộ thôn thường thay đổi theo nhiệm kỳ, không có kinh nghiệm, hoạt động còn hạn chế  - Thôn không có kinh phí để mua sắm hệ thống truyền thanh. | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai liên hệ qua điện thoại với lực lượng xung kích  - Thôn trưởng trực tiếp thông báo cho người dân trên cơ sở các văn bản chỉ đạo cấp trên và huy động lực lượng xung kích sử dụng ghe và cầm tay để thông báo thông tin cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân xa khu dân cư khó tiếp cận nguồn thông tin từ cụm loa truyền thanh của xã đặc biệt là thông báo khẩn tình hình thiên tai trên địa bàn | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chủ yếu nghe thông tin qua các phương tiện truyền thông đại chúng về tình hình diễn biến của thời tiết để kịp thời di dời, sơ tán |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  Cụm loa truyền thanh hữu tuyến nên thường xuyên bị hư hỏng khi có thiên tai xảy ra  - Loa sử dụng điện nên trường hợp có thiên tai gây mất điện dẫn đến thông tin không được tuyên truyền | **\*Vật chất:**  **-**- Có 02 cụm loa truyền thanh của thôn, hệ thống truyền thanh của xã phủ kín 98% hộ dân, 80% hộ dân có ti vi | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Hệ thống loa truyền thanh lắp đặt ngoài trời, mưa bão làm hư hỏng nên việc thông tin tuyên truyền thường bị gián đoạn nên người dân không tiếp cận các thông tin kịp thời | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thông báo trực tiếp đến từng hộ dân  - BCH PCTT liên hệ qua điện thoại với lực lượng xung kích  - Thôn trưởng trực tiếp thông báo cho người dân trên cơ sở các văn bản chỉ đạo cấp trên và lực lượng xung kích sử dụng ghe và cầm tay để thông báo thông tin cho người |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Khoảng 60% hộ dân chưa sử dụng Internet, 10% hộ dân chưa sử dụng điện thoại di động, 20% hộ dân chưa tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - 80% hộ dân tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Thiếu đài FM, mất điện không thông báo trên loa truyền thanh Thôn, hệ thống loa chưa được phủ kín khu vực dân cư xa | **\*Vật chất:**  - Có loa truyền thanh tại hội trường thôn.  - Người dân có 100 % ti vi, điện thoại để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho dân. | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế chưa kêu gọi được các nhà đầu tư và việc đóng góp của nhân dân còn ít nên hệ thống truyền thanh chưa được trang bị tốt và rộng khắp đến tận khu dân cư và các hộ dân ở những nơi xa trung tâm  - Địa bàn thôn tỉ lệ người già, tàn tật chiếm 20 %, được nắm bắt thông tin trên loa truyền thanh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền vận động các đoàn thể đến trực tiếp các hộ dân để thông báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai  - Thông báo cho người dân theo phương châm 4 tại chỗ; chuẩn bị nhu yếu cầu, thuốc, nước uống |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  Một số người dân ở xa trung tâm chủ quan không tiếp cận được các thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng đặc biệt là các thông tin khẩn về phòng chống thiên tai. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Đa số người dân chủ động tiếp cận các thông tin của xã đặc biệt là công tác phòng chống thiên tai và các chính sách khác của địa phương qua các phương tiện thông tin đại chúng |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Mật độ dân phân bố không đồng đều nhiều thôn xa trung tâm nên việc tiếp cận được các thông tin còn chậm ảnh hưởng đến công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  - Thôn có 02 cụm loa truyền thanh của hoạt động tốt, hệ thống truyền thanh của xã phủ kín hộ dân khu trung tâm, có khoảng 95% hộ dân có ti vi | -Nguy cơ mất điện    - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Cán bộ truyền thanh không chuyên trách, phụ cấp ít không đảm bảo cho hoạt động của cán bộ, nên hoạt động không thường xuyên và các nội dung tin bài chưa được đầu tư  - Thiên tai xảy ra thường xuyên cúp điện, không thông báo qua hệ thống loa được, người dân không tiếp cận được thông tin do sống xa khu vực dân cư, thưa thớt | **\*TCXH:**  - Thôn trưởng trực tiếp thông báo cho người dân trên cơ sở các văn bản chỉ đạo cấp trên  - Vận động các đoàn thể đến trực tiếp các hộ dân để thông báo |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Những đối tượng nuôi trồng thủy sản thường chủ quan trong nghề nghiệp dẫn đến tổn thất và thương vong về người và tài sản của người sản | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - 90% hộ dân tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Không có hệ thống loa truyền thanh công cộng  - Địa bàn dân cư của thôn rộng, dân cư ở phân tán, thông tin thiếu kịp thời | **\*Vật chất:**  **-** Hệ thống loa phát thanh thôn có 05 cái, thông báo cho các hộ dân về tình hình diễn biến của thời tiết để người dân chủ động sơ tán, di dời | - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai  - Thiếu hệ thống loa truyền thanh | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của quần chúng nhân dân  - Thu nhập bình quân của người dân thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, xã nghèo | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền sử dụng hệ thống loa truyền thanh cán bộ văn hóa xã phát những bản tin liên quan đến công tác phòng chống thiên tai  - Cán bộ văn hóa xã thường xuyên tuyên truyền về tình hình diễn biến của thời tiết cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  **-** Người dân chưa tiếp cận được tình hình thiên tai kịp thời | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - 80% hộ dân tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Không có hệ thống loa truyền thanh thông tin cho người dân nắm tình hình diễn biến của mưa bão | **\*Vật chất:**  - Thôn có cụm loa truyền thanh của hoạt động tốt, hệ thống truyền thanh của xã phủ kín hộ dân khu trung tâm, có khoảng 90% hộ dân có ti vi | -Nguy cơ mất điện    - Nguy cơ người dân không tiếp cận được thông tin về thiên tai | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của quần chúng nhân dân  - Dân cư thưa, đầu tư kinh phí lớn, địa phương thuộc xã nghèo không đủ ngân sách để đầu tư, nhà nước chưa hỗ trợ | **\*Tổ chức xã hội:**  - Thôn trưởng trực tiếp thông báo cho người dân trên cơ sở các văn bản chỉ đạo cấp trên  - Vận động các đoàn thể đến trực tiếp các hộ dân để thông báo |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Người dân còn chủ quan không sơ tán kịp thời khi mưa lũ | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - 70% hộ dân tiếp cận thông tin truyền hình, đài truyền thanh, thông báo của thôn về thiên tai |

**Nhận xét:** - Dân cư thưa, không có hệ thống loa truyền thanh thông tin cho người dân nắm tình hình diễn biến của mưa bão, đầu tư kinh phí lớn, địa phương thuộc xã nghèo không đủ ngân sách để đầu tư, nhà nước chưa hỗ trợ, xã xa trung tâm nên chưa được nhà nước đầu tư , nhà nước đang tập trung đầu tư cho các xã vùng trọng điểm

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/**  **BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn chủ yếu vùng trũng, thường xuyên ngập lụt, không có xuồng để ứng cứu khi có thiên tai xảy ra  - Không có trang thiết cứu hộ cứu nạn tại thôn, không có điểm tránh trú an tại thôn  - 40% hộ dân ở vùng ngập trũng không có phương tiện ghe, xuồng, áo phao | **\*Vật chất:**  - Có 02 hộ có máy cưa sử dụng khi cần thiết ứng cứu khắc phục hậu quả của bão, sẵn sàng phục vụ giúp chính quyền  - Dựa vào những hộ gia đình có nhà kiên cố để các hộ sơ tán di dời đến | -Nguy cơ thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa phương có nguồn quỹ phòng chống thiên tai ít, không đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ đặt ra cho công tác phòng chống thiên tai  - Chính quyền và người dân chưa được tham gia diễn tập PCTT  - Công tác phối kết hợp giữa chính quyền và người dân để đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai chưa thường xuyên và nhịp nhàng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn luôn chủ động thông báo và vận động bà con chằng chéo nhà cửa cũng như di dời, sơ tán khi thiên tai xảy ra  - Đội xung kích giúp đỡ khắc phục hậu quả nhanh chóng cho người dân khi thiên tai xảy ra  - Các tổ chức xã hội có hỗ trợ thức ăn nước uống kịp thờicho người dân không để thiếu đói, thiếu nước khi có thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân chưa có kinh nghiệm và còn chủ quan không theo dõi diễn biến tình hình thời tiết | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đ số người dân sử dụng công cụ thô sơ để kết bè như chuối, xăm ô tô dùng để di dời đồ đạt trong gia đình |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn: ghe, thuyền; trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, đèn pin để ứng cứu khi thiên tai xảy ra, chưa có hệ thống loa toàn xã, hệ thống loa truyền thanh đã xuống cấp, chưa có nhà tránh trú an toàn cộng đồng | **\*Vật chất:**  - Tận dụng các trang thiết bị trong khu dân cư, đạc biệt là nguồn lương thực, thực phẩm dự trữ trước mùa thiên tai  - Có hệ thống loa truyền thông nên kịp thời thông báo cho nhân khi có bão lũ xảy ra | -Nguy cơ thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền tuyên truyền nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân có trách nhiệm cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, sơ tán chưa kịp thời  - Là xã nghèo, thu ngân sách không đạt, huy động nguồn lực trong dân phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai còn hạn chế  - Kinh phí thôn còn hạn hẹp, nhà nước chưa trang cấp | **\*Tổ chức xã hội:**  - Trưng dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên tai xảy ra  - Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ trên địa bàn thôn  - Sau khi bão, lũ xảy ra chính quyền Thôn huy động lực lược dân quân cùng với khối mặt trận khắc phục sửa chữa nhà cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân còn chủ quan, chưa chấp hành lệnh sơ tán, di dời của chính quyền | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân chủ động nghe thông tin thời tiết để kịp thời chằng chéo nhà cửa và có sơ tán di dời kịp thời |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn: ghe, thuyền; trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, đèn pin để ứng cứu khi thiên tai xảy ra  - Chưa có nhà tránh trú an toàn cộng đồng | **\*Vật chất:**  - Tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán, sử dụng điện thoại di động để kịp thời liên lạc với nhau khi thiên tai xảy ra  - Có tuyến đường giao thông đi dùng để sơ tán người dân đến nơi an toàn | -Nguy cơ thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban phòng chống cứu hộ cứu nạn thôn, xã chưa được tập huấn và diễn tập  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít  - Các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được | **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban Phòng chống thiên tai xã xây dựng kế hoạch, phương án phù hợp với đặt thù của địa phương để ứng phó với thiên tai xảy ra, có kế hoạch huy động các phương tiện tại chỗ để ứng cứu kịp thời khi có thiên tai xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân còn chủ quan, chưa trang bị các phương tiện phòng chống thiên trong hộ gia đình như áo phao, ghe, thuyền | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức trong việc chằng chống nhà cửa, sơ tán và di dời đến nơi an toàn khi có lệnh của chính quyền |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn chủ yếu vùng trũng, thường xuyên ngập lụt, 30% hộ dân không phương tiện ghe, xuồng, áo phao để ứng cứu khi có thiên tai xảy ra  - Không có trang thiết cứu hộ cứu nạn tại thôn, thiếu điểm tránh trú an toàn cộng đồng | **\*Vật chất:**  - Có 03 hộ có máy cưa sử dụng khi cần thiết ứng cứu khắc phục hậu quả của bão, sẵn sàng phục vụ giúp chính quyền  - Dựa vào những hộ gia đình có nhà kiên cố để các hộ sơ tán di dời đến | -Nguy cơ người bình thường |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn và tổ an ninh chưa được tập huấn kỹ năng phòng chống thiên tai, bơi lội, sơ cấp cứu  - Chưa thành lập Tổ phòng chống thiên tai thôn, cơ cấu nữ tham gia vào Tổ an ninh ít vì, nữ chỉ phục hậu cần, chân yếu tay mềm, nam nhanh nhẹn hơn và có khả năng xử lý tốt hơn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có tổ an ninh thôn 03 người sẵn sàng phục vụ ứng cứu cho người dân khi thiên tai xảy ra (02 nam, 01 nữ), có quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ cụ thể  - Chính quyền huy động người dân tham gia chặt phát hoặc giải tỏa các cây ngã đỗ, tận dụng máy cưa của người dân nhưng có hỗ trợ kinh cho người có máy cưa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Khoảng 30% người dân còn chủ quan không kịp thời chằng chống nhà cửa hoặc di dời tài sản  - Nhận thức của người dân về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu còn hạn chế | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm chặt chuối kết thành bè để di dời vật nuôi, tài sản, sơ tán người đến nơi an toàn  - Đại bộ phận người dân chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm  - Người dân sẵn sàng phối hợp với chính quyền để ứng cứu và khắc phục thiên tai xảy ra |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  **-** Không có áo phao và các thiết bị cứu hộ cứu nạn.  - Hệ thống thông tin của thôn chưa được phân bổ đầy đủ trong thôn.  - Thiếu các thiết bị y tế để sơ cứu và cấp cứu khi thiên tai xảy ra. | **\*Vật chất:**  - Người dân có điều kiện kinh tế nên chủ động trong việc mua lương thực, thực phẩm, áo mưa...  - Thôn có hệ thống loa truyền thông nên kịp thời thông báo cho nhân khi có bão lũ xảy ra.  - 100 % người dân có ti vi.  - Hệ thống internet được phủ sóng. | -Nguy cơ thiếu trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thôn không có kế hoạch phòng chống thiên tai, chỉ thực hiện theo sự sự chỉ đạo của Ban phòng chống thiên tai của xã  - Cán bộ thôn và tổ an ninh chưa có nghiệp vụ vế ứng cứu khi có thiên tai xảy ra  - Chính quyền và người dân phối hợp để ứng cứu chưa nhịp nhàng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn luôn chủ động thông báo và vận động bà con chằng chéo nhà cửa cũng như di dời khi thiên tai xảy ra.  - Đội xung kích giúp đỡ khắc phục hậu quả nhanh chóng khi thiên tai xảy ra.  - Hỗ trợ thức ăn nước uống kịp thời, không để thiếu đói thiếu nước khi có thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Người dân chưa chủ động tiếp cận thông tin trên tivi để đối phó với thiên tai. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Đa số người dân sử dụng điện thoại để liên lạc và nắm thông tin từ người thân về tình hình diễn biến thời tiết |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  **-** Không có áo phao và các thiết bị cứu hộ cứu nạn.  - Hệ thống thông tin của thôn chưa được phân bổ đầy đủ trong thôn.  - Thiếu các thiết bị y tế để sơ cứu và cấp cứu khi thiên tai xảy ra. | **\*Vật chất:**  **-** Người dân đa số có điện thoại di động nên dễ liên lạc với nhau khi thiên tai xảy ra. | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền huy động các phương tiện trong dân để phục vụ ứng cứu chưa kịp thời và gặp nhiều khó khăn  Chính quyền thôn chưa tuyên truyền cho người dân về phương án sơ tán di dời  - Chính quyền thôn và người dân chưa tham gia diễn tập công tác phòng chống thiên tai bão, ngập lụt trên địa bàn thôn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn luôn chủ động thông báo và vận động bà con chằng chéo nhà cửa cũng như di dời khi thiên tai xảy ra.  - Đội xung kích giúp đỡ khắc phục hậu quả nhanh chóng khi thiên tai xảy ra.  - Hỗ trợ thức ăn nước uống kịp thời, không để thiếu đói thiếu nước khi có thiên tai. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số người dân còn chủ quan chưa chủ động phòng chống thiên tai.  - Trong lúc thiên tai đang xảy ra không phòng tránh mà cố khắc phục giữ tài sản nguy hiểm đến tín mạng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Đa số người dân đã trải qua nhiều lần thiên tai nên có kinh nghiệm bản thân trong việc phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai.  - Biết sử dụng các vật liệu sẵn có của địa phương như tre, nứa để chồng chéo nhà cửa trong mùa mưa bão |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Không có ghe, thuyền; trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, đèn pin để ứng cứu khi thiên tai xảy ra  - Hệ thống loa máy thông tin còn kém | **\*Vật chất:**  - Người dân đa số có điện thoại bàn và di động.  - Giao thông đi lại thuận lợi khi xảy ra thiên tai | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Là xã nghèo, thu ngân không đạt, huy động nguồn lực trong dân còn hạn chế  - Nhà nước chưa trang cấp  - Phương tiện cứu hộ cứu nạn của Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai của xã không có | **\*Tổ chức xã hội:**  - Trưởng thôn và cán bộ Ban công tác mặt trận khu dân cư nhiệt tình thông tin kịp thời đến tận người dân tình hình diễn biến của thời tiết  - Chính quyền thôn luôn chủ động thông báo và vận động |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Một số người dân còn chủ quan. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân đã trải qua nhiều cơn bão lụt đi qua nên đã có kinh nghiệm |
| **Đoàn Kết** | **176** | **\*Vật chất:**  - Công tác phòng chống thiên tai các hộ dân không có áo phao cứu trợ.  - Địa bàn chủ yếu vùng trũng, không có thuyền, ghe....  - Thiếu phương tiện cứu hộ trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn tại Thôn. | **\*Vật chất:**  **-** Người dân chủ động đèn pin và dầu khi mất điện  - Chính quyền thôn sử dụng nhà dân kiên cố dùng để cho người dân tránh trú | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít  - Chính quyền chỉ tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán  - Các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được  - Tổ an ninh và chính quyền thôn chưa được tập huấn về kỹ năng PCTT.  - Chưa có ban PCTT của Thôn chỉ thực hiện theo kế hoạch phòng chống lụt bão. | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền hỗ trợ chi phí để giải tỏa đường.  - Có ban PCLB xã được UBND xã phân công phụ trách các Thôn cùng Ban mặt trận khu dân cư thôn đến các hộ dân thiệt hại, thống kê tình hình thiệt hại và thăm hỏi động viên bà con.  - Có lực lượng an ninh xung kích cứu trợ ở Thôn. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 30 % hộ dân không chằng chống nhà cửa để ứng phó với cơn bão.  - 10 % hộ dân chưa có kiến thức về PCTT như các hộ đơn thân, người nghèo, người cao tuổi.  - Người dân thiếu kinh phí trong việc xây dựng nhà kiên cố, các dụng cụ thuyền, ghe để PCTT.  - Tỉ lệ người biết bơi còn ít. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chặt chuối kết thành bè di dời tới nới an toàn, con người tới điểm cao không ngập lụt.  - 100 % người dân chủ động lương thực, thực phẩm cho ngày lũ. |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  **-** Không có áo phao và các thiết bị cứu hộ cứu nạn.  - Hệ thống thông tin của thôn chưa được phân bổ đầy đủ trong thôn.  - Thiếu các thiết bị y tế để sơ cứu và cấp cứu khi thiên tai xảy ra. | **\*Vật chất:**  **-** Người dân đa số có điện thoại di động nên dễ liên lạc với nhau khi thiên tai xảy ra.  - Giao thông đi lại giữa các hộ dân thuận lợi dễ bị chia cắt. | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít  - Chính quyền chỉ tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán  - Các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn luôn chủ động thông báo và vận động bà con chằng chéo nhà cửa cũng như di dời khi thiên tai xảy ra.  - Đội xung kích giúp đỡ khắc phục hậu quả nhanh chóng khi thiên tai xảy ra.  - Hỗ trợ thức ăn nước uống kịp thời, không để thiếu đói thiếu nước khi có thiên tai. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số người dân còn chủ quan chưa chủ động phòng chống thiên tai.  - Trong lúc thiên tai đang xảy ra không phòng tránh mà cố khắc phục giữ tài sản nguy hiểm đến tín mạng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Đa số người dân đã trải qua nhiều lần thiên tai nên có kinh nghiệm bản thân trong việc phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Thiếu đài FM, mất điện không thông báo trên loa truyền thanh Thôn | **\*Vật chất:**  - Có loa truyền thanh tại hội trường thôn.  - Người dân có 100 % ti vi, điện thoại để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho dân. |  |  |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ban Phòng chống thiên tai xã chưa xây dựng kế hoạch, phương án phù hợp với đặt thù của địa phương để ứng phó với thiên tai xảy ra, có kế hoạch huy động các phương tiện tại chỗ để ứng cứu kịp thời khi có thiên tai xảy ra  - Địa bàn thôn tỉ lệ người già, tàn tật chiếm 20 %, được nắm bắt thông tin trên loa truyền thanh | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chỉ đạo kịp thời cho công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn thôn kịp thời, có cử cán bộ phụ trách về thôn để hỗ trợ cho người dân  **-** Cán bộ thôn nhiệt tình thông báo thông tin tình hình diễn biến thời tiết cho toàn dân kịp thời |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số hộ chưa biết cách chằng chống nhà cửa, dự trữ lương, nước uống thiếu khi thiên tai xảy ra | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Đa số các hộ dân biết gia cố nhà cửa, dự trữ lương thực thực phẩm trước khi thiên tai xảy ra |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Thiếu đài FM, mất điện không thông báo trên loa truyền thanh Thôn  - Phương tiện cứu hộ cứu nạn của Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai của xã không có phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít | **\*Vật chất:**  - Trưng dụng máy nổ dự phòng, lều bạt, xe tải của người dân để phục vụ cho công tác ứng cứu thiên tai trên địa bàn thôn | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa kêu gọi được các tổ chức hỗ trợ phương tiện ghe, thuyền, áo pháo, phao cứu sinh và các trang thiết bị, nhà tránh trú an toàn cộng đồng để sơ tán người dân phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Cán bộ thôn nhiệt tình thông báo thông tin cho toàn dân  - Trước khi bão đổ bộ vào UBND xã có hội nghị cốt cán mời mặt trận khu dân cư và Thôn để quán triệt tới tận người dân.  - Lúc xảy ra bão chủ yếu thôn huy động lực lượng để giúp các hộ dân thiệt hại. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Người dân chưa chủ động tiếp cận thông tin trên tivi để đối phó với thiên tai. | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Chủ động để phòng chống bão lụt xảy ra |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Người dân còn lúng túng xử lý tình huống khi xảy ra bão.  - Ở cơ sở chưa có công cụ vật chất mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn.  - Chưa có quyết định điều động đội xung kích hỗ trợ người dân. | **\*Vật chất:**  **-** Các hộ dân đều có đèn pin nhỏ và rựa để chặt cây chống nhà cửa.  - Chủ động dự trữ bao tải dùng xẻng để múc đất đằn lên trên mái để giảm gió giật làm hư hỏng mái nhà.  - Trước lúc xảy ra bão hệ thống loa phát thanh 05 cái để trưởng thôn thông báo cho các hộ dân.  - Trong lúc bão thôn cử đội xung kích cứu hộ. | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên t  ai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Là xã nghèo, thu nhập còn thấp, chính quyền chưa huy động được nguồn lực trong dân để phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai  **-**  Ban chỉ đạo có về chỉ đạo cơ sở thôn nhưng về số cán bộ UBND xã chỉ có 01 người vì phải chỉ đạo 13 thôn và thường trực ứng cứu tại UBND xã | **\*Tổ chức xã hội:**  - Thôn đã trích một phần kinh phí mua xăng đổ máy cưa giải tỏa khi cây cối sập vào các tuyến đường giao thông của Thôn.  - Ở địa bàn Thôn có một hộ dân có xe ô tô 16 chỗ, nếu có người bị thương do bão có thể huy động để đưa ra đến trung tâm y tế.  - Có tổ xung kích 05 người ( 04 nam, một nữ, có công an viên, thôn đội, phụ nữ, nông dân.) |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số người dân còn chủ quan, chưa trang bị các phương tiện phòng chống thiên trong hộ gia đình như áo phao, ghe, thuyền | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Đa số người dân sử dụng điện thoại để liên lạc và nắm thông tin từ người thân về tình hình diễn biến thời tiết |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn gò đồi vùng cao, thường xuyên bị ảnh hưởng bão, thôn chưa có trang thiết bị phục vụ cho công tác ứng phó thiên tai trên địa bàn | **\*Vật chất:**  **-** Địa bàn gò đồi, khi có bão dân chủ động trang thiết bị đèn pin, lương thực, nước uống | - Nguy cơ thiếu phương tiện di dời sơ cứu cấp cứu cho dân khi thiên tai xảy ra | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền huy động các phương tiện trong dân để phục vụ ứng cứu chưa kịp thời và gặp nhiều khó khăn  **-** Tổ an ninh chưa được tập huấn nghiệp vụ trong phòng chống thiên tai bão.  - Mới có ban phòng chống thiên tai của xã còn ở thôn chưa có | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Ban PCTT xã, thông tin văn hóa kịp thời thông báo trước khi có bão, lũ. Thôn có mặt trận khu dân cư, tổ an ninh gồm phụ nữ, dân quân, công an viên, bí thư, thôn trưởng.  - Thông tin văn hóa thôn trực tiếp thông báo cho dân, khi có dự báo và theo chỉ đạo của Ban PCTT xã  - Chính quyền hỗ trợ kinh phí, xăng dầu để cho máy cưa giải tỏa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Một số người dân còn chủ quan, chưa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm**  - Có 90 % người dân ý thức trong chằng chống nhà cửa, che đậy tài sản lương thực khi có bão, lũ xảy ra, người dân tương trợ lẫn nhau khắc phục sau bão |

**Nhận xét:**  Là xã nghèo, thu ngân không đạt, huy động nguồn lực trong dân còn hạn chế , nhà nước chưa trang cấp, phương tiện cứu hộ cứu nạn của Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai của xã không có, phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít, chính quyền chỉ tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán, các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được

## **Giới trong PCTT và BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Chưa có trang phục phòng chống thiên tai, thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn khi thiên tai xảy ra như ghe tàu, thiếu kinh phí để mua lương thực, thực phẩm, phụ nữ tham gia soạn sửa vật dụng nhà cửa | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ chuẩn bị hậu cần lương thực thực phẩm cho gia đình, dự trữ thuốc men khi có thiên tai, khắc phục thiên tai xảy ra, nam chuẩn bị dụng cụ, chằng chéo nhà cửa | - Nữ 30 % biết bơi, 70 % không biết bơi.  - Nam 60 % biết bơi, 30 % không biết bơi. | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Tỷ lệ nữ tham gia phòng chống thiên tai rất ít  - Phụ nữ hỗ trợ người dân khó khăn trong việc bưng bê các vật liệu nặng  - Công tác vận động các hộ dân còn gặp khó, phụ nữ chưa được tập huấn kỹ năng phòng chống thiên tai, tỷ lệ nữ bơi lội rất ít | **\*Tổ chức xã hội:**  - Phụ nữ tham gia tuyên truyền cho người dân khi có thiên tai xảy ra  - Vai trò của phụ nữ khi có thiên tai là người chăm sóc con cái  - Trong thôn phụ nữ tham gia cùng với cấp ủy, chính quyền thôn cùng các hộ dân thăm hỏi động viên các gia đình bị thiệt hại |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số hộ dân còn chủ quan trong việc chắng chống nhà cửa, dự trữ lương thực và các trang bị di dời sơ tán | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số hộ dân chủ động trong việc chắng chống nhà cửa, dự trữ lương thực và các trang bị di dời sơ tán |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Chưa có trang phục bảo hộ khi tham gia thực hiện ứng cứu, thiếu phương tiện, cơ sở vật chất, trong ứng phó với thiên tai  - Thiếu kinh phí để dự trữ lương thực, thực phẩm | **\*Vật chất:**  **-** Nữ chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men, nam chủ động chằng chéo nhà cửa, kết bè chuối để đi | **-** Nguy cơlúc thiên tai xảy ra việc sơ cấp cứu ban đầu không đảm bảo | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch cấp phát hàng cứu trợ cho người dân khắc phục sau thiên tai liên quan đến vần đề giới | **\*Tổ chức xã hội:**  - Cùng Ban Mặt trận khu dân cư tuyên truyền PCTT, khi thiên tai xảy ra cùng nhau dọn vệ sinh môi trường  - Chính quyền thôn khi triển khai thực hiện công tác ứng cứu cho người dân bao giờ cũng ưu tiên cho nữ trực tại trụ sở thôn, không đi xuống khu dân cư |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Chưa có kinh nghiệm trong công tác PCTT cả nam và nữ  . | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số phụ nữ thường xuyên nghe thông tin dự báo thời tiết để có chủ động chuẩn bị công việc gia đình |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Chưa có trang thiết bị bảo hộ ( quần, áo).  - Thiếu phương tiện, kỹ thuật hỗ trợ cho công tác phòng chống thiên tai  - Các công việc nặng phụ nữ không làm được | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ tham gia vệ sinh môi trường, dự trữ lương thực, thực phẩm trong gia đình | - Thiếu trang bị phương tiện cho lực lượng thanh niên xung kích | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  -Nam giới hỗ trợ người dân chằng chéo nhà cửa  - Nam giới thiếu kỹ năng sơ cấp cứu cho các trường hợp bị đuối nước  - Chính quyền chưa cơ cấu, quan tâm tập huấn cho nữ giới | **\*Tổ chức xã hội:**  - Phụ nữ được giao công tác hậu cần, khắc phục sau thiên tai ( dự trữ nhu yếu phẩm, thuốc men.)  - Phụ nữ dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ chưa có được tập huấn các lớp PCTT  - Phụ nữ bị áp đặt công việc gia đình, nội trợ nhiều hơn nam giới | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ dễ dàng vận động, tuyên truyền người dân khắc phục bão lụt |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  **-** Không có trang phục bảo hộ cho nam và nữ khi tham gia PCTT  - Thiếu phương tiện áo phao, xuồng khi tham gia PCTT | **\*Vật chất:**  **-** Phụ nữ đảm bảo công tác hậu cần lương thực thực phẩm, dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai  - Nam giới chằng chóng nhà cửa khi có thiên tai xảy ra | -Nguy cơ bị thương, chết người cao | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Cơ cấu phụ nữ tham gia vào các tổ xung kích ứng phó với thiên tai ít  - Chưa có chính sách hỗ trợ cho đội xung kích tham gia thực hiện nhiệm vụ ứng cứu thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Phụ nữ tham gia trong tổ xung kích làm công tác vận động tốt hơn nam giới, nam giới đảm nhận những công việc nặng như chằng chóng nhà cửa, giúp dân di dời các đồ đạt lên cao |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Nữ chưa được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, tỷ lệ nữ biết bơi ít hơn nam | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân chủ quan, biết công tác phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu là của nam và nữ đều cùng thực hiện |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  **-**  Không có trang phục bảo hộ cho nam và nữ giới.  - Thiếu phương tiện như áo phao, xuồng... khi tham gia phòng chống thiên tai. | **\*Vật chất:**  - Địa bàn có các lực lượng thanh niên nam, nữ sẵn sàng huy động họ tham gia các hoạt động khẩn cấp tại cộng đồng | -Thiếu trang thiến bị cứu hộ cứu nạn khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Nam giới chằng chống nhà cửa đang yếu  - Nam giới khảo sát địa hình địa giới chưa cụ thể | **\*Tổ chức xã hội:**  - Phụ nữ và nam giới khi thiên tai xảy ra đều tham gia các hoạt động ứng cứu trong gia đình cũng như ngoài xã hội |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Phụ nữ chưa được tập huấn các lớp PCTT | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ dành vận động tuyên truyền người dân khắc phục thiên tai |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  **-** Chưa có các bảo hộ lao động cho phụ nữ trong phòng chống thiên tai  - Chưa có chế độ chính sách ưa tiên cho nữ khi tham gia phòng chống thiên tai  - 60% nữ giới chưa biết bơi | **\*Vật chất:**  **-** 100% hộ gia đình đều có phụ nữ làm công tác hậu cần  - Nam giới luôn có trách nhiệm cao trong việc phòng chống và khăc phục thiên tai  - Nữ giới luôn chủ động dọn dẹp nhà cửa sau khi thiên tai | -Thiếu trang thiến bị cứu hộ cứu nạn khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chưa có cơ quan hỗ trợ cung cấp trang thiết bị cho phụ nữ trong công tác phòng chống thiên tai  - Tỷ lệ nữ tập huấn phòng chống thiên tai thấp  - Chưa có tuyên truyền lồng ghép giới trong công tác phòng chống thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền địa phương đã cơ cấu tỷ lệ nữ tham gia phòng chống thiên tai hợp lý  - UBND xã hỗ trợ phương tiện máy móc giúp bà con khắc phục cũng như hỗ trợ gạo cứu đói |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Một số phụ nữ chưa chủ động dự trữ thực phẩm trong mùa mưa lũ thiên tai, ý thức của một số bộ phận nữ giới giúp đỡ người bị thiệt hại chưa cao | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Đa số nữ giới có kinh nghiệm phòng chống thiên tai vì họ dã được trải qua  - Biết vận dụng các phương tiện vật liệu sản xuất của địa phương để ứng phó |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  **-** Thôn có số lượng nhà cửa, thiếu kiên cố nhiều, phụ nữ có bầu và lực lượng tham gia vào công tác PCTT đều đi làm ăn xa. | **\*Vật chất:**  - Luôn luôn chủ động vệ sinh môi trường.  - Phụ nữ thường xuyên quan tâm công tác PCTT dự trữ, nhằm đảm bảo cho mùa mưa bão. | -Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng xung kích khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Lực lượng nam giới luôn chủ động triển khai cac kế hoạch của cấp trên.  - Chính quyền chưa quan tâm tập huấn cho phụ nữ và người giá. | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Phụ nữ được cấp ủy chính quyền giao cho nhiệm vụ dự trữ lương thực, thực phẩm. |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhận thức một số chị em phụ nữ còn chủ quan trong việc ứng phó với thiên tai | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ dễ dàng vận động tuyên truyền người dân phòng chống thiên tai khắc phục hậu quả. |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  - Chưa có trang phục bảo trong công tác phòng chống thiên tai  - Thiếu phương tiện ứng cứu trong công tác PCTT như ghe, thuyền | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ chuẩn bị dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men  - Nam chằng chống nhà cửa, dùng bè, cây chuối kết lại để di dời | -Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng xung kích khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Cơ cấu phụ nữ tham gia vào công tác phòng chống thiên tai tỷ lệ thấp do đặc thù ngành và công việc  - Phụ nữ bận việc gia đình nhiều, tham gia vào các hoạt động xã hội ít  - Phụ nữ có sức khỏe yếu so với nam giới  - Phụ nữ mang thai và sinh con nhỏ khó khăn khi sơ tán đối với phụ nữ đơn thân  - Chưa có chính sách chế độ ưu tiên nữ tham gia công tác phòng chống thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  - Tỷ lệ 10% phụ nữ tham gia vào Ban phòng chống thiên tai của xã, có phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong ban  - Vai trò phụ nữ trong công tác PCTT làm hậu cần, khắc phục thiên tai  - Phụ nữ thường giao nhiệm vụ tuyên truyền, vận động người dân thực hiện công tác di dời  - Phụ nữ được tham gia vào các tổ chức xã hội như Chi hội Phụ nữ, tham gia nhiệt tình |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ ít được tham gia các lớp tập huấn về phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu  - Tỷ lệ phụ nữ có kỹ năng bơi lội thấp  - Phụ nữ thường chủ quan hơn nam trong công tác PCTT  - Phụ nữ thường bị áp đặt công việc gia đình nhiều hơn nam giới | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 90% thực hiện tốt cách phòng chống thiên tai theo kế hoạch của thôn đề ra  - Dọn dẹp vệ sinh, môi trường sau thiên  - Đa số nam có kỹ năng bơi lội tốt  - Nam cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết nhanh hơn nữ |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Chưa có trang phục bảo trong công tác phòng chống thiên tai  - Thiếu phương tiện ứng cứu trong công tác PCTT như ghe, thuyền | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ chuẩn bị dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men  - Nam chằng chống nhà cửa  - Dùng bè, cây chuối kết lại để di dời | -Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng xung kích khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Cơ cấu phụ nữ tham gia vào công tác phòng chống thiên tai tỷ lệ thấp do đặc thù ngành và công việc  - Phụ nữ bận việc gia đình nhiều, tham gia vào các hoạt động xã hội ít  - Phụ nữ có sức khỏe yếu so với nam giới  - Phụ nữ mang thai và sinh con nhỏ khó khăn khi sơ tán đối với phụ nữ đơn thân  - Chưa có chính sách chế độ ưu tiên nữ tham gia công tác phòng chống thiên tai | **\*Tổ chức xã hội:**  - Tỷ lệ 10% phụ nữ tham gia vào Ban phòng chống thiên tai của xã, có phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong ban  - Vai trò phụ nữ trong công tác PCTT làm hậu cần, khắc phục thiên tai  - Phụ nữ thường giao nhiệm vụ tuyên truyền, vận động người dân thực hiện công tác di dời  - Phụ nữ được tham gia vào các tổ chức xã hội như Chi hội Phụ nữ, tham gia nhiệt tình |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ ít được tham gia các lớp tập huấn về phòng chống thiên tai, sơ cấp cứu  - Tỷ lệ phụ nữ có kỹ năng bơi lội thấp  - Phụ nữ thường chủ quan hơn nam trong công tác PCTT  - Phụ nữ thường bị áp đặt công việc gia đình nhiều hơn nam giới | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - 90% thực hiện tốt cách phòng chống thiên tai theo kế hoạch của thôn đề ra  - Dọn dẹp vệ sinh, môi trường sau thiên  - Đa số nam có kỹ năng bơi lội tốt  - Nam cập nhật thông tin về diễn biến thời tiết nhanh hơn nữ |
| **Hòa Đông** | **147** | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ đơn thân gặp nhiều khó khăn trong công việc chằng chống nhà cửa, kê kích các vật dụng nặng lên cao, cần sự hỗ trợ của lực lượng thanh niên trong thôn. | **\*Vật chất:**  **-** Phụ nữ làm công tác hậu cần, dự trữ lương thực, thực phẩm.  - Nam phòng chống nhà cửa khảo sát tình hình và có kế hoạch phòng chống thiên tai. | -Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng xung kích khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-**  Chưa chuẩn bị đủ thức ăn đảm bảo công tác thiên tai khi có bão xảy ra.  - Chưa tập huấn về công tác phòng chống thiên tai. | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền làm tốt công tác chỉ đạo sơ tán nhóm đối tượng dễ bị tổn thương ưu tiên trước nhất  **-**  Nữ làm tốt công tác vận động người dân sớm sơ tán và phục vụ cho nam hỗ trợ khi sơ tán về người và cơ sở vật chất cần thiết  - Phụ nữ chăm sóc con cái khi có thiên tai xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số phụ nữ chưa chủ động chuẩn bị đảm bảo lương thực phục vụ còn lúng túng trong công tác chỉ đạo | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-**  Phụ nữ có kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, phân công cụ thể người tham gia giúp dân sơ tán |
| **Phù Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ và nam giới chưa được trang bị các phương tiện, đồ bảo hộ ứng phó với thiên tai | **\*Vật chất:**  - Sử dụng các phương tiện trong gia đình để tham gia các hoạt động phòng chống thiên tai tại cộng đồng | -Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng xung kích khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền thôn chưa cơ cấu nữ tham gia các công tác phòng chống thiên tai, chưa có sự hỗ trợ kịp thời những phụ nữ đơn thân khiêng vác các đồ vật nặng lên cao hoặc sơ tán đến điểm an toàn | **\*Tổ chức xã hội:**  - Lực lượng xung kích giúp dân ưu tiên sơ tán người già, trẻ em và phụ nữ trước tiên  - Nam đi ghe để hỗ trợ tiếp tế nhu yếu phẩm cho người dân  - Nữ thăm hỏi các hộ gia đình bị thiệt hại, tổng hợp danh sách các hộ thiệt hại, báo cáo chính quyền có hỗ trợ kịp thời. |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số phụ nữ chưa chủ động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của chính quyền khi có thiên tai xảy ra | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số phụ nữ có kinh nghiệm luôn chủ động nghe dự báo thời tiết để chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm cho gia đình |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Chưa được trang bị bảo hộ ứng phó với thiên tai cho cả nam và nữ tham gia ứng cứu công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn thôn | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ trong gia đình đa số đều làm công tác chuẩn bị hậu cần trước khi có thiên tai xảy ra | -Chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng xung kích khi tham gia ứng cứu | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chưa có tổ chức hỗ trợ thuốc men, lương thực sơ cấp cứu trước khi bão đổ bộ vào  - Chưa có tổ chức xã hội nào tập huấn về công tác PCTT | **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Sau khi bão xảy ra, nếu thiếu thuốc men thì hội chữ thập đỏ xã phối hợp với y tế để cấp thuốc  - Tổ an ninh xung kích của Mặt trận khu dân cư có cán bộ phụ trách cùng tham gia  - Phụ nữ thăm hỏi các gia đình bị thiệt hại sau lũ dễ hơn nam giới  - Nam làm những công việ năng như giúp dân chằng chống nhà cửa, di dời những vật nặng |
| **Nhận thức, kinh nghiệm:**  -Một số phụ nữ trụ cột gia đình chưa có ý thức trong việc chuẩn bị thuốc men, thực phẩm, dự trữ.  - Còn lúng túng trong việc cứu hộ, cứu nạn giúp đỡ mọi người. | **Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Hằng năm thường có thiên tai Bão, lũ xảy ra tại đa số có kinh nghiệm trong việc dự trữ lương thực, thực phẩm.  - Đa số có ý thức giúp đỡ người bị thiệt hại cùng họ khắc phục sau bão xảy ra. |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Chưa có các bảo hộ lao động cho phụ nữ trong PCTT  - Chưa có chế độ chính sách ưa tiên cho nữ khi tham gia phòng chống thiên tai  - 60% nữ giới chưa biết bơi | **\*Vật chất:**  - Phụ nữ làm công tác hậu cần, dự trữ lương thực, thực phẩm  - Nam phòng chống nhà cửa khảo sát tình hình và có kế hoạch phòng chống thiên tai | -Nguy cơ đuối nước - Nguy cơ không nắm được nhu cầu cứu trợ cho phụ nữ kịp thời | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  Chính quyền không nắm được tình hình nhu cầu thực tế của phụ nữ để có hỗ trợ kịp thời do chưa cơ cấu lực lượng nữ tham gia công tác PCTT tại địa bàn thôn  - Chưa chuẩn bị đủ thức ăn đảm bảo công tác thiên tai khi có bão xảy ra  - Chưa tập huấn về công tác phòng chống thiên taiu | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền huy động lực lượng giúp dân ưu tiên sơ tán người già, trẻ em và phụ nữ trước tiên  - Phụ nữ được cấp ủy chính quyền giao cho nhiệm vụ dự trữ lương thực, thực phẩm |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số các hộ dân còn chủ quan, chưa có sự phân công vai trò thực hiện công việc phòng chống thiên tai trong gia đình | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Phụ nữ chủ động sau thiên tai thường xuyên dọn dẹp vệ sinh môi trường xung quanh nhà |

**Nhận xét:** Địa bàn nằm vùng trũng, thấp thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, công tác giới chưa được lồng ghép vào công tác phòng chống thiên tai, chưa cơ cấu nữ tham gia vào các lực lượng thanh niên xung kích ở địa bàn thôn, công tác cứu trợ gặp nhiều khó khăn khi không xác định được nhu cầu của phụ nữ khi có thiên tai xảy ra

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/**  **BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **Bão, ngập lụt**  **Hạn hán**  **Rét** | **Tây Giáp** | **167** | **\*Vật chất:**  - Địa bàn dân cư vùng thấp, trũng, chưa có hệ thống tiêu úng, ao hồ tạm dễ bị sạt lở khi mưa lớn xảy ra  - Dịch bệnh xảy ra trên thủy sản chưa có hướng xử lý, khắc phục | **\*Vật chất:**  - Có 4,5 ha ao hồ, tận dụng việc kết hợp mô hình cá lúa khoảng 15 ha, có máy bơm hút nước khi thu hoạch, có một số mô hình kết hợp giữa gà-vịt-cá | -Nguy cơ vỡ ao, hồ cá trôi, mất trắng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  **-** Chính quyền chưa đứng ra tổ chức bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân  - Chưa được hỗ trợ kỹ thuật trong chăn nuôi cho người dân  - Người dân khó tiếp cận được nguồn vốn vay nuôi trồng thủy sản do không có tài sản thế chấp | **\*Tổ chức xã hội:**  - Được ngân hàng nông nghiệp tùy thuộc vào tài sản thế chấp  - 70 % lao động nữ tham gia vào nuôi trồng thủy sản  - Chính quyền hỗ trợ tiền cấp bù thủy lợi phí cho các hộ sản xuất nuôi trồng thủy sản |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chủ yếu chăn nuôi theo hình thức thủ công chưa áp dụng các biện pháp KHKT trong chăn nuôi | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân xử lý ao hồ để hạn chế dịch bệnh như tiêu độc khử trùng nguồn nước |
| **Xóm Mới** | **104** | **\*Vật chất:**  - Diện tích rừng vùng cao dễ bị ảnh hưởng bão làm cây đổ gãy, mua khô hạn cháy rừng, chưa có các biển cảnh báo cháy rừng | **\*Vật chất:**  - Diện tích rừng nằm ở vùng cao, đất cát, đất thịt, thổ nhưỡng đất phù hợp cho việc trồng rừng | -Nguy cơ cây bị gãy đỗ khi mưa bão | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có đơn vị đứng ra bảo đảm sản phẩm đầu từ rừng  - Chính quyền chưa có quy hoạch trồng và phát triển rừng người dân chủ yếu trồng rừng tự phát | **\*Tổ chức xã hội:**  - Được nhà nước hỗ trợ cho người dân vay vốn để trồng và phát triển rừng  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tổ chức cho người dân tập huấn phòng chống cháy rừng  - Chính quyền cấp trên có hỗ trợ cây giống cho người dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số người dân có ý thức trong việc phòng chống cháy rừng |
| **Phù Thị** | **127** | **\*Vật chất:**  - Có 2ha lúa ở vùng gập úng, hệ thống tiêu nước chưa đáp ứng khi mùa mưa lũ, mùa rét gây chết giống, cơ cấu thời vụ nằm trong mùa mưa bão | **\*Vật chất:**  - Có phương tiện máy móc chủ dộng trong việc gieo trồng và thu hoạch (máy hút nước)  - Lúa là tiềm năng phát triển chính của địa phương | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Các đoàn thể chưa tích cự giúp đỡ nhân dân trong việc phòng chống thiên tai do lúa  - Chính quyền chưa hỗ trợ người dân thành lập các tổ, nhóm sinh kế, trồng, chăm sóc lúa  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư sản xuất trên diện tích còn manh mún | **\*Tổ chức xã hội:**  - Khuyến nông và đoàn thể thôn được tập huấn và có kinh nghiệm trong việc phòng chóng thiên tai(tập huấn SRI)  - UBND huyện hổ trợ giống chết do rét, tổ chức diệt chuột đồng loạt khi chuột phá hoại, xây dựng lịch thời vụ cơ cấu cây trồng cho từng vùng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Tư tưởng một số người dân không muốn canh tác lúa vì hiệu quả kinh tế kém | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trong việc PCTT cho lúa ( khơi thông kênh mương đắp đập) |
| **Nội Mai** | **144** | **\*Vật chất:**  - Có 15ha lúa bị thiệt hại do tiểu mãn gây ra, không có hệ thống tưới tiêu để chống hạn nên không sản xuất vụ hè thu được, - diện tích đất ruộng nằm trong vùng trũng, thấp | **\*Vật chất:**  - Người dân chủ động sử dụng phương tiện thu hoạch lúa khi bị ngập úng, cây lúa là nguồn thu nhập chính của người dân  - Hỗ trợ các dịch vụ sản xuất như thuốc diệt chuột | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Ngân hàng nông nghiệp cho vay 50 triệu/hộ phải thế chấp  - Số hộ sản xuất nhiều, nguồn vốn ít, chỉ tiêu xét chọn có giới hạn  - Người dân đang còn thiếu quan tâm trong sản xuất, còn trong chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có ban nông nghiệp chủ động sản xuất xây dựng lịch thời vụ tránh lũ tiểu mãn phù hợp hàng năm hổ trợ cho bà con thực hiện  - Tổ chức các lớp tập huấn trồng lúa cho 70% hộ dân |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Bỏ sản xuất trồng lúa vụ hè thu mà để hoang một số diện tích không có nguồn nước tưới | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tận dụng để thu hoạch lúa tái sinh,có máy đập liên hợp ít bị ảnh hưởng của lụt gây ra |
| **Đấu Tranh** | **158** | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa nằm vùng thấp trũng, nên khó khăn trong việc tiêu nước, hệ thông kênh mương nhỏ, bằng đất dẫn nước kém, 70% diện tích lúa bị ngập lụt, mất trắng | **\*Vật chất:**  - Diện tích lúa khoảng 20,56ha, có cơ sở bán phân bón và thuốc trừ sâu trên địa bàn, có máy tuốt lúa, các tuyến đường nội đồng được mở rộng thuận lợi trong việc chăm sóc và gieo sạ | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Do địa hình vùng miền trung, thời tiết phân biệt rõ 2 mùa mưa nắng nên ảnh hưởng đến sản xuất  - Các xứ đồng không gặp được máy vì các đoạn bờ hẹp, ruộng lầy, máy không vào được  - Thu hoạch lúa bằng thủ công, thuê xe công ngông chở về, đưa máy thổi | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn thu nhập chính của người dân từ cây lúa  - Các tổ chức thôn có nguồn quỹ để cho các hộ sản xuất vay để phát triển sản xuất lãi suất thấp  - UBND xã thăm đồng để đánh giá chất lượng từng thôn/hộ |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Triễn khai sản xuất thụ động để tránh dịch bệnh thiên tai |
| **Thắng Lợi** | **140** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống kênh mương kiên cố để tưới tiêu  - Nguồn nước tưới tiêu phụ thuộc vào thiên nhiên  - 30% lúa nằm ở vùng thấp trũng  - Dụng cụ sản xuất thô sơ | **\*Vật chất:**  - ½ diện tích lúa nằm ở vùng cao  - Giống lúa đảm bảo kỹ thuật chất lượng cao trong thôn có 01 máy vày  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân | Nguy cơ ngập úng giảm năng suất | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai  - Sản xuất nông nghiệp manh mún,chưa dồn điền đổi thửa nên hiệu quả sản xuất kém, người dân chưa mạnh dạn vay vốn sản xuất, thiên tai xảy ra người dân chưa có biết cách phòng chống | **\*Tổ chức xã hội:**  - 90% phụ nữ tham gia hoạt động trồng lúa, thu nhập chính từ trồng lúa  - Khuyến nông hướng dẫn người dân và phân bổ lịch mùa vụ phù hợp với thời tiết  - Ban nông nghiệp thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở bà con  - Xã nằm trong diện bãi ngang nên huyện hổ trợ một phần kinh phí mua giống thủy lợi phí để sản xuất |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên,chưa chủ động trong việc sản xuất  - Chưa quan tâm đầu tư cho trồng lúa | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Chuyển đổi sản xuât vụ hè thu sang lúa tái sinh để tránh hạn hán và ngập lụt  - Triển khai sản xuất thụ động để tránh dịch bệnh thiên tai |
| **Tương Trợ** | **167** | **\*Vật chất:**  - Các xứ đồng phân chia nhỏ lẻ, không tập trung khó khăn trong việc trồng và chăm sóc lúa, không có máy gặt | **\*Vật chất:**  - Diện tích sản xuất trồng lúa khoảng 19ha, có cơ sở bán phân thuốc trừ sâu phân bón trên địa bàn thôn, có máy cày và máy tuốt lúa | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai  - Nguồn phân bón đầu tư cây trồng thiếu, năng suất lúa thấp  - Ngân hàng chính sách cho vay vốn sản xuất nhưng một số người dân không vay lý do sợ không có nguồn để hoàn trả gốc và lãi suất 6,5%/năn cho hộ nghèo, 7%/năm cho người dân, giới hạn về số tiền (20 triệu/hộ) | **\*Tổ chức xã hội:**  - Lúa là tiềm năng phát triển kinh tế của địa phương, tham gia hoạt động trồng lúa phụ nữ chiếm 95%  - Chính quyền xã tổ chức các đợt ra quân diệt chuột, dịch bệnh đồng loạt  - UBND huyện tổ chức tập huấn cho người dân về nông nghiệp |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân trồng lúa phụ thuộc vào nước trời  - Thời tiết thất thường, khó dự đoán chính xác để gieo trồng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm theo dõi thời tiết, bám theo lịch, tránh lũ tiểu mãn giảm thiệt hại |
| **Đoàn Kết** | **175** | **\*Vật chất:**  - Thiếu hệ thống kênh nương thoát nước, khi mùa mưa lũ gây ngập úng, chết lúa, gặt lúa thì lúa lên mộng, các loại cây giống người dân tự mua, lúa ngập lụt tiểu mãn làm mất trắng 100%, cơ sở vật chất sản xuất còn thô sơ, chưa có cơ sở bán phân bón trên địa bàn thô | **\*Vật chất:**  - Các hộ dân trồng lúa ở vùng cao, đất đai màu mở phù hợp cho việc trồng nén,kiệu,mướp, có 4,5 ha trồng hoa màu | -Nguy cơ lúa ngập úng, mất trằng | **Cao** |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có chính sách hỗ trợ vốn vay cho người dân, chưa tập huấn cho các hộ dân về trồng trọt lúa và hoa màu  - Thôn chưa có hợp tác xã Nông nghiệp, nên chưa có đơn vị, tổ chức đứng ra đảm bảo đầu ra sản phẩm từ nông nghiệp  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập | **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền hướng dẫn cho người dân đổi lịch mùa vụ để thu hoạch lúa trước mùa mưa bão, ngập lụt, khi bị ngập lụt nhà nước hỗ trợ 700.000 đồng/ha/hộ, huyện hỗ trợ giống cho các hộ khi bị mất mùa do ngập lụt một phần hạt giống, cơ cấu giống theo vùng miền  - Huyện hỗ trợ thuốc diệt chuột cho người dân  - 90% phụ nữ tham gia hoạt động sản xuất trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, thu nhập chính của người dân từ trồng lúa |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân chủ yếu bằng thủ công, kinh nghiệm hàng năm chưa có  - Thời tiết khắc nghiệt, mưa lớn kéo dài, lượng nước nhiều gây ngập lụt | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  **-** Người dân có kinh nghiệm phân bố các loại cây qua thời vụ  - Đất đâi phì nhiêu cây sẽ phát triễn nhanh |
| **Phù Lưu** | **120** | **\*Vật chất:**  - Đa số cây trồng trên đồi cao, nên dễ bị gãy, mưa to gây sạt lở, xói mòn đất. Mùa khô hạn hán cháy rừng, chưa có các biển cảnh báo | **\*Vật chất:**  - Có 16 ha rừng, trong đó 2ha rừng đất cát, diện tích rừng nằm ở vùng cao, gần nhà thuận lợi cho việc chăm sóc và bảo vệ | Nguy cơ cây gãy, đổ làm giảm năng suất | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức nào đứng ra bảo đảm đầu ra cho người dân,  - Chính quyền chưa có biện pháp tổ chức tuyên truyền phòng chống cháy rừng cho người dân, chưa có quy hoạch phát triển trồng rừng, đa số là người dân trồng rừng tự phát | **\*Tổ chức xã hội:**  - Nhà nước có chương trình hỗ trợ vốn vay cho người dân trồng rừng. Chính quyền có hỗ trợ cho những hộ bị thiệt hại do thiên tai, 5 triệu đồng/ha/hộ  - Phòng nông nghiệp cung cấp giống cây cho người dân  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tập huấn cho người dân phòng chống cháy rừng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa có kinh nghiệm trồng cây, chăm sóc và bảo vệ rừng, thiếu ý thức trong phòng chống cháy rừng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân tận dụng trồng cây ở những nơi đất khai hoang, chăm sóc tốt hơn từ khâu trồng đến khâu bảo quản và phân bón |
| **Hòa Đông** |  | **\*Vật chất:**  - Trồng rừng bằng thủ công  - 50% diện tích bị ảnh hưởng bão, lốc theo luồng gió  - Một số diện tích rừng nằm ven sông, suối dễ ngập úng  - Mật độ rừng dày 2.500/ha | **\*Vật chất:**  - Có 51 ha, trong đó rừng thông 20,2 ha, rừng kinh tế 15,8, rừng tự nhiên 15 ha  - Diện tích rừng nằm vùng đồi cao, đất sỏi bột, thổ nhưỡng đất phù hợp trồng rừng  - Diện rừng gần nhà, 100% hộ dân quản lý và có giấy chứng nhận | Nguy cơ cây gãy, đổ làm giảm năng suất | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chưa có tổ chức xã hội nào đảm bảo đầu ra cho sản phẩm gỗ  - Phòng Lâm nghiệp tổ chức tập huấn cho một số đại diện hộ dân, chưa đại trà  - Chưa có tổ phòng chống cháy rừng  - Chưa thành lập các tổ nhóm trồng rừng  - Không có các hoạt động sinh kế trong trồng trừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - Có 90% phụ nữ tham gia trồng rừng, 10% nam chăm sóc, bảo vệ rừng  - Phòng Nông nghiệp hộ hỗ trợ cây giống, phân NPK cho các hộ trồng rừng  - Phòng Lâm nghiệp tổ chức tập huấn cho các cho các hộ trồng rừng và chữa cháy  - Ngân hàng chích sách xã hội cho vay mức tối đa 50 triệu/hộ cho những hộ có nhu cầu vay vốn  - Khi xảy ra thiên tai bị thiệt hại thì nhà trợ tiền 5 triệu đồng/1 ha |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu ý thức trong phòng chống cháy rừng | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trồng rừng : đào hố, bỏ cây, phân, lắp cát để thấp so mặt bằng đất 5-10cm để khi mưa xuống đọng nước lại |
| **Phú Thiết 1** | **140** | **\*Vật chất:**  - Diện tích đất trên đồi cao dễ bị gãy, mưa to gây sạt lở, xói mòn đất dẫn đến cây trồng bị đổ ảnh hưởng 60%, dụng cụ trồng rừng bằng thủ công, mùa khô hạn thường dễ cháy rừng | **\*Vật chất:**  - Có 19 ha rừng trên cát, 37 ha rừng tự nhiên, 23 ha rừng thông nhựa , 70 ha rừng keo kinh tế, Đất sỏi bột diện tích rừng vùng cao, thổ nhưỡng đất phù hợp với việc trồng rừng, rừng gần nhà 100% hộ dân quản lý | Nguy cơ cây gãy, đổ làm giảm năng suất | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có kế hoạch tổ chức cho người dân thanh lập các nhóm trồng và chăm sóc rừng  - Phòng lâm nghiệp tổ chức tập huấn phòng chống cháy rừng cho một số hộ dân, đa số người dân chưa được tập huấn  - Thiếu các hoạt động sinh kế trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND xã hổ trợ cây giống cho các hộ dân, hộ bị thiệt hại nhà nước hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/hộ  - Phòng lâm nghiệp tổ chức tập huấn phòng chống cháy rừng cho hộ dân  - Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hộ trồng rừng vay vốn  - Trồng rừng có 80% là nử trồng rừng, công chăm sóc bảo vệ chiếm 20%  - Thương lái đến mua trực tiếp tại chỗ trồng rừng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân thiếu ý phòng chống cháy rừng, chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân có kinh nghiệm trồng rừng, phát cây rừng từ nhiên xen lẫn để dễ dàng khai thác |
| **Phù Thiết 2** | **92** | **\*Vật chất:**  - Khu vực trồng rừng trên đồi cao dễ bị gãy khi mưa to thiệt hại ảnh hưởng 60% diện tích rừng, dụng cụ trồng rừng bằng thủ công, mùa khô hạn thường dễ cháy rừng | **\*Vật chất:**  - Diện tích rừng tự nhiên có 5 ha, rừng kinh tế, rừng tràm có 100 ha, chủ yếu rừng thông nhựa chiếm diện tích lớn  - Các hộ dân đều có máy phát | Nguy cơ cây gãy, đổ làm giảm năng suất | Cao |
| **\*Tổ chức xã hội:**  - Người dân chủ yếu trồng rừng tự phá, chưa có sự bthống nhất quy hoạch các loại rừng của chính quyền nhà nước  - Chưa có tổ chức nào đảm bảo việc thu mua các nguyên liệu từ rừng | **\*Tổ chức xã hội:**  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tổ chức tập huấn phòng chống cháy rừng  - Ban quản lý dự án trồng rừng nhựa thông phát quang, tỉa cành đảm bảo khi thiên tai xảy ra |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Nhận thức của bà con về trồng rừng chưa được chú trộng, vì thời gian thu hoạch dài | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân đã biết chủ động phát tỉa cành, phát quang và bón phân, về mùa khô hạn đã chủ động phát quang để phòng chống cháy rừng |
| **Làng Mới** | **29** | **\*Vật chất:**  - Có 20% diện tích đất trồng rừng dễ bị ảnh hưởng của bão, dụng cụ trồng rừng còn thô sơ | **\*Vật chất:**  - Diện tích đất sỏi, phù hợp với việc trồng rừng, rừng gần nhà dân, thuận tiện cho việc chăm sóc | - Nguy cơ rừng bị gãy, đỗ khi bão | **Cao** |
| **Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa có hỗ trợ về mặt kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng cho người dân  - Chưa có tổ chức nào đứng ra bảo hộ đầu ra cho sản phẩm rừng  - Chưa có tổ nhóm trồng rừng  - Khi thu hoạch đường vận chuyển gặp nhiều khó khăn do đường đất lầy lội | **Tổ chức xã hội:**  - Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai thường xuyên tuyên truyền cho người dân trong việc phòng chống cháy rừng  - Ban quản lý rừng phòng hộ tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho người dân 1 năm/lần  - Ngân hàng chính sách hỗ trợ cho người dân vay vốn sản xuất trồng rừng  - Có 90% phụ nữ thảm gia vào việc trồng và chăm sóc rừng |
| **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Một số trẻ em đi chăn nuôi gia súc thiếu ý thức về phòng chống cháy rừng gây cháy rừng trong mùa khô | **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân có ý thức bảo vệ rừng của mình và chủ động phát quang cây con hoang hóa trong mùa khô để khỏi cháy lây lan |

**Nhận xét:** Địa bàn dân cư vùng thấp, trũng, một số địa bàn nằm vùng đồi cao, lúa , trồng rừng và nuôi trồng thủy sản là tiềm năng phát triển kinh tế của xã, tuy nhiên diện tích lúa sản xuất còn manh mún, lúa chủ yếu một vụ đông xuân do chưa chủ động được nguồn nước, hệ thống kênh nhỏ, hẹp bằng đất cát, giống lúa chưa đồng bộ giữa các cánh đồng, người dân đa phần chưa chủ động chăm sóc và trồng trọt theo đúng lịch thời vụ, dịch bệnh trên lúa thường xuyên xảy ra, người dân chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai, đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập, dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, chưa có hệ thống tiêu úng, ao hồ tạm bợ dễ bị sạt lở khi mưa lớn xảy ra, dịch bệnh xảy ra trên thủy sản chưa có hướng xử lý, khắc phục, người dân chưa dự đoán được thời tiết để nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

# **Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự vấn đề ưu tiên** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **TTDBTD** | **Nguyên nhân** | **Giải pháp**  **(tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)** |
| 1 | **Nguy cơ đuối nước** | **\*Vật chất**  - Nhà thiếu kiên cố, đơn sơ  - Thiếu phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn  - Thiếu tủ thuốc hộ gia đình  - Hệ thống loa truyền thanh chưa phủ sóng toàn xã | - Những hộ nghèo, đơn thân, thiếu nhận lực, vật lực  - Xã nghèo, có địa hình một số thôn nằm vùng trũng, thấp, mật độ dân cư thưa  - Chưa được cấp phát trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, xã có tỷ lệ thôn mằn vùng thấp trũng ít và nhiều thôn nằm đồi cao  - Địa hình xã rộng, phân bố dân cư thưa, kinh phí phủ sóng hệ thống truyền thanh lớn, xã không có điều kiện kinh phí thực hiện  - Trong chỉ đạo có lúc còn nễ nang, thiếu kiên quyết  - Chính quyền chưa xây dựng kế hoạch tập huấn, nâng cao năng lực cho Ban PCTT của xã trình cấp trên  - Công tác tuyên truyền cho người dân trong việc di dời chưa kịp thời  - Phạm vi ảnh hưởng thiên tai cục bộ, chỉ đạo chưa sâu sát từng địa bàn  -Người dân chưa được tập huấn PCTT/BĐKH, bơi lội | **\* Phi công trình:**  - Tập huấn, nâng cao nhận thức và kỹ năng PCTT cho chính quyền và người dân  - Đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác PCTT, phát huy phương châm 4 tại chỗ  - Chính quyền xây dựng kế hoạch chị đạo cụ thể kiên quyết trong việc di dời người dân  - Bổ sung cập nhật kế hoạch và xây dựng kịch bản diễn tập PCTT  **\* Công trình:**  - Kêu gọi, hỗ trợ phủ sóng hệ thống truyền thanh, phương tiện cứu hộ, cứu nạn trong công tác PCTT (ghe, thuyền, máy cưa, máy nỗ ….) |
| \***Tổ chức xã hội:**  - Công tác chỉ đạo của Ban chỉ đạo thiếu kiên quyết  - Công tác truyền thông cho người dân của chính quyền chưa kịp kịp  - Ban Phòng chống thiên tai xã chưa được tập huấn và diễn tập PCTT  - Chính quyền chưa chủ động phương tiện phải dựa vào sự hỗ trợ cấp trên |
| **\*Ý thức kinh nghiệm**  - Đa số người dân còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa  - Người dân lo giữ tài sản không chịu di dời, sơ tán  - Người dân thiếu kiến thức PCTT/BĐKH  - Chưa có kỹ năng bơi lội |
| 2 | **Thiệt hại về nhà ở** | **\* Vật chất:**  - Nhà ở trong vùng thấp trũng, ngập lụt  - Nhà ờ vùng đồi, san gió  - Nhà bán, thiếu kiên cố và nhà đơn sơ nhiều | - Điều kiện kinh tế địa phương xã nghèo, hộ nghèo, thời tiết khắc nghiệt, chưa có ngành tạo thu nhập  - Hệ thống truyền thanh thiếu, người ở thưa thớt  - Chế độ chính sách dành cho người nghèo còn hạn chế  - Những hộ nghèo không có đất để làm nhà  - Kinh phí hỗ trợ làm nhà thấp, kỹ thuật làm nhà yêu cầu cao  - Các tổ chức xã hội và cộng đồng chưa chung tay hỗ trợ cho những hộ nghèo | **\* Phi công trình:**  - Chính quyền địa phương có kế hoạch tuyên truyền huy động các nguồn vốn để hỗ trợ cho người làm nhà an toàn với bão, ngập lụt  - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi người dân trong vùng thường xuyên xảy ra thiên tai  - Tập huấn, nâng cao nhận thức cho người ứng phó khi thiên tai xảy ra  - Chính quyền có kế hoạch, quy hoạch cấp đất cho hộ nghèo để xây dựng nhà  **\* Công trình:**  - Kêu gọi đầu tư xây nhà an toàn với bão, ngập lụt cho người dân |
| \***Tổ chức xã hội:**  - Công tác cập nhật thông tin thiên tai tuyên truyền cho người dân chưa kịp thời đến người dân  - Chính quyền chỉ đạo công tác PCTT cho người dân chưa kịp thời  - Các chương trình của nhà nước hỗ cho kinh phí hộ dân làm nhà  còn thấp, không đáp ứng xây nhà kiên cố  - Những hộ khó khăn chưa được hỗ trợ kinh phí làm nhà theo chương trình  - Tiêu chí lựa chọn để xét hộ hỗ trợ làm nhà cao, khó thực hiện |
| **\*Ý thức kinh nghiệm:**  - Người dân chủ quan, thiếu kinh nghiệm, kỹ năng chằng chống nhà cửa  - Chưa được tập huấn về PCTT/BĐKH |
| 3 | **Trang thiết bị và phương tiện cứu hộ, cứu nạn phòng chống thiên tai chưa đảm bảo** | **\*Vật chất:**  - Thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn: ghe, thuyền; trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, đèn pin để ứng cứu khi thiên tai xảy ra  - Chưa có nhà tránh trú an toàn cộng đồng  \***Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền có nguồn quỹ phòng chống thiên tai ít, không đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ đặt ra  - Chưa có cán bộ sử dụng thuyền máy  - Ban phòng chống cứu hộ cứu nạn chưa được tập huấn và diễn tập  - Chính quyền huy động các phương tiện trong dân để phục vụ ứng cứu chưa kịp thời và gặp nhiều khó khăn  **\*Ý thức kinh nghiệm**  - Một số người dân còn chủ quan, chưa trang bị các phương tiện phòng chống thiên trong hộ gia đình như áo phao, ghe, thuyền | - Là xã nghèo, thu ngân không đạt, huy động nguồn lực trong dân còn hạn chế  - Nhà nước chưa trang cấp  - Phương tiện cứu hộ cứu nạn của Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai của xã không có  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít  - Chính quyền chỉ tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán  - Các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được | **\* Phi công trình:**  - Đào tạo tập huấn kỹ năng sử dụng các phương tiện cứu hộ cứu nạn  - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân có trách nhiệm cộng đồng trong công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn, sơ tán  - Ban Phòng chống thiên tai xã xây dựng kế hoạch, phương án phù hợp với đặt thù của địa phương để ứng phó với thiên tai xảy ra, có kế hoạch huy động các phương tiện tại chỗ để ứng cứu kịp thời khi có thiên tai xảy ra  **\* Công trình:**  - Kêu gọi đầu tư phương tiện ghe, thuyền, áo pháo, phao cứu sinh và các trang thiết bị phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai  - Xây dựng nhà tránh trú an toàn cộng đồng để sơ tán người dân |
| 4 | **Các công trình thủy lợi và hạ tầng xuống cấp, sạt lở** | **\*Vật chất:**  - Hệ thống đê ngăn nước chống ngập lụt phục vụ sản xuất chưa kiên cố (18km)  - Đập chưa kiên cố (04 cái)  - Đường giao thông sỏi, đất, cát (45km)  - Kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa  **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền huy động nguồn vốn của xã hội hóa còn thấp và hạn chế  - Chính quyền và người chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong vào nhà nước  **\*Ý thức kinh nghiệm**  -Ý thức của người dân còn hạn chế không chịu hiến đất để mở rộng các công trình công cộng  - Chính quyền có quy hoạch đất ở cho người dân, thu nguồn vốn để đầu tư công trình hạ tầng nhưng người dân không đồng tình | - Chưa có các tổ chức, dự án đầu tư  - Địa phương sử dụng nguồn vốn của địa phương để tu bổ nâng cấp cơ sở hạ tầng cho địa phương  - Địa phương xã nghèo, nguồn kinh phí khó khăn, chưa đầu từ được các công trình thủy lợi, giao thông  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  - Cát đập chứa nước đất cát, thời gian trữ nước ngắn, bị rò rỉ, lợi nhuận thấp không đầu tư  - Hệ thống đường giao thông quá lớn, nguồn ngân sách ít, chưa có nhà đầu tư  - Do nhận thức của người dân còn hạn chế, mang tính bảo thủ, tính cục bộ | **\* Phi công trình:**  - Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương  - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mỗi người dân về xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi và duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng  - Chính quyền địa phương có quy hoạch xây dựng các công trình thu hồi đất phải phù hợp không làm ảnh hưởng đến đời sống nhân sinh của nhân dân  **\* Công trình:**  - Kêu gọi các nhà đầu tư nguồn vốn của trên để xây dựng các hệ thống kênh mương, đê, đường giao thông |
| 5 | **Nước sinh hoạt nhiễm bẫn** | **\*Vật chất:**  - Chưa có hệ thống cấp nước công cộng  - Nguồn nước nhiễm phèn  - Khi thiên tai xảy ra người dân không đủ nguồn nước sinh hoạt  - Người dân chưa đầu tư các trang thiết bị dự trữ nước  **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa thu hút được  Các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của người dân  - Chính quyền chưa có kế hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước công cộng  **Ý thức kinh nghiệm**  - Người dân còn chủ quan, sử dụng nguồn nước truyền thống, khi mưa lũ xảy ra không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt | - Địa bàn dân cư thưa, địa bàn rộng đầu tư hệ thống cấp thoát nước lớn, hiệu quả lợi nhuận thấp, nên chưa nhà đầu tư xây dựng  - Nhận thức của người dân còn hạn chế, chủ yếu sử dụng nguồn nước truyền thống, khó thay đổi tập quán  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất dự trữ nguồn nước, phục vụ đời sống sinh hoạt khi thiên tai xảy ra | **\* Phi công trình:**  - Chính quyền địa phương có kê hoạch kêu gọi đầu tư và huy động nguồn vốn trong nhân dân để xây dựng hệ thống cấp thoát nước  - Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân thay đổi tập tụ sử dụng nguồn nước truyền thống sang dùng nguồn nước công cộng  **\* Công trình:**  - Kêu gọi nhà đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước công cộng  - Kêu gọi nhà nước hỗ trợ trang thiết bị dự trữ nước sinh hoạt cho người dân |
| 6 | **Năng suất lúa, hoa màu**  **giảm** | **\*Vật chất:**  - Diện tích đất ruộng nằm trong vùng trũng, thấp  - Cơ cấu thời vụ nằm trong mùa mưa bão  - Hệ thống kênh mương chưa kiên cố bằng đất sỏi  - Công cụ sản xuất thô sơ  **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp  **\* Ý thức kinh nghiệm:**  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư sản xuất trên diện tích còn manh mún  - Người dân đang còn thiếu quan tâm trong sản xuất, còn trong chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước | - Do địa hình vùng miền trung, thời tiết phân biệt rõ 2 mùa mưa nắng nên ảnh hưởng đến sản xuất  - Thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai  - Nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập | **\* Phi công trình:**  - Chính quyền có kế hoạch dồn điền đổi thửa, tham gia hợp tác để đầu tư sản xuất phòng chống thiên tai  -  **\* Công trình:**  - Kêu gọi đầu tư hỗ trợ xây dựng các hệ thống kênh mương, đê đập kiên cố  - Đầu tư trang thiết bị máy móc cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp |
| 7 | **Chăn nuôi Gia súc gia cầm trôi, chết** | **\*Vật chất:**  - Chuồng trại quy hoạch ở các khu vực chưa hợp lý, chưa đảm khoảng cách khu dân cư, công tác xử lý khử trùng phân chuồng chưa được đảm bảo (các chuồng trại đa phần ở đầu nguồn nước nên dễ bị lây nhiễm dịch bệnh)  - Đầu tư về trang thiết bị như dụng cụ tiêm phòng dịch bệnh, dụng cụ đựng thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học để diệt khuẩn, tiêu độc khử trùng còn hạn chế, thiếu dụng cụ  - Người dân chăn nuôi chủ yếu theo hình thức thả đàn theo truyền thống chưa áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi  - Các loại thuốc tiêm phòng, khử trùng, tiêu độc khi có dịch bệnh xảy ra còn ít  **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác quản lý của cán bộ thú y xã còn lỏng lẻo trong việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vứt xác gia cầm bừa bải, đặc biệt là nơi có nguồn nước, khu vực công cộng  - Người chăn nuôi giấu dịch bệnh, không thông báo cho cấp trên khi có dịch bệnh xảy ra. Nên việc nắm bắt thông tin để phòng chống dịch bệnh thiếu kịp thời của cán bộ thú ý  - Công tác hỗ trợ vốn vay trong chăn nuôi còn hạn chế  **\*Ý thức kinh nghiệm:**  - Người dân chăn nuôi chưa theo quy hoạch, việc tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm còn hạn chế  - Ý thức của một số người dân chưa cao, chưa hiểu hết tác hại của việc vứt bỏ xác gia cầm bừa bải ở sông, kênh mương, nơi công cộng (không chôn lấp khử trùng) ảnh hưởng đến việc chăn nuôi, ô nhiễm môi trường khu dân cư và cộng đồng | - Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm  - Nền kinh tế của địa phương còn khó khăn nên người dân ít đầu tư trang thiết bị chăn nuôi do chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, chưa đầu tư mô hình tập trung  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc chăn nôi khi thời tiết thay đổi, gia súc gia cầm hay bệnh thương hàn và tiêu chảy | **\* Phi công trình:**  - Tập huấn nâng cao nghiệp vụ thú y cho các hộ chăn nuôi, tiêu độc khử trùng, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường chung  - Tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã về phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng, diễn biến thời tiết, biến đổi khí hậu để có kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm  **\* Công trình:**  - Kê gọi đầu tư và hỗ trợ vốn để xây dựng chuồng trại kiên cố và các mô hình chăn nuôi tập trung đảm bảo theo quy định trong chăn nuôi  - Chính quyền kêu gọi các tổ chức hỗ trợ các nguồn thuốc tiêm phòng, dịch bệnh |
| 8 | **Các chất thải, rác thải gây ô nhiễm môi trường khu dân cư** | **Vật chất:**  - Lượng chất thải rắn người dân vứt ra môi trường nhiều, các bãi rác phía đầu nguồn còn nhiều, công tác thu gom rác thải khó khăn  - Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng lớn chăn nuôi trong khu dân cư, không có hầm xử lý nước thải, công tác vệ sinh chuồng trại thiếu thường xuyên đã đến mùi hôi gây ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư  \***Tổ chức xã hội:**  - Công tác quản lý của cán bộ môi trường thiếu thường xuyên, chưa kịp thời đôn đốc các hộ chăn nuôi và cộng đồng dân cư về môi trường  - Chính quyền chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các điểm tập trung rác thải tạm thời và các trang thiết bị dụng cụ thu gom đảm bảo cho việc thu gom  - Chính quyền địa phương can thiệp, xử phạt các trường hợp vi phạm chưa dứt khoát  - Công tác tuyên truyền, phân loại các loại rác thải trong môi trường cho người dân còn hạn chế  - Chính quyền trong công tác kiểm tra, kiểm soát các loại gia súc gia cầm dịch bệnh, chết chưa kịp thời trong việc hướng dẫn chôn lấp gia súc gia cầm bị chết  **\*Ý thức kinh nghiệm:**  - Việc người dân thu gom và tập kết rác ra bãi không tập kết đúng vị trí, không đúng thời gian quy định  - Việc thực hiện quy định, hương ước, quy ước nông thôn về bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế  - Truyền thống của người dân an táng người chết gần khu dân cư khoảng cách 300m gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước | - Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm  - Nền kinh tế của địa phương còn khó khăn nên người dân ít đầu tư trang thiết bị chăn nuôi do chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, chưa đầu tư mô hình tập trung  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc chăn nôi khi thời tiết thay đổi, gia súc gia cầm hay bệnh thương hàn và tiêu chảy | **\* Phi công trình:**  - Tập huấn nâng cao nghiệp vụ thú y cho các hộ chăn nuôi, tiêu độc khử trùng, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường chung  - Tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã về phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng, diễn biến thời tiết, biến đổi khí hậu để có kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm  **\* Công trình:**  - Kê gọi đầu tư và hỗ trợ vốn để xây dựng chuồng trại kiên cố và các mô hình chăn nuôi tập trung đảm bảo theo quy định trong chăn nuôi  - Chính quyền kêu gọi các tổ chức hỗ trợ các nguồn thuốc tiêm phòng, dịch bệnh |
| 9 | **Hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, hư hỏng** | **\*Vật chất:**  - Không có hệ thống loa truyền thanh công cộng  - Địa bàn dân cư của thôn rộng, dân cư ở phân tán, thông tin thiếu kịp thời  \***Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của quần chúng nhân dân  - Thu nhập bình quân của người dân thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, xã nghèo  **\*Ý thức kinh nghiệm:**  - Người dân chưa tiếp cận được tình hình thiên tai kịp thời  - Người dân còn chủ quan không sơ tán kịp thời khi mưa lũ | - Dân cư thưa, đầu tư kinh phí lớn, địa phương thuộc xã nghèo không đủ ngân sách để đầu tư, nhà nước chưa hỗ trợ  - Xã xa trung tâm nên chưa được nhà nước đầu tư  - Nhà nước đang tập trung đầu tư cho các xã vùng trọng điểm  - Không có hệ thống loa truyền thanh thông tin cho người dân nắm tình hình diễn biến của mưa bão | \***Phi công trình:**  - Nâng cao kỹ năng vận hành sử dụng hệ thống loa truyền thanh cán bộ văn hóa xã  - Tập huấn nâng cao nghiệp vụ phát thanh viên cho cán bộ văn hóa xã  \***Công trình:**  - Kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống loa truyền thanh công cộng |

1. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành/lĩnh vực** | **Các giải pháp đề xuất** | **Địa điểm và đối tượng hưởng lợi** | **Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp** | **Thời gian dự kiến** | | **Nguồn ngân sách dự kiến** |
| **Ngắn hạn *(thời thực hiện dưới 2 năm)*** | **Dài hạn *(thời gian thực hiện trên 2 năm)*** |
| **An toàn với người dân và cộng đồng** | - Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai (PCTT) cho chính quyền và người dân  - Tổ chức diễn tập về công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã và thôn hằng năm  - Nâng cao nhận thức của người dân về PCTT, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương | 13 thôn  Nhóm đối tượng DBTT | - Xây dựng kế hoạch tổ chức diễn tập và tập huấn/tuyên truyền  - Kêu gọi nguồn lực  - Chuẩn bị tài liệu diễn tập/tập huấn, tuyên truyền  - Chuẩn bị địa điểm diễn tập và tập huấn  - Chuẩn bị các phương tiện dụng cụ để thực hiện | x |  | 80% nhà nước, 20 người dân |
| **Hạ tầng cộng đồng** | - Nâng cấp và kiên cố 45km các tuyến đường giao thông nông thôn nội đồng  - Nâng cao nhận thức cho người dân trong việc duy tu, bão dưỡng các công trình cộng đồng | 13 thôn | - Xây dựng phương án nâng cấp và kiên cố  - Kêu gọi nguồn lực  - Thực hiện xây dựng  - Thành lập Ban Giám sát cộng đồng  - Tuyên truyền cho người dân về kiến thức kỹ bảo dưỡng, duy tu công trình công cộng |  | x | 80% nhà nước, 20% người dân |
| **Công trình thủy lợi** | - Nâng cấp và kiên cố 18km kênh mương thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho sản xuất  - Nâng cấp và làm mới 4 đập ngăn mặn và tiêu nước chống úng    - Nâng cao nhận thức cho người dân trong việc duy tu, bão dưỡng các công trình thủy lợi | 13 thôn | - Khảo sát các tuyến kênh mương  - Xây dựng phương án nâng cấp và kiên cố  - Kêu gọi nguồn lực đầu tư  - Thực hiện xây dựng  - Thành lập Ban Giám sát cộng đồng  - Tuyên truyền cho người dân về kiến thức kỹ bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi |  | x | 80% nhà nước, 20% người dân |
| **Nhà ở** | - Xây dựng kiên cố nhà tránh trú an toàn cộng đồng  - Hỗ trợ xây dựng nhà an toàn với bão, ngập lụt cho người dân  - Nâng cao nhận thức cho người dân về chằn chống nhà cửa | 13 thôn  Nhóm đối tượng DBTT, vùng không an toàn, hộ nghèo, nằm vùng trũng, thấp | - Khảo sát địa điểm  - Xây dựng phương án  - Kêu gọi nguồn lực đầu tư  - Thiết kế  - Lựa chọn đối tượng  - Hướng dẫn nhà mẫu  - Thực hiện xây dựng  - Giám sát  - Tập huấn PCTT cho người dân  - Vận động người dân xây nhà an toàn với bão, ngập lụt | x |  | 80% nhà nước, 20% người dân |
| **Nước sạch vệ sinh môi trường** | - Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt cho người dân  - Xây dựng các bễ chứa nước công cộng  - Trang bị thùng chứa nước hộ gia đình  - Nâng cao nhận thức cho người dân về nước sạch-VSMT | 13 thôn | - Khảo sát, xác định hệ thống đường ống đối nối với đường ống chính khu công nghiệp  - Xây dựng kế hoạch triển khai đưa nước về người dân  - Tuyên truyền cho người dân về nước sạch VSMT  - Vận động người dân tham gia đấu nối ống nước |  | **x** | 70% nhà nước, 30% người dân |
| **Y tế và quản lý dịch bệnh** | - Tăng cường công tác xử lý nguồn nước sau bão, ngập lụt  - Dự trữ một số cơ số thuốc xử lý nguồn nước trong và sau khi thiên tai  - Nâng cao nhận thức cho người dân về sức khỏe-VSMT | 13 thôn | - Xây dựng kế hoạch kinh phí phí để hỗ trợ công tác xử lý nguồn nước  - Triển khai thực hiện các đơn vị thôn  - Thực hiện và giám sát của Mặt trận đoàn thể nhân dân |  | x | 70% nhà nước, 30% người dân |
| **Giáo dục** | - Chính quyền tăng cường công tác chỉ đạo công tác phòng chống thiên tai cho các trường trên địa bàn  - Tập huấn nâng cao kỹ năng công tác PCTT, sơ cấp cứu cho trẻ em, học sinh | Học sinh tại các trường | - Xây dựng kế hoạch phương án triển khai thực hiện  - Kêu gọi nguồn kinh phí  - Tổ chức các lớp học bơi, an toàn đuối nước cho trẻ em và học sinh các trường  - Lồng ghép chương trình PCTT vào trong trường học  - Giám sát của phụ huynh |  | x | 90% nhà nước, 10% đối ứng  70% nhà nước, 30% người dân |
| **Trồng trọt** | - Chính quyền hỗ trợ chuyển đổi các cây trồng phù hợp với khí hậu của địa phương    - Nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật về trồng trọt cho người dân  - Hỗ trợ các nguồn vốn chính sách ưu đãi với lãi suất thấp cho nhân dân đầu tư chuyển đổi các loại cây trồng phù với địa phương | 9 thôn | - Khảo sát diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng cây ăn quả có năng suất chất lượng cao  - Quy hoạch diện tích trồng tập trung  - Thử nghiệm các giống cây trồng mới  - Tập huấn kỹ thuật  - Vận động người dân chuyển đổi  - Tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm cây trồng mới |  | x | 70% nhà nước, 30% người dân |
| **Chăn nuôi** | - Hỗ trợ chuyển đổi giống vật nuôi theo hướng lai hóa đàn gia súc gia cầm  - Nâng cao kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi  - Mở rộng thị trường tiêu thụ cho gia súc và gia cầm  - Hướng dẫn và chỉ đạo xây dựng chuồng trại theo các điểm tập trung đảm bảo về vệ sinh an toàn các quy định của môi trường | 13 thôn | - Hỗ trợ nguồn vốn vay với lãi suất thấp cho các hộ chăn nuôi  - Nâng cấp chuồng trại  - Tập huấn kỹ thuật  - Hỗ trợ giống  - Vận động người dân chuyển đổi  - Tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm  - Cán bộ thú y và môi trường tăng cường công tác hướng dẫn cho các hộ chăn nuôi đảm bảo về môi trường |  | x | 70% nhà nước, 30% người dân |
| **Thủy sản** | - Nâng cao kiến thức và mở rộng mô hình kỹ thuật nuôi cá  - Khuyến khích hỗ trợ giống và thức ăn chăn nuôi thủy sản  - Xây dựng các hệ thống ao hồ đảm bảo thông thoáng và đảm bảo việc xử lý các nguồn nước nuôi trồng thủy sản | 13 thôn | - Kêu gọi các nhà đầu tư hỗ trợ nguồn kinh phí để xây dựng mô hình  - Tập huấn kỹ thuật nuôi, xử lý nguồn nước và thiết kế ao nuôi  - Tìm kiếm nguồn cung cấp giống có uy tín  - Khảo sát quy hoạch diện tích nuôi cá  - Vận động người dân thiết kế hệ thống xử lý nước thải nuôi nuôi trồng thủy sản  - Thực hiện xây dựng  - Giám sát và quản lý thực hiện đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản |  | x | 80% nhà nước, đối ứng 20% |
| **Buôn bán và ngành nghề dịch vụ khác** | - Có kế hoạch hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm, sản xuất kinh doanh  - Có chính sách mở rộng quy mô các dịch vụ buôn bán thương mại và dịch vụ trên địa bàn | 2 thôn (Xóm Mới, Tương Trợ) | - Khảo sát địa điểm khu vực tập trung chợ  - Xây dựng phương án hỗ trợ vay vốn mở rộng thị trường buôn bán  - Ngân hàng chính sách hỗ trợ vay vốn sản xuất kinh doanh  - Triển khai thực hiện |  | x | 50% nhà nước, đối ứng 50% |
| **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm** | - Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ở vùng thường xuyên ngập lụt cao  - Nâng cấp hệ thống truyền thanh | 13 thôn | - Khảo sát địa điểm  - Xây dựng phương án  - Tìm nguồn kinh phí  - Thiết kế  - Lắp ráp các hệ thống loa  - Hỗ trợ trang thiết bị như loa tay để thông báo khi mất điện |  | **x** | 90% nhà nước, đối ứng 10% |
| **Phòng chống thiên tai và TUBĐKH** | - Nâng cao kiến thức về PCTT và tìm kiến cứu nạn cho lực lượng xung kích  - Nâng cấp các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | 13 thôn | - Tập huấn kỹ thuật PCTT và TKCN  - Tổ chức thường xuyên các đợt diễn tập PCTT  - Trang bị phương tiện PCTT tại xã (thuyền, áo phao, máy phát điện, đồ bảo hộ ) |  | **x** | 90% nhà nước, đối ứng 10% |
| **Lĩnh vực bình đẳng giới** | - Nâng cao nhận thức và kiến thức PCTT, sơ cấp cứu cho phụ nữ  - Tăng cường cơ cấu nữ trong lực lượng xung kích  - Hỗ trợ tạo sinh kế cho phụ nữ trong vùng ngập lụt và bão thường xuyên | 13 thôn | - Tập huấn và tuyên truyền kiến thức và kỹ năng PCTT cho phụ nữ trong xã  - Tổ chức các lớp dạy bơi cho phụ nữ và các trẻ em gái  - Tổ chức các lớp học nghề cho phụ nữ  - Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp |  | x | 70% nhà nước, 30% người dân |

1. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

* Qua tập và đánh giá rủi ro thiên tai biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng đã giúp cho cán bộ chính quyền xã và người dân chuyển biến nhận thức về công tác phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, chính quyền lãnh đạo đánh giá cao về kết quả đánh giá thực trạng tình hình kinh tế xã hội cũng như công tác phòng chống thiên tai của địa phương, giúp chính quyền địa phương thấy được những điểm mạnh và yếu trong công tác phòng chống thiên tai. Qua đánh giá, chính quyền cần bổ sung kế hoạch phòng chống thiên tai phù hợp hơn, kiện toản và củng cố Ban PCTT/TKCN, có chất lượng, hiệu quả và có trách nhiệm để làm tốt hơn trong thời gian đến. Chưa có quy chế hoạt động của Ban PCTT/TKCN, xây dựng quy chế và có phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ sở, công tác truyền thông về công tác phòng chống thiên tai, hoạt động đồng bộ và nhịp nhàng, kịp thời và hiệu quả. Địa bàn xã có một số thôn bị ảnh hưởng ngập lụt và toàn toàn ảnh hưởng bão, các cơ sở hạ tầng, công trình thủy lợi chưa kiên cố, cần lồng ghéo vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương để thực hiện thời gian đến ngắn hạn hay trung hạn đảm bảo phục vụ tốt cho việc ứng phó khi có thiên tai xảy ra

1. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

* Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng trong 8 ngày khá đầy đủ chi tiết liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề của địa phương, trên cơ sở đó chính quyền sẽ xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai của địa phương và cán bộ đã tham gia các hoạt động tập huấn và đánh giá sẽ làm tốt trong thời gian đến một cách hiệu quả hơn, những vấn đề rủi ro thiên tai của địa phương, đề nghị cấp trên quan tâm xem xét và có hỗ trợ cho chính quyền và người dân xã Hưng Thủy trong thời gian đến như : xây nhà an toàn đối với bão, ngập lụt cho người dân, nhà tránh trú cho cộng đồng, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, hệ thống loa truyền thanh để phụ vụ cho công tác thông tin về tình hình diễn biến thời tiết khi có thiên tai xảy ra, nâng cao nhận thức cho cán bộ chính quyền và người dân về công tác phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**

**TM UBND Xã**

**(đã ký)**

# **Phụ lục**

## **Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Số điện thoại** |
| 1 | **Đinh Viết Thư** | P.CT UBND xã | 0905859427 |
| 2 | **Nguyễn Thị Hồng** | CT. Hội PN | 0948256625 |
| 3 | **Đinh Tử Hoan** | Trưởng Công an xã | 0971989129 |
| 4 | **Võ Thị Hồng** | Cán bộ VHXH | 0911548969 |
| 5 | **Nguyễn Thành Thế** | Xã Đội Trưởng | 01664597794 |
| 6 | **Võ Phước Diễn** | Bí thư Đoàn xã | 0935707599 |
| 7 | **Đinh Như Nhân** | Cán bộ CSXH | 01205251589 |
| 8 | **Phan Quang Đăng** | Địa chính-MT | 0889695222 |
| 9 | **Nguyễn Thành Diện** | VP UBND xã | 0906009856 |
| 10 | **Nguyễn Hữu Nước** | Chủ tịch Hội Nông dân | 0914815112 |

## **Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**

**Lịch sử thiên tai**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm/ Tháng** | **Thiên tai** | **Đặc điểm/xu hướng TT** | **Khu vực thiệt hại** | **Thiệt hại** | **Tại sao** | **Đã làm gì để ứng phó** |
| 10/  2010, 11/  2013, 11/  2017  4-9  hàng năm  12-1 hàng năm | **Bão, ngập lụt**  **lụt**  **Hạn hán**  **Rét đậm, rét hại** | Sức gió mạnh cấp 12-13, giật cấp 14-15  Ngập sâu 1-2 m, thời gian ngập 5-7 ngày, nước lên nhanh, mưa lớn kéo dài liên tục nhiều ngày | Toàn xã | **\*ATCĐ:**  - Có 8 người bị thương (3 nữ)  - Khoảng 350 nhà bị thiệt hại  - Trường học bị tốc mái, sập la phong: 7  - Trạm y tế bị ngập lụt  - 1400m đường giao thông bị sạt lở hư hỏng  - Điện: dây điện đứt 800m và ngã đổ 8 trụ điện  - Kênh mương nội đồng sạt lở hư hỏng 2km  - Cống giao thông sạt lở và hư hỏng 4 cái  - Một số cụm loa phát thanh hư hỏng, không sử dụng được để thông báo tình hình diễn biến thời tiết, biến đổi khí hậu cho người dân | **VC:**  - Nhà thiếu kiên cố, đơn sơ  - Nhà ở trong vùng thấp trũng, ngập lụt  - Nhà ờ vùng đồi, san gió  - Nhà bán, thiếu kiên cố và nhà đơn sơ nhiều  - Thiếu phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn  - Thiếu tủ thuốc hộ gia đình  - Hệ thống loa truyền thanh chưa phủ sóng toàn xã  - Những hộ nghèo, đơn thân, thiếu nhận lực, vật lực  - Xã nghèo, có địa hình một số thôn nằm vùng trũng, thấp, mật độ dân cư thưa  - Chưa được cấp phát trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, xã có tỷ lệ thôn mằn vùng thấp trũng ít và nhiều thôn nằm đồi cao  - Thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn: ghe, thuyền; trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, đèn pin để ứng cứu khi thiên tai xảy ra  - Chưa có nhà tránh trú an toàn cộng đồng  - Hệ thống đê ngăn nước chống ngập lụt phục vụ sản xuất chưa kiên cố (18km)  - Đập chưa kiên cố (04 cái)  - Đường giao thông sỏi, đất, cát (45km)  - Kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa  **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa hình xã rộng, phân bố dân cư thưa, kinh phí phủ sóng hệ thống truyền thanh lớn, xã không có điều kiện kinh phí thực hiện  - Trong chỉ đạo có lúc còn nễ nang, thiếu kiên quyết  - Chính quyền chưa xây dựng kế hoạch tập huấn, nâng cao năng lực cho Ban PCTT của xã trình cấp trên  - Công tác tuyên truyền cho người dân trong việc di dời chưa kịp thời  - Phạm vi ảnh hưởng thiên tai cục bộ, chỉ đạo chưa sâu sát từng địa bàn  - Công tác cập nhật thông tin thiên tai tuyên truyền cho người dân chưa kịp thời đến người dân  - Chính quyền chỉ đạo công tác PCTT cho người dân chưa kịp thời  - Các chương trình của nhà nước hỗ cho kinh phí hộ dân làm nhà  còn thấp, không đáp ứng xây nhà kiên cố  - Những hộ khó khăn chưa được hỗ trợ kinh phí làm nhà theo chương trình  - Tiêu chí lựa chọn để xét hộ hỗ trợ làm nhà cao, khó thực hiện  - Điều kiện kinh tế địa phương xã nghèo, hộ nghèo, thời tiết khắc nghiệt, chưa có ngành tạo thu nhập  - Hệ thống truyền thanh thiếu, người ở thưa thớt  - Chế độ chính sách dành cho người nghèo còn hạn chế  - Những hộ nghèo không có đất để làm nhà  - Kinh phí hỗ trợ làm nhà thấp, kỹ thuật làm nhà yêu cầu cao  - Các tổ chức xã hội và cộng đồng chưa chung tay hỗ trợ cho những hộ nghèo  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít  - Chính quyền chỉ tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán  - Các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được  - Chính quyền huy động nguồn vốn của xã hội hóa còn thấp và hạn chế  - Chính quyền và người chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong vào nhà nước  - Chưa có các tổ chức, dự án đầu tư  - Địa phương sử dụng nguồn vốn của địa phương để tu bổ nâng cấp cơ sở hạ tầng cho địa phương  - Địa phương xã nghèo, nguồn kinh phí khó khăn, chưa đầu từ được các công trình thủy lợi, giao thông  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  - Cát đập chứa nước đất cát, thời gian trữ nước ngắn, bị rò rỉ, lợi nhuận thấp không đầu tư  - Hệ thống đường giao thông quá lớn, nguồn ngân sách ít, chưa có nhà đầu tư  **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa  - Người dân lo giữ tài sản không chịu di dời, sơ tán  - Người dân thiếu kiến thức PCTT/BĐKH  - Chưa có kỹ năng bơi lội  -Ý thức của người dân còn hạn chế không chịu hiến đất để mở rộng các công trình công cộng  - Do nhận thức của người dân còn hạn chế, mang tính bảo thủ, tính cục bộ | - Có chương trình của Chính phủ hỗ trợ nhà ở chính sách cho 03 hộ  - Có 09 nhà được vay vốn từ ngân hàng chính sách (15 triệu đồng/hộ) từ nguồn vốn ưu đãi, lãi 5%/năm  - Có lực lựợng Công an, Quân sự xã, hỗ trợ giúp đỡ người già, bệnh hiểm nghèo di dời, sơ tán  - Chính quyền thông báo tình hình diễn biến trước và sau thiên tai cho người dân  - Chính quyền có quy hoạch đất ở cho người dân, thu nguồn vốn để đầu tư công trình hạ tầng nhưng người dân không đồng tình  - Người dân dựa vào kinh nghiệm hàng năm bão lũ xảy ra, có 30% người dân biết bơi  - Năm 2014 đã thay và làm mới 39 2014, có 4km dây điện, 01 trạm biến áp xây dựng kiên cố 2014, 1km đường quốc lộ1, 01 cầu quốc lộ 1A kiên cố, 2 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017  - Dự án RE 2 đầu tư kiên cố hóa cột điện và dây điện đảm bảo an toàn do Chi nhánh Điện lực Lệ Thủy làm chủ đầu tư  - Khả năng khắc phục của điện lực sau sự cố thiên tai nhanh  - Định kỳ đơn vị quản lý điện phát quang đường dây  - Chính quyền huy động người dân tham gia tu sửa đường, phát quang cây cối vào mùa mưa  - Trước mùa thiên tai người dân tham gia tu sửa đoạn đường từ đường chính vào làng  - Có nguồn kinh phí từ cấp bù thủy lợi phí nhà nước cấp để phục vụ cho các công trình kênh mương phục vụ tưới tiêu  - Ban nông nghiệp xã xây dựng thời vụ hợp lý với thời tiết để tận dụng nguồn nước tưới tiêu  - Các đoàn thể thường xuyên tổ chức làm thủy lợi, nạo vét kênh mương  - Chính quyền tích cực kiểm tra tu sửa hệ thống kênh mương qua hằng năm |
| **\*SXKD:**  - 104 ha rừng bị trốc gốc, ngã đổ  - 190ha ruộng lúa bị ngập úng, mất trắng  - 3 ha cây ăn quả bị ngã, đổ, trốc gốc  - 35 ao hồ nuôi trồng thủy sản cuốn trôi vá mất trắng  - 14 cơ sở chế biến công nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp hàng hóa ướt, hư hỏng, giảm năng suất và thu nhập thấp  - Có 31.000 con gia cầm và 300 con gia súc chết, mất trắng  **-** Số lượng giống mua chết nhiều lúc nhỏ, cơ sở vật chất chuồng trại chưa đảm bảo khoảng 50 %  - Giống gà người dân tự mua  - Nhà nước không hỗ trợ con giống  - Hạn hán: 5h rừng thiệt hại, 1 ha cây ăn quả thiếu nước chết khô, năng suất giảm, 2 ao nuôi tôm nước bị nhiễm, tôm, cá chết, 500 gia súc, gia cầm chết do dịch bệnh  Rét đậm rét hại: 3 ha cây ăn quả chậm phát triển, chết, 2.500 gia cầm và 14 co gia súc chết do lạnh  Ướt tổng thiệt hại 4 tỷ đồng | **VC:**  - Diện tích đất ruộng nằm trong vùng trũng, thấp  - Cơ cấu thời vụ nằm trong mùa mưa bão  - Lúa ở vùng ngập lụt trũng thấp,vụ đông xuân lúa gieo cấy ảnh hưởng của rét đậm  - Vụ hè thu bị hạn hán không có nước tưới 03 ha, công cụ sản xuất thô sơ  - Hệ thống kênh mương chưa kiên cố bằng đất sỏi  - Công cụ sản xuất thô sơ  - Do địa hình vùng miền trung, thời tiết phân biệt rõ 2 mùa mưa nắng nên ảnh hưởng đến sản xuất  - Thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai  - Nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  - Chuồng trại quy hoạch ở các khu vực chưa hợp lý, chưa đảm khoảng cách khu dân cư, công tác xử lý khử trùng phân chuồng chưa được đảm bảo (các chuồng trại đa phần ở đầu nguồn nước nên dễ bị lây nhiễm dịch bệnh)  - Đầu tư về trang thiết bị như dụng cụ tiêm phòng dịch bệnh, dụng cụ đựng thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học để diệt khuẩn, tiêu độc khử trùng còn hạn chế, thiếu dụng cụ  - Địa bàn dân cư vùng thấp, trũng, chưa có hệ thống tiêu úng, ao hồ tạm dễ bị sạt lở khi mưa lớn xảy ra  - Dịch bệnh xảy ra trên thủy sản chưa có hướng xử lý, khắc phục  - Các loại thuốc tiêm phòng, khử trùng, tiêu độc khi có dịch bệnh xảy ra còn ít  - Diện tích rừng vùng cao dễ bị ảnh hưởng bão làm cây đổ gãy, mua khô hạn cháy rừng, chưa có các biển cảnh báo cháy rừng  - Hệ thống các quán tạm bợ chưa được kiên cố, sắp xếp bố trí chưa được khoa học nằm trên địa bàn vùng trũng, thấp  **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp  - Công tác quản lý của cán bộ thú y xã còn lỏng lẻo trong việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vứt xác gia cầm bừa bải, đặc biệt là nơi có nguồn nước, khu vực công cộng  - Người chăn nuôi giấu dịch bệnh, không thông báo cho cấp trên khi có dịch bệnh xảy ra. Nên việc nắm bắt thông tin để phòng chống dịch bệnh thiếu kịp thời của cán bộ thú ý  - Công tác hỗ trợ vốn vay trong chăn nuôi còn hạn chế  - Chưa có đơn vị đứng ra bảo đảm sản phẩm đầu từ rừng  - Chính quyền chưa có quy hoạch trồng và phát triển rừng người dân chủ yếu trồng rừng tự phát,  - Chính quyền chưa có biện pháp tổ chức tuyên truyền phòng chống cháy rừng cho người dân, chưa có quy hoạch phát triển trồng rừng, đa số là người dân trồng rừng tự phát  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Không có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn để hỗ cho người dân trong sản xuất  - Không có phương tiện ứng cứu khi lũ tiễu mãn  - Chuồng trại quy hoạch ở các khu vực chưa hợp lý, chưa đảm khoảng cách khu dân cư, công tác xử lý khử trùng phân chuồng chưa được đảm bảo (các chuồng trại đa phần ở đầu nguồn nước nên dễ bị lây nhiễm dịch bệnh)  - Chưa áp dụng KHKT trong việc chăn nuôi  - Nguồn vốn vay hỗ trợ từ ngân hàng chính sách cho người dân thấp và lãi suất cao, thời hạn trả nhanh  - 100% hộ chăn nuôi đều vay vốn ngân hàng, thế chấp giấy chứng nhận  - Giá cả thị trường mất ổn định, không có đầu ra, bị thương lái ép giá dẫn đến lỗ, thiệt hại kinh tế cho người dân  - Dịch bện xảy ra trên đàn gia súc gia cầm  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi  **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư sản xuất trên diện tích còn manh mún  - Người dân đang còn thiếu quan tâm trong sản xuất, còn trong chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước  - Người dân chăn nuôi chưa theo quy hoạch, việc tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm còn hạn chế  - Ý thức của một số người dân chưa cao, chưa hiểu hết tác hại của việc vứt bỏ xác gia cầm bừa bải ở sông, kênh mương, nơi công cộng (không chôn lấp khử trùng) ảnh hưởng đến việc chăn nuôi, ô nhiễm môi trường khu dân cư và cộng đồng  Người dân chưa có kinh nghiệm trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng  - Ý thức người dân chưa cao trong việc tiêm phòng cho đàn trâu, bò gây lở mồm long móng  - Có 10% hộ dân chưa có cách xử lý vệ sinh môi trường, chuồng trại gây ảnh hưởng đến dịch kịnh bệnh  - Người dân chăn nuôi chủ yếu theo hình thức thả đàn theo truyền thống chưa áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi | - Được nhà nước hỗ trợ cho người dân vay vốn để trồng và phát triển rừng  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tổ chức cho người dân tập huấn phòng chống cháy rừng  - Chính quyền cấp trên có hỗ trợ cây giống cho người dân  - Một số người dân có ý thức trong việc phòng chống cháy rừng  - Nhà nước có chương trình hỗ trợ vốn vay cho người dân trồng rừng. Chính quyền có hỗ trợ cho những hộ bị thiệt hại do thiên tai, 5 triệu đồng/ha/hộ  - Phòng nông nghiệp cung cấp giống cây cho người dân  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tập huấn cho người dân phòng chống cháy rừng  - Cán bộ nông nghiệp và khuyến nông giúp đỡ nhân dân trong lịch thời vụ  - Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho người dân về hoạt động trồng lúa  - Chuyển đổi từ trồng lúa 2 vụ sang 1 vụ và để tái sinh  - Bón tro chống rét cho lúa  - Cơ cấu cây trồng theo từng vùng  - Khuyến nông và đoàn thể thôn được tập huấn và có kinh nghiệm trong việc phòng chóng thiên tai(tập huấn SRI)  - UBND huyện hổ trợ giống chết do rét, tổ chức diệt chuột đồng loạt khi chuột phá hoại, xây dựng lịch thời vụ cơ cấu cây trồng cho từng vùng  - Các trang trại và người dân có ý thức tiêm phòng cho các đàn gia súc ga cầm.  - Các hộ dân vay vốn tại ngân hàng chính sách huyện để phục vụ chăn nuôi.  - Ban thú y, ban nông nghiệp hằng năm xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm  - Một số hộ dân đã nhận thức tốt và chú trọng đến công tác phòng chống dịch bệnh.  - Số lao động nam và nữ lao động trong chăn nuôi cân bằng và có vai trò như nhau  - Giống và thức ăn do đại lý Hiến Lựu cung cấp tận nhà, giống đã được tiêm phòng  - Đại lý đầu từ nguồn vốn, giống và thức ăn đến khi xuất bán mới trả tiền  - UBND xã phối hợp phòng Nông nông nghiệp tập huấn khoa học kỹ thuật cho các trang trại nuôi gà tập trung và nhỏ lẻ  - Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để phục vụ chăn nuôi  - Ban thú y, Ban nông nghiệp hàng năm xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm 2 đợt/năm |
| **\*VSMT:**  **-** Nước sạch: khoảng 350 hộ gia đình bị vỡ ống nước sạch không có nguồn nước sạch để dùng, thiếu nước sạch khi có thiên tai, biến đổi khí hậu xảy ra  - Nhà vệ sinh: 200 hộ bị tốc mai, hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường xung quanh khu dân cư  - Môi trường: cây ngã đổ che chắn đường đi gây ách tắc giao thông đi lại khó khăn cho người dân  - Dịch bệnh: 90 hộ gia đình bị đỏ mắt, 160 hộ bị tiêu chảy, bệnh ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết | **VC:**  - Lượng chất thải rắn người dân vứt ra môi trường nhiều, các bãi rác phía đầu nguồn còn nhiều, công tác thu gom rác thải khó khăn  - Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng lớn chăn nuôi trong khu dân cư, không có hầm xử lý nước thải, công tác vệ sinh chuồng trại thiếu thường xuyên đã đến mùi hôi gây ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư  - Chưa có hệ thống cấp nước công cộng  - Nguồn nước nhiễm phèn  - Khi thiên tai xảy ra người dân không đủ nguồn nước sinh hoạt  - Người dân chưa đầu tư các trang thiết bị dự trữ nước  - Nguy cơ thiếu nước vào mùa hạn và mưa bão, nguồn nước giếng khoan đào bị nhiễm phèn, mùa lũ nước bị ô nhiễm  - Chăn nuôi trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường, 30% hộ chưa có nhà vệ sinh tự hoại  **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác quản lý của cán bộ môi trường thiếu thường xuyên, chưa kịp thời đôn đốc các hộ chăn nuôi và cộng đồng dân cư về môi trường  - Chính quyền chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các điểm tập trung rác thải tạm thời và các trang thiết bị dụng cụ thu gom đảm bảo cho việc thu gom  - Chính quyền địa phương can thiệp, xử phạt các trường hợp vi phạm chưa dứt khoát  - Công tác tuyên truyền, phân loại các loại rác thải trong môi trường cho người dân còn hạn chế  - Chính quyền trong công tác kiểm tra, kiểm soát các loại gia súc gia cầm dịch bệnh, chết chưa kịp thời trong việc hướng dẫn chôn lấp gia súc gia cầm bị chết  - Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm  - Nền kinh tế của địa phương còn khó khăn nên người dân ít đầu tư trang thiết bị chăn nuôi do chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, chưa đầu tư mô hình tập trung  - Chính quyền chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của người dân  - Chính quyền chưa có kế hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước công cộng  - Chính quyền chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng  **-** Chính quyền chưa có biện pháp hỗ trợ di dời chăn nuôi ra khỏi khu dân cư  - Chưa có cơ quan tổ chức cấp nước sạch khi thiên tai người dân thiếu nước  - Mùa thiên tai không thể thu gom rác thải thường xuyên  - Việc khử trùng tiêu độc chưa thường  **\*Ý thức kinh nghiệm:**  - Việc người dân thu gom và tập kết rác ra bãi không tập kết đúng vị trí, không đúng thời gian quy định  - Việc thực hiện quy định, hương ước, quy ước nông thôn về bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế  - Truyền thống của người dân an táng người chết gần khu dân cư khoảng cách 300m gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc chăn nôi khi thời tiết thay đổi, gia súc gia cầm hay bệnh thương hàn và tiêu chảy  - Người dân còn chủ quan, sử dụng nguồn nước truyền thống, khi mưa lũ xảy ra không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt  **-** Người dân ở vùng ngập lụt chưa có biện pháp dự trữ nước sạch, không có tổ chức cấp phát nước sạch, miễn phí khi mùa mưa bão xảy ra | - Có dự án hỗ trợ chương trình Biogas cho 3 hộ trên địa bàn thôn  - Trạm y tế hỗ trợ thuốc khử phèn cho người dân xử lý nguồn nước sau thiên tai xảy ra và có phun thuốc tiêu độc  - Đa số người dân dự trữ nguồn nước tự chảy tại bể trong hộ gia đình vào mùa mưa lũ để sử dụng  - Nguồn nước tự chạy đã được Sở tài nguyên Môi trường kiểm nghiệm  - Có đội thu gom rác thải có 40 người nữ, và điểm tập trung rác thải  - Ban phòng chống thiên tai chì đạo các cơ quan Y tế, mặt trận khu dân cư tổ chức đồng loạt vệ sinh môi trường sau thiên tai  - Ngân hàng chính sách cho vay vốn để các hộ làm công trình nước sạch-vệ sinh môi trường 12 triệu đồng/hộ  - Đa số người dân chủ động dự trữ nguồn nước trước mùa mưa bão, có kinh nghiệm xử lý nguồn nước bị nhiễm bẩn khi thiên tai xảy ra |

**BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ HƯNG THỦY**

**( Thôn : Phù Thiết 1+2, Hòa Đông, Đoàn Kết, Phù Lưu, Làng Mới, Tương Trợ, Thắng Lợi, Nội Mai, Xóm Mới, Phù Thị, Tây Giáp, Đấu Tranh )**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thiên Tai** | **Xu hướng** | **Tình trạng dễ bị tổn thương** | **Năng lực phòng, chống thiên tai** | **Rủi ro** |
| **Bão, ngập lụt**  ( 10/  2010, 11/  2013, 11/  2017) | Sức gió mạnh cấp 12-13, giật cấp 14 | **ATCĐ:**  **VC:**  - Nhà thiếu kiên cố, đơn sơ  - Nhà ở trong vùng thấp trũng, ngập lụt  - Nhà ờ vùng đồi, san gió  - Nhà bán, thiếu kiên cố và nhà đơn sơ nhiều  - Thiếu phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn  - Thiếu tủ thuốc hộ gia đình  - Hệ thống loa truyền thanh chưa phủ sóng toàn xã  - Những hộ nghèo, đơn thân, thiếu nhận lực, vật lực  - Xã nghèo, có địa hình một số thôn nằm vùng trũng, thấp, mật độ dân cư thưa  - Chưa được cấp phát trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, xã có tỷ lệ thôn mằn vùng thấp trũng ít và nhiều thôn nằm đồi cao  - Thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn: ghe, thuyền; trang thiết bị: áo phao, phao cứu sinh, đèn pin để ứng cứu khi thiên tai xảy ra  - Chưa có nhà tránh trú an toàn cộng đồng  - Hệ thống đê ngăn nước chống ngập lụt phục vụ sản xuất chưa kiên cố (18km)  - Đập chưa kiên cố (04 cái)  - Đường giao thông sỏi, đất, cát (45km)  - Kênh mương thủy lợi toàn bộ tạm, chưa được bê tông hóa  **\*Tổ chức xã hội:**  - Địa hình xã rộng, phân bố dân cư thưa, kinh phí phủ sóng hệ thống truyền thanh lớn, xã không có điều kiện kinh phí thực hiện  - Trong chỉ đạo có lúc còn nễ nang, thiếu kiên quyết  - Chính quyền chưa xây dựng kế hoạch tập huấn, nâng cao năng lực cho Ban PCTT của xã trình cấp trên  - Công tác tuyên truyền cho người dân trong việc di dời chưa kịp thời  - Phạm vi ảnh hưởng thiên tai cục bộ, chỉ đạo chưa sâu sát từng địa bàn  - Công tác cập nhật thông tin thiên tai tuyên truyền cho người dân chưa kịp thời đến người dân  - Chính quyền chỉ đạo công tác PCTT cho người dân chưa kịp thời  - Các chương trình của nhà nước hỗ cho kinh phí hộ dân làm nhà  còn thấp, không đáp ứng xây nhà kiên cố  - Những hộ khó khăn chưa được hỗ trợ kinh phí làm nhà theo chương trình  - Tiêu chí lựa chọn để xét hộ hỗ trợ làm nhà cao, khó thực hiện  - Điều kiện kinh tế địa phương xã nghèo, hộ nghèo, thời tiết khắc nghiệt, chưa có ngành tạo thu nhập  - Hệ thống truyền thanh thiếu, người ở thưa thớt  - Chế độ chính sách dành cho người nghèo còn hạn chế  - Những hộ nghèo không có đất để làm nhà  - Kinh phí hỗ trợ làm nhà thấp, kỹ thuật làm nhà yêu cầu cao  - Các tổ chức xã hội và cộng đồng chưa chung tay hỗ trợ cho những hộ nghèo  - Phương tiện phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai của người dân còn ít  - Chính quyền chỉ tận dụng các nhà dân kiên cố, an toàn để sơ tán  - Các nhà văn hóa thôn nhà bán kiên cố, không thể cho người dân trú ẩn được  - Chính quyền huy động nguồn vốn của xã hội hóa còn thấp và hạn chế  - Chính quyền và người chưa phát huy được nội lực trong cộng đồng, đang trong vào nhà nước  - Chưa có các tổ chức, dự án đầu tư  - Địa phương sử dụng nguồn vốn của địa phương để tu bổ nâng cấp cơ sở hạ tầng cho địa phương  - Địa phương xã nghèo, nguồn kinh phí khó khăn, chưa đầu từ được các công trình thủy lợi, giao thông  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  - Cát đập chứa nước đất cát, thời gian trữ nước ngắn, bị rò rỉ, lợi nhuận thấp không đầu tư  - Hệ thống đường giao thông quá lớn, nguồn ngân sách ít, chưa có nhà đầu tư  **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Đa số người dân còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa  - Người dân lo giữ tài sản không chịu di dời, sơ tán  - Người dân thiếu kiến thức PCTT/BĐKH  - Chưa có kỹ năng bơi lội  - Ý thức của người dân còn hạn chế không chịu hiến đất để mở rộng các công trình công cộng  - Do nhận thức của người dân còn hạn chế, mang tính bảo thủ, tính cục bộ | - Có chương trình của Chính phủ hỗ trợ nhà ở chính sách cho 03 hộ  - Có 09 nhà được vay vốn từ ngân hàng chính sách (15 triệu đồng/hộ) từ nguồn vốn ưu đãi, lãi 5%/năm  - Có lực lựợng Công an, Quân sự xã, hỗ trợ giúp đỡ người già, bệnh hiểm nghèo di dời, sơ tán  - Chính quyền thông báo tình hình diễn biến trước và sau thiên tai cho người dân  - Chính quyền có quy hoạch đất ở cho người dân, thu nguồn vốn để đầu tư công trình hạ tầng nhưng người dân không đồng tình  - Người dân dựa vào kinh nghiệm hàng năm bão lũ xảy ra, có 30% người dân biết bơi  - Năm 2014 đã thay và làm mới 39 2014, có 4km dây điện, 01 trạm biến áp xây dựng kiên cố 2014, 1km đường quốc lộ1, 01 cầu quốc lộ 1A kiên cố, 2 cống giao thông kiên cố xây dựng 2017  - Dự án RE 2 đầu tư kiên cố hóa cột điện và dây điện đảm bảo an toàn do Chi nhánh Điện lực Lệ Thủy làm chủ đầu tư  - Khả năng khắc phục của điện lực sau sự cố thiên tai nhanh  - Định kỳ đơn vị quản lý điện phát quang đường dây  - Chính quyền huy động người dân tham gia tu sửa đường, phát quang cây cối vào mùa mưa  - Trước mùa thiên tai người dân tham gia tu sửa đoạn đường từ đường chính vào làng  - Có nguồn kinh phí từ cấp bù thủy lợi phí nhà nước cấp để phục vụ cho các công trình kênh mương phục vụ tưới tiêu  - Ban nông nghiệp xã xây dựng thời vụ hợp lý với thời tiết để tận dụng nguồn nước tưới tiêu  - Các đoàn thể thường xuyên tổ chức làm thủy lợi, nạo vét kênh mương  - Chính quyền tích cực kiểm tra tu sửa hệ thống kênh mương qua hằng năm | - Nguy cơ đuối nước khi có thiên tai, biến đổi khí hậu xảy ra  - Thiệt hại về nhà ở  - Trang thiết bị và phương tiện cứu hộ cứu nạn phòng chống thiên tai chưa đảm bảo  - Công trình thủy lợi và hạ tầng công cộng xuống cấp, sạt lở  - Hệ thông loa truyền thanh xuống cấp, hư hỏng |
|  | **SXKD:**  **VC:**  - Diện tích đất ruộng nằm trong vùng trũng, thấp  - Cơ cấu thời vụ nằm trong mùa mưa bão  - Lúa ở vùng ngập lụt trũng thấp,vụ đông xuân lúa gieo cấy ảnh hưởng của rét đậm  - Vụ hè thu bị hạn hán không có nước tưới 03 ha, công cụ sản xuất thô sơ  - Hệ thống kênh mương chưa kiên cố bằng đất sỏi  - Công cụ sản xuất thô sơ  - Do địa hình vùng miền trung, thời tiết phân biệt rõ 2 mùa mưa nắng nên ảnh hưởng đến sản xuất  - Thời tiết khắc nghiệt, các hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tư còn thấp nên không đáp ứng cho công tác phòng chống thiên tai  - Nguồn vốn đầu tư cho các hệ thống mương máng, đê, đập chưa đáp ứng để phòng chống thiên tai  - Đồng ruộng diện tích ít, năng suất thấp nên không đầu tư hệ thống kênh mương đê đập  - Chuồng trại quy hoạch ở các khu vực chưa hợp lý, chưa đảm khoảng cách khu dân cư, công tác xử lý khử trùng phân chuồng chưa được đảm bảo (các chuồng trại đa phần ở đầu nguồn nước nên dễ bị lây nhiễm dịch bệnh)  - Đầu tư về trang thiết bị như dụng cụ tiêm phòng dịch bệnh, dụng cụ đựng thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học để diệt khuẩn, tiêu độc khử trùng còn hạn chế, thiếu dụng cụ  - Địa bàn dân cư vùng thấp, trũng, chưa có hệ thống tiêu úng, ao hồ tạm dễ bị sạt lở khi mưa lớn xảy ra  - Dịch bệnh xảy ra trên thủy sản chưa có hướng xử lý, khắc phục  - Các loại thuốc tiêm phòng, khử trùng, tiêu độc khi có dịch bệnh xảy ra còn ít  - Diện tích rừng vùng cao dễ bị ảnh hưởng bão làm cây đổ gãy, mua khô hạn cháy rừng, chưa có các biển cảnh báo cháy rừng  - Hệ thống các quán tạm bợ chưa được kiên cố, sắp xếp bố trí chưa được khoa học nằm trên địa bàn vùng trũng, thấp  **\*Tổ chức xã hội:**  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp  - Công tác quản lý của cán bộ thú y xã còn lỏng lẻo trong việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vứt xác gia cầm bừa bải, đặc biệt là nơi có nguồn nước, khu vực công cộng  - Người chăn nuôi giấu dịch bệnh, không thông báo cho cấp trên khi có dịch bệnh xảy ra. Nên việc nắm bắt thông tin để phòng chống dịch bệnh thiếu kịp thời của cán bộ thú ý  - Công tác hỗ trợ vốn vay trong chăn nuôi còn hạn chế  - Chưa có đơn vị đứng ra bảo đảm sản phẩm đầu từ rừng  - Chính quyền chưa có quy hoạch trồng và phát triển rừng người dân chủ yếu trồng rừng tự phát,  - Chính quyền chưa có biện pháp tổ chức tuyên truyền phòng chống cháy rừng cho người dân, chưa có quy hoạch phát triển trồng rừng, đa số là người dân trồng rừng tự phát  - Chính quyền chưa chỉ đạo được dồn điền đổi thửa hoặc huy động hợp tác để sản xuất trên diện tích lớn  - Không có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn để hỗ cho người dân trong sản xuất  - Không có phương tiện ứng cứu khi lũ tiễu mãn  - Chuồng trại quy hoạch ở các khu vực chưa hợp lý, chưa đảm khoảng cách khu dân cư, công tác xử lý khử trùng phân chuồng chưa được đảm bảo (các chuồng trại đa phần ở đầu nguồn nước nên dễ bị lây nhiễm dịch bệnh)  - Chưa áp dụng KHKT trong việc chăn nuôi  - Nguồn vốn vay hỗ trợ từ ngân hàng chính sách cho người dân thấp và lãi suất cao, thời hạn trả nhanh  - 100% hộ chăn nuôi đều vay vốn ngân hàng, thế chấp giấy chứng nhận  - Giá cả thị trường mất ổn định, không có đầu ra, bị thương lái ép giá dẫn đến lỗ, thiệt hại kinh tế cho người dân  - Dịch bện xảy ra trên đàn gia súc gia cầm  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi  **\*Nhận thức, kinh nghiệm:**  - Người dân chưa thực sự quan tâm đầu tư sản xuất trên diện tích còn manh mún  - Người dân đang còn thiếu quan tâm trong sản xuất, còn trong chờ ỷ lại sự hỗ trợ của nhà nước  - Người dân chăn nuôi chưa theo quy hoạch, việc tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm còn hạn chế  - Ý thức của một số người dân chưa cao, chưa hiểu hết tác hại của việc vứt bỏ xác gia cầm bừa bải ở sông, kênh mương, nơi công cộng (không chôn lấp khử trùng) ảnh hưởng đến việc chăn nuôi, ô nhiễm môi trường khu dân cư và cộng đồng  Người dân chưa có kinh nghiệm trong trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng  - Ý thức người dân chưa cao trong việc tiêm phòng cho đàn trâu, bò gây lở mồm long móng  - Có 10% hộ dân chưa có cách xử lý vệ sinh môi trường, chuồng trại gây ảnh hưởng đến dịch kịnh bệnh  - Người dân chăn nuôi chủ yếu theo hình thức thả đàn theo truyền thống chưa áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi | - Được nhà nước hỗ trợ cho người dân vay vốn để trồng và phát triển rừng  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tổ chức cho người dân tập huấn phòng chống cháy rừng  - Chính quyền cấp trên có hỗ trợ cây giống cho người dân  - Một số người dân có ý thức trong việc phòng chống cháy rừng  - Nhà nước có chương trình hỗ trợ vốn vay cho người dân trồng rừng. Chính quyền có hỗ trợ cho những hộ bị thiệt hại do thiên tai, 5 triệu đồng/ha/hộ  - Phòng nông nghiệp cung cấp giống cây cho người dân  - UBND xã có kế hoạch hàng năm tập huấn cho người dân phòng chống cháy rừng  - Cán bộ nông nghiệp và khuyến nông giúp đỡ nhân dân trong lịch thời vụ  - Nhà nước hỗ trợ tiền thủy lợi phí cho người dân về hoạt động trồng lúa  - Chuyển đổi từ trồng lúa 2 vụ sang 1 vụ và để tái sinh  - Bón tro chống rét cho lúa  - Cơ cấu cây trồng theo từng vùng  - Khuyến nông và đoàn thể thôn được tập huấn và có kinh nghiệm trong việc phòng chóng thiên tai(tập huấn SRI)  - UBND huyện hổ trợ giống chết do rét, tổ chức diệt chuột đồng loạt khi chuột phá hoại, xây dựng lịch thời vụ cơ cấu cây trồng cho từng vùng  - Các trang trại và người dân có ý thức tiêm phòng cho các đàn gia súc ga cầm.  - Các hộ dân vay vốn tại ngân hàng chính sách huyện để phục vụ chăn nuôi.  - Ban thú y, ban nông nghiệp hằng năm xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm  - Một số hộ dân đã nhận thức tốt và chú trọng đến công tác phòng chống dịch bệnh.  - Số lao động nam và nữ lao động trong chăn nuôi cân bằng và có vai trò như nhau  - Giống và thức ăn do đại lý Hiến Lựu cung cấp tận nhà, giống đã được tiêm phòng  - Đại lý đầu từ nguồn vốn, giống và thức ăn đến khi xuất bán mới trả tiền  - UBND xã phối hợp phòng Nông nông nghiệp tập huấn khoa học kỹ thuật cho các trang trại nuôi gà tập trung và nhỏ lẻ  - Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn để phục vụ chăn nuôi  - Ban thú y, Ban nông nghiệp hàng năm xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm 2 đợt/năm | - Chăn nuôi gia súc gia cầm trôi, chết  - Năng suất lúa và hoa màu giảm |
|  | **VSMT:**  **VC:**  - Lượng chất thải rắn người dân vứt ra môi trường nhiều, các bãi rác phía đầu nguồn còn nhiều, công tác thu gom rác thải khó khăn  - Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với số lượng lớn chăn nuôi trong khu dân cư, không có hầm xử lý nước thải, công tác vệ sinh chuồng trại thiếu thường xuyên đã đến mùi hôi gây ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư  - Chưa có hệ thống cấp nước công cộng  - Nguồn nước nhiễm phèn  - Khi thiên tai xảy ra người dân không đủ nguồn nước sinh hoạt  - Người dân chưa đầu tư các trang thiết bị dự trữ nước  - Nguy cơ thiếu nước vào mùa hạn và mưa bão, nguồn nước giếng khoan đào bị nhiễm phèn, mùa lũ nước bị ô nhiễm  - Chăn nuôi trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường, 30% hộ chưa có nhà vệ sinh tự hoại  **\*Tổ chức xã hội:**  - Công tác quản lý của cán bộ môi trường thiếu thường xuyên, chưa kịp thời đôn đốc các hộ chăn nuôi và cộng đồng dân cư về môi trường  - Chính quyền chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các điểm tập trung rác thải tạm thời và các trang thiết bị dụng cụ thu gom đảm bảo cho việc thu gom  - Chính quyền địa phương can thiệp, xử phạt các trường hợp vi phạm chưa dứt khoát  - Công tác tuyên truyền, phân loại các loại rác thải trong môi trường cho người dân còn hạn chế  - Chính quyền trong công tác kiểm tra, kiểm soát các loại gia súc gia cầm dịch bệnh, chết chưa kịp thời trong việc hướng dẫn chôn lấp gia súc gia cầm bị chết  - Địa bàn xã có địa hình thấp trũng, chuồng trại chăn nuôi thấp mưa lũ về ngập chuồng trại, cuốn trôi và chết gia súc gia cầm  - Nền kinh tế của địa phương còn khó khăn nên người dân ít đầu tư trang thiết bị chăn nuôi do chăn nuôi truyền thống, nhỏ lẻ, chưa đầu tư mô hình tập trung  - Chính quyền chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng  - Chính quyền chưa huy động được nguồn vốn đầu tư của người dân  - Chính quyền chưa có kế hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước công cộng  - Chính quyền chưa thu hút được các nhà đầu tư về hệ thống cấp thoát nước công cộng  **-** Chính quyền chưa có biện pháp hỗ trợ di dời chăn nuôi ra khỏi khu dân cư  - Chưa có cơ quan tổ chức cấp nước sạch khi thiên tai người dân thiếu nước  - Mùa thiên tai không thể thu gom rác thải thường xuyên  - Việc khử trùng tiêu độc chưa thường  **\*Ý thức kinh nghiệm:**  - Việc người dân thu gom và tập kết rác ra bãi không tập kết đúng vị trí, không đúng thời gian quy định  - Việc thực hiện quy định, hương ước, quy ước nông thôn về bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế  - Truyền thống của người dân an táng người chết gần khu dân cư khoảng cách 300m gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước  - Người dân thiếu kiến thức về tiêm phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm, ít được tập huấn phòng dịch bệnh chăn nuôi  - Người dân chưa có kinh nghiệm trong việc chăn nôi khi thời tiết thay đổi, gia súc gia cầm hay bệnh thương hàn và tiêu chảy  - Người dân còn chủ quan, sử dụng nguồn nước truyền thống, khi mưa lũ xảy ra không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt  **-** Người dân ở vùng ngập lụt chưa có biện pháp dự trữ nước sạch, không có tổ chức cấp phát nước sạch, miễn phí khi mùa mưa bão xảy ra | - Có dự án hỗ trợ chương trình Biogas cho 3 hộ trên địa bàn thôn  - Trạm y tế hỗ trợ thuốc khử phèn cho người dân xử lý nguồn nước sau thiên tai xảy ra và có phun thuốc tiêu độc  - Đa số người dân dự trữ nguồn nước tự chảy tại bể trong hộ gia đình vào mùa mưa lũ để sử dụng  - Nguồn nước tự chạy đã được Sở tài nguyên Môi trường kiểm nghiệm  - Có đội thu gom rác thải có 40 người nữ, và điểm tập trung rác thải  - Ban phòng chống thiên tai chì đạo các cơ quan Y tế, mặt trận khu dân cư tổ chức đồng loạt vệ sinh môi trường sau thiên tai  - Ngân hàng chính sách cho vay vốn để các hộ làm công trình nước sạch-vệ sinh môi trường 12 triệu đồng/hộ  - Đa số người dân chủ động dự trữ nguồn nước trước mùa mưa bão, có kinh nghiệm xử lý nguồn nước bị nhiễm bẩn khi thiên tai xảy ra | - Nước bị nhiễm bẩn  - Các chất thải, rác thải gây ô nhiễm môi trường khu dân cư |

## **Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**

## **D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8451.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8454.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8460.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8462.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8495.JPG**

## **D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\108APPLE\IMG_8499.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8731.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8700.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8657.JPGD:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8709.JPG**

## **D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8655.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8647.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8625.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8621.JPG D:\Dự án UNDP\Tài liệu tập huấn CBDRM_A\GCF Quảng Bình\ToF Xã Hưng Thủy-Lệ Thủy-Quảng Bình 7.9.2018\Ảnh Hưng Thủy\IMG_8615.JPG**

 

1. Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT [↑](#footnote-ref-2)
2. [↑](#footnote-ref-3)
3. [↑](#footnote-ref-4)